# VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

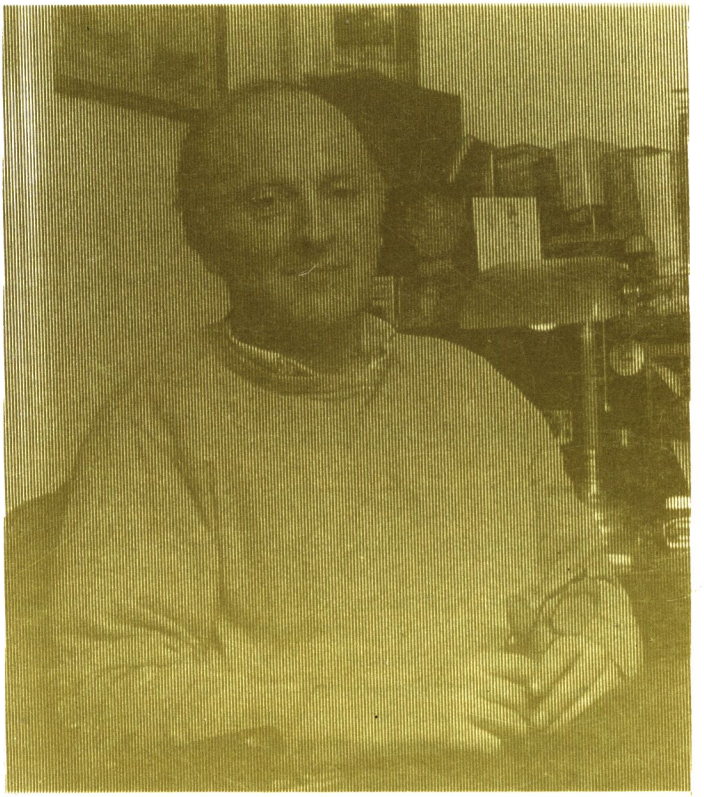

**BRODSKY & NOBEL VĂN CHƯƠNG 1987**

SỐ 23 THÁNG 12 NĂM 1987

# *VĂN HỌC*

## TRONG SỐ NÀY :

**Bùi Bảo Trúc** : *Brodsky, nhà thơ đoạt Nobel văn chương năm 1987, trang 1* * **Ngu Yên** : *Joseph Brodsky, nhà thơ lưu vong tiêu biểu, trang 9* * **Hoàng Dương** : *Lời nguyện đêm Giáng sinh, thơ, trang 18* * **Võ Phiến** : *Mười giờ, tùy bút trang 19* * **Võ Phiến** : *Đêm, thơ trang 27* * **Nguyễn Tất Nhiên** : *Dung khúc, thơ trang 28* * **Tạ Chí Đại Trường** : *Tiền giấy ở Việt Nam vào cuối thế kỷ 14 - nửa đầu thế kỷ 15, trang 29* * **Nguyễn văn Sâm** : *Đọc thư người tình cũ, thơ trang 37* * **Ngô Nguyên Dũng** : *Những vì sao, truyện trang 38* * **Như Chi** : *Chiều, thơ trang 47* * **Hoàng Xuân Sơn** : *Nuôi tóc, thơ trang 48* * **Nguyễn Ý Thuần** : *Số độc đắc, truyện trang 49* * **Nguyễn Mạnh Trinh** : *Rượu tiễn, thơ trang 60* * **Phạm Hiếu** : *Euclid, Lobachevsky và Bùi Vĩnh Phúc...trang 62* * **Trần Trúc Giang** : *Sức đồng hoá trong thế hệ văn chương lưu vong, trang 77* * **Nguyễn thị Ngọc Lan** : *Được mùa yêu, truyện, trang 81* * **Hoàng Liên** : *Ánh sáng và Bóng tối, hồi ký trang 97* * **Mai Kim Ngọc** : *Muôn kiếp cô liêu, truyện dài trích đăng , trang 106* * **Bảo Lâm** : *Đọc "Những Cơn Mưa Trở Về" của Bùi Vĩnh Phúc, trang 117* * **Vũ Huy Quang** : *Đọc "Thép Đen" của Đặng Chí Bình, trang 121* * **Nguyễn Văn** : *Thời sự Văn học Nghệ thuật, trang 126.*

*Hình bìa : NHà thơ JOseph Brodsky chụp ở New York năm 1986*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

***Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác***

***Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết***

*Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về*

*Văn Học*

*10104 Westminster Ave, Garden Grove California, 92 643 USA*

***Phone : (714) 832. 8445***

*Bùi Bảo Trúc*

# *Joseph Brodsky: nhà thơ đoạt Nobel văn chương năm 1987*

*Với một chiếc đầu vô tội, chẳng còn chi*
*ngoài một chiếc rìu chặt cổ*
*và một vòng nguyệt quế xanh mãi ngàn năm...*

Joseph Brodsky đã viết những dòng thơ trên đây trong một bi khúc nhan đề *"Cuối cùng của một thời hoàn mỹ"* nói về những ảo tưởng trong đoạn đời đã qua và những chung cuộc chua xót của những ngày sắp tới. Lúc đó là thời gian ông vừa ra khỏi một trại khổ sai gần Bắc cực sau 18 tháng trời bị tù về tội "ăn bám xã hội". Bản án đã được một toà án Liên sô tuyên đọc trong một phiên toà với những đối thoại mà sau đó, biên bản của buổi xử đã được chuyển lén sang Tây phương, trong đó có đoạn sau :

*Quan toà : Bị cáo làm nghề gì ?*
*Brodsky : Thông dịch viên và thi sĩ.*
*Quan toà : Ai đã công nhận bị cáo là thi sĩ ? Ai đã cho bị cáo đứng vào hàng ngũ các thi sĩ ?*
*Brodsky : Không ai cả. Tôi xin hỏi lại là có ai xếp tôi vào hàng ngũ con người không ?*
*Quan toà : Bị cáo có học ở một trường nào để trở thành người như vậy không ?*
*Brodsky : Cái gì ?*
*Quan toà : Học để trở thành thi sĩ ? Bị cáo đã chẳng phải đi học ở trường để trở thành người trong xã hội sao ?*
*Brodsky : Tôi không nghĩ đó là chuyện phải đi học ở trường.*
*Quan toà : Sao vậy ?*
*Brodsky : Tôi cho việc tôi trở thành thi sĩ là một quyết định của Thượng đế.*

Brodsky, trong phiên toà năm 1964, bị tuyên án 18 tháng tù về tội "ăn bám xã hội, vô lại, lưu manh và vô luân". Năm 1969, ra khỏi tù, ông nhất định không bỏ rơi ngòi bút để làm theo những mệnh

lệnh của Nhà nước. Ông có nghĩa vụ phải theo đuổi nghiệp văn, như trong một bài ông viết :

*...Tôi được nuôi trong cái giá lạnh , nên*
*để cho bàn tay được ấm, tôi phải*
*lấy những ngón tay mình ôm lấy cây bút...*

Và người thi sĩ ấy, hệt như câu thơ mang đầy chất tiên tri dẫn ở đầu bài, đã được đời trao cho nhành nguyệt quế. "Xin trao thi sĩ vòng hoa tặng / Chúng ta đã thắng giữa cuộc đời" ( Thanh Tâm Tuyền ). Ở tuổi 47, ông là một trong những người trẻ nhất được trao tặng giải Nobel ( trước đây, Albert Camus được coi là trẻ nhất khi được giải Nobel văn chương năm 1957, lúc đó Camus 44 tuổi ). Joseph Brodsky là nhà văn Liên sô chống đối Nhà nước đầu tiên được trao tặng giải văn chương quốc tế vinh dự nhất này kể từ khi Alexander Solzhenitsyn được trao giải năm 1970.

Tuy được thả, nhưng Brodsky vẫn bị nhà cầm quyền Liên sô hồi ấy tiếp tục đàn áp. Ông bị cấm xuất bản tác phẩm của mình, và không được phép xuất ngoại. Ông trở lại Leningrad năm 1969 sau khi ra khỏi tù. Nhưng đàn áp vẫn tiếp tục giáng xuống đầu thi sĩ. Đời sống của ông ở ngoài trại khổ sai cũng không khác mấy với thời gian thụ án. Nhà cầm quyền bắt đầu tìm cách hạ uy tín của ông, và trong những lời chỉ trích nhắm vào Brodsky, người ta bắt đầu nghe thấy phảng phất giọng bài bác gốc Do thái của ông.

Năm 1971, Brodsky bị "mời" di cư sang Do thái. Mặc dù là gốc Do thái, nhưng Brodsky không theo đạo Do thái. Ông cũng chẳng bao giờ coi Jerusalem là quê hương tinh thần cả. Brodsky thường nói ông là người Do thái nếu xét về phương diện huyết thống, nhưng ông không hề được giáo dục như những người gốc Do thái. Ông cũng không theo đạo Thiên Chúa hay Tin Lành. Ông hay nói : "Tôi là một người Do thái tồi. Một người Nga tệ. Một người cái gì cũng xấu xa". Khi Bộ Nội vụ Liên sô hỏi vì sao ông không muốn di cư sang Do thái- lúc đó Nhà nước muốn tống khứ ông đi cho khuất mắt- thì Brodsky tuyên bố ông không muốn đi khỏi nước Nga. Nhà nước nói với ông là nếu ông còn chút ít gì quan tâm đến mạng sống của mình thì ông nên ra đi.

Ngày 4 tháng 6 năm 1972, Brodsky được cấp một chiếu khán xuất cảnh, và được Nhà nước trả lại một tập bản thảo, sau đó được đưa lên một chuyến máy bay sang Áo. Brodsky được phép mang theo một chiếc máy đánh chữ, một tập thơ của John Donne và một chai Vodka. Chiếc máy chữ bị nhân viên an ninh phi trường tháo rời từng mảnh trước khi được mang lên máy bay. Brodsky thỉnh thoảng chua chát, ngán ngẩm nói đó là cách chào từ biệt của Nhà nước.

Tại phi trường Vienne, ông được Carl Proffer, cố sáng lập viên của nhà xuất bản Ardis và cũng là giáo sư môn Nga văn tại đại học Michigan ra đón. Ông Proffer thu xếp để Brodsky gặp W.H.

Auden, một nhà thơ ông rất mến mộ. Brodsky được Auden mời tới sống tại một ngôi nhà của ông gần đó. Mấy tháng sau, Brodsky lại được mời sang Ann Arbor và trở thành poet-in-residence của đại học Michigan. Năm sau, nhà Harper & Row cho ấn hành một thi tuyển của Brodsky do George L. Kline dịch từ Nga văn sang Anh văn. Auden viết phần giới thiệu cho tập thi tuyển này, trong đó Auden ngợi ca Brodsky là một nghệ sĩ "với một khả năng phi thường để nhìn những vật tầm thường và biến những vật này thành những biểu tượng kỳ bí, những sứ giả của thế giới vô hình".

Về những cuốn sách được in bằng ngoại ngữ của ông, Brodsky nói rằng đối với một nhà văn, không được ấn hành tác phẩm của mình bằng tiếng mẹ đẻ là một điều tàn mạt nhất đời. Nhưng ông cũng thú nhận rằng ông rất yêu tiếng Anh, ngôn ngữ mà ông đã tự học từ lúc còn ở trong nước. Tiếng Anh giúp ông đọc được Robert Frost và John Donne sau khi ông bỏ học năm 15 tuổi.

Khoảng thời gian sau đó, Brodsky tiếp tục tự học thêm tiếng Anh trong những lúc rảnh rỗi, và tập dịch John Donne sang tiếng Nga, học tiếng Ba lan để dịch thơ Czeslaw Milosz, và qua mối duyên kỳ ngộ đó, chính Milosz, một nhà thơ từng được giải Nobel văn chương , đã đề nghị giải năm nay cho Brodsky. Brodsky phụ dịch một số thơ của ông sang Anh ngữ trong các tập *Thi Tuyển ( Selected Poems )*, và *Từ Loại ( Parts of Speech )*. Một số khác ông dịch lấy, và một số ông viết thẳng bằng tiếng Anh. Tập văn xuôi xuất bản năm 1987 đã được viết bằng tiếng Anh, và được rất nhiều nhà phê bình văn học coi là một tác phẩm xuất sắc viết bằng Anh ngữ. Brodsky đã trở thành một trong những nhà văn mà tiếng Anh đối với họ chỉ là ngôn ngữ mới học, nhưng đã góp nhiều công trong việc làm giàu cho ngôn ngữ mới học đó được có thêm ý nghĩa và nhạc điệu. Hai nhà văn nổi tiếng khác là Joseph Conrad gốc Ba lan và Vladimir Nabokov gốc Nga.

Joseph Brodsky sinh ngày 24 tháng 5 năm 1940 trong một gia đình trung lưu gốc Do thái tại Leningrad . Cha ông bị buộc phải giải ngũ vì lúc đó những người gốc Do thái không bao giờ được cho giữ những chức vụ chỉ huy đáng kể trong quân lực. Gia đình ông sống lần hồi bằng lợi tức của thân mẫu ông. Ba người sống trong một apartment của công xã, căn apartment này ông đã mô tả chi tiết như lối viết của Marcel Proust trong một tùy bút nhan đề *"Trong Một Căn Phòng Rưỡi"*.

Ở trường, trong những năm thơ ấu, Brodsky rất mê văn chương và rất ghét chính trị. Những buổi sáng ngồi trong lớp, ông tìm đủ mọi cách để lẩn tránh đôi mắt nhìn của Lenin trong những bức chân dung treo khắp nơi trong trường, in ở mọi cuốn sách, trên những tem thư và tiền bạc. Cậu nhỏ Joseph chán ghét Lenin chưa chắc đã vì cái ý thức hệ mà ông chủ xướng. Brodsky bực mình vì chính những hình ảnh lạnh lùng, không cảm xúc của

Lenin. Ông viết " Nào là hình ảnh Lenin khi còn nhỏ trông như thiên thần, tóc vàng óng quăn tít. Rồi lại có hình Lenin lúc chạc 20 tuổi, lúc 30 tuổi, hói đầu, đứng cứng nhắc với nét nét mặt không mang một ý nghĩa gì cả, khiến người ta có thể lầm với một thứ cảm xúc khác, nhưng thường lại được diễn nghĩa thành một khuôn mặt đăm chiêu, đang theo đuổi những ý nghĩ sâu xa lắm. Khuôn mặt đó đã ám ảnh mọi người dân Nga và làm cho người ta có cảm tưởng là khuôn mặt người bình thường phải mang những nét như thế. Khuôn mặt đó hoàn toàn không có bất cứ một chút cá tính nào hết". Brodsky viết tiếp rằng cố gắng gạt bỏ những hình ảnh này ra khỏi tâm trí ông đã trở thành một nỗ lực đầu tiên để tách mình ra khỏi cái xã hội đó.

Một buổi sáng mùa đông, lúc Brodsky khoảng chừng 15 tuổi, ông quyết định không đi học nữa. Ông không thể tiếp tục ngồi nghe những bài giảng bằng một giọng đều đều buồn nản dưới ánh mắt nhìn của Lenin nữa. Brodsky bước ra khỏi lớp học, và không bao giờ trở lại. Trong một bài tùy bút ông viết :

*"Ngày xửa ngày xưa có một chú bé con. Chú sống trong một nước bất công nhất trong thế giới này. Nước ấy bị cai trị bởi những sinh vật mà dưới cái nhìn của con người, phải được coi là những kẻ suy đồi nhất. Nhưng điều đó đã chẳng bao giờ xảy ra...*

*Tảng sáng, khi trời vẫn còn đầy tinh tú, chú bé trở dậy, sau khi uống một ly trà, ăn một quả trứng, trong tiếng bản tin phát thanh loan báo một kỷ lục mới đạt được trong nhà máy luyện thép, tiếp theo là một ban hợp ca lục quân ca một bài ca ngợi lãnh tụ, người có những bức chân dung treo trên tường của căn phòng ngủ còn ấm của chú, thì chú bé chạy dọc theo đường đê phủ dày tuyết để đến trường.*

*Đó là một căn phòng lớn với ba dẫy bàn học, một bức chân dung lãnh tụ treo trên bức tường sau chiếc ghế của thầy giáo, một tấm bản đồ với hai bán cầu, một bán cầu thì hợp pháp. Chú bé ngồi xuống ghế, mở cặp sách ra, đặt bút và vở xuống bàn, và sửa soạn nghe những lời vớ vẩn, vô nghĩa lý".*

Brodsky bỏ học ở trường, nhưng ông bắt đầu một nền học vấn khác : học văn chương. Ông đọc các tác phẩm cổ điển của Nga, của văn chương Anh Mỹ như Dostoievsky, Platanov, Frost và Auden, những tác giả ông mến chuộng. Và Brodsky cũng bắt đầu đi làm.

Brodsky làm đủ mọi nghề khác nhau, lúc lao động trong nhà máy, lúc theo thương thuyền trên biển cả. Ông bắt đầu làm thơ, có được một ít thơ đăng báo. Những bài thơ đầu tay này của ông đã được Anna Akhmatova, một khuôn mặt lớn của thi ca Liên sô trong thế kỷ 20 khen ngợi. Chính Anna Akhmatova về sau đã phát động một phong trào vận động trả tự do cho Brodsky hồi năm 1965, tức là vài năm trước khi bà qua đời.

Khi mới ngoài 20 tuổi, thơ của Brodsky đã được giới văn học đương thời coi là một tiếng thơ có những nét đặc sắc không một nhà thơ khác nào có. Thơ ông luôn luôn cho thấy rõ một điều, đó là cách sử dụng nhịp điệu một cách kỳ diệu của ông, cũng như âm thanh trong thơ. Một số phê bình gia coi thơ của Brodsky như những tác phẩm âm nhạc. Ông là một thiên tài về kỹ thuật. Nhưng những tình cảm, những rung động trong thơ ông lại rất cá nhân, đồng thời lại vượt khỏi những biên giới hằng ngày của đời sống ở Liên sô. Điều này làm một số độc giả của ông ở Liên sô không vui lắm. Họ vẫn muốn ông ngợi ca Pushkin nhiều hơn Robert Frost một chút, viết về đất Nga nhiều hơn Cap Cod một chút. Và ngay từ lúc đầu, chính trị của ông vẫn là thứ chính trị của một bộ óc nhàn tản. Nhưng nhạc trong thơ ông thì chính là của ông.

Lev Loseff, một giáo sư văn chương dạy ở trường Dartmouth và là người biết rõ Brodsky từ thời thơ ấu. Loseff kể về thành phố St. Petersburg nơi hai người lớn lên và mô tả trước thời Stalin, thành phố đó vẫn được coi là một trung tâm sinh hoạt của đối lập, của văn học nghệ thuật. Nhưng đến thời Stalin, thì thành phố này không còn có được một đời sống văn hoá đáng kể. Thế rồi bỗng xuất hiện một người, người đó là Brodsky, một người như đã may mắn thoát khỏi những nét buồn thảm của chủ nghĩa hiện thực trong văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Người trẻ tuổi Brodsky này xuất hiện như một sự tái sinh của truyền thống thi ca thanh lịch quí phái của Pushkin. Và bỗng nhiên, theo Loseff, thi ca đã tái sinh với Brodsky.

Nhưng cũng khoảng thời gian ấy, một tờ báo ở Leningrad viết một bài đả kích Brodsky thậm tệ, gọi nhà thơ 23 tuổi này là một thứ "ký sinh của xã hội", tác giả của những thứ thi ca tục tĩu, dâm ô, chống Liên sô, đang làm ô nhiễm tinh thần của giới trẻ. Cơ quan mật vụ bắt đầu chú ý tới Brodsky, và tới năm 1964, hồ sơ của ông bắt đầu khá dầy. Brodsky nói rằng khi một người được KGB lưu ý mà lại còn viết lách chút đỉnh, thì hồ sơ người ấy sẽ dầy rất nhanh. Đến lúc hồ sơ của người này trở nên dầy quá, không thể chứa trong tủ đựng hồ sơ nữa, thì mật vụ sẽ quyết định bắt giữ người đó.

Và Brodsky bị bắt.

Ra toà, Brodsky bị quan toà, một phụ nữ tên là Salelena tuyên một bản án 5 năm khổ sai tại một nông trại quốc doanh gần Arkhangelsk ở Bạch hải. Lý do vì sao ông bị khép vào tội "ký sinh ăn bám xã hội" thì không ai rõ. Nhưng người ta tin rằng những người trong Hội Nhà văn lúc đó không muốn dính tới nhà văn độc lập và có tài này.

Ở trại, ban ngày Brodsky đập đá, bổ củi, xúc phân, buổi tối ông đọc thơ Anh Mỹ trong một cuốn thi tuyển của Louis Untermeyer. Ông cố mường tượng những người như Frost, như Auden, như

Hardy sống như thế nào. Để tập luyện trau giồi thêm ngôn ngữ, Brodsky thường đọc đoạn đầu, đoạn cuối của một bài thơ, rồi tưởng tượng xem đoạn giữa những nhà thơ này viết gì. Ông coi thời gian sống ở nông trại này là thời gian khá hứng thú. Ông được sống một mình, thảnh thơi với ý nghĩ riêng của ông. Sau một ít lâu, ông được đổi đi tới làm việc tại một ngôi làng. Ông rất thích khoảng thời gian này. Ông làm thứ công việc của một người đi làm công cho các nông trại. Ông thấy ông sống hệt như nhân vật trong một bài thơ của Robert Frost viết về đời sống trong những trang trại ở miền Tân Anh Cát Lợi.

Sau 18 tháng, Brodsky được thả trước những áp lực ở cả trong lẫn ngoài nước. Lúc ấy là năm 1969. Năm 1972, Brodsky rời Liên sô, vĩnh viễn. Ít ra ông cũng nghĩ như thế vào lúc đó. Brodsky bỏ lại đằng sau một đứa con trai, bạn bè, độc giả, và thành phố Leningrad mà ông vẫn mến yêu. Brodsky viết một bức thư cho lãnh tụ Liên sô lúc đó là Leonid Brezhnev. Bức thư có đoạn như sau :

*"...Gửi Leonid Ilich... Ngôn ngữ là một thứ xưa và không thể không có được ở một mức độ lớn hơn Nhà nước rất nhiều. Tôi thuộc về tiếng nói của nước Nga. Còn đối với Nhà nước, thì mức độ yêu nước của một nhà văn, theo tôi, không phải là những lời thề bởi khi đứng trên những đài cao, mà là cách thế nhà văn đó viết bằng ngôn ngữ của những người mà ông ta sống cùng. Mặc dù tôi bị tước đoạt quốc tịch và quyền của một công dân sô viết, tôi không bao giờ ngưng là một nhà thơ Nga. Tôi tin chắc tôi sẽ trở về. Thi sĩ luôn luôn trở về nước của mình, nếu không bằng xương thịt, thì cũng trên giấy mực."*

Vào lúc này, Brodsky đã trở về nước Nga của ông, trên giấy tờ như ông đã viết. Việc trở về thăm nhà là một hy vọng ông đã bỏ từ lâu. Khi cha mẹ ông bị bệnh tật, đau yếu, ông xin phép về thăm, nhà nước quyết định không cho phép. Nay thì cả hai đã qua đời. Brodsky vẫn còn nhiều bạn bè ở Leningrad, nhưng ông không muốn trở về Liên sô nữa. Ông nói ông không còn một chút tin tưởng gì vào nước Nga nữa, tuy ông vẫn viết bằng tiếng Nga, và yêu mến nước Nga.

Theo ông, một quốc gia chính là những người dân sống ở đó. Mà ông là một người Nga. Ông coi đó cũng đã đủ cho ông. Ông nhắc lại chuyện Thomas Mann khi từ Đức tới California và được hỏi về văn chương Đức, Thomas Mann nói rằng "Tôi ở đâu thì văn chương Đức ở đó". Brodsky nói rằng lời tuyên bố đó tuy có đại ngôn, nhưng nếu một người Đức nói được như thế, thì ông nghĩ ông cũng có quyền nói một câu tương tự.

Hàn Lâm Viện Thụy điển, khi lựa chọn Brodsky để trao tặng giải Nobel Văn chương năm 1987, đã không làm việc đó với chủ đích nhấn nhủ gì với nhà cầm quyền Liên sô, nơi tác phẩm của

Brodsky vẫn còn bị cấm lưu hành. Giáo sư Sture Allen, thư ký thường trực của Hàn Lâm Viện Thụy điển tuyên bố ông không biết giới lãnh đạo chính trị ở Liên sô sẽ nghĩ gì về quyết định của Ủy ban giải Nobel, nhưng ông nói thêm rằng "Những gì họ nghĩ là những điều chúng tôi không bao giờ bận tâm tìm hiểu". Giáo sư Allen nói tiếp : "Họ có thể cau mày bực bội như trong trường hợp Solzhenitsyn và Pasternak trước đây, nhưng nếu họ có thái độ đó thì là một điều đáng tiếc, vì Brodsky là một nhà văn rất có tài, ra đời, lớn lên và khởi nghiệp cầm bút ở ngay tại Liên sô".

Việc lựa chọn Brodsky đã nhận được những phản ứng thuận lợi. Bà Susan Amert, giáo sư văn chương Nga tại Đại học Yale coi Brodsky là nhà thơ vĩ đại nhất của Nga hiện nay. Susan Sontag, một nhà văn đồng thời là một cây bút phê bình văn học thì cho rằng luôn luôn có một vài nhà văn, nhà thơ, ở một thời điểm nào đó, sẽ trở thành một phần của nền văn học, và Brodsky là một nhà văn ở cỡ đó.

Tại Stockholm, theo truyền thống đã có từ 86 năm nay, đúng 1 giờ chiều ngày thứ năm 22.10.87, giáo sư Allen bước vào phòng hội đông nghẹt người, tựa lưng vào cửa, khuôn mặt hơi run lên vì xúc động, ông đọc tên của Joseph Brodsky và tuyên bố Brodsky là người được trao tặng giải Nobel văn chương năm 1987.

Trong phần tiểu sử phân phát cho báo chí, thơ của Brodsky được mô tả là *"một tặng phẩm thiêng liêng"* với *"cường độ sáng ngời của ngôn ngữ"* mà ông sử dụng, nhất là lối dùng Anh ngữ và những thành ngữ của tiếng Anh trong tập thơ xuất bản năm 1986 nhan đề *"Lịch Sử Thế Kỷ Thứ Hai Mươi"*.

Tập thơ vừa kể và một tập tùy bút khác cũng viết bằng tiếng Anh đã đưa tới quyết định chọn Brodsky để trao giải Nobel của Hàn Lâm Viện Thụy điển. Nhưng chính thơ đã là bộ môn khiến ông nổi tiếng. Tập thơ xuất bản năm 1976 lần đầu tiên tại Tây phương đã được viết bằng tiếng Nga và được chính tác giả và một số bạn hữu dịch sang Anh ngữ. Brodsky nói ông không hề muốn chỉ viết toàn bằng tiếng Anh. Ông cho biết ông viết bằng Anh ngữ vì ông yêu tiếng Anh, nhưng ông vẫn tiếp tục sáng tác bằng Nga ngữ.

Tin ông được trao giải Nobel đã được chuyển cho Brodsky khi ông ngồi ăn trong một tiệm cơm Tầu ở Luân Đôn với John Le Carré, một nhà văn người Anh. Joseph Brodsky tuyên bố: "Tôi có hai niềm kiêu hãnh. Tôi vừa kiêu hãnh là một người Nga, lại vừa có kiêu hãnh là một công dân Mỹ".

Nhưng trong một ý nghĩa nào đó, Brodsky vẫn chưa bao giờ rời nước Nga. Tiếng Nga đã nhào nặn tư tưởng của ông, và đất nước Nga vẫn lóng lánh trong những bài thơ ông viết. Phần thưởng mà ông nhận được sẽ chẳng thể nào bù đắp được những mất mát mà ông đã phải chịu khi bị buộc phải rời Liên sô, và xa

tiếng Nga của ông. Brodsky nói rằng cái đem lại cho nhà thơ những điều để viết xuống chính là ngôn ngữ của ông ta. Nhà văn, theo ông, là một công cụ của ngôn ngữ chứ không thể ngược lại.

Trong một ru khúc viết cho Cap Cod, Brodsky cảnh cáo tất cả tất cả chúng ta đều có thể trở thành những người sống lưu vong, khi ông viết :

*Sau khi đã nếm thử hai đại dương cũng như hai lục địa, tôi cảm thấy tôi biết chính những gì địa cầu cảm thấy: không còn một nơi nào khác để đi tới nữa.*

*Lullaby of Cap Cod*

Trong cuộc sống lưu vong đó, Brodsky đã tìm được danh vọng, và hơn hết , tìm Tự Do cho ông. Tự do, theo Brodsky trong tập *Từ Loại* là :

*Tự do,*
*là khi bạn quên cách đánh vần tên của bạo chúa*
*và khi nước bọt trong miệng ngọt hơn chiếc bánh*
*và mặc dù óc đã bị vắt khô như cặp sừng dê*
*sẽ không còn gì chảy ra từ con mắt xanh nhạt của bạn nữa.*

Chắc Brodsky đã quên tên của Brezhnev viết như thế nào. Nhà lãnh tụ độc tài, người đã đuổi Brodsky ra khỏi nước Nga không cho ông trở về, đã chết. Trong một bài tùy bút viết về chế độ độc tài năm 1980, Brodsky viết : *"Bệnh tật và chết chóc, có lẽ là những cái duy nhất mà một bạo chúa có cùng với người dân của hắn ta. Chỉ trong ý nghĩa này, thì một quốc gia sẽ may mắn khi được cai trị bởi một lãnh tụ già nua... Tất cả những sự yên ấm trong nước hay trên quốc tế đều trực tiếp cân xứng với con số những bệnh tật đang làm khổ ông Tổng bí thư Đảng hay ông Tổng thống mãn đời của họ..."*

Joseph Brodsky tuyên bố khi được tin về giải Nobel rằng ông là một sự kết hợp kỳ diệu nhất : một thi sĩ Nga, một nhà viết tùy bút Ăng lê và một công dân Mỹ. Brodsky hiện đang sống tại New York, ông vẫn tiếp tục dạy học và sáng tác. Tin mới nhất cho hay tờ Novy Mir, một tờ báo văn học ở Liên sô, đang liên lạc với ông để cho in một số thơ của ông.

***Bùi Bảo Trúc***

*Viết theo tài liệu của Time, Newsweek, New York Times và Washington Post.*

*Ngu Yên*

# *Joseph Brodsky, nhà thơ lưu vong tiêu biểu !*

*(Thi sĩ đoạt giải Nobel văn chương năm 1987)*

Người này nói : "Thi ca và chính trị đều là sản phẩm của con người và đều dùng phục vụ cho con người, tất có chỗ tương đồng."

Người kia nói : "Thơ đến từ con tim, từ cảm xúc một cách bất ngờ, không dự tính trước. Chính trị đến từ trí óc, từ suy tư luận lý được chuẩn bị, kế hoạch theo thứ tự thời gian. Giữa thơ và chính trị tất có điểm dị biệt."

Joseph Brodsky nói, "Giữa *thơ* và *chính trị* chỉ có những điểm chung nhau là hai chữ P và O". *(PO*ETRY & *PO*LITICS) (1).

Người này phê bình : "Một người Nga lưu vong, một thi sĩ đã từng bị lao tù dưới chế độ cộng sản, tất phải ý thức rõ rệt thảm họa diệt vong. Đáng lẽ phải xử dụng ngòi bút để chống lại bạo quyền. Sao lại nói một câu phi tranh đấu như vậy."

Người kia phê bình : "Thơ là tiếng nói của tâm cảm, cái gì làm cho lòng rung động, cái đó là vấn đề, là đối tượng của thơ. Mục đích của thơ và chính trị đều để làm cho cuộc đời đẹp hơn, làm cho sự sống của con người có ý nghĩa hơn, nhưng mỗi bên đi mỗi con đường khác nhau."

Joseph Brodsky nói : "Những gì tôi hành xử cũng như mọi người khác, đời sống sẽ tận cùng. Riêng thơ của tôi, hy vọng sẽ sống cùng nhân loại "

*Nhôn nhao trong đáy học bàn*
*Thơ ta chẳng chịu ngủ ngàn giấc im*
*Vì trong thơ có trái tim*
*Vì trong thơ có hồn thiêng sống đời.*
*Nếu chôn thơ để chết lời*
*Quả là bất hạnh cho người.*
*Từ nay*
*Thôi, ta và thơ chia tay*

*Để thơ đi đến xum vầy thế nhân*
*Riêng ta về cuối đường trần*
*Đến nơi thiên hạ âm thầm dừng chân. (2)*

Người phê bình thứ ba nói : "Ngày nay chẳng còn ai bận tâm thảo luận con gà có trước cái trứng hoặc cái trứng có trước con gà. Nếu có cái trứng lộn thường sẽ nở ra gà. Nếu có con gà mái thường sẽ đẻ ra trứng. Để tôi hầu quý vị một câu chuyện của người và rắn.

## CÂU CHUYỆN ĐÁNH RẮN.

Nghe tin có con rắn độc bò vào làng, toàn thể dân trong làng rủ nhau đi đánh rắn. Họ chia làm nhiều nhóm khác nhau. Có nhóm sử dụng cây roi, đòn gánh. Có nhóm dùng dao, rựa. Có nhóm trang bị bao, giỏ. Có nhóm lượm sẵn đá. Với một lực lượng hùng hậu như vậy, tưởng con rắn sẽ tan xương, nát thịt. Có điều kỳ lạ nhưng bình thường là khi họ đến nơi rắn ở, họ xoay ra bất đồng ý kiến với nhau. Có nhóm muốn chọi đá vào đầu rắn. Có nhóm muốn đập rắn gãy lưng. Có nhóm muốn chặt đứt đuôi. Có nhóm muốn bắt rắn bỏ bao đi dìm nước. Họ cãi vả, gây sự, làm mất lòng nhau. Nhóm nào cũng tranh phương pháp chống rắn của họ hay hơn. Hoặc nhân đạo hơn? Hợp pháp hơn? Hữu lý hơn? Câu chuyện chẳng bao giờ có một kết luận.

Người ra nói : Hai người đàn bà ở cùng xóm, ra ngõ cãi nhau thường bỏ nồi cơm trong bếp cháy khê. Hai người đàn ông cùng giành một cô gái đẹp, thường thường cô sẽ lấy người thứ ba.

Cả làng bận cãi nhau, con rắn sẽ có cơ hội trốn thoát. Tệ hơn nữa, ham cãi nhau kém đề phòng, không chừng con rắn sẽ cắn vài người chết oan. Lẽ ra ai muốn chống thế nào thì chống nhưng đồng tâm đánh rắn thì nó sẽ chết hoặc ít ra cũng thương tích trầm trọng. Hợp sức lại, dù con rắn có trốn ở đâu, các cụ già kinh nghiệm sẽ đoán ra, các trẻ em nhanh nhẹn mắt tinh sẽ tìm thấy, các bà các cô ơi ới truyền tin, các đàn ông, thanh niên vây lấy. Nào là đá chọi vào đầu, cây vào lưng, dao vào đuôi, bao trùm lại nghẹt thở, rắn dù có cánh cũng lâm nguy.

Trong đám người đánh rắn kia, dĩ nhiên cũng có nhiều thi sĩ tham dự. Đương nhiên không thiếu phần của nhà thơ Joseph Brodsky. Ông góp lời:

*Khi tất cả đồng tâm đều kết luận*
*Kẻ giết người đúng là kẻ giết người*
*Và nhân loại chúng ta có trách nhiệm*
*Khí giới lên đường chống quái vật kia...(3)*

## CÂU CHUYỆN NGƯỜI THI SĨ CHỐNG RẮN.

Joseph Brodsky ra đời ngày 24 tháng 5 năm 1940 tại Leningrad. Khác với các đô thị khác, thành phố Leningrad vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Tây phương. Joseph Brodsky

lớn lên trong giai đoạn giao tiếp giữa hai nền văn chương: truyền thống Nga Sô và văn chương Âu Châu. Điều này tạo cho ông sự gần gũi và chia sẻ với thi ca Tây phương về sau.

Năm 1955, khi vừa học xong lớp tám, ông thôi học ở nhà tự học tiếng Ba Lan để có thể tìm hiểu văn học thế giới. Qua ngôn ngữ này, ông đã tiếp xúc với các tác phẩm thời danh của các văn thi sĩ như Kafka, W. Faulkner, Zbiegniew Herbert, Czeslaw Milosz...

Có lẽ ông đã bắt đầu làm thơ từ thời niên thiếu nhưng người ta thật sự biết đến thơ ông từ năm ông mười tám tuổi. Một trong những bài thơ đã gây nên sự chú ý của giới mến mộ thi ca là bài "Điếu ca cho John Donne", viết năm 1963. Bài này đã được nữ thi sĩ Nga tài danh là bà Anna Akhmatova giới thiệu như một thi phẩm lớn, độc đáo, có giá trị. Đại ý bài này nói, khi nhà thơ John Donne chết, tất cả những gì xung quanh, quen thuộc của ông đều chết theo, trừ những lời thơ của ông vẫn muôn đời hằng sống. Joseph Brodsky đã sử dụng và lập lại chữ "Ngủ" tất cả năm mươi hai lần trong bài thơ, không làm người đọc nhàm chán ngược lại còn tạo thành ý niệm sâu đậm quanh nỗi chết. Hình ảnh chi tiết trong tứ thơ là những gì bình dị như cái ghế, cái bàn, tủ áo, ly, tách, chén, dĩa, khiến bài thơ dễ cảm nhưng chứa đựng một chiều sâu theo lối "cách sơn đả ngưu". (biểu tượng pháp).

*Khi John Donne đã yên vào giấc ngủ*
*Đời xung quanh cũng lắng lặng ngủ say*
*Tường vách, gối giường, sàn nhà, bàn ghế*
*Móc áo, tranh hình, kệ tủ, đèn cầy*
*Thảm lót, cửa màn, lạnh im nín thở*
*Tất cả bây giờ lặng ngủ quanh đây*
.....

Nhiều đoạn thơ trong bài này còn ám chỉ việc chính quyền Nga cấm đoán, bắt bớ các thi sĩ. Khi không còn thơ, cuộc đời sẽ chìm vào bóng tối. Khi không có thơ, mọi vật sẽ không có ý nghĩa nào mới lạ. Tất cả đều ngủ yên trong hình thể vô thần.

*... Đêm khắp nơi, đêm trùm lên vạn vật*
*Trong mắt người, trong những góc tối tăm*
*Trên chăn nệm, trên những trang giấy viết*
*Trong mọt sâu ăn ngôn ngữ khô cằn...*

Ông kết luận, đời nào rồi cũng qua đi. Chế độ thế nào cũng sẽ hết. Chỉ còn thơ sẽ sống mãi với thời gian. Ông viết:

íhãy ngủ đi, John Donne, hãy ngủ đi.
Ngủ ngon vang tiếng hát.
Đừng để băn khoăn phiền lụy linh hồn.
Hãy nhìn xem
Trong mây che thấy lộ vì sao sáng
Cho đời anh bên thức mãi hôm nay. (4)

Thơ đứng về bên tiếng nói khát vọng của tâm hồn. Bạo quyền

đứng về bên ngăn chặn và tiêu diệt tiếng nói ấy. Tháng ba năm 1964, chính quyền Nga đã đưa ông ra tòa án ở Leningrad và kết án năm năm tù lao động với tội danh "Ăn bám xã hội". Bị đày đi lao động khổ sai ở một nông trường trong vùng Arkhangelsk thuộc miền bắc nước Nga. Vụ án "làm thơ bị tù" đã được một văn hữu, Frieda Vigdorova, ghi lại và bí mật chuyển ra ngoại quốc. Báo chí Tây phương đăng tải tin tức này gây nên căm phẫn cho những người cầm bút trong thế giới tự do và tạo nên nhiều dư luận bất lợi cho chính sách đối ngoại của Sô Viết. Để xoa dịu tình hình, chính quyền Nga nhường bước thả ông về lại Leningrad sau mười tám tháng lao động. Bị giám sát, giam lỏng, ông vẫn không ngừng làm thơ vì chỉ có thơ mới giúp ông chống lại lạnh lẽo giá băng của đời sống xung quanh.

*Tôi lớn lên giữa khí trời giá lạnh*
*Muốn giữ ấm lòng tay*
*Nên năm ngón chụm vào nhau*
*Cầm bút. (5)*

Tháng sáu năm 1972, ông bị trục xuất khỏi nước Nga, lưu vong sang Mỹ. Người ta kể lại rằng, ngày ra đi ông chỉ mang theo một tập thơ mỏng của thi sĩ John Donne, một chai rượu Vodka và một bàn máy đánh chữ. Để tiễn biệt nhà thơ lên đường, chuyên viên mật vụ Nga đã tháo rã các bộ phận của máy đánh chữ để khám xét tài liệu. Hành động ngây ngô này có khác gì những con quạ lục tìm trong xác chết. Bàn máy chỉ ghi lại thơ. Thơ không giấu trong bàn máy mà giấu trong ký ức và con tim.

*... Con chim ưng Sô Viết*
*Nếu không còn vương miện*
*Khác gì giống quạ đen... (6)*

Người ta nói : "Kẻ khôn ngoan sẽ học thuộc lòng những tài liệu mật. Kẻ công chính, lời nói sẽ là bằng cớ."

Người ta nói : "Những bài thơ hay hơn, thật hơn là những bài thơ thi sĩ sẽ sáng tác. Không phải là những bài thơ đã làm. Thi sĩ sống và làm với niềm tin, ngày mai sẽ hơn ngày hôm nay."

Trong thời gian lưu vong, ông đã chính thức xuất bản ba tác phẩm. Thi phẩm *"Selected Poems"*, 1973 và thi phẩm *"A part of speech"*, ấn bản 1977 ở Gia Nã Đại, ấn bản 1980 ở Mỹ, do chính ông và một số các dịch giả thực hiện việc chuyển ngữ sang Anh văn. Năm 1987, *"Less than One"*, là tập tiểu luận văn xuôi về các ý niệm xoay quanh thi ca, chân, thiện và mỹ. Ông còn dự định xuất bản thi phẩm "Homage to Urantia" vào đầu năm 1988.

Cho đến nay, sự nghiệp văn chương của ông gói ghém trong thế giới của hai thi tập, *"Tuyển Tập Thơ"* và *"Vài Lời Trong Ngàn lời"*/ Tập *"Kém hơn một"* chỉ là những giải thích, bổ túc, trình bày thêm những quan niệm và cảm tưởng của hai tập trước.

Với một sự nghiệp ít ỏi như vậy ông đã tạo được một vị trí độc

đáo trong thi ca thế giới. Tháng mười năm 1987, một hôm khi ông đang dùng cơm với nhà văn John Le Carré tại Luân Đôn, người ta đã trân trọng xác nhận giá trị thi ca của ông bằng cách trao cho ông giải thưởng Nobel về văn chương năm nay.

Người ta ca ngợi ông như một thi tài trẻ đã được vinh danh trong văn học thế giới năm bốn mươi bảy tuổi. Trong lịch sử Nobel về văn chương, chỉ có một người trẻ hơn ông, đã được giải thưởng năm bốn mươi bốn tuổi. Đó là nhà văn Pháp Albert Camus.

Điểm đáng ca ngợi về Joseph Brodsky là lòng kiên trì và khả năng tự học của ông. Sớm rời bỏ trường học để tự mình tìm hiểu nghiên cứu văn chương thế giới, ông tự học tiếng Ba Lan và dịch thơ của Czeslaw Milosz, một trong những thi sĩ tài danh của thế kỷ hai mươi. Trong thời gian đi tù (1964-1965), ông dành nhiều thời giờ tự học Anh văn bằng một phương tiện thiếu thốn: một cuốn tự điển Anh-Nga và cuốn tuyển tập thi ca Anh-Mỹ. Người ta nói, lòng đam mê là đôi cánh đưa thi sĩ bay lên cao. Nhưng phải có tính kiên trì thì mới bay đến đỉnh núi có suối nguồn trong vắt. Nhờ thông thạo sinh ngữ và quen thuộc với nhịp điệu thơ Tây phương mà ông có thể tự dịch thơ của mình ra tiếng Anh. Không ai có thể chuyển ngữ một bài thơ đúng hơn là chính tác giả của bài thơ này. Ông vẫn làm thơ bằng tiếng Nga nhưng viết tiểu luận bằng Anh ngữ. Sự phối hợp giữa dịch thuật và sáng tác đã đưa những tác phẩm của ông đi thẳng vào giới văn học và giới thưởng ngoạn văn chương ở Tây phương.

Không phải chỉ học sinh ngữ, ông còn tự học, tìm hiểu thi ca thế giới bằng một phương pháp khác thường. Người ta nói bầu trời thì rất lớn nhưng mỗi người chỉ thấy được một khoảng nhỏ. Nếu muốn biết trời rộng bao nhiêu, xin hỏi nhiều người khác nhau rằng họ đã thấy gì. Người ta cũng nói, một người chỉ biết phở ngon qua kinh nghiệm những tô phở đã ăn. Nếu có thể tìm hiểu so sánh với các ý kiến khác nhau về phở của nhiều người khắp năm châu, hẳn sẽ biết rõ hơn phở ngon là như thế nào. Joseph Brodsky tự học về thơ bằng cách dịch những bài thơ có nhiều đoạn của các thi sĩ danh tiếng như Dylan Thomas, W.H. Auden, T.S. Elliot, Yeats, Wallace Stevens... Nhưng ông chỉ dịch đoạn đầu và đoạn cuối. Phần còn lại, ông tự mình phỏng đoán những gì có thể sáng tác ở các đoạn giữa nếu ông cùng suy tư về một vấn đề và cùng rung động về một đối tượng.

Học nhiều thì biết rộng. Tự học thì biết sâu. Kẻ không học mà mơ mộng thành công còn khó hơn người nghèo mơ trúng số.

## PHONG CÁCH ĐÁNH RẮN CỦA THI SĨ.

Thế giới hôm nay là thế giới phi mã của tiến bộ vật chất đi đôi với sự hỗn loạn của tinh thần. Nhu cầu sinh tồn dựa trên căn bản của quyền lực. Dần dần quyền lực đã mất đi cái gốc sinh tồn mà chỉ

còn cái ngọn là vinh quang. Từ nhỏ đến lớn, từ thấp hèn đến cao sang, từ thân thuộc đến xa lạ, từ đông sang tây, từ nam lên bắc, ai có được quyền lực người ấy được tôn vinh. Nhu cầu được kính phục, nể sợ dần dần trở thành mục tiêu hạnh phúc. Nhu cầu này thể hiện ngay trong gia đình vợ chồng con cái, ngay trong giữa hai người bạn thân. Đừng nói chi đến một tập thể lớn hơn.

Quyền lực này trở thành ghê gớm khi nó khống chế một tập thể đông người. Khi nó đày đọa và tiêu diệt tâm hồn con người, nó trở nên bạo quyền. Bạo quyền thể hiện dưới nhiều chế độ và cưỡng lực khác nhau nhưng bạo quyền dễ sợ nhất hiện nay là chế độ cộng sản.

Những bài thơ ghi lại trong hai thi phẩm của Joseph Brodsky được sáng tác từ năm 1960 cho đến năm 1987, ghi nhận quan niệm và cảm nghĩ của ông trong hai thời kỳ khác nhau: Ba mươi hai năm (1940-72) trong chế độ Cộng sản Nga và mười lăm năm lưu vong (1972-87).

Trở lại câu chuyện đánh rắn, ngoài những gậy gộc, rựa, dao, bao bị, còn một cách khác nữa: thổi sáo. Người có khả năng tạo nên tiếng sáo mê hồn sẽ làm cho con rắn độc lừ đừ, mất đi khả năng chống cự, tấn công kẻ khác. Không thể phủ nhận hiệu lực của tiếng sáo nhưng câu hỏi được đặt ra là liệu con rắn có nghe được điệu sáo hay nó đã bị bịt tai? Làm thế nào để đưa tiếng sáo vào tim của rắn? Vì câu trả lời này mà các chế độ cộng sản đều cấm đoán và bắt bớ các văn thi sĩ muốn phục vụ cho nghệ thuật, cho con người, cho nhân bản. Kẻ nào là chủ nhân của tiếng sáo kẻ ấy là thù địch của chế độ bạo quyền.

Khác với những chiến sĩ anh dũng, khác với những chính trị gia chuyên nghiệp, tiếng sáo của người nghệ sĩ đánh thức phần thiện trong tâm linh, phục hồi ý nghĩa của cuộc sống. Nhắc lại cái đẹp muôn thuở của con người. Diễn tả chi tiết những phi lý, nghịch lý, những thảm cảnh bi thương mà đời người ngắn ngủi phải gánh chịu. Một ác nhân không hẳn hoàn toàn ác. Một tiểu nhân không hẳn không thấy đức độ của bậc quân tử. Người nào cũng đau khổ trong cảnh ly tan, cũng run sợ trước cái chết. Một người có thể hy sinh để đạt được mục đích nhưng không thể tiếp tục hy sinh khi đã đến mục đích hoặc khi đã nhận ra không thể nào đạt được.

Trong chế độ cộng sản không phải ai cũng ngu. Trong giai cấp thống trị cộng sản không phải ai cũng mù cũng điếc. Nghệ sĩ góp phần với các chiến sĩ, các chính trị gia, các tầng lớp khác để chống đối bạo quyền. Người nghệ sĩ không dừng lại ở đó mà tiếp tục đi về phía ủng hộ những nhu cầu của tâm hồn, làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn, đẹp hơn. Dâng tặng tâm tình và cảm xúc cho thế hệ họ đang sống. Nghệ sĩ đứng bên này, bên kia là ác, xấu và dối trá.

Chính trị và thơ liên hệ cùng chữ P và O. Phần còn lại chính trị liên hệ với quyền lực, tập thể, xã hội... Trong khi thơ liên hệ với

tâm tình và khơi dậy Chân, Thiện, Mỹ.

Trong phong cách này, thơ của Joseph Brodsky chống lại bạo quyền bằng những lời lẽ điềm tĩnh, vạch ra sự sai biệt giữa thiên đàng tập thể và hạnh phúc thật sự của mỗi cá nhân.

*Trong đêm*
*Người mù đi theo con đường của họ*
*Dễ dàng băng qua những công viên*
*Người mù có lối sống khác biệt*
*Sờ mó cuộc đời bằng đôi tay*
*Chẳng biết bóng tối và ánh sáng*
.....
*Con đường người mù đi rất đơn giản*
*Vì họ băng qua công viên trống không. (7)*

Đa số những hình ảnh trong thơ của ông là những hình ảnh biểu tượng tạo nên sự so sánh và liên tưởng số kiếp con người trong chế độ cộng sản. Ông không trực tiếp phê bình chống đối những tiểu tiết. Chế độ nào không có những tham quan ô lại. Xã hội nào không có kẻ bất lương. Chính trị nào không có những thủ đoạn. Vì vậy, thơ của ông đi tận vào những lối bí mà một chế độ bạo quyền phi nhân bản không làm sao giải quyết được.

*... Ta không thể phê phán về quê hương*
*Gươm quan tòa sẽ đâm người bị cáo*
*Vì uy quyền trong bàn tay mạnh bạo*
*Có được gì khi thuyền không căng buồm*
*Có được gì khi băng kín đại dương*
*Có được gì khi chim trong mây phủ... (8)*

Và con người bị chế độ đè nén, bóp nghẹt sẽ bùng lên mơ ước một phương trời tự do. Như cánh chim bay về nơi ấm áp lẩn tránh mùa giá lạnh.

*Đầu tháng chín vào ngày thứ ba*
*Trời suốt đêm mưa rơi tầm tã*
*Đàn chim đã bay về hướng nam*
*Ta một mình giữ lòng can đảm*
*Không nhìn theo những cánh chim bay*
*Bầu trời trống bây giờ vỡ xuống*
*Một màn mưa che kín không gian... (9)*

Thơ của Brodsky thổi một làn hơi lạnh có thể làm cho vài tâm hồn run rẩy tỉnh thức.

Ở một cấp bậc nào, trong một chế độ nào, thuộc thành phần nào, cũng vậy. Ai là kẻ thích sống trong một cuộc đời vô nghĩa?

*... Khi cuộc đời không còn ý nghĩa*
*Sẽ làm cho sự sống quá dài*
*Nhàm chán đã ăn sâu cảm giác*
*Đời như tấm lịch treo trên tường*
*Những tờ lịch vô cùng hữu dụng*

*Cho cỏ cây, sỏi đá và hành tinh*
*Chẳng ích gì cho thú có đôi chân (10)*

Ai là kẻ không đau khổ khi chia lìa? Không buồn bã khi vĩnh biệt?

*... Hôm nay đôi lứa ly tan*
*Mai sau ai biết vẫn hằng chia tay*
*Rằng không phải suốt kiếp này*
*Chăn xa gối cách đêm ngày về sau*
*Chết không chắc được gặp nhau*
*Chết không chắc nhẹ thương đau trong hồn... (11)*

Ai là kẻ không có lần nhìn lại thân phận của mình? Không cảm thấy trống trải, băn khoăn qua kiếp nhân sinh?

*... Tôi lang thang trên mảnh đất không người*
*Và thuê mượn một đời không sự sống*
*Gió cướp đi hơi ấm khỏi bàn tay*
*Một vũng sâu sụp chân tôi ướt nước*
*Để bùn se thành những dấu đường đi... (12)*

Ai là kẻ không có lần tự hỏi, rồi sẽ về đâu sau đời sống này? Sẽ tiếp tục một hành trình khác? Hay kiếp người chỉ vậy mà thôi? Kẻ có niềm tin vẫn là kẻ có hạnh phúc hơn kẻ vô thần.

*Ma-ri-a hỏi đấng Giê-su :*
*—"Ngài là thiên chúa hay con tôi?*
*Ngài bị đóng đinh trên thánh giá*
*Còn đâu đường tôi về quê trời?"*

*—"Làm sao tôi có thể nhắm mắt*
*Khi còn sợ hãi và lạc loài?*
*Ngài đã chết hay ngài còn sống?*
*Ngài là chúa trời hay con tôi?"*

*Đấng Giê-su trả lời Ma-ri-a :*
*—"Dù chết hay sống, vẫn là ta*
*Dù chúa hay con, có gì khác*
*Vì ta muôn thuở là của bà". (13)*

Thơ của Joseph Brodsky tạo nên một thế giới quan riêng tư, chứa đựng những thảm họa trong đời sống. Qua đó, người ta thấy được thân phận của chính ông, của một người trong chế độ bạo quyền cộng sản, của một người lưu vong và thân phận của con người chung trong thế kỷ hai mươi.

Thơ của ông đi từ tình riêng cho quê hương vào đến tình chung cho nhân loại. Đi từ chống lại chế độ bạo quyền của cộng sản đến chống lại những quyền lực vào nhằm tiêu diệt tâm linh.

Người ta nói rằng, một tiếng sáo hay không những mê hồn

loài rắn độc mà còn có thể chinh phục những loài thú dữ khác.

Người ta kể rằng, tại Stockholm, thủ đô nước Thụy Điển, hôm tuyên bố Joseph Brodsky đoạt giải Nobel về văn chương, tiếng vỗ tay ủng hộ náo nhiệt khác thường.

Seamus Heaney nói rằng, sự vỗ tay đặc biệt này dành cho ý nghĩa hai chữ "Tự do".

*Tự do là :*
*Khi anh quên đánh vần tên bạo chúa*
*Và nước miếng ngọt hơn bánh Ba tư*
*Và trí óc cứng như sừng sơn dương*
*Và đôi mắt giữ không rơi giọt lệ. (14)*

**Ngu Yên**

***Ghi chú :***

*(1) "The only things which poetry and politics have in common are the letters P. and O." — Joseph Brodsky trả lời trong một cuộc phỏng vấn ở Dublin, vài năm trước đây.*

*(2) Bài thơ do Joseph Brodsky đọc hôm hộp mặt với các văn thi hữu ở nhà Nadezhda Mandelstam tại Nga năm 1967 — "Modern Russian poetry" do Olga Andreyev Carlisle và Rose Styron thực hiện. Nxb — The Viking press — New York, 1972.*

*(3) Trích trong bài "To lycomedes on Scyros", "Joseph Brodsky: Selected poems" — do George Kline thực hiện —nxb— Harper and Row, New York, 1973.*

*(4) Trích trong bài "Elegy for John Donne" — "Selected poems".*

*(5) Trích "Lyrics of Loss, Theories of Gain" — Time số ngày 2 tháng 11 năm 1987.*

*(6) Trích "Adieu, Mademoiselle Véronique" — "Selected poems".*

*(7) Trích "The Blind Musicians" — "Poets on street corners" — do Olga Carlisle thực hiện —nxb— Random House, New York, 1968.*

*(8) Trích "Anno Domini" — "A part of speech"— Joseph Brodsky — nxb— Farras, Strauss and Giroux Inc., New York, 1980.*

*(9) Trích "New Stanzas to Augusta" — "Selected poems".*

*(10) Trích "Mexican Romancero" — "A part of speech".*

*(11) Trích "Stanzas" — "Selected poems".*

*(12) Trích "New Stanzas to Augusta" — "Selected poems".*

*(13) Trích "Nature Morte" — "A part of speech".*

*(14) Trích "Brodsky's Nobel: — "Book Review số ngày 8 tháng 11 năm 1987.*

*Hoàng Dương*

## *Lời nguyện đêm Giáng sinh*

*Đêm Giáng sinh lần đầu đi lễ*
*Đêm Giáng sinh đầu tiên trên đất Mỹ*
*Mưa tuyết bay trắng đất trắng trời*
*Bước bơ vơ tôi đến dưới chân Người !*

*Hồn xác tôi đây nửa đời lầm lỗi*
*Một phần tư thế kỷ lạc trong đêm*
*Đến xin Người một niềm tin chói sáng*
*Như hào quang xưa rực rỡ Bethlehem !*

*Cho tôi tin Người - niềm tin bất diệt*
*Cho tôi yêu Người - tình yêu tha thiết*
*Cho tôi theo Người như giọt nắng mùa Đông*
*Rơi tan trong ngõ lạnh hang cùng !*

*Đừng cho tôi bơi trong thanh thản*
*Đừng cho tôi ngủ giữa phù hoa*
*Đừng để tôi quên đi dĩ vãng*
*Trên mảnh đất nghèo - ân nghĩa ông cha*
*Có cả bốn ngàn năm kiêu hãnh*
*Có truyện Kiều, Sấm Trạng, Dân ca*
*Có mái nhà tranh nắng mưa tường đất*
*Có tiếng đàn bầu thánh thót ngân nga !*

*Xin cho tôi có một ngày trở lại*
*Không oán thù trên đất Mẹ tôi xưa*
*Tôi đi lại dưới hàng phượng vĩ*
*Nghe con ve sầu kể chuyện tháng năm qua*
*Hương cỏ mật lan trên đồng nội*
*Vầng trăng khuya ngủ ngọn soan già*
*Ăn bát canh rau, trái cà muối xổi*
*Ôm lấy người thân vui mắt lệ nhoà !*

*Đêm Giáng sinh lần đầu đi lễ*
*Đêm Giáng sinh đầu tiên trên đất Mỹ*
*Mưa tuyết bay trắng đất trắng trời*
*Đây trái tim đau tôi đặt dưới chân Người !*

***Hoàng Dương***

Võ Phiến

## mười giờ

*Cây sweet pea—người Tàu gọi là đậu tuyết hay đậu xạ hương gì đó—màu sắc thật là sặc sỡ. Ở đây người ta chỉ trồng lấy màu, lấy hoa, lấy hương, (xạ hương?). Người láng giềng gieo hạt hồi mùa đông, đầu xuân đã có hoa nở rộ trên hàng dậu ngăn cách hai khoảnh vườn. Tháng ba dương lịch, bà láng giềng thông báo cho ông về chuyện phá lũ dây đậu để gieo hạt anh túc. Cũng lại một loài hoa sặc sỡ nữa. Bà ta có cái thú làm nở ra những đoá hoa cánh mỏng dính mà sắc màu lòe loẹt. Bà ta dự tính như thế, ông tán thành ngay. Mà hình như lũ bướm cũng tán thưởng lắm.*

*Ông lạc mất trang sách từ lúc nào không hay. Tay vẫn cầm những hờ cuốn sách, nhưng mắt ông đã rời chữ. Xung quanh ông, khắp phòng, ánh sáng ùa vào nhiều quá, ùa vào tràn trề. Hai mặt phòng có nhiều cửa gương lớn, phòng ông vào giờ này là cả một niềm hân hoan.*

*Mấy hôm gần đây kể như hôm nào cũng vậy, rốt cuộc rồi cũng đến thế thôi: ông bỏ sách, loay hoay tìm một mảnh giấy, một cái gì để cài vào làm dấu trang sách nhưng không tìm được, ông đành úp mặt cuốn sách xuống thảm. Rồi ông nằm ngẩn ngơ trong ngôi nhà sáng choang. Rồi ông ngồi dậy đốt một điếu thuốc, khói xanh tỏa chầm chậm qua những tia ánh sáng. Rồi ông mở cửa bước ra hiên. Ông trở vào pha cà-phê uống. Ông mở cửa ra vườn sau, nghếch mặt nhìn nghiêng nhìn ngửa, đến bên cây này cây nọ, lại nghếch mặt nhìn đàn sáo đậu trên dây điện, nhìn con quạ trên cây thông sau lưng căn nhà trên ngọn đồi bên kia đường, có khi nhìn lên trời xanh trống không. Rồi ông bước đến đứng một lúc dưới bóng cây long não. Rồi ông cảm thấy mình lơ ngơ, không có việc gì giữa ngôi vườn vắng vẻ, ông lại vào nhà, ông đốt một điếu thuốc nữa v.v... Ông nằm xuống, cầm lấy cuốn sách. Một lát, ông lại nhổm dậy, úp sách xuống mặt thảm. "Căn phòng này coi bộ sáng quá, sáng dữ đa!". Ông nhìn qua cửa kính, theo dõi lũ chim hải âu từ đâu ngoài bãi mới kéo vào khu phố này, lượn thấp trên các mái*

*nhà, sà cả xuống mặt đường. Ông đứng lên, mở cửa, bước ra hiên xem hải âu chúng nó làm gì? Xem ra chúng cũng chẳng làm gì đáng kể: không ăn không uống, không tìm sâu tìm hạt gì, chúng chỉ bay lên bay xuống, lượn đi lượn về rà rà khắp xóm vậy thôi. Có con đậu lên một chiếc tán đèn bên đường, một con hải âu xám trên chót đỉnh một cột đèn, đậu và phóng uế, xong lại bay đi, vậy thôi. Rồi ông nhìn sang hai con bướm chờn vờn trên hàng dậu sweet pea. Bướm nó bay, hay nhỉ, nó không bay thẳng từ nơi này đến nơi khác,như không cốt bay để đến; nó bay như nhảy như múa, như đùa như giỡn mà chơi. Một lát, tự cảm thấy thừa thãi trước hiên, ông quay vào nhà, sửa lại chiếc gối, ghé nằm xuống, cầm cuốn sách lên, xem đồng hồ: Thế mà đã mất khối thì giờ!*

*Gần như hôm nào cũng vậy. Đến một lúc nào đó, ông chợt để ý và tự hỏi: "Có gì vậy cà?" Hồi gần đây có gì xảy ra? biến cố gì vậy?" Kiểm điểm mãi, cũng thấy ra biến cố: Mười giờ.*

*Mười giờ là một biến cố. Đáng lẽ ông đã biết từ lâu, vậy mà không hiểu tại sao ông lại lú đi, chẳng chịu thấy. Mười giờ sáng; trời đất vào cái giờ ấy, nó lạ lắm. Bây giờ nhớ lại thì ông đã nhiều lần khốn khổ vào cái lúc mười giờ. Hồi nhỏ, ngày ngày ngồi trong lớp học, mỗi buổi mai vào khoảng mười giờ, thỉnh thoảng hoặc một con chim bay ngang qua cửa sổ kêu đánh "chéo" một tiếng nhỏ, hoặc mấy đứa chăn trâu đùa giỡn nhau ngoài đồng để lọt vào tai ông mấy tiếng léo nhéo, hoặc tốp lính kéo nhau đi rộp rộp ngoài đường v.v..., thế là ông trông ra cái nắng tưng bừng bên ngoài và lạc mất tiếng thày giảng một lúc lâu, thần trí vẩn vơ mãi đâu đâu.*

*Ngày nhỏ lơ đãng trong lớp, lớn lên ông lơ đãng ngay tại nhà. Cứ mười giờ mai, vào giờ nắng ráo, ấm áp, là như thế. Cứ như có ai kêu ai réo ở ngoài trời. Cứ như có hội hè ầm ĩ linh đình, có trống thúc cờ reo giục giã khẩn cấp ở ngoài. Nằm không yên, ngồi đứng không yên.*

*Giá mà lúc ấy ta xô cửa, bước ra ngoài, bắt gặp* quả tang *"cái mười giờ", nhìn tận mặt nó một lúc thì rồi cũng nguôi ngoai. Rồi thấy mình lơ ngơ thừa thãi. Rồi cũng đến trở vào nhà thôi. Nhưng nằm lì trong nhà, ngồi lì trước bàn viết, nắm mãi cuốn sách trên tay, thì khổ sở đa!*

*Mười giờ, ngoài trời có gì vậy? Thì trời xanh vậy thôi. Thì mây trắng tơ tướt ngang trời vậy thôi. Nhưng trời xanh thao thiết mênh mông vào lúc mười giờ, tưởng chừng nó có cái hấp lực hút bật dậy những thây ma. Những xác chết nhập tràng chồm lên dưới một tác động ma quái.*

*Ma quái chứ. Mở cửa ra, vẫn chỉ có trời xanh, có cây xanh, có ánh nắng nhấp nháy trên lá xanh, mọi sự y nhiên, như xế hôm qua,*

*như trưa hôm trước, như sáng hôm kia, như một ngày năm ngoái, năm kia... Nhưng mà không! Mười giờ hôm nay, vào giờ phút này, tưởng chừng nó đập gõ khua ầm lên trước cửa mình vậy. Mỗi hôm nó mỗi quẩy động, nó luôn luôn mới, luôn luôn bất ngờ, nó là biến cố hàng ngày. Hôm nào mười giờ cũng làm mình rạo rực, nao nức, như là một Mười giờ đầu tiên buổi khai thiên lập địa. Mười giờ nào cũng là một Mười giờ hoang sơ. Khu phố có thể tha hồ vắng vẻ, cứ mười giờ là tưởng chừng có hội hè tưng bừng: Mười giờ ngoài cửa, nó là một im lặng ầm ĩ, huyên náo, chát chúa.*

*Hoa có thứ hoa giờ tí có thứ hoa giờ ngọ, hoa tự do chọn lựa giờ giấc. Thứ hoa chọn lúc khuya khoắt vắng vẻ như hoa quỳnh, nó tha hồ đơn độc, ẻo lả, kiều my. Còn hoa mười giờ không thế. Nó là hoa bầy hoa lũ. Là thứ hoa đồng khởi. Nó dậy lên, đứng lên cùng lượt, rực lên chói chang. Nhất hô bá ứng: Mười giờ cất tiếng gọi, từng từng lớp lớp điệp điệp trùng trùng hoa nọ liền đứng lên giữa trời. Không có ai mang hoa mười giờ vào phòng, vào những căn phòng nhỏ hẹp, để cho những ông cụ già móm mém vừa nhấm từng hớp trà vừa "thưởng thức". Hoa mười giờ phải nở giữa khoảng rộng, dưới trời bao la.*

*Đã mười giờ lại mười giờ sáng một ngày xuân, thôi thì khỏi nói. Đám dạ lý hương bên hè phát triển mạnh quá, lấn khuất vào cửa, mùa đông vừa qua ông đã phát bớt đi quá nửa lùm. Những gốc dạ lý hương bị đốn tưởng đã chết khô, bẻ gãy rôm rốp. Thế mà sang xuân bỗng thấy mầm xanh phọt lên. Lại nhớ có lần trong đống củi xếp sau hè thỉnh thoảng lại có cành bắn mầm nứt lá non. Tiếng gọi mùa xuân, sức kêu gọi của sự sống, Trời! nó mạnh kinh khủng!*

*Nghĩ đến cái rạo rực trong lòng một cành củi, một gốc cây khô, ông lại nhân tiện nghĩ qua về cái rạo rực trong lòng mình: "Ở! mà mình cũng "rạo rực" lắm, đâu đã yên? Khối thì giờ mất một cách vu vơ. Thế mà không để ý thì không biết đấy". Ông nhìn xuống mấy ngón tay vàng khè khói thuốc, mấy ngón tay dẹp, mỏng, khô quắt dần. Ông nhìn thoáng qua, rồi quay mắt đi, chán ngán. Tuy nhiên cũng nhếch miệng cười bâng quơ.*

*Ngoài sân, con bướm chờn vờn bên dậu hoa sweet pea. Rồi nó rời dậu hoa, bay nhanh qua suốt chiều ngang của khoảnh sân trước, tưởng đi luôn sang vườn nhà bên cạnh, bỗng đâu lại thấy nó chập chờn ngay trước hiên. Cái bóng của con bướm múa rộn ràng trên tấm màn cửa. Vào lúc ấy, chợt vẳng lên tiếng một đứa trẻ. Tiếng gọi la eo ẻo gì đó, nghe không rõ ràng, cách vài con phố, cất lên mấy tiếng rồi bặt mất.*

*Ông bàng hoàng. Tiếng kêu ngắn quá không kịp phân biệt là tiếng nước nào. Mễ chăng? Mỹ chăng? Việt chăng? Tưởng chừng*

*tiếng một đứa trẻ ngày xưa hắt vào căn nhà tranh của ông từ một ngôi gò nào trong làng. Tưởng chừng tiếng mấy đứa trẻ la giỡn ở một góc phố vắng lọt vào lớp học hồi niên thiếu... Một cái gì rung lên, quẫy mạnh trong ông. Ông xao động cả người.*

*Ông nhớ bữa ăn sáng cuối cùng với một người đàn bà. Người đàn bà đã chung sống với ông hơn chín tháng, ở một ngôi nhà mát mẻ thanh tịnh bên Tân qui đông. Hồi tưởng lại những ngày đó thật êm đềm.*

*Hồi đó, hai người gặp nhau giữa một đám bạn. Ông có một cảm tình mơ hồ với Loan lúc vừa mới gặp, tuy vậy ông không bắt chuyện, cũng không có dự tính gì. Vào một lúc nào đó ông nói một câu vẩn vơ (bây giờ ông không còn nhớ đại khái ra sao nữa, hay nói cho đúng là ông quên bẵng đã từ lâu chứ không phải mới bây giờ). Loan nghe xong, không nói gì; nàng quay mặt về phía khác, nhìn mông ra xa, mỉm cười nhẹ nhàng, bâng quơ. Ông sực kiểm điểm và nhận thấy câu nói vừa rồi của mình quả nhiên là có hướng về nàng, một cách vô ý thức. Sự hưởng ứng của nàng xa xôi dè dặt, lại hơi hững hờ.*

*Vậy mà ít lâu sau hai người gần gũi, rồi ông rước nàng về chung sống.*

*Nghĩ lại, giá bấy giờ nàng niềm nở có lẽ ông đã lảng tránh. Độ ấy tự dưng ông tránh hết những thái độ nồng nhiệt, tích cực, hăm hở. Tự dưng ông mệt mỏi tận chỗ sâu xa nhất trong tâm hồn. Đang ở một căn phòng thuê tại đường Cô Bắc, đi lại các tòa báo khá tiện khá gần, ông quyết định rút hẳn về bên Tân qui đông. Ông từ chối bớt một số công việc tòa soạn, hạn chế bớt một số khoản chi tiêu, hạn chế giao du để hưởng một thời gian yên tĩnh. Bên cạnh Loan. Và Loan là cả một sự yên tĩnh, êm đềm.*

*Hai người sống với nhau không lâu, nhưng "hợp nhau kinh khủng", ông công nhận thế.*

*Hôm về ở với ông, nàng không có gì nhiều nhặn để mang theo. Y phục nàng cũng không sắm bao nhiêu. Nhưng nàng có chở theo một chậu trúc đẳng ngà. Kể ra không phải là thứ cây kiểng hiếm hay quí. Một cây trúc đẳng ngà nhỏ hơn cổ tay bị chặt ngang lưng chừng, cao chừng thước rưỡi tây, thế thôi. Đưa cây trúc xuống xe, nàng cười. Ông bảo đặt nó ngay trước hiên nhà, ngoài cửa sổ từ phòng khách trông xa. Nàng đồng ý dễ dãi.*

*Cây trúc thế mà khỏe. Cành lá nó tỏa rộng ra sum suê. Nhiều buổi trưa vắng lũ chim sẻ kéo đến ríu rít trong tàn lá ấy. Mỗi lần nghe tiếng khua động trong nhà, chúng bay tán loạn. Trưa mùa hè nhiều lúc không được trông đến, trúc khô nước, lá cuốn cả lại. Múc một lon nước đổ vào gốc cho nó, thử lắng tai, có thể nghe*

*tiếng lá khô mở ra rào rào, khe khẽ. Chừng vài giờ lá lại cuốn queo, lại cần thêm lon nước nữa.*

*Tàn lá ấy làm khổ cây trúc. Có những đêm gió lớn, sáng ra thấy nó lăn kềnh, nằm chình ình trước hiên. Cái chậu đất nặng nề là thế vẫn chưa đủ để giữ thăng bằng. Rốt cuộc Loan phải hè hụi trói cây trúc vào song cửa bằng một sợi giây kẽm. Ông muốn giúp nàng một tay, nàng cười cười:*

*— Anh cứ để nó cho em. Em trị được mà.*

*Thực ra ông ngờ rằng không phải chỉ có thế. Không phải là nàng không muốn phiền đến ai khác chỉ vì nàng đủ sức "trị" nó, mà bởi vì nàng muốn tự tay mình chăm sóc cây trúc "của mình". Cây tre cây trúc ít khi là cây kiểng của một người đàn bà. Có thể đây là một kỷ niệm riêng sao đó. Nàng có cây trúc trong trường hợp như thế nào? nàng "thừa hưởng" của ai? Có lúc ông thoáng nghĩ ngợi về điều ấy, nhưng rốt cuộc cả hai cùng lảng tránh, bỏ qua vấn đề. Sáng sáng hai người ngồi trước hiên điểm tâm, uống cà-phê, và nhiều lần ông khen cây trúc đẹp. Nàng thắc mắc:*

*— Không thấy nó nẩy được một mụt măng nào.*

*— Ờ nhỉ. Trồng lâu chưa?*

*— Lâu.*

*— Ờ, thế thì lạ.*

*Vậy rồi thôi. Ông không hỏi thực sự nó ở với nàng từ bao lâu.*

*"Trị" cây trúc là công việc của nàng. Ngoài ra nàng còn một thành tích nữa, cũng đáng kể. Sau nhà có cây mít, không biết nàng tìm đâu ra cái chuông, đem về treo lên một cành mít, rồi lại buộc một khúc cây bên cạnh làm cái dùi. Thỉnh thoảng, trong gian nhà vắng lặng, hoặc ông đang nằm đọc sách, hoặc chợt ngừng bút giữa trang giấy, hoặc đang ngồi lơ mơ uống tách nước..., chợt nghe một tiếng "boong...oong...oong..." từ sau vườn.*

*Tiếng chuông đánh thức sự tịch mịch vắng vẻ. Ông tán thưởng:*

*— Hay nhỉ. Không có tiếng chuông, mình không để ý đến sự im vắng của xung quanh.*

*Nàng không nói gì. Một lát, ông lại ngẫm nghĩ:*

*— Thì vẫn là im vắng, nhưng là một im vắng vô ý thức. Lâu lâu một tiếng "boong" làm cho sự im vắng tự ý thức về mình. Thành ra một sự vắng lặng có ý thức.*

*Nàng vẫn không nói gì. Nhưng nàng nhìn mông ra ngoài, cười bâng quơ lặng lẽ.*

*Người đàn bà ấy không có mấy nữ trang, mấy món phấn son trang điểm; nàng bỏ thì giờ vào những thứ vớ vẩn: cái chuông, chậu cây... Hai người sống với nhau như thế cho đến một hôm ông bắt gặp Loan với một vẻ khổ sở. Vài ngày sau, nàng bảo ông biết*

*nàng vừa được tin nhà, nàng phải về quê, ở dưới Sóc trăng. Hoàn cảnh nàng có gì rối rắm khó khăn lắm. Ông khựng lại, nhìn nàng chăm chú một lát, biết rằng sự thể không thể nào đổi khác được, ông thở dài.*

*Hôm cuối cùng, loay hoay thế nào mà họ thức trắng đêm. Buổi tối, ngồi trước hiên nhà mãi cũng buồn, ông lấy xe chở nàng đi ăn cháo cá, rồi hai người ra ngồi bờ sông hóng mát tới khuya. Về, ông lại pha cà-phê uống, rồi ngồi xem sách. Loan lên giường nằm hồi lâu không ngủ được, lại vẹt màn chui ra. Ông bỏ sách, ngồi với nàng, chuyện trò lẩm cẩm. Đêm hết lúc nào không hay. Lúc nhìn qua cửa sổ thấy chân trời ửng sáng, ông sực nhớ ra, kêu đói, bảo Loan chải tóc tai để đi ăn sáng. Nàng ái ngại:*

*— Anh thức suốt đêm, có mệt không? Nhà sẵn còn trứng. Hay để em chiên ốp-la ăn với bánh mì. Được không?*

*Ông lắc đầu. Lúc này ông muốn ngồi ở tiệm, ăn một tô phở nóng, thơm tho.*

*Thì đi. Qua cầu Tân thuận, gặp hơi nước mát, ông hít mạnh vào phổi, thích thú. Rồi ông cao hứng dừng xe lại bên kia cầu tìm một cái quán gần bờ sông, ngồi nhìn mặt nước sáng dưới ánh bình minh, nhìn người qua kẻ lại, thấy khoan khoái, tỉnh người dần. Hỏi chủ quán: không có phở, chỉ có bò kho, có trứng ốp-la. Không muốn bỏ một chỗ ngồi thích ý. Ông gọi trứng ốp-la và quay lại bảo Loan:*

*— Nhất ẩm nhất trác, định trước cả. Số mình sáng nay ăn trứng thì chỉ được ăn trứng thôi... Huống hồ những chuyện lớn trong đời, chạy đâu khỏi số?*

*Nàng nhếch cười buồn bã.*

*Ăn xong, đốt điếu thuốc, ngồi trước tách trà thơm, ông lờ mờ nghĩ về những ngày sắp tới. Chắc chắn ông sẽ trả ngôi nhà ở Tân qui mà trở về bên Sài gòn. Ở một mình chỗ quạnh vắng, buồn chết. Vả lại, tiền dành dụm đã vơi, ông cần ở gần các tờ báo để làm việc nhiều thêm. Ông nghĩ đến cuộc dọn nhà trong tuần tới, nghĩ đến công việc lấy tin vào lúc mờ sáng ở các tòa soạn nhật báo, đến công việc viết lách liên tu bất tận suốt ngày... Ông thẫn thờ lẩm nhẩm: "Mệt kinh khủng!"*

*Nghe một tiếng cười khẽ, ông ngoảnh lại: Loan cười lớn hơn, nàng lấy tay che miệng cười ngặt nghẽo, rồi lấy tay che cả mắt. Lát sau, khi nàng bỏ tay xuống, nước mắt hãy còn trên má. Lưng bàn tay nàng cũng ướt.*

*Loan ra đi tuần trước thì tuần sau ông cũng dọn nhà đi luôn. Hai người để lại trong vườn cũ cái chuông trên cây mít. (Cây trúc tất nhiên là Loan đã đem theo. Nó lên xe sau cùng, khi nàng đã chất*

*đồ xong và đã lên ngồi trên xích-lô máy nàng mới nhờ người phu xích-lô bê nó đặt lên sàn xe, và nàng bảo ông: "Để lại, anh không trị nó nổi đâu. Nó sẽ vòi vĩnh, làm phiền anh." Ông biết đó chỉ là một cách nói. Đở không phải là lý do khiến nàng không rời nó).*

*Ông thuê một căn phòng nhỏ ở tầng lầu hai một tòa nhà lớn gần chợ Thái bình. Trong cái hiu hắt của một cảnh sống đơn chiếc, có những buổi xế chiều, sau một giấc ngủ trưa mê mệt, ông thức dậy, nằm thườì trên giường, ngao ngán nhìn bức tường phòng trơ trụi không một cái tranh cái ảnh. Cửa sổ đóng kín, căn phòng im mát và râm râm tối. Nằm im hồi lâu, trí nghĩ vẩn vơ từ chuyện nọ sang chuyện kia, trong vắng vẻ tĩnh mịch chợt ông tưởng chừng nghe thấy một tiếng "boong...oong...oong!"*

*Ông bàng hoàng ngẩn ngơ. Ông không nghĩ đến Loan, nhưng từng giác quan của ông chúng vẫn nhớ nàng. Trong cùng thẳm cõi vô thức của ông cái hơi hướng của những ngày cùng Loan chung sống vẫn còn vương vất. Từ cái này đến cái nọ, từ chuyện này đến chuyện kia, chúng trở về. Cái cổ tay của nàng, bữa cháo khuya trước hiên nhà bên Tân qui, và ơ kìa! cổ chân, còn cả cái cổ chân của nàng nữa, thật là kỳ cục! và mùi tóc nàng nữa, và cái nhìn mông rất bâng quơ v.v... Ở tuổi ông vẫn còn những vẩn vơ vậy sao?*

*Ông tự cười mình, lẩm nhẩm mấy câu lăng nhăng:*

*"— Mình về mình nhớ ta chăng?*
*— Nhớ mình? Ta quyết đoan rằng là: Chưa!*
*Nhớ mình? đã nhớ đâu cơ*
*Chẳng qua chỉ có vẩn vơ nhớ... nhà*
*Vườn quê mỗi buổi chiều tà*
*Bâng quơ tai nhớ một và tiếng chuông*
*Cà-phê mỗi sáng tinh sương*
*Nhớ đôi cành trúc vấn vương bên thềm*
*Lưng trời nhớ một cánh chim"*

*Mãi sau đó khá lâu, một hôm ông có dịp sực nghĩ đến giọt nước mắt của Loan trong bữa điểm tâm cuối cùng. Trong một thoáng, tự dưng ông tưởng thấy rõ cả cái lý do, như thoắt "ngộ" sự thực tròn vẹn. Lý do là cái tiếng "kinh khủng". Đó là một thói quen của ông. Ông thường nói: "Dại kinh khủng. Hay kinh khủng. Rắc rối kinh khủng"... Hôm đó ông vừa kêu "Mệt kinh khủng" thì Loan cười. Nàng cười một thói quen. Rồi lại nghĩ rằng từ đây nàng sẽ chẳng bao giờ còn nghe "kinh khủng" nữa, chẳng còn gần gũi với cái thói quen hàng ngày ấy của ông nữa, nàng khóc lúc nào không hay. Một thói quen ngộ nghĩnh, chẳng đâu vào đâu, nhưng nghĩ rằng nàng sẽ mất nó mãi mãi, cho nên cuối tiếng cười có những giọt nước mắt.*

*Một cuộc chung sống mấy tháng rồi tan rã đã lâu thỉnh thoảng còn hắt về một tiếng chuông mơ hồ như thế. Và ở Sóc trăng chắc chắn một đôi khi ở chỗ người qua kẻ lại, ở mộc góc đường, một quán nước, đâu đó chợt thoáng nghe hai tiếng "kinh khủng" Loan cũng ngẩn người ra bồi hồi.*

*Hơi hướng một cuộc tình đã dai dẳng, ông nghĩ đến cái hơi hướng của cuộc đời. Của cả cuộc đời.*

*Mai kia, ông ra đi khỏi cõi đời này, chắc đâu cái hơi hướng của nó không đeo đuổi? Ba tấc đất đã thực là đủ sâu? Trong nghĩa trang, những khu nghĩa trang với đồi cỏ xanh mướt, cây xanh mơn mởn, mười giờ lũ chim sẻ, chim quành quạch kêu tíu tít, kêu rối cả lên, và nắng thì chan hòa, những khu nghĩa trang đô thị nằm ngay cạnh các con lộ rộn ràng, sát kề cuộc sống náo nức, trong những khu nghĩa trang như thế làm sao yên được giấc nghìn thu! Khó đa. Cuộc đời còn inh ỏi hơn một tình nhân. Dĩ nhiên ông không muốn nhớ, nhưng không nhớ mà được sao? Một tiếng còi xe, một tiếng gọi la trong vắt của đứa bé ở một góc phố..., những cái ấy hắt lọt xuống lòng huyệt vào nửa buổi mai huy hoàng, nó làm kinh động giấc nghìn thu đến chừng nào. Không nhớ Cuộc Đời, không nhớ "mình" mà được sao? Mình réo gọi, mình hút ta lên từ đáy mộ mỗi buổi mai mười giờ chứ lị. Những inh ỏi của trần gian, chao ôi!*

*"Mình "về" mình nhớ ta chăng?*
*— Nhớ mình? Không nhớ được răng hả mình?*
*Ba tấc đất, biết bao tình*
*Mười giờ mình vỗ rập rình nắp săng*
*Mình xua gió thổi mây giăng*
*Mình tung ánh nắng vang vang khắp trời*
*Mình rung chuyển đất lay đời...*

*Mai kia rồi nữa ta rời xa nhau*
*Nhớ mình không nhớ được sao?"*

*Ông lẩm nhẩm trong trí mấy câu sau cùng, rồi đứng lên, bước ra sau vườn, nhìn bâng quơ: đàn sáo đậu trên dây điện đã bay đâu mất cả. Ông nhìn mông lên trời xanh trống không một lát rồi quay vào nhà.*

*Mười giờ, ông bỗng dưng như thể một kẻ lẽnh lãng: ở trong nhà thì nghe như có tiếng réo gọi đâu đó xa xa, tung cửa ra ngoài không thấy ai, không thấy gì cả. Trông bên nọ ngóng bên kia dáo dác một lúc, cảm thấy tưng hửng, bèn quay vào.*

*Quay vào, thì nghe réo gọi bên ngoài. Văng vẳng, mơ hồ, mà khẩn trương, hối hả. Thoạt tiên mình còn ngờ vực lấy mình, về sau*

*càng lúc càng nhốn nháo cả ruột gan. Tiếng gọi thiết tha quá, cấp bách quá, không sao không đáp ứng được. Lại tung cửa chạy ra. Và nhìn xuôi trông ngược vẫn chẳng có gì. Chỉ có ngọn gió vừa lướt qua. Chỉ có cây gòi già đội một mảng mây trắng to tướng đứng trân trên ngọn đồi...*

*Như vậy là chẳng có gì? — Lẽ đâu thế? Tiếng réo gọi mơ hồ nhưng không thể chối cãi. Sự Sống đó. Tiếng réo gọi của Sự Sống đó mà. Từ nơi cùng thẳm hư vô, nó gọi ta. Cái lanh lảnh trong một tiếng trẻ con, cái rào rào trong gió lá; một cánh bướm chập chờn, một cành tre dưới nắng: Nó đấy. Nó cả đấy. Nó xa xôi tận cùng thẳm mà cũng gần gũi trong gang tấc. Sự Sống đó. Tiếng gọi của Sự Sống nhiệm màu. Tiếng gọi của Trời Đất đó. Của Vũ Trụ Càn Khôn mịt mờ ảo huyễn mà quyến rũ mê hoặc khôn lường đó.*

*Rồi mai kia:*

*"Nhớ mình không nhớ được sao?"*

*5-1987*

*(Trích trong Tùy Bút 2 vừa do nhà Văn Nghệ xuất bản và phát hành)*

*Võ Phiến*

## *Đêm*

*Một mảnh trăng vàng nghiêng nửa mặt*
*Đôi giọt sương khuya rụng cuối vườn*
*Tâm tư tịch mịch đời tịch mịch*
*Nằm nghe đêm thức suốt canh trường*

*Nghe đêm hun hút đời hun hút*
*Hun hút trời sâu đất lại sâu*
*Nghe mình trải đã muôn nghìn kiếp*
*Sống thật lâu, trời! sống quá lâu*

*Giọt sương khuya khoắt rơi trên lá*
*Trăng vàng nghiêng mặt cuối vườn sau*

*8-1987*

*Nguyễn Tất Nhiên*

## *Dung khúc*

*em ham chơi chưa hết mùa con gái*
*cười như hoa vui tiếng gọi mặt trời*
*nghịch như chim ăn dở trái chín cây*
*cây chín trái lòng anh rơi lăn lóc*

*em ham vui chưa hết ngày chim chóc*
*lời nhẹ nhàng nào anh trách cho đang*
*trời sinh chim hót cho cả mai hồng*
*cho vạn vật...có nhành cây nó đậu*
*lúc chợt hiểu ra thì anh đã khổ*
*lòng bao dung nào sánh nổi cây cành !*

*em ham đi chưa hết tuổi xuân xanh*
*như chim chóc thiên di theo thời tiết*
*anh trụi lá mùa trơ xương gánh rét*
*thèm như thông ngăn ngắt đứng đầu non*
*chẳng bao giờ thông dáng đứng cô đơn*
*tạo hoá cũng bất công cùng cây cỏ !*

*em mắc cỡ chưa hết thời au má đỏ*
*gió se đông có làm tái môi non ?*
*sân lúa hồn anh nắng đã không còn*
*anh chỉ trách thời gian bày sớm, tối*
*chứ ai nỡ giận chim bay ù té*
*vì quá yêu nó liến thoắng tinh nhanh*

*em ham chơi mà đời lại ham giành*
*anh thua cuộc vì...cắn răng độ lượng*
*anh thua cuộc vì nghĩ mình...cao thượng*
*(có nghĩa là đau chới với em ơi !)*

*chiều hôm nay mưa nhỏ nhỏ, sầu trời*
*sao chim sẻ tung tăng đùa khúc khích ?*
*em ríu rít cho anh buồn muốn chết !*

*(Trích trong tập Chuông Mơ vừa do Văn Nghệ xuất bản).*

*Tạ Chí Đại Trường*

# *Tiền giấy ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XIV - nửa đầu thế kỷ XV.*

## Tiền giấy và tính hiện đại của Hồ Quí Li.

Vào cuối thế kỉ XIV, hơn 1/4 đầu thế kỉ XV, tiền giấy theo khuôn mẫu Á Đông đã được chính thức sử dụng ở Việt Nam do hai chính quyền đối nghịch nhau trên phương diện chủ quyền quốc gia, dân tộc lại cùng thi hành một biện pháp tài chính như nhau. Sự mâu thuẫn do những biến cố chính trị đưa lại không làm ta quên các yếu tố khác đã khiến cho sự việc trên trở thành hợp lí theo những khía cạnh tiến triển khác nhau. Tình hình giao thương của phần đất phương Đông rộng lớn này đã sẵn sàng từ lâu cho biện pháp lưu thông tiền giấy, nên việc nhà Minh cho thi hành trên phần đất Đại Việt mới chiếm được chỉ là chuyện bình thường. Trong khi đó, tình hình riêng biệt trong xứ sở của Trần—Hồ lại khiến cho lệnh sử dụng tiền giấy gây nên một sự đảo lộn tâm lí, sinh hoạt của đám dân chúng đang bám lấy thực tế trước mắt. Sự cải cách này được quan niệm chủ yếu bởi một người ưa làm chuyện vĩ đại: hợp với một giai đoạn suy đồi vốn thường hay là mảnh đất phát sinh những đầu óc như thế.

Mùa xuân năm 1400, Lê Quí Li sáng lập nhà Hồ sau gần một năm trải qua hành động phế bỏ ông vua cuối cùng của nhà Trần, chuẩn bị dư luận thay đổi triều đại, đàn áp những thế lực chống đối để củng cố vị thế dòng họ mình. Nhưng vai trò của Quí Li đã nổi lên từ khi Cung Định vương Trần Phủ (Nghệ tông 1370-1372) gượng gạo lấy lại quyền bính cho họ Trần từ trong tay Dương Nhật Lễ (cuối 1370). Hệ thống nội hôn của họ Trần bị thực tế tổ chức cung đình làm rạn nứt ngay từ bước đầu, nhưng sự việc có Trần Minh Tông (1314-1329) là cháu ngoại dòng họ Lê cũ, có một người khác

họ (dù ban đầu núp sau họ Trần) chính thức lên ngôi vua (Dương Nhật Lễ) cũng chứng tỏ sự khủng hoảng trong ý thức bảo vệ tộc đoàn -- một đặc điểm làm niềm kiêu hãnh của họ Trần -- đã lên đến tột đỉnh, để rồi người ta sẽ không ngạc nhiên lắm nếu phải chia xẻ quyền bính ở cấp thấp hơn cho một người khác họ nữa -- thuộc dòng ngoại thích.

Sự củng cố thế lực của tộc đoàn cầm quyền sau một lúc sa sút, có trước mắt là mối đe dọa của nước Chiêm Thành vùng dậy với Chế Bồng Nga, đã khiến cho việc bổ nhiệm Lê Quí Li vào vai trò coi đạo quân ưu tú cầm quân (Khu mật đại sứ – tháng 5 âm lịch 1471) có ý nghĩa quan trọng trên đường tiến thủ của một con người đầy tham vọng với những tự phụ về gia thế lâu đời, về kiến trúc uyên bác của mình. Vào năm 1375, khi được chuyển địa vị cao hơn – làm tham (mưu) quân (sự) có chiếu cho phép những người oć tài, Quí Li giỏi võ nghệ thao lược, không phải là tôn thất cũng được làm tướng. Điều này sao không lại là ý kiến của ông Tham quân mới, ý kiến mà họ Trần phải chấp nhận để hi vọng cứu vãn sự suy sụp của dòng họ mình?

Một nhân vật họ Lê mờ mịt trong lịch sử -- ít ra là trên mặt tài liệu, lại nuôi con cái một dòng họ có mặt từ thế kỉ thứ V-VI, đã từng kết thông gia với nhà Lí, rồi cả ở chi họ lạc loài này vẫn có người làm cung phi cho Trần Minh tông -- rõ ràng cả một khối những vọng tộc ở vùng Thanh Hoá và phụ cận đã có đủ cơ sở vật chất và uy tín truyền thống để làm đà tranh giành quyền bính tối thượng. Nhưng có vẻ như ý định cướp chính quyền chỉ phát triển lần lần trong thời gian Quí Li tham gia việc nước, nhìn thấy sự suy yếu của họ Trần và chỉ thực hiện được khi Nghệ tông chết đi (1395), xoá bỏ được một mối liên hệ tình cảm nặng nề và một thói quen chịu khuất phục còn vướng víu (1).

Quí Li đã từng khoe sự quảng bác của mình trong thiên *Minh Đạo* dâng cho Nghệ tông xem. Chi tiết dù sơ sài của sử kí để lại, cho ta thấy ông cũng theo dõi được sự tranh chấp học thuật kéo dài hàng ngàn năm trên đất Trung quốc và cũng chứng tỏ ý ông muốn đứng riêng một môn phái vượt chúng. Tư tưởng hiện đại lộ rõ tuy vẫn còn ràng buộc trong vòng kinh điển. Nhưng ông không gặp đối thủ có kiến thức bao gồm cả quyền lực để so tài -- ông cho đày đi xa một thày đồ Quốc tử giám lớn gan bài bác ông rồi ông tự làm lãnh tụ môn phái, đem kiến thức riêng của mình ra dạy vua, dạy phi tần, chê kẻ dưới quyền là khoác lác chuyện Hán Đường, kiến thức không bằng ông.

Nhưng tranh giành quyền bính không phải là chuyện múa bút. Lãnh tụ múa bút để có dáng trí thức, thế mà muốn bịt miệng một nho sĩ ở tầng lớp dưới tay (địa vị còn cao hơn Nguyễn Ứng

Long, cha Nguyễn Trãi) cũng phải sử dụng đến quyền lực. Quí Li phải đối phó với cả hệ thống tông tộc họ Trần có điền trang, thân binh riêng, và vây cánh lâu dài. Sức mạnh của họ Trần nằm trong sự tỏa rộng thế lực chân rết trên phần lớn lãnh thổ của các lãnh chúa — điền chủ cùng họ Quí Li đưa ra chính sách hạn điền, hạn nô để triệt hạ cơ sở vật chất của các thế lực để chuyên về tập trung vào nhà nước, nghĩa là về dòng họ mình. Ông muốn lập một thể chế mới – hay tưởng là mới, mang tính chất chuyên chế, điều mà cả Lý Trần chưa đủ điều kiện thành lập sâu sắc, điều mà Lê Thánh tông chỉ có thể thực hiện vào nửa thế kỉ sau, sau một thời gian quyền bính tập trung trong thời ngoại thuộc, sau những dọ dẫm tìm đường qua các cuộc tranh chấp đầu đời Lê.

Nhưng sự tập trung của Hồ Quí Li gây nên bất mãn từ mọi phía: không riêng các chủ điền trang Trần mất đất, mất nô bất mãn mà cũng còn phải kể cả các nô tì bị bắt buộc chuyển hướng phục vụ từ tư sang công, không thấy cuộc đời đổi khác lạ còn thấy khó khăn hơn vì mất vị thế quen thuộc, vị thế trong đó có người trên thực tế đã được giải thoát nay lại phải trở về hàng ngũ đầy tớ theo sự ràng buộc của luật pháp. Chức quyền địa phương sau này theo Minh, chống Minh, theo Lê, bỏ Lê chứng tỏ họ chưa tìm được thích ứng trong sự chuyển đổi xã hội lúc bấy giờ. Về phần các cá nhân triều Hồ mới, họ cũng không có quyền lợi nhiều hơn để tha thiết hơn với chính quyền.

Tuy nhiên, sự tập trung quyền bính, của cải cũng khiến Hồ Quí Li có ảo tưởng thực hiện được giấc mơ vĩ đại của mình. Các công trình khai thác ồ ạt hao người tốn của ở phần nam đèo Hải Vân là ý muốn lập lại sự quân bình lãnh thổ mới mà Tây kinh sẽ giữ vị trí trung tâm, vứt bỏ bên lề cựu đô Thăng long bị phá hủy cung điện cho nhu cầu xây đô mới kịp thời. Trong sự sôi sục đổi thay như thế cộng với mối đe dọa nghiêm trọng từ phương Bắc, Quí Li phải kì vọng vào binh lực mới được xây dựng theo ước mơ: "Làm sao có 100 vạn quân...".

Khả năng không đi theo mộng ước nên giấc mơ dựng và giữ nước Đại Ngu không thành – đất nước không lớn lên mà suýt mất hẳn, dân nước không vui hơn mà vì chính sự rối rắm, khắc bạc họ phải nổi lòng oán giận. Hơn 20 năm sau khi họ Hồ bị diệt, những người chủ mới trong lời kể tội nhắc đến sự kiện đặc biệt:

Đặt lệnh bảo sao thì dân đều oán là thiệt thòi nguồn sống.

Ban lệnh di dân thì dân đều oán vì phải rời bỏ quê hương.

Lệnh sử dụng tiền giấy thật là một biến động mới, mới hơn cả lệnh di dân -- vì dù có tầm mức to rộng hơn, sự thi hành có khắc nghiệt hơn, tổn thất có nhiều hơn, nhưng trong quá khứ cũng đã có những công trình di dân chủ yếu trên những vùng đất chính

quyền mở rộng, chiếm đoạt. Tiền giấy có vẻ là một cuộc cách mạng kinh tế — tài chính, tuy là một cuộc cách mạng có nguyên nhân thúc đẩy khá bình thường.

## Sao và thông báo hội sao.

Thực ra, gọi cách mạng cũng chỉ là nói đến biến động đảo lộn này ở Đại Việt chứ tiền giấy đã xuất hiện từ lâu ở nước láng giềng lớn phương Bắc vì những điều kiện riêng biệt của nơi này.

Ta không kể đến chế độ *phi tiền* – một hình thức chèque, của đời Đường Hiến tông (806-820). Nhưng *giao tử, tiền dẫn* thời Bắc Tống (thế kỉ thứ X-XII) và các tên có ý nghĩa như thế của đầu đời Nam Tống đã đóng là tiền giấy. Sự tiện lợi trong việc sử dụng tiền giấy khiến các nước vùng ngoại biên, sa mạc như Liêu, Kim, Mông Cổ (và khi vào Trung quốc là Nguyên) đều sử dụng rộng rãi tiền giấy. Tiền giấy nhà Kim có tổ chức qui mô, áp dụng trên toàn lãnh thổ vào năm 1154 khi viên Thượng thư bộ Hộ Diệp Tùng Niên lập phép *sao dẫn* và phát hành *giao sao*. Người Tây phương mở hồi kí của Marco Polo thì thấy được chuyện các *sèque* của nhà Nguyên làm bằng ruột mịn vẽ cây dâu.

Ngày nay, người ta còn giữ được các khuôn đồng in giấy bạc của Kim, các mẫu quan giao tử của Bắc Tống, mẫu tiền giấy 2 quan của Nguyên, và trực tiếp đối với vấn đề ta đang bàn ở đây là tờ *Đại Minh thông hành bảo sao*. Ta thử nhìn một tờ giá 1 quan phát hành đời Hồng Vũ (1368-1398).

Tiền cỡ 0,30 x 0,18m, phần trên in ngang dòng chữ "Đại Minh thông hành bảo sao" giữa 2 khóm hoa văn. Có hình vẽ quan tiền. Có lối chữ triện đứng riêng và chữ triện làm nền cho các hàng chữ lối chân có nghĩa: "Đại Minh bảo sao — Bộ Hộ được phép in Đại Minh bảo sao cùng thông dụng với tiền đồng — Ai làm giả bị chém — Ai báo cáo bắt giữ được thưởng 250 lạng bạc, còn cấp thêm gia sản phạm nhân". Có niên hiệu Hồng Vũ mà để trống ngày tháng năm.

Tiền giấy ở Đại Việt đặt là lần đầu tuy là một cải cách lớn, nhưng có nguyên nhân là sự kiệt quệ tiền đồng, quí vật của nhà nước đương thời. Vì sợ Chiêm Thành cướp phế kinh đô, tháng 9 âm lịch (1379), Trần Nghệ tông sai tải tiền đồng dấu trong núi Thiên Kiện gần kinh thành, rồi chưa được yên tâm, tháng 10 cùng năm lại sai dấu tiền ở mãi Lạng Sơn. Đến khi Chế Bồng Nga tử trận đầu năm 1390 thì cuối năm đó, nhà cầm quyền vời thợ đá mãi tận Thanh Hoá ra đào của đã chôn vì núi đá sập lấp kín cửa động. Tiền của nằm trong hai núi Thiên Kiện và Quẫn Mai (không biết chôn ở địa điểm này vào lúc nào) hẳn là khá nhiều mà không lấy ra được, tất đã làm cho triều đình phải lâm vào thế quẫn bách. Phát

hành tiền giấy để thay tiền đồng thu về, Hồ Quí Li không những thực hiện được ý muốn đổi mới vĩ đại mà còn chứng tỏ cho nhà Trần thấy mình là con người không thể thiếu được.

Việc phát hành *Thông bảo hội sao* thực hiện vào tháng 4 âm lịch (1396) có ghi trong chính sử Việt và có lẽ đây là nguồn tin độc nhất còn giữ lại. "Thể thức tiền giấy: giấy 10 đồng (đơn vị) vẽ rong, giấy 30 đồng vẽ sóng, giấy 1 tiền (1/10 quan) vẽ mây, giấy 2 tiền vẽ rùa, giấy 3 tiền vẽ lân, giấy 5 tiền vẽ phượng, giấy 1 quan vẽ rồng". Điều ghi chép quá sơ lược khiến ta không biết rõ cỡ, loại giấy, không biết các hình vẽ nói trên là nền cho cả tờ giấy bạc hay chỉ chiếm một phần thôi. Xét tờ bảo sao của Minh nói trên -- và các tiền giấy của Tống, Liêu, Kim khác, ta ngờ rằng câu tiếp theo của *Toàn thư*: "Ai làm giả phải tội chết, tịch thu điền sản vào nhà nước" có thể được ghi ngay vào tờ giấy bạc và có lẽ cũng có điều khoản ghi danh tính cơ quan phát hành, và thưởng người tố cáo kẻ làm bạc giả.

Hồ Quí Li không làm việc đơn độc. Tham gia vào việc đặt qui chế tiền giấy còn có Vương Nhữ Chu, người mà năm sau, ông đặt coi việc quân dân phủ Thiên Trường vốn là đất căn bản của họ Trần. Sự bổ nhiệm này nằm trong ý đồ khống chế sức phản động có thể nổi lên từ hang ổ này. Vương Nhữ Chu là "phe" của Hồ Quí Li từ trước trong dấu vết sử ghi chuyện tháng 8 âm lịch (1389), con ông là Nhữ Mai báo tin cho Hồ biết âm mưu tôn thất Trần Ngạc cùng với (Phế) Đế Nghiễn muốn diệt ông.

## Đường lối thi hành và các phản ứng chống đối.

Theo lệnh đương thời, tiền in xong, bắt dân đổi 1 quan tiền đồng lấy 1 quan tiền giấy và từ đấy cấm không được tích trữ, sử dụng tiền đồng. Tiền đồng được thu về kho chứa ở kinh thành, ở trị sở các xứ.

Nhà nước rất quan tâm tới việc thi hành cải cách cho tới nơi, tới chốn. Ba năm sau (1399), tiền đã thông dụng, nên Nguyễn Nhữ Cái nổi dậy, cho in tiền giấy để quân chống đối sử dụng. Khi Hồ Quí Li cướp ngôi nhà Trần xong lại có đủ uy thế hơn để thúc đẩy thực hiện chính sách. Năm 1401 có chính sách điều hoà giá cả thóc lúa trong nước bằng việc lập các kho *thường bình* ở phủ, lộ. Phối hợp sử dụng chính sách kinh tế tài chính và an ninh xã hội, nhà Hồ đã tung tiền giấy cho các lộ dùng làm phương tiện mua thóc lúa theo thời giá chứa vào kho trữ chờ lúc thiếu hụt. Sử cho biết công việc không kết quả gì mấy vì lúc bấy giờ đang có việc chuyển đổi quan chức địa phương theo nhu cầu củng cố chính quyền mới.

Thuế má cũng thu bằng tiền giấy. Đất bãi dâu hạng nhất mỗi mẫu nộp thuế 5 quan tiền giấy, hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan. Thuế thân đánh kèm với khả năng tư hữu, thấp nhất là người có 5

sào ruộng đóng 5 *tiền* giấy, cao nhất là người có 2 mẫu 6 sào trở lên đóng 3 quan tiền giấy mỗi năm. Trong giới hạn thấp nhất và cao nhất này, cứ tăng lên 5 sào thì thuế tăng 1/2 quan tiền giấy. Quyền tư hữu bị một đòn với loại thuế lũy tiến này.

Năm 1403, khi qui định đơn vị cân đong, Hồ Hán Thương (dưới quyền của Thượng hoàng Quí Li) cũng định giá các tiền giấy để trao đổi nhau. Không biết qui định này chỉ nhắc lại hay có sửa đổi qui định năm 1396 không. Nếu có thì hẳn phải thêm một loạt phát hành mới mà ta không được biết. Rồi đến lễ thất tuần của Hồ Quí Li (1405), các bà già lại được thưởng tiền giấy.

Chính sách tiền giấy của họ Hồ đặt căn bản trên một sự cưỡng ép của những đầu óc lí tưởng đến mức thô thiển, không chịu chú ý -- hay chỉ chú ý rất ít đến tâm lí người dưới quyền. Sai lầm đó đã là cớ cho người sau chê trách: "... lấy lòng thích riêng của một người mà bắt ép muôn nghìn người không muốn phải theo..." (tờ chiếu mùng 5-7 năm Kỉ dậu -- 4-8-1429). Nếu gọi đây là sự bắt chước phương Bắc thì có thể nói là một sự bắt chước chưa được học hỏi "tới nơi tới chốn", chưa được rút kinh nghiệm về những gì đã xảy ra từ nơi xuất phát sáng kiến.

Những tiền giấy Trung quốc đều có quí kim hay quí vật *(tơ* đối với *Trung Thống nguyên bảo sao* năm 1260) làm chuẩn để đo lường giá trị. *Hưng Định bảo tuyền* của Kim phát hành năm 1222 được định 1 quan bằng 1/2 lượng bạc, *Đại Minh thông hành bảo sao* (1375) loại 1 quan bằng 1 lượng bạc, bằng 1/4 lượng vàng. Trước họ Hồ, nhà Nguyên và sau này, nhà Minh, có lúc cấm tiền đồng để cho bạc giấy được độc quyền lưu thông, nhưng rồi người ta cũng phải để cho đồng, giấy cùng sử dụng và có điều khoản qui định hẳn hòi: năm 1207, nhà Kim ra lệnh rằng việc giao dịch trên 1 quan thì dùng tiền giấy, nhà Minh ra lệnh trên 100 đồng dùng tiền giấy, dưới số đó dùng tiền đồng, thuế thu 7/10 là giấy (3/10 là bạc -- để thu bạc về cho nhà nước). Nói cách khác, trong những giao dịch, chi phí lớn thì dùng tiền giấy còn tiền đồng thì dùng cho những món tiền nhỏ. Tuy các triều đại đó phải lúng túng về vấn đề bản vị, lạm phát, nhưng có sự phân chia như trên chứng tỏ tiền giấy đã được sử dụng một cách uyển chuyển, có lưu ý đến thực tế sinh hoạt của dân chúng.

Ở nước Việt, tiền đồng đúc trong xứ mang niên hiệu vua Đại Việt phần nhiều mang ý nghĩa xác nhận chủ quyền chứ không đủ cho nhu cầu và người trong nước vẫn sử dụng một số rất lớn tiền mang danh hiệu nước ngoài theo trao đổi giao thương mà tới. Ta không thấy những qui định của nhà nước Lý Trần đánh giá tương đương tiền đồng và quí kim, nhưng dù sao tiền đồng cũng còn có giá trị bản thân là chất lượng kim khí nó mang trong người (chứng

tỏ khi cần, người ta mang ra đúc đồ vật). Vậy mà khi bắt buộc dùng tiền giấy, Hồ Quí Li đã cố ý thay thế hẳn tiền đồng, không cho tiền giấy có một căn bản giá trị kim khí nào, dù đó là đồng. Lối đổi 1 quan 2 tiền giấy lấy 1 quan tiền đồng chỉ là một cách dẫn dụ người ta ham lợi thi hành chứ không phải là một sự qui định ngang giá vốn là thừa trong nội dung chính sách.

Người dân đương thời hẳn không tin ở giá trị mấy tờ giấy vẽ sóng nước, long li qui phụng đó. Nguyễn Nhữ Cái in tiền giấy giả để dùng -- chắc là dễ dàng hơn đúc tiền đồng, hành động đó đã đánh ngón đòn đầu tiên vào uy tín của cải cách. Có lẽ tuy chính thức thì lệnh hội sao là độc chiếm lưu hành từ năm 1396, nhưng vẫn còn một hệ thống tiền đồng tiêu dùng theo thói quen song song với của nhà nước, không kể đến lệnh chính thức. Cho nên năm 1403 nói trên, triều đình lại gặp phản ứng của các nhà buôn không chịu tiêu tiền giấy, tăng giá hàng, giúp nhau chống đối khiến nhà Hồ phải ra lệnh trị tội.

.....

*bảng liệt kê 1*

.....

Thất bại của cuộc cách mệnh tiền tệ này có nguyên nhân từ cả trình độ phát triển kinh tế đương thời trong nước.

Chúng ta hãy nhìn vào bảng liệt kê các đơn vị (tạm gọi là) hành chính cơ sở đương thời (Bảng 1). Bảng này được sắp xếp theo tài liệu của Cao Hùng Trưng *(An Nam chí nguyên),* tuy làm ra vào thời thuộc Minh, nhưng là "theo lời kê khai của các châu, huyện" nên cũng có thể đúng với tình hình phân bố cai trị ở các cấp thấp nhất trong nước vào cuối thế kỉ XIV - đầu thế kỉ XV vì hẳn quan lại nhà Minh chưa làm công việc đổi thay tận các nơi ấy. Đại khái ta có thể thấy tên các đơn vị phản ảnh vị trí ở đồng bằng (xã, thôn, hương), rừng núi (sách, trĩ, địa, động, mang, la, trại, trường), cùng những vùng khai thác riêng biệt (trang, chằm, bãi, khuếch, la -- chắc là vùng săn bắn), những tên còn sót lại từ thời trước (chỉ có 9 hương ở Quảng Uy, 2 lộ ở Qui Hoá).

Ta đặc biệt chú ý đến các danh hiệu có vẻ chỉ những nơi tập họp buôn bán: chợ, phố (nhai). Những nơi này có số lượng khá nhiều trên các đơn vị hành chính lớn ví dụ như Thăng Long thời thuộc Minh có các vùng tên Đông, Tây, Bắc nhai... Số lượng chợ nhiều hơn bản số lượng phố (122/41). Có thể phường là địa điểm thủ công nghiệp và buôn bán sản phẩm ngành nghề đặt trong thành phố. Nhưng các số lượng này vẫn ngập chìm trong các đơn vị nông thôn: 2669 xã và thôn (nếu chỉ kể riêng xã 2534). Mặt khác ta cũng không nên quên rằng một bộ phận trong các khu vực buôn bán không tách rời về mặt minh họa với nông thôn như vẫn còn

thấy ở các thế kỉ sau.

Đối với tiền giấy -- không kể đến thành kiến, thói quen chống đối cải cách, những người ở các khu vực xóm chợ, làng quê vẫn thấy không còn thay đổi vì các đồng tiền đồng vừa có tính chất bền vững vừa không mất tính chất tiện lợi. Tiền giấy mới tuy có giá trị không cao (không trên một quan), sử dụng được trong tầm mức kinh tế thấp thỏi, trong sự trao đổi vụn vặt, nhưng vì không lẽ như đã nói, nên không thể thuyết phục người ta bỏ tiền đồng. Mặt khác, tiền giấy lại không có quí kim bảo đảm nên không thể sử dụng ngoài nước hay để người nước ngoài (Trung quốc) sử dụng được. (Đặt vấn đề nhà nước kinh doanh ngoại thương, thì nhà nước mang tính cách điền chủ và thư lại — nho sĩ không thể hoàn thành nhiệm vụ được). Nguyên nhân thất bại thật có đủ từ mọi phía. Nhà Hồ cũng không giữ nghiệp được lâu dài cho người dân thấy thấm thía với cảnh lạm phát như người dân Trung quốc đã từng "chết ngồi" trước đống tiền mất giá "lấy xe mà chở".

*(còn tiếp kỳ sau)*


## ĐẠI DIỆN VĂN HỌC Ở ÂU CHÂU

Bạn đọc Văn Học ở Âu châu, nhất là tại Pháp muốn mua thường xuyên báo Văn Học, để tránh những phiền phức trong thủ tục chuyển ngân, có thể liên lạc với đại diện của Văn Học tại Âu châu là :

**Mr Lê Tất Luyện**
**15 Place Souham**
**75013 Paris, FRANCE**
**Điện thoại : 45831912.**

## ĐẠI DIỆN VĂN HỌC Ở ÚC CHÂU

**Nguyễn Khắc Phú**
**5/25 Georgr Street**
**Yagoona,N.S.W. 2199 Australia**

Đại diện của Văn Học sẽ tùy thời giá hối đoái giữa đồng Mỹ kim và các tiền tệ Âu châu và Úc châu để giúp quí vị mua Văn Học dễ dàng hơn .

*Nguyễn Văn Sâm*

## *Đọc thư người tình cũ*

*Phong bì đen mang đời em hiện tại*
*Xót xa thân mỏi mắt ngóng tương lai*
*Câu "độc lập" chém ngang đời vô vọng*
*Tiền tem thư ách nặng kiếp trâu cày.*

*Cầm để đó ngần ngừ không dám đọc*
*Trần tình lòng sợ khóc ướt thư em*
*Gom can đảm ta đút thư vào hộc*
*Khuya vắng người lọc cọc vặn đèn xem.*

*Trước khi mở ta ngồi yên tĩnh toạ*
*Hớp hơi dài ôn thuở chúng mình vui*
*Nhìn xuyên đêm hình dung em tóc xoã*
*Gắn tai thầm bắt dính giọng em cười.*

*Giương tay phép ta ôm ngang eo ếch*
*Cái thuở mình hai đứa "rước đèn" chơi*
*Môi ướm nước, nhớ nụ hôn dài, mệt*
*Trăm ngàn lần cũng ngọt lịm mà thôi.*

*Xoáy ký ức nhớ khi em hờn dỗi*
*Mặt dàu dàu từ chối buổi "xi nê"*
*Mồm mép lém, ta chối càng hứa dối*
*Giờ ngồi đây nghĩ lại cũng còn "quê".*

*Ta mường tượng tiếng yêu thương ngày cũ*
*Thư năm tờ không đủ chứa lời than*
*Em chết dở trong hang loài dơi cú*
*Xứng gì ta dầu nhắc nhở đôi hàng ?*

*Tháng 8.1987.*

*Ngô Nguyên Dũng*

## *Những vì sao.*

Chưa bao giờ Thức thấy rõ bộ mặt thực của đời sống như lần này, kể từ hôm Khanh dọn ra ở riêng. Buồn? Chán chường hay tiếc nuối? Những tình tứ ấy bám lấy Thức mãi như đã thành sẹo trong tâm tư chàng. Dù sao, hai thân gỗ bấp bênh trên dòng sông đất lạ đã tấp vào nhau, báu víu vượt qua những khó khăn trong khoảng thời gian đầu, không có tình, cũng phải có nghĩa. Hơn nữa, sau ngày bé Vy ra đời, Thức đã tưởng cuộc sống mình khỏi sự phẳng lặng. Nhưng chàng đâu thể nhốt một ngọn gió, bắt mặt hồ đừng bao giờ nổi sóng. Khanh tới, thiết tha tặng cho chàng một mầm sống, rồi cuối cùng quay lưng bỏ đi, vì một người đàn ông khác. Đó không phải là lý do chính như nàng đã thổ lộ cùng Thức. Khanh bảo, tự dưng nàng cảm thấy nhạt nhẽo khi nhìn xuống cuộc đời bằng cặp mắt từ trên cao, choáng váng, hai chân bủn rủn chỉ muốn quỵ ngã. Nàng biết, mỗi đời người giống như một bài hát, có nhiều âm điệu thăng trầm. Có lẽ nàng đang rớt vào một nốt nhạc thấp nhất. Thức không hiểu, Khanh có những ý nghĩ đó trước hay sau khi quen người đàn ông kia. Chàng cũng không hỏi, biết bao nhiêu đó cũng đủ lắm rồi. Một mảnh gương vỡ, đâu ai muốn giẫm chân lên nhún nhảy chà đạp cho nát thêm! Thật ra, nếu không có bé Vy, có lẽ chàng không quyến luyến Khanh như vậy. Sau một vài lần đôi co, có lần Thức đã giận dữ ném tách cà-phê lên vách nhà, bắn một vệt nước dài màu nâu lên nền tường trắng; và những giọt lệ chảy thành dòng trên má Khanh. Giả dối! Tâm tư Thức dịu xuống. Không, sợi dây căng cứng tâm hồn chàng vừa đứt đoạn, nằm rã rời trên bãi tình cảm hoang tàn. Chàng ví von mông lung, làm sao giữ được một con chim đã bắt đầu muốn trở lại trời cao, hay một loài cá đang thèm khát đại dương bao la. Chàng không thể nhồi nắn tình cảm Khanh như người ta nhào bột, nén vào khuôn mẫu nhất định. Bé Vy ra đời ngoài ý muốn của Khanh, một niềm vui ngẫu nhiên.

"Tuổi thơ của bé Vy là một nhà thuốc tây di động", Thức vẫn thường so sánh như vậy và bật cười một mình. Đứa nhỏ ra đời yếu đuối như một con sâu bám nhầm lá chết, sớm một tháng, phải nằm lồng kiếng hơn bốn tuần. Vừa biết bập bẹ ma-ma, ba-ba và đi chập chững thì bị sưng hạch cổ họng, vì còn bé quá nên bác sĩ khuyên không nên cắt vội, có hại cho sức khoẻ. Những khi trời trở lạnh, cổ họng sưng to, bé Vy cứ húng hắng ho. Ở trong nhà lúc nào cũng phải quấn khăn quanh cổ, trông như bà cụ già hom hem. Vì nuốt khó nên bé Vy rất lười ăn, sức nặng dưới mức trung bình. Mỗi lần thay quần áo cho con, Thức cầm cánh tay, ống chân của đứa con gái nhỏ lên ve vuốt, lòng chùng xuống. Cũng may, bé Vy rất chịu uống thuốc. Riết rồi bé thuộc nằm lòng, thuốc nước nhỏ mấy giọt, thuốc cốm bao nhiêu muỗng; loại nào dùng nhét hậu môn, chai si-rô thuốc ho màu gì, bọc thuốc cảm hình ra sao? Thế giới ấu thơ của bé Vy ngoài những cuốn sách hình, mấy con thú nhồi bông, là túi đựng chai lọ đủ mọi loại thuốc.

Có một dạo, Khanh tìm được một chân chạy bàn cho quán cơm Trung Hoa nọ, đêm nào sau 12 giờ nàng mới trở về nhà. Phần Thức, sau ca làm việc mệt mỏi, chàng đón bé Vy ở nhà trẻ, rồi suốt ngày hai cha con hú hí với nhau. Chàng ru con ngủ bằng những câu chuyện cổ tích tự tưởng tượng ra hay kể lại dăm ba mảnh vá víu từ "Phạm Công Cúc Hoa", "Tấm Cám",Thạch Sanh Lý Thông"... Thức hy vọng, sẽ ấn vào khối óc màu trắng vài con dấu tâm tình của quê nhà mà tuổi nhỏ chàng đã có lần trải qua.

Những ngày đi làm đêm, Khanh nông nổi khó tính như hòn than nóng, chỉ chờ đốt cháy những kiên nhẫn nơi Thức. Đêm nằm bên nhau, đồng sàng nhưng dị mộng. Tấm kiếng bất hòa vô hình nhưng vững chắc vô song, Khanh từ chối luôn cả những va chạm âu yếm.

Ngôi nhà năm từng, có thang máy, ở trên cùng là căn gác trống dùng để phơi quần áo, nhưng hình như chỉ có Thức và Khanh làm chuyện đó. Một bên mái là cánh cửa sổ hình chữ nhật có cần kéo, rộng bất thường so với những ô cửa kiếng lá sách mà Thức từng thấy trong những căn nhà khác. Ngang chừng một thước, dài khoảng thước rưỡi, lúc nào cũng trong suốt sạch sẽ — ngoại trừ những ngày mùa đông có mưa tuyết — vì được những người mướn nhà thay phiên nhau lau chùi. Vì nằm ngay dưới nóc nhà nên vào mùa hè, căn gác hừng hực nóng; tháng mười một đã bắt đầu lạnh lẽo. Thức cảm nhận sự đổi thay của thời tiết bằng nhiệt độ lên cao hay xuống thấp của căn phòng trống trải này. Chàng vẫn còn nhớ, có một đêm trăng tròn, không ngủ được, Thức rón rén mang túi ngủ leo lên đó, trải ra nằm ngay dưới khung cửa hẹp. Khoảng trời đêm bao la bây giờ đóng khung gọn lỏn giữa

khung kiếng. Luồng trăng sáng rực như tỏa hào quang, nằm khuất ở góc trời đâu đó. Thức gối tay sau gáy nhìn lên. Trời đêm trong vắt không cụm mây che. Sân khấu vũ khuya mở tung ra, trải rộng trước mắt chàng một tấm phông màu xanh thẫm, êm ả và bao dung. Và những vì sao lung linh, nhấp nháy, có đốm sáng rực, có đốm nhỏ bé yếu ớt như một dấu chấm. Thức chợt nhớ tới một ma thuật mà chàng đã đọc qua ở đâu đó. Vào mùa trăng đầy, chờ đúng nửa đêm, ra hái đọt non của một vài cây đặc biệt về nấu thuốc, sẽ là một thứ linh dược mê hoặc được tình yêu người khác.

Thức liên tưởng về một đêm xưa, trên đường từ Sàigòn lên Đà Lạt, tuổi nhỏ chàng đã chứng kiến cảnh cháy rừng. Lửa hung bạo chồm lên những ngọn cây, loé sáng, kêu tách tách, khoác bộ áo lửa lên cánh rừng thông. Ba chàng bảo, có lẽ người Thượng họ đốt rừng làm rẫy. Cũng có thể tại thiên nhiên và thời tiết gây nên. Dù sao, đêm cháy rừng dạo nọ chàng vẫn nhớ, như thể một ô kỷ niệm đã có lần bị lửa liếm làm nám một góc. Tự nhiên Thức giữ tương đối nhiều những hình ảnh về đêm. Lần trải chăn nằm với Khanh, đêm mùa hè, trong một dịp đi nghỉ mát ở miền đồi núi Idar-Oberstein, Khanh gối đầu trên cánh tay chàng. Hai người cùng ngẩn ngơ chiêm ngưỡng vườn sao giăng mắc trên cao. Tim chàng mở hội, thủ thỉ:

— Đầu tháng tám và tháng mười hai, nếu trời trong, chúng mình sẽ thấy nhiều sao băng.

Giọng Khanh mềm nhũn :

— Em chưa thấy sao băng bao giờ.

— Có lần nào em ngắm đêm trung tuần tháng tám chưa ?

Khanh cười khúc khích :

— Chưa .

— Thiên hạ bàn, mỗi vì sao băng tượng trưng cho một linh hồn vừa nhắm mắt. Bi thảm quá. Có người lạc quan hơn cho rằng, tình cờ thấy được sao rơi, nhanh trí ước điều gì, sẽ toại nguyện.

Giọng Khanh run rẩy :

— Em muốn ước một chuyện.

— Chuyện gì ?

— ... đừng có vì sao nào băng cả !

Thức cười nhẹ, chưa hiểu Khanh ngụ ý gì trong câu nói ấy thì nàng đã chậm rãi tiếp:

— ... Sau lần vượt biển, lên tới đảo em nghe cô bạn kể, ngay chính đêm trời đẹp, vắng vặc trăng sao, cô leo lên nằm trên sàn ghe hóng mát. Ngắm trời và biển thật lâu, cô ta thấy hình như có những đốm sáng xẹt qua, xa lắm, tít tận chân trời. Cùng đêm đó, thuyền gặp hải tặc, bắt vài người mang theo... Từ đấy cô bạn em quả quyết rằng, sao băng mang lại toàn những điều xui xẻo!

Có bao giờ Thức tin điều mê tín ấy, nhưng nghĩ tới câu chuyện Khanh kể đêm nào, Thức vẫn còn cảm động. Vì vậy, lâu lâu chàng ôm túi ngủ lên căn gác trống, nằm ngắm mảnh trời đêm thu hẹp qua tấm kiếng khung cửa sổ nghiêng nghiêng. Dạo đó Khanh đã dứt khoát lìa bỏ cha con chàng, lao mình đi tìm đời sống mới. Khanh đã lưỡng lự, định đem bé Vy theo, vì trên giấy tờ nàng có toàn quyền giữ nuôi đứa nhỏ. Nhưng có lẽ thấy tội nghiệp Thức, Khanh để con ở lại, với điều kiện nàng sẽ mang con về chơi mỗi cuối tuần. Thức như người chết khát giữa sa mạc thấy được ao nước mát. Chàng ngỡ đã có thể bơi lội tung tăng, sống an nhiên với hạnh phúc khiêm tốn ấy, nhưng cứ mỗi chiều thứ sáu, đón con từ vườn trẻ về nhà, Thức có cảm tưởng như đêm cuộc đời chàng giăng mù sương. Khoảng tám giờ tối thứ sáu, Khanh lại đến chở bé Vy đi. Thức sửa soạn bữa ăn tối bằng khối tâm tư trống rỗng. Chậm chạp rửa ráy, thay quần áo cho con như muốn kéo sợi thời gian dài ra, níu cây kim đồng hồ đứng lại. Gói ghém một vài thứ không thể thiếu vào túi xách. Con búp-bê có mái tóc kết bằng những sợi len màu vàng cam. Quyển sách hình "Thằng Người Gỗ" bằng giấy bìa. Chiếc khăn ca-rô độc nhất mà bé Vy đồng ý cho quấn quanh cổ ngừa gió mớm. Và những chai thuốc nước, hộp thuốc viên được xếp riêng vào một chiếc xắc tay nhỏ.

Xong đâu vào đấy, hai cha con ngồi đợi. Thức nhìn nỗi mong ngóng nở hoa trên khuôn mặt, ánh mắt bé Vy với nguyên vẹn xót xa. Chàng ước mong sao, đứa nhỏ đừng bao giờ biết được những ghen tuông bắt buộc phải có đang nhen nhúm trong tâm khảm chàng.

— Sao mẹ lâu tới hả ba ?

— Chắc sắp rồi.

— Với papa Vĩnh hả ba ?

Chàng chỉ ậm ừ:

— Ở, ờ...

Vĩnh đeo kính cận thị, có khuôn mặt xương xương, để râu mép. Những lần đầu, Khanh bắt Vĩnh ngồi chờ dưới xe, lên đón bé Vy một mình. Nhưng có một buổi chiều chủ nhật, trời mưa tầm tã, Thức hơi luống cuống khi mở cửa nhà đón bé Vy trở lại, thấy Khanh và Vĩnh đứng đó. Người đàn ông tay cầm dù, đứng bên Khanh, nét mặt lúng túng y hệt Thức. Khanh vội vã giải thích:

— Em có mua cho con chiếc xe bằng nhựa, nó đòi mang về nhà cho bằng được, may có Vĩnh đi theo xách giùm.

Thức ra vẻ niềm nở, mời cả hai vào nhà. Chàng tóm vội vàng đống quần áo phơi vừa khô chất bừa bãi trên ghế xa-lông, ném vào giường ngủ, khép cửa lại. Chàng tỏ ý xuống bếp pha trà thì Khanh đã giành làm. Từ đó, Thức biết Vĩnh nhiều hơn.

Vĩnh là nhân viên thảo chương điện toán cho một hãng kỹ nghệ cách đây gần trăm cây số, qua trước chàng hai năm. Nguyên nhân nào đưa đẩy Vĩnh quen Khanh, Thức không rõ. Chàng dự đoán, có lẽ trong lần Vĩnh vì công việc tới tỉnh này, rồi quen được Khanh trong hiệu ăn Trung Hoa kia. Mà tấm gương soi đã vỡ rồi, biết rõ lý do cũng không gắn lại được. Thức ôm một phần gương vỡ, thao thức như những vì sao không bao giờ ngủ.

*
* *

Khi cơn nóng giận ban đầu lắng xuống, chàng bình tâm suy nghĩ lại. Đã một lần, trong cơn thịnh nộ không dằn được, Thức tát Khanh một cái. Như điện giật, chàng rút tay về, bối rối nhìn ánh mắt Khanh ứ đầy oán trách và những sợi tóc vướng trên má. Nàng vuốt cơn đau, lẳng lặng bước vào phòng ngủ, khóa lại. Bên ngoài Thức thở dài, rớt người xuống ghế nệm. Cảnh tượng chung quanh như di động, chập chờn nhảy múa. Chàng gục đầu vào lòng bàn tay, khổ sở như người du mục tìm về chốn cũ, không còn thấy cánh đồng cỏ và bầy ngựa quen thuộc nữa. Một chiều gió lộng, chàng nghe có tiếng ngựa hí từ bãi cỏ ngoài kia. Tiếng kêu báo trước một cơn giông, một thiên tai hay một mảnh tâm tình vừa đánh mất?

Thức loay hoay tìm cách đền bù mất mát ấy. Chàng băn khoăn so sánh tình cảm riêng tư với cuộc sống lưu lạc nơi xứ người. Lúc còn ở trên đảo chờ ngày định cư, có nhiều lần Thức hoang mang đứng trước biển rộng. Biển và trời dang tay toang hoác. Sóng kêu gào. Gió thổi cuồng nộ trên không. Chàng đứng ngoài bãi bẵng, một mình bé nhỏ vô vọng trước cảnh mây nước trùng trùng. Hoài nghi về tương lai mịt mùng loét ra như những vòng âm ba trong lớp không khí ướt sũng. Chàng chỉ là một hạt cát nằm dưới đáy thái bình dương; một loài còng ẩn náu tạm trong chiếc vỏ ốc trống, mượn hồn ai để sống. Chàng là một đợt sóng nối tiếp, tràn vào bờ theo triền nước dâng. Bấy nhiêu cũng đủ báo thức chàng, cuộc đời vô thường thế thôi, sá gì những ngày bão tới.

Khanh không nói chuyện với Thức ba ngày vì cái tát tay, mặc dù chàng đã xin lỗi. Sau đó nàng vắng nhà nguyên cuối tuần, không cho biết đi đâu. Buổi chiều thứ sáu, Khanh đến quán ăn làm việc rồi không thấy trở về. Sáng thứ bảy, nàng gọi điện thoại nói vắn tắt, ở chơi nhà người bạn, bao giờ chán sẽ về, dặn Thức lo mua tã, sữa, trái cây tán nhuyễn... cho bé Vy và hôn bé by giùm nàng hai cái thật kêu. Tự nhiên, Thức bình thản như một ngày gió lặng.

Chiều chủ nhật, Khanh về. Thức đang sửa soạn bữa cơm tối; canh cà chua, trứng, đậu hủ và thịt kho nấu từ hôm qua. Chàng hỏi thẳng Khanh lúc hai người đã ngồi vào bàn:

— Anh ta tên gì ?

Khanh hơi ngạc nhiên, đáp cộc lốc:

— Vĩnh.

Thức không hỏi tiếp. Chàng chỉ trả lời nhát gừng những câu hỏi của Khanh. Bé Vy vẫn bình thường? Nó có nhõng nhẽo hay ấm đầu, chảy mũi? Đêm hôm ấy, Khanh đem chăn, nệm sang ngủ chung phòng với bé Vy với lý do trông chừng mỗi khi nó thức giấc giữa khuya.

Từ dạo nọ đến hôm Khanh quyết định sang ở với Vĩnh, hai người rất ít trò chuyện với nhau. Thức chui vào vỏ mặc cảm tăm tối. Khanh lùi lại vào chân tường, lúc nào cũng như thủ thế. Nàng sợ khuôn mặt Thức mỗi lần chàng đưa mắt nhìn nàng lầm lì, lặng lẽ. Nàng tưởng tượng bàn tay Thúc sẽ giơ lên, giáng xuống thân thể nàng những cái tát, cú đấm hung bạo. Con chim nhỏ đã một lần trúng tên, chỉ cần thấy giương cung cũng đủ tung cánh bay hốt hoảng. Nàng ở với Thức những ngày trong tuần. Tối thứ sáu, sau giờ làm việc, nàng đáp xe lửa tìm đến Vĩnh. Đời sống Khanh đã mở ra những trang sách mới. Đâu có gì vô luân khi những rung cảm của nàng dành cho Thức đã lắng. Nàng đang tìm cách chọn lựa cho mình một giải pháp xa nhau tốt đẹp. Mài cho thật bén lưỡi dao để lúc cứa, ngọt đến nỗi máu chưa kịp ứa thì mọi chuyện đã xong xuôi...

Khuôn mặt bé Vy có nhiều nét giống Thức hơn Khanh. Cặp mắt hơi xếch, màu mâu hạt dẻ. Đôi môi dầy. Chỉ có chiếc mũi là giống Khanh, cao vừa và hơi to. Không biết có phải vì giống cha nhiều hơn mà bé Vy hay quấn quýt bên Thức. Đôi lúc nàng tủi thân muốn khóc, vì bé Vy chỉ muốn được Thức dỗ ngủ. Chuyện cũng dễ hiểu thôi, từ khi đi làm bồi bàn cho hiệu cơm Trung Hoa, tối nào Khanh cũng trở lại nhà vào khoảng mười hai giờ đêm. Sự mệt mỏi bắt nàng phải vội vã. Cởi lớp quần áo đầy mùi thức ăn, thuốc lá ra, nàng hấp tấp bước vào phòng tắm, tẩy xóa bụi phong trần. Rón rén chui vào phòng bé Vy, hôn lên má con một cái rồi như kẻ trộm, nàng rình rập đi về hướng phòng ngủ, mở cửa thật khẽ, nhón chân thót bụng đặt thân thể lên mặt nệm, nằm kề bên Thức. Nàng cố tìm vào giấc ngủ bằng cách đếm cừu. Phần Thức, chàng miên man nghĩ tới những vì sao nhấp nháy... *Tình cờ thấy được sao rơi, nhanh trí ước điều gì, sẽ toại nguyện.*

Chàng không biết, đó có phải là điều mình mong ước không, khi nghe Khanh ngỏ ý, sẽ giao lại bé Vy cho chàng giữ, nàng về sống chung với Vĩnh, mỗi cuối tuần đến đón con sang chơi. Thức thẫn thờ đáp, em tính sao cũng được, tôi bằng lòng hết. Khanh đọc rõ nét thất vọng trong mắt Thức, lòng nàng chùng xuống, đặt nhẹ bàn tay lên vai chàng... Nàng sửng sốt biết bao khi Thức hất nhẹ tay nàng ra, cất giọng chai cứng, bao giờ em và tôi bàn chuyện chia

đồ đạc đây? Tôi xin được giữ lại hai chậu xương rồng nở hoa vào dịp Giáng Sinh và Phục Sinh, cây chanh, bụi chuối kiểng, dây trầu bà trồng trong chậu sứ hình con thiên nga, còn những thứ khác, em muốn lấy gì tùy ý. Khanh đứng chết trân nghe Thức liệt kê một hơi những món chàng yêu thích. Toàn cây cảnh. À, tôi cũng xin em để lại bồn nuôi cá cho bé Vy, nó thích lắm, tối nào cũng bật đèn màu đứng ngắm mải mê. Thức chỉ nghĩ tới những thứ ấy thôi sao? Khanh tự hỏi và tâm tư run rẩy. Nàng đang đứng trước sự thật hiển nhiên. Sự chia cách là tấm gương để Thức soi mặt tự thứ. Chàng chẳng quyến luyến gì cả, không muốn giữ lại gì hết, ngoài những chậu hoa, bụi kiểng, bồn cá. Còn kỷ niệm của hai người: những tặng vật thuở vừa quen nhau, tấm hình chụp chung treo ở trên tường, quyển album, mấy cuốn sách, dĩa nhạc, cuộn băng cát-sét có những bài hát mà cả hai đứa đã từng chụm đầu vào nhau lắng nghe hằng giờ không biết chán. Tình cảm của Thức dành cho nàng hời hợt vậy sao? Hay nàng đã làm vỡ tan nát những thương yêu ngày xưa? Khanh vẫn còn những cảm tính rất đàn bà, nàng muốn trước khi xa nhau, Thức *phải* gục đầu khóc lóc vì nuối tiếc, *phải* nắm tay nàng nài nỉ, níu kéo, *phải* quát tháo cấm đoán nàng không được mang theo bất kỳ một thứ gì, vì tất cả là kỷ niệm của hai đứa. Cái con đàn bà trong Khanh không những đầy dẫy mâu thuẫn, mà còn nhỏ mọn quái gở nữa. Nó mọc thêm hai cánh tay bọc nhung, sẵn sàng vuốt ve thương hại. Nó nhủ thêm mười ngón nhọn chơm chởm, bấu lấy hành hạ lần cuối cùng trước khi buông tay, thả rơi xuống.

Sáng sáng, trước khi tới sở làm, Thức bỏ con tại vườn trẻ. Chiều đón về. Năm lên sáu, vào lớp một, Thức vẫn có thói quen đưa con đến trường, nhưng giờ về chàng mướn mẹ nuôi người bản xứ tới đón, ở lại nhà chăm sóc bé tới lúc chàng xong việc. Lên lớp hai, đời sống thường nhật vẫn vậy. Sang lớp ba, mẹ nuôi chỉ tới đón và ở lại ba ngày trong tuần. Hai ngày còn lại, đứa con gái nhỏ tám tuổi phải tập tành lo liệu lấy. Tự về nhà một mình, tự hâm thức ăn làm sẵn bằng lò microwave, sau đó muốn làm gì tùy ý. Tuy nhiên, Thức luôn miệng dặn dò con mấy chuyện cần thiết. Có ai bấm chuông, đừng mở cửa. Lỡ có chuyện gì xảy ra trong nhà, nhanh chân chạy qua hàng xóm nhờ giúp. Và bao nhiêu thứ cấm đoán nữa: không được mở lò điện, không được phép tắm bồn một mình, không được coi tivi khi chưa có mặt chàng ở nhà... Những ngày đầu tiên tập cho con tính tự lập, Thức bồn chồn không yên. Bắt đầu từ mười hai giờ trưa cho tới năm giờ chiều, cứ mỗi tiếng một, chàng lại gọi điện thoại về nhà hỏi thăm con đang làm gì và nhắn nhủ đủ mọi chuyện. Từ từ, với tháng với năm trôi qua, chuyện đời sống cha con chàng chậm rãi đi vào khuôn nếp. Thức

quen dần với thời gian, không còn ray rứt nhớ Khanh nữa. Không, đúng hơn, chàng đã thôi cảm thấy thiếu dáng dấp, hơi hướm đàn bà trong căn nhà này, mặc dù hình ảnh đó trong những ngày trước khi chia xa chỉ còn là chiếc bóng nhạt nhẽo.

Tối thứ sáu, chiếc bóng ấy lại tới mang bé Vy đi, để lại Thức cô quạnh trong bốn bức tường cuối tuần, với chuỗi ngày thứ bảy, chủ nhật dựng đứng như những vách đá sừng sững hăm dọa, tiến thêm bước nữa sẽ rơi xuống vực sâu.

Thức xin được một con mèo nhị thể nâu trắng về làm bạn với bé Vy. Con nhỏ đặt tên là Mi-mi. Nhân tiện, chàng gọi con là Mi-mi lớn, con mèo là Mi-mi nhỏ.

Mi-mi nhỏ phá lắm, hay cào cửa phòng, nhảy lên bàn làm đổ bình hoa mấy bận, cạp nát cuốn sách hình "Cuộc Phiêu Lưu của Chú Gấu Teddy", hay leo lên giường Thức đánh một giấc và thỉnh thoảng, vì giận dữ, cào tay Mi-mi lớn tới rướm máu. Tuy nhiên, nhờ nó mà những ngày trong tuần hai cha con bớt cảm thấy cô quạnh. Cũng có thể chỉ mình Thức cảm nhận được điều này, còn bé Vy vẫn bình thường ăn, ngủ, học... hồn nhiên đến độ Thức đâm ra nghi ngờ, không lẽ mình đang bị Depression, chứng bệnh bi quan khởi xuất từ những thất vọng tâm lý.

Bé Vy yêu Mi-mi nhỏ đến độ, cuối tuần qua nhà mẹ, cũng nằng nặc đòi mang theo. Tự dưng, từ dạo nuôi con thú trong nhà, Thức nhận thấy ánh mắt và cử chỉ Khanh dịu dàng trở lại. Có thể nàng cảm động vì thuở ban đầu quen nhau, Thức vẫn gọi Khanh là "mèo nhỏ của anh". Khi tới đón con, nàng nán lại nói chuyện thời tiết với chàng lâu hơn. Sau lần biết mặt Vĩnh, hai người thỉnh thoảng ở chơi nhà chàng, uống cà phê, ăn bánh ngọt tới khuya mới về. Một cuối tuần nọ, Khanh gọi điện thoại cho Thức hay, chiều chủ nhật này vì bận công việc nên Vĩnh không thể đưa con về được, nhờ chàng tới đón. Nàng chỉ đường cho Thức tìm nhà. Chàng phải theo xa lộ này, rẽ vào lối nọ, tới làng quê mang tên đó, qua mấy trạm đèn xanh đèn đỏ, ngôi nhà nhỏ nằm ở cuối ngõ cụt là chỗ ở mới của nàng. Lối tới nhà Khanh có những quãng đường thật đẹp. Cuối mùa hè trời chớm lạnh, rớt sương mù trên dãy đồi núi chập chùng. Những ruộng bắp sắp tới mùa hái, đeo nặng trái, lá ngả màu vàng hoe. Cảnh vật miền quê nơi xứ người xinh đẹp êm ả như một bức tranh chết, vô hồn treo trong vùng ký ức Thức đã tươm khói thăng trầm. Chiều hôm ấy có sương, chàng hy vọng nhờ vậy đêm sẽ đẹp, trời sẽ trong xanh như ngọc bích.

Chỗ Khanh ở nằm cạnh một thửa ruộng trồng bắp vừa hái xong, chỉ còn trơ lại những thân già cằn cỗi. Một hàng cây bạch dương trồng dọc hiên nhà, trên lối đất ven theo con lạch nước cạn. Ngôi nhà này Vĩnh mua trả góp, bao nhiêu đó thước vuông, bấy

nhiêu đó đất dùng để trồng hoa, rau trái và cây cảnh. Khanh kể như vậy cho Thức nghe, cánh tay nàng vẽ trong không khí lúc diễn tả sự rộng lớn của miếng đất. Thức ở lại ăn với nàng một tô miến gà. Rau răm em trồng ngoài vườn, mùa hè mọc mạnh lắm, nhưng sắp sửa phải cấy giống ở trong nhà cho qua mùa thu và mùa đông. Em sẽ gói cho anh một ít cải đắng, xà-lách-xon, ngò ta mang về. Nhiều quá, em và Vĩnh ăn tới ớn tợn, tặng bạn bè không biết bao nhiêu mà kể, cũng không hết. Thức chỉ ậm ừ, khen ngôi nhà khang trang, chốn làng quê thơ mộng, vườn hoa có một bụi hồng trung-hoa thật đẹp, cây lê sai trái, rớt đầy cả gốc. Khanh dẫn chàng vào phòng riêng của bé Vy. Mi-mi lớn ẳm Mi-mi nhỏ trên tay, láu táu kể:

— Giường ngủ của con đó ba. Con búp-bê tóc quăn màu vàng của mẹ mua cho. Con ngựa màu hồng này papa Vĩnh mua tặng hôm sinh nhật năm ngoái. A, cái chuông có âm nhạc này nữa. Để con vặn cho ba nghe nhen...

Tiếng nhạc vang lên trong vắt, rớt lã chã những âm thanh "Jingle Bells". Thức trầm trồ, ô hay quá, Mi-mi lớn của ba xong chưa? Hai cha con mình mang Mi-mi nhỏ về nhà nhé! Khanh hỏi, con muốn đem theo món đồ chơi gì? Bé Vy nhoẻn miệng cười:

— Ba nói con lớn rồi, không cần nhiều đồ chơi nữa... Nhưng con thương con búp-bê tóc quăn...

— Thì mang nó theo !

Khanh nói, tay xếp quần áo bé Vy vào túi xách đưa cho Thức. Lúc hai cha con ra về, bóng đêm đã tràn khắp. Xe chạy một đoạn, Thức nhìn lại băng sau, bé Vy đã thiếp ngủ từ lúc nào. Trời như chiều lòng chàng, trong xanh ở trên cao. Đáy tâm tư chàng trong phút chốc lắng xuống, mềm ẻo. Mặt hồ đời sống chàng bấy lâu nay nổi sóng, chợt bình thản như tấm lụa căng rộng, hứng lấy tất cả, từ vô số bụi thời gian li ti tới những khối đá tảng nặng nề của định mệnh. Thức lái xe chạy thật chậm qua lũng thấp loáng thoáng sương giăng, bò lên sườn đồi ẩn hiện mảnh trời sao sau hàng cây lá đang thiếp ngủ. Vượt qua một khúc quanh, chàng chợt muốn kêu to lên, muốn khóc, muốn đấm vào lồng ngực, muốn quỳ xuống ôm lấy cơn bệnh Depression tưởng tượng khi thấy vùng trời trước mặt mở rộng ra. Đêm tháo từng cánh cửa tâm hồn chàng ngỡ đã im lìm khép kín, đêm cởi xiêm y, lõa thể đứng trước mặt chàng. Thức dừng xe lại, bước xuống, đi trên mặt cỏ mịn màng như người mộng du. Chàng như bị những vì sao lấp lánh trên nền trời xanh đen thôi miên, tỏa ra vùng từ trường mạnh bạo, kéo chàng lướt tới. Những vì sao đêm nay có giống những vì sao ở Idar-Oberstein dạo nào? Chúng có phải là khung trời đêm của Antoine de Saint-Exupéry trong "Vol de Nuit"? Từ đó đến nay, bao nhiêu vì sao đã

rơi rụng?... Thức rùng mình như vừa vươn vai ôm trọn cả bầu trời đêm nay vào lòng.

— Ba...

Chàng quay lại. Bé Vy đứng sau lưng chàng, nhòa nhạt trong bóng tối. Chàng nắm lấy tay con, bóp nhẹ.

— Có bao giờ con thấy những vì sao băng ?

Im lặng.

— *... Tình cờ thấy được sao rơi, nhanh trí ước điều gì, sẽ toại nguyện.*

Giọng bé Vy ngái ngủ thốt lên :

— Ba... Con lạnh !

Thức quỳ xuống, ôm con vào lòng. Hai mắt ứa những giọt lệ bi quan. Chàng dẫn con trở lại chỗ đậu xe. Cửa xe mở tung. Thức hoảng hốt, bật đèn tìm kiếm. Mi-mi nhỏ không còn trong xe nữa. Chàng hối hả mở đèn pha. Hai cha con chạy lăng xăng, miệng không ngớt gọi "Mi-mi ơi, me... eo me... eo". Những vì sao ở trên cao vẫn im lặng nhìn xuống. Có tiếng kêu của một loài thú mất chủ vang lên yếu ớt từ bụi rậm gần đó...

**Ngô Nguyên Dũng**

*Như Chi*

## *Chiều*

*Chiều chết lặng mặt trời rực đỏ*
*Chút bâng khuâng rớt vội ven đường*
*Những sợi tóc còn vương lối cỏ*
*Mái đầu ai loáng mộng tiêu tương*

*Hãy thôi nhé đôi vầng nhật nguyệt*
*Chia làm chi sáng tối hai phương*
*Một lần cuối giọt nồng tận tuyệt*
*Vàng áo ai bụi đỏ thôi vương*

*Tơ chỉ rối gỡ thêm quấn quít*
*Thôi mơ ơi mộng đã qua rồi*
*Lưng tráng sĩ hành trang kiếm thép*
*Xin ủ giùm một chút hương rơi*

*Lúc bỗng quên đôi khi chợt nhớ*
*Thoáng rất mau đời sẽ phai tàn*
*Có chi thành có chi vừa vỡ*
*Có chút gì vừa mới tiêu tan...*

nhiêu đó đất dùng để trồng hoa, rau trái và cây cảnh. Khanh kể như vậy cho Thức nghe, cánh tay nàng vẽ trong không khí lúc diễn tả sự rộng lớn của miếng đất. Thức ở lại ăn với nàng một tô miến gà. Rau răm em trồng ngoài vườn, mùa hè mọc mạnh lắm, nhưng sắp sửa phải cấy giống ở trong nhà cho qua mùa thu và mùa đông. Em sẽ gói cho anh một ít cải đắng, xà-lách-xon, ngò ta mang về. Nhiều quá, em và Vĩnh ăn tới ớn tợn, tặng bạn bè không biết bao nhiêu mà kể, cũng không hết. Thức chỉ ậm ừ, khen ngôi nhà khang trang, chốn làng quê thơ mộng, vườn hoa có một bụi hồng trung-hoa thật đẹp, cây lê sai trái, rớt đầy cả gốc. Khanh dẫn chàng vào phòng riêng của bé Vy. Mi-mi lớn ẳm Mi-mi nhỏ trên tay, láu táu kể:

— Giường ngủ của con đó ba. Con búp-bê tóc quăn màu vàng của mẹ mua cho. Con ngựa màu hồng này papa Vĩnh mua tặng hôm sinh nhật năm ngoái. A, cái chuông có âm nhạc này nữa. Để con vặn cho ba nghe nhen...

Tiếng nhạc vang lên trong vắt, rớt lã chã những âm thanh "Jingle Bells". Thức trầm trồ, ô hay quá, Mi-mi lớn của ba xong chưa? Hai cha con mình mang Mi-mi nhỏ về nhà nhé! Khanh hỏi, con muốn đem theo món đồ chơi gì? Bé Vy nhoẻn miệng cười:

— Ba nói con lớn rồi, không cần nhiều đồ chơi nữa... Nhưng con thương con búp-bê tóc quăn...

— Thì mang nó theo !

Khanh nói, tay xếp quần áo bé Vy vào túi xách đưa cho Thức. Lúc hai cha con ra về, bóng đêm đã tràn khắp. Xe chạy một đoạn, Thức nhìn lại băng sau, bé Vy đã thiếp ngủ từ lúc nào. Trời như chiều lòng chàng, trong xanh ở trên cao. Đáy tâm tư chàng trong phút chốc lắng xuống, mềm ẻo. Mặt hồ đời sống chàng bấy lâu nay nổi sóng, chợt bình thản như tấm lụa căng rộng, hứng lấy tất cả, từ vô số bụi thời gian li ti tới những khối đá tảng nặng nề của định mệnh. Thức lái xe chạy thật chậm qua lũng thấp loáng thoáng sương giăng, bò lên sườn đồi ẩn hiện mảnh trời sao sau hàng cây lá đang thiếp ngủ. Vượt qua một khúc quanh, chàng chợt muốn kêu to lên, muốn khóc, muốn đấm vào lồng ngực, muốn quỳ xuống ôm lấy cơn bệnh Depression tưởng tượng khi thấy vùng trời trước mặt mở rộng ra. Đêm tháo từng cánh cửa tâm hồn chàng ngỡ đã im lìm khép kín, đêm cởi xiêm y, lõa thể đứng trước mặt chàng. Thức dừng xe lại, bước xuống, đi trên mặt cỏ mịn màng như người mộng du. Chàng như bị những vì sao lấp lánh trên nền trời xanh đen thôi miên, tỏa ra vùng từ trường mạnh bạo, kéo chàng lướt tới. Những vì sao đêm nay có giống những vì sao ở Idar-Oberstein dạo nào? Chúng có phải là khung trời đêm của Antoine de Saint-Exupéry trong "Vol de Nuit"? Từ đó đến nay, bao nhiêu vì sao đã

rơi rụng?... Thức rùng mình như vừa vươn vai ôm trọn cả bầu trời đêm nay vào lòng.

— Ba...

Chàng quay lại. Bé Vy đứng sau lưng chàng, nhòa nhạt trong bóng tối. Chàng nắm lấy tay con, bóp nhẹ.

— Có bao giờ con thấy những vì sao băng ?

Im lặng.

— ... *Tình cờ thấy được sao rơi, nhanh trí ước điều gì, sẽ toại nguyện.*

Giọng bé Vy ngái ngủ thốt lên :

— Ba... Con lạnh !

Thức quỳ xuống, ôm con vào lòng. Hai mắt ứa những giọt lệ bi quan. Chàng dẫn con trở lại chỗ đậu xe. Cửa xe mở tung. Thức hoảng hốt, bật đèn tìm kiếm. Mi-mi nhỏ không còn trong xe nữa. Chàng hối hả mở đèn pha. Hai cha con chạy lăng xăng, miệng không ngớt gọi "Mi-mi ơi, me... eo me... eo". Những vì sao ở trên cao vẫn im lặng nhìn xuống. Có tiếng kêu của một loài thú mất chủ vang lên yếu ớt từ bụi rậm gần đó...

**Ngô Nguyên Dũng**

*Như Chi*

## *Chiều*

*Chiều chết lặng mặt trời rực đỏ*
*Chút bâng khuâng rớt vội ven đường*
*Những sợi tóc còn vương lối cỏ*
*Mái đầu ai loáng mộng tiêu tương*

*Hãy thôi nhé đôi vầng nhật nguyệt*
*Chia làm chi sáng tối hai phương*
*Một lần cuối giọt nồng tận tuyệt*
*Vàng áo ai bụi đỏ thôi vương*

*Tơ chỉ rối gỡ thêm quấn quít*
*Thôi mơ ơi mộng đã qua rồi*
*Lưng tráng sĩ hành trang kiếm thép*
*Xin ủ giùm một chút hương rơi*

*Lúc bỗng quên đôi khi chợt nhớ*
*Thoáng rất mau đời sẽ phai tàn*
*Có chi thành có chi vừa vỡ*
*Có chút gì vừa mới tiêu tan...*

*Hoàng Xuân Sơn*

## *Nuôi tóc*

*Không có chi là xấu hổ*
*mỗi ngày gắng viết vài câu*
*dù thơ xiêu vẫn lệch ý*
*cũng nhắc ta được đôi điều*

*Nhắc ta lòng còn nặng nợ*
*văn chương một sớm một chiều*
*quê hương một đời một kiếp*
*giang hồ một gánh buồn thiu*

*Rằng ta vẫn chưa chịu chết*
*làm người làm kẻ tòng vong*
*sáng ra cong giò chạy miết*
*chiều về tự vấn lương tâm*

*Thủy chung đá vàng biết mặt*
*ảnh kia đâu thực là mình*
*sống là sống trong dị kiếp*
*đất người trụ vẫn nằm chênh*

*Sống có khi là bạch cốt*
*chết cũng một bờ xương khô*
*về đâu mạn hồn khách trú*
*mai xa còn được nấm mồ ?*

*Mai xanh vẫn ràng hy vọng*
*nhủ lòng viết nốt nghìn câu*
*dù thơ chưa là gang thép*
*cũng nuôi tóc đến bạc đầu.*

***Hoàng Xuân Sơn***

*Nguyễn Ý Thuần*

## *Số độc đắc.*

Chàng bắt đầu mê *Lottery* từ lúc cô bé bảo:

— Anh chàng bạn trai của em "khá" lắm. Kỹ sư. Sang từ năm 75 và...

Một lô cái *và* được kể ra, và chàng ngậm ngùi nghĩ đến câu nói của các cụ. *Trâu chậm uống nước đục.* Dĩ nhiên, sang Mỹ sau một năm "lỗ" một năm. Mọi người đều bảo thế và thấy thế. Rõ ràng nhất là chàng vừa tập tễnh được hơn năm. Nghèo lại càng nghèo hơn vì chàng lang thang hết tiểu bang này sang tiểu bang khác. Và Cali, nơi vừa đến hơn hai tháng đã bắt đầu cho câu chuyện của chàng.

Đúng ra chàng cũng chẳng ham giàu cho lắm. Bản tính hồn hậu, tự nhiên, chàng đã chấp nhận cuộc sống dễ dãi. Làm thư ký toà soạn cho một tờ báo thương mại, chàng kiêm đủ thứ việc. Từ A đến Z. Quên mất, phải nói từ B đến Z mới đúng vì công việc typesetting dành cho cô bé. Nghĩa là từ lay-out, trình bày, sửa bài cho đến cả việc... trả lời tâm tình bạn đọc. Đã có lần cô bé hỏi:

— Anh làm tối ngày chắc lương cao lắm.

Chàng cười gượng, nói đến đồng lương khiêm tốn của mình. Cô bé tròn xoe mắt.

— Vậy mà em cứ tưởng ...

Tưởng thế nào thì cô bé cứ tưởng. Còn chàng, như đã nói, hồn hậu, dễ dãi chấp nhận cuộc sống nên mặc anh chủ báo đi. Chàng thản nhiên làm. Vì trong công việc chàng vừa có niềm vui lớn. Sự gần gũi với cô bé trong vai trò typesetting và người lay-out là chàng phải có mỗi ngày.

Thật tình mà nói, quan hệ giữa chàng và cô bé chẳng có gì. Đó là ý nghĩ của chàng. Có gì sao được. Chàng hơn cô bé những một con giáp. Khoảng cách về tuổi tác, về sự kém văn minh đã làm chàng buồn rầu nhận chức "anh nuôi". Cho nó gần, cho nó thân mật trong lúc làm việc. Sự hồn hậu của chàng và tính hồn nhiên

của cô bé thật hợp với nhau. Lại cùng cầm tinh con rắn. Lại làm cùng một phòng nên đã hợp lại càng ...hợp hơn cầm tinh con rắn nên số chàng long đong, lận đận. Tử vi bảo thế thì biết thế. Còn long đong hay không là do mình. Chàng vẫn tự an ủi khi nghĩ về thân phận. Rồi an tâm, vui vẻ quên mình là con rắn. Con rắn long đong từ lúc mới đẻ. Con rắn... thất tình từ năm mười bốn tuổi. *Nữ thập tam, nam thập lục.* Các cụ dạy thế, nhưng chàng không thế. Chỉ cần *thập tứ* là chàng đã thất tình bà... chị họ. Cũng ra ngẩn vào ngơ. Cũng tập tành càfé, thuốc lá và... mần thơ khi bà chị đi lấy chồng. Mỗi đêm chàng nặn ra cả chục pho thơ. Toàn là đắng cay, sầu khổ, phẫn hận... Đại loại là thứ tình cảm làm cuộc sống nát bét. Chàng nhìn tên anh rể họ mà thèm thuồng. Hắn ngon lành quá xá, con nhà giàu và đẹp trai. Tất cả những cái hắn có chàng đều không có. Từ một cái *honda dame* cho đến sợi râu mép. Với hắn là bộ râu mép tỉa cắt đàng hoàng. Còn chàng, than ôi! chỉ là những sợi lông tơ loe hoe. Dưới mắt hắn và bà chị họ, chàng chỉ là một chú nhi đồng đang trổ mã. Thỉnh thoảng gặp, chàng còn bị hắn biểu diễn một màn xoa đầu, cho tiền đi ăn đu đủ bò khô! Và chàng âm thầm nặn ra từng cục thơ. Tim chàng lớn từ đó. Gặp ai cũng yêu, cũng thương. Yêu để tỏ ra mình đã lớn. Ban đầu là thế. Sau thành... thói quen! Chàng yêu tùm lum. Gặp ai *đường được* một tí là yêu ngay! Được hay không chẳng quan trọng. Chàng vui vẻ sống với thứ tình cảm kỳ lạ. Đếm lại, chàng hơn trăm... mối tình. Mỗi mối tình là một cái tên, một con người. Hơn trăm *người chàng yêu* — nhưng chẳng *ai yêu chàng*. Thất tình liên miên, bạn bè đã có đứa cười, chế riễu:

— Mày yêu cả thế giới đàn bà.

Chàng nhún vai :

— Dĩ nhiên.

Thằng bạn tiếp. Giọng xỏ lá :

— Và thất tình với cả thế giới đàn bà.

Chàng vẫn tỉnh bơ :

— Lại càng dĩ nhiên !

Thản nhiên đến độ buồn cười. Chàng thoải mái sống với ý nghĩ thật hồn hậu. Yêu là yêu, còn được yêu hay không thì hậu tính. Coi như tất cả là chuyện đùa. Cứ thế, chàng mắc bệnh *thất tình kinh niên.* Yêu và thất tình đối với chàng bình thường như chúng ta ăn, ngủ. Riết thành *cuộc sống của chàng.* Sang đến Mỹ, chàng yêu còn bạo hơn hồi ở Việt Nam. Độc thân, mồ côi, lúc nào cũng mang tâm trạng cô đơn nên đã hay yêu lại càng dễ yêu. Đã hay thất tình lại càng thất tình nhiều hơn. Chàng yêu tùm lum và sản xuất ra hàng loạt pho thơ mỗi khi *cảm thấy* bị thất tình. Yêu chị bạn. Yêu em bạn. Yêu con bạn và lâu lâu chàng làm một phát yêu... vợ bạn. Dĩ nhiên chỉ yêu một mình, nên chàng chẳng làm

phiền ai cả. Ngay cả người chàng yêu và ngay cả... chàng!

Gặp cô bé cũng thế. Chàng yêu ngay từ lúc mới nhìn thấy cô bé bước chân vào toà soạn và chỉ 2 phút sau là chàng cảm thấy thất tình cô bé. Anh chàng bạn trai cô bé xuất hiện phía sau lưng. Và sau màn giới thiệu, chàng âm thầm tự giao hẹn: chỉ xem cô bé là cô em... nuôi! Không nên lẻng phẻng mà mất... cảm tình.

Mọi người trong toà soạn, dù bất đồng ý kiến với nhau đủ mọi điểm nhưng đều đồng ý với nhau một điều. Cô bé thật dễ thương. Từ anh chủ báo đã có vợ con lòng thòng cho đến anh chàng long tong làm chức vụ phát hành tờ báo. Diễn nôm là bỏ báo. Đều công nhận thế. Đã có nhiều tên gọi thật âu yếm dành cho cô bé. Chàng long tong thì tỉnh queo gọi là: người đẹp. Hai ông nhà văn già thì tặng cái tên kiểu cách: công chúa. Bà vợ ông chủ báo vốn mồm mép thì âu yếm tiếng gọi: cưng của chị . Ông chủ báo thì cứ như là dân quí tộc thời trung cổ, lịch sự với tiếng: cô... Đủ thứ. Đủ loại. Tùy theo trình độ và *hoàn cảnh*. Mỗi người gọi một cách. Nhưng tất cả đều mềm mỏng. Và chàng? Tội nghiệp cho chàng, dù đã nặn ra cả trăm bài thơ tình và thất tình. Dù thuộc lòng cả trăm bài thơ tình và thất tình của các thi sĩ nổi tiếng chàng vẫn chẳng biết gọi cô bé bằng cái tên nào cho... đã đã. Chỉ vỏn vẹn một một tiếng "em" cụt lủn và xưa hơn quả đất.

Bởi xác định chỉ xem cô bé như em nuôi nên chàng chẳng cần phải *kiêng cử* điều gì cả. Làm cùng phòng, từ chiếc bàn lay out sang chỗ ngồi đánh typesetting của cô bé chỉ cách nhau 3 thước. Họ nói chuyện thật dễ dàng. Ban đầu chàng và cô bé chỉ vẩn vơ, sau thân. Chàng kể cho cô bé nghe đủ thứ chuyện. Từ ngày đi học. Đi lính. Cải tạo. Vượt biên. Ở đảo. Chuyện đi học ở Mỹ và cuối cùng là *chuyện tình*. Mỗi ngày chàng kể cho bé nghe khoảng *hai, ba chuyện tình của mình*. Mỗi chuyện là một người. Mỗi chuyện là một cái tên. Tuần đầu cô bé thích thú theo dõi. Sang đến tuần lễ thứ tư, sau khi kể xong một chuyện tình hấp dẫn cỡ yêu... vợ bạn, Cô bé hỏi:

— Anh năm nay bao nhiêu tuổi ?

— Anh cùng tuổi với em. Cũng con rắn. Nhưng rắn lớn.

Cô bé nhìn chàng chế riễu :

— Mỗi lần yêu của anh khoảng.., mấy tháng ?

Chàng vẫn vô tình :

— Còn tùy ...

— Tùy cái gì ?

— Tùy có yêu nhiều hay yêu ít.

Cô bé phì cười :

— ... Trung bình là bao lâu.

Chàng ngẩn ngơ :

— Anh đâu để ý.

— Anh nên để ý lại, vì nhân tất cả người yêu của anh đã kể cho thời gian 3 tháng thì anh biết yêu từ lúc... 2 tuổi.

Chàng đực mặt ra nhìn cô bé :

— Em... em...

— Không phải sao ? Anh thử tính xem.

Chàng lặng yên một lúc, rồi phá ra cười.

— Chưa hết đâu, còn nhiều lắm.

Cô bé cười theo :

— Vậy thì anh yêu từ lúc... còn trong bụng mẹ.

— Không phải từ lúc còn trong bụng mẹ. Chàng tỉnh bơ. Anh biết yêu từ lú cmười bốn tuổi...

— Vậy thì vô lý ...

Chàng nhún vai, đứng dậy, tiến đến trước mặt cô bé:

— Em không tin ?

— Tin sao nổi. Vô lý quá trời.

— Đâu có gì vô lý. Có nhiều lúc anh yêu một lúc năm hay sáu cô là thường...

— Ai mà chịu cảnh đó ?

Cô bé ngạc nhiên. Chàng làm thêm một cái nhún vai:

— Anh đâu cần họ... chịu !

— ! ! !

— Anh yêu họ chứ đâu cần họ yêu anh.

Cô bé tròn xoe mắt nhìn chàng. Chàng mỉm cười:

— Lạ không ? Anh vậy đó.

Chàng bỏ về chỗ ngồi, lại tiếp tục với công việc. Cô bé ngưng đánh máy, bước đến cạnh chàng.

— Anh ...

— Sao ?

— Anh có vẻ... dễ yêu quá hả ?

— Dễ yêu ?

— Dạ ...

Chàng thích thú nhìn cô bé. Cặp kính cận theo mốt mới to tướng choán hết gương mặt trông là lạ.

— Dĩ nhiên là dễ.

— Lỡ họ không... chịu thì sao ?

— Thì kệ họ. Anh đâu cần.

Bây giờ cô bé thấy chàng có vẻ mát mát. Còn chàng thì thấy mặt cô bé nghệch ra, trông khờ câm. Cả hai nhìn nhau rồi đột nhiên họ bật cười. Tình cảm nếu chia ra là mười nấc để dẫn đến nhà thờ thì cô bé mới ở mức khởi hành và chàng đã đi đến mức thứ mười một.

●

Nếu cuộc sống cứ bình thường và dễ dãi như chàng nghĩ thì chẳng có điều gì đáng nói giữa giống đực và giống cái. Từ lúc giống cái đầu tiên biết dụ giống đực đầu tiên cắn miếng táo cho đến nay đã không biết bao nhiêu đấng đàn ông thê thảm vì đàn bà. Mỗi khi xảy ra một *thảm kịch của cuộc sống* nào, chàng thường nhún vai, chê nạn nhân là vớ vẩn... Với chàng, yêu và thất tình quá... quen thuộc. Được yêu hay không cũng đâu thành vấn đề. Cần quái gì phải bi thảm hoá cuộc đời. Cứ coi như pha là xong hết. Với cô bé ban đầu chàng nghĩ thế. Cũng coi như pha và vui vẻ nhận làm em nuôi. Chẳng có gì đáng bận tâm cả. Có chăng chỉ là những sự săn sóc có tính cách... gia đình. Mua cho nhau lon nước ngọt. Giúp đỡ nhau trong việc làm. Thế thôi. Và những mẩu đối thoại trong khi làm việc chỉ thu lại trong vòng tâm sự. Chẳng bao giờ tiến quá mức. Nói cho cùng, thỉnh thoảng chàng cũng thấy *nhớ nhớ* cô bé. Nhưng những lần đi chơi với bạn bè chẳng hạn. Pic nic hay một buổi dạ vũ. Nhìn đám bạn mặt lâng cây bên cạnh bạn gái chàng đâm ra bực bội. Mẹ kiếp so với cô bé thì chỉ đáng xách dép. Và đôi lần, chàng vẽ vời ra những "sen" hấp dẫn như ciné trong đầu. Tưởng tượng những gương mặt đực ra của đám bạn khi thấy cô bé đi cạnh chàng, chàng bật cười thích thú.

Nhưng đó chỉ là tưởng tượng. Chẳng bao giờ chàng sẽ cùng cô bé đi chơi. Luôn luôn bên cạnh cô bé là anh chàng kỹ sư. Còn chàng? Chàng thở dài, buồn rầu với thân phận. Sự gần gũi với cô bé chỉ là những lon nước ngọt cho nhau. Cho đến một buổi chiều thứ năm.

— Bao giờ em lấy chồng ?

— Chẳng biết !

— Sao lại chẳng biết ?

— Ai ưng mà lấy ?

Cô bé *nói như thật*. Chàng hỏi tiếp, trong lồng ngực trái tim bỗng đập nhanh hơn.

— Còn... anh chàng kỹ sư ?

— Chỉ là bạn trai.

Cô bé thản nhiên đáp, chàng dù hồn hậu đến đâu cũng đủ khôn ngoan để hiểu không nên ngưng tại đây.

— Anh thấy hắn cũng đường được...

Cô bé ngước lên, bắt gặp ánh mắt kỳ cục của chàng. Thoáng bối rối, rồi tắt ngấm.

— Còn anh ? Bao giờ lấy vợ ?

— ! !

— Nói đi chứ.

Biết cái gì mà nói ? Chàng ấp úng ...

— Anh nghèo thí mồ ...

— Thì ráng làm cho giàu.

— Biết bao giờ mới giàu nổi.

Chàng ngậm ngùi buông chiếc kéo cắt giấy xuống bàn. Phía sau lưng cô bé mỉm cười, nói một câu chẳng ăn nhập gì đến câu chuyện hai người đang nói.

— Anh chàng bạn trai của em "khá" lắm. Kỹ sư. Sang từ năm 75 và...

Chàng xoay lại. Bắt gặp cá cười của cô bé.

— Anh mới sang làm sao bì được với mọi người.

— Thì mua lottery...

— ! !

— Trúng sớm có vợ sớm. Cô bé diễu cợt. Chàng đột nhiên bực bội.

— Con gái ở Mỹ phải có tiền mới lấy được?

— Dĩ nhiên.

— Kể cả em ?

Xong câu nói chàng mới ân hận. Đã đi quá lố. Cô bé tròn mắt nhìn chàng.

— Anh.. anh...

Chàng lắp bắp lời xin lỗi, nhưng cô bé đã cúi xuống. Những ngón tay chụp rào rào trên khoá chữ. Chàng buồn rầu nhặt cây kéo lên. Và sự bất bình thường đến với chàng bắt đầu từ phút đó.

●

*S*au một đêm mất ngủ, sáng hôm sau chàng đến tòa soạn với tâm trạng hồi hộp. Biết nói thế nào để xin lỗi? Từ bé đến lớn chàng có xin lỗi ai đâu? Yêu một mình nên chẳng làm phiền ai, chẳng có ai giận đến độ phải xin lỗi. Còn cô bé? Nhất định là chàng chẳng yêu, nhưng vẫn phải xin lỗi. Tưởng tượng đến lúc gặp cô bé với gương mặt nặng như đeo đá, chàng đâm ngán. Những mẩu đối thoại, những nụ cười khi đùa giỡn với cô bé đã là một cần thiết cho chàng. Ít nhất cũng thành sự an ủi khi làm việc. Vậy mà chỉ vì một tí nóng giận mà... hư sự!

Chàng bước vào phòng làm việc. Cô bé vẫn chưa đến. Vài nhân viên của toà soạn gặp chàng đưa tay chào. Chàng uể oải gật đầu. Những ý nghĩ rối tung làm chàng mệt mỏi. Gương mặt bí xị như đưa đám, chàng ngồi xuống ghế. Người bạn già đến cạnh:

— Hôm nay cậu có vẻ là lạ.

— Đâu có gì.

— Đâu có gì sao được? Buồn thấy rõ.

Chàng giật mình, đứng dậy. Bước nhanh vào toilette. Gương mặt hiện trong gương thấy kỳ cục. Chàng dí mặt gần tấm gương hơn nữa. Dưới lõm mắt hai vừng đen nổi lên, mờ nhạt. Trời đất!

Cô bé "áp phê" dữ vậy? Có bao giờ chàng lại thảm hại vì một cú giận như thế này? Hai bàn tay xoa xoa trên vùng má, chàng bàng hoàng nghĩ lại những hành động của mình từ lúc cô bé tỏ ý giận. Lay out thì sai be bét. Đêm về đánh vật với nửa chai Rémy, say khướt, trằn trọc ngủ không được. Sáng dậy ngơ ngơ. Lúc nào cũng thấy buồn buồn như *mất một cái gì?* Lại còn mang bộ mặt đưa đám nữa chứ. Ra thế. Cô bé đã... "controll" chàng.

Chàng tắt đèn, bước ra ngoài. Dãy hành lang vắng hoe. Những cánh cửa phòng đóng kín. Vẫn còn sớm chán. Đi tìm café uống cho tỉnh táo. Chàng bước xuống cầu thang. Được hai bước thì cô bé xuất hiện dưới cầu thang. Chàng ngưng lại, cố nở nụ cười méo xệch và chờ gương mặt lạnh như đồng. Nhưng không, cô bé *vẫn cười thật tươi như mọi ngày.*

Hi ! Anh đến sớm thế ?

— Ả... à... vừa đến.

Chẳng đứng lại. Cô bé tiến lên ba bước. Giọng vẫn tỉnh queo.

— Anh chưa làm à ?

— Định đi uống càfé. Chàng cảm thấy yên tâm hơn. Em... em đi với anh chứ?

Cô bé lắc đầu. Chàng xoay người lại bước lên theo. Cô bé cười cười.

— Sao lại không đi ?

— Anh đổi ý...

Họ về chỗ ngồi, chàng vui vẻ lật đống báo ra bắt đầu làm việc. Hú hồn! Vậy ra cô bé chẳng giận mình. Chàng huýt gió một điệu quân hành. Mặt tươi hẳn, có vẻ yêu đời thấy rõ. Tự nhiên chàng cảm thấy công việc thật thoải mái và dễ dãi dù đồng lương ít ỏi. Đang lui hui thì cô bé đến bên cạnh.

— Hôm qua em gặp anh chàng bạn trai em.

Chàng cảm thấy hụt hẫng. Thảo nào cô bé chẳng giận mình. Niềm vui với chàng "boy friend" làm cô bé dễ dàng tha thứ. Mẹ kiếp, mình chả là cái quái gì. Vậy mà mất một đêm mất ngủ. Chàng gượng cười.

— Có gì không em ?

— Có chứ. Bạn em vừa bàn với nhau...

— ! !

— Tháng mười một bạn em làm đám cưới!

— Chàng cảm thấy như đang rớt từ trên tầng lầu cao nhất thế giới xuống. Tim thót lại. Chàng há miệng hớp một hi không khí.

— Tháng mười một *này ?*

— Vâng !

Cô bé vô tình trả lời. Chàng cúi xuống. Rọc mạnh một mảnh tin đánh máy hư. Con dao lệch ấn sâu trên mảnh giấy, đâm vào đầu

ngón tay. Một giọt máu ứa ra, lan nhoè trên giấy. Cô bé giật mình nắm lấy ngón tay chàng. Và chàng, ngu như tất cả thằng đàn ông đã ngu, làm hành động quân tử tàu không đúng lúc là rút bàn tay lại.

— Anh chẳng sao cả...

Cô bé ngạc nhiên nhìn chàng. Gương mặt đần ra với cái nhìn ngơ ngác trông thật buồn cười.

— Đau không anh ?

— Không.

Chàng đưa ngón tay, ngậm vào miệng. Vị mặn mặn của giọt máu tan trong lưỡi. Cơn đau bắt đầu có từ ngón tay. Chàng bình tĩnh trở lại. Liên tưởng đến câu chuyện hôm qua, chàng cảm thấy hận mình vô cùng. Phải chi mình vượt biên sớm vài năm! Mẹ kiếp giờ này cũng kỹ sư như ai chứ bộ? Giờ này tệ lắm cũng có cái xe, đâu đến nỗi nghèo như vầy? Hà! Từ giờ đến tháng mười một? Chàng rầu rĩ nghĩ đến thời gian. Ba tháng? Tại sao cô bé quyết định nhanh như vậy? Cộng tất cả tiền lương và trừ đi mỗi ngày hai gói mì của ba tháng vẫn chưa đủ tiền... in thiệp. Chàng ngậm ngùi.

— Anh nghèo quá...

— ! !

— Phải chi anh trúng Lottery...

— Chi vậy ?

Chàng bối rối ra mặt. Tình cảm đã biểu lộ rõ ràng. Không phải những cú yêu đương vớ vẩn như ngày trước. Lần này thật sự là *yêu*. Thái độ của chàng làm cô bé ngạc nhiên. Và hiểu.

— Bọn em yêu nhau lâu rồi.

— Ừ. Chàng ngậm ngùi tiếc rẻ.

— Anh ...

Họ im lặng. Tiếng máy lạnh chạy rì rào nghe mỗi lúc một lớn. Sự đè nén của không khí bao quanh làm hành động trở nên nặng nề. Mọi thứ gọi là thoải mái và dễ dãi với cuộc sống đã thành xa lạ với chàng. Mọi nét hồn nhiên đã biến mất trên mặt cô bé. Bây giờ là sự ngại ngùng và ngượng ngập. Cả hai chẳng biết sẽ mở đầu thế nào. Chàng mân mê con dao cắt giấy. Ngón tay bị đứt đã thôi không còn rỉ máu. Nhưng cơn đau vẫn còn.

— Anh... anh xin lỗi.

— Em hiểu.

Cô bé thở dài quay về chỗ ngồi. Tiếng lách cách từ những khoá chữ vang lên rời rạc. Và con dao cắt giấy trở nên nặng chìu trên tay chàng. Công việc của một buổi sáng ở toà soạn tờ báo thương mại không còn vui vẻ như mọi hôm.

●

*H*ai tháng sau chàng trở thành một tay "cạo" vé số chuyên nghiệp. Mỗi ngày một lần, sau khi hết giờ làm việc chàng ghé xuống tiệm 7 Eleven, hăm hở trả tiền, hăm hở cạo, hăm hở gởi từng phong bì đến nha xổ số tiểu bang. Để mỗi thứ bảy chàng buồn rầu nhìn từng người lên quay số. Vẫn chẳng thấy tên mình. Cái nghèo vẫn đeo đẳng theo chàng. Lại càng nghèo hơn vì số tiền dư mỗi tuần đều đem cúng vào xổ số. Chàng hốc hác thấy rõ. Chưa bao giờ tiền bạc lại làm chàng bận tâm như bây giờ. Phải giàu thật lẹ. Để... lấy vợ. Để cô bé "phải ân hận" vì đã lấy chồng. Tình cảm từ thoải mái biến thành cay cú. Sự thay đổi làm chàng biến thành con người khác. Đôi lúc nghĩ lại, chàng đâm ra xấu hổ vì mình. Bần tiện và dơ dáy. Chàng đã tự nhổ nước bọt vào tấm gương trong buồn tắm khi soi mặt. Nhưng đâu lại hoàn đấy khi gặp mặt cô bé. Vẻ hồn nhiên và *coi như không có gì* của cô bé làm chàng đã uất lại càng uất hơn. Lúc nào cũng cười, cũng thân mật như lúc đầu. chẳng bao giờ cô bé nhắc đến chuyện xảy ra buổi sáng hôm đó. Vẫn những lon nước ngọt mua cho nhau. Vẫn những câu chào hỏi như thường lệ. Nhưng khoảng cách đã có. Khoảng cách do chính chàng làm nên. Đã thế, thỉnh thoảng cô bé còn diễu cợt mỗi khi thấy chàng cẩn thận dán tem lên chiếc phong bì gửi đến nha xổ số tiểu bang.

— Vẫn chưa trúng hả anh ?

— Chưa ?

— Chừng nào anh trúng ?

— Làm sao biết được ?

— Phải biết chứ ? Vì... tháng mười một em lấy chồng.

Lần nào cũng thế. Câu chuyện ngưng. Đúng lúc mặt chàng hầm hầm cúi xuống chiếc bàn lay out. Và mười lần như một, chàng đều không thấy nụ cười thích thú của cô bé, nên nạn nhân đều là những bài báo bị ráp tùm lum. Đã có lần chàng cho anh chàng điệp viên của câu truyện trinh thám đi lạc vào cuộc tranh tài của các hiệp sĩ tại núi Hoa Sơn. Hoặc giả bản tin về Reagan thì khúc đầu ở Washignton khúc đuôi nằm ở cửa hàng thương nghiệp Hà Nội. Độc giả viết thư chỉ trích. Anh chủ báo lúc đầu còn nhắc khéo, sau bực bội ra mặt. Cho đến lúc những "tác phẩm" của bà chủ báo cũng bị chàng lay out tùm lum, thì mọi việc bắt đầu không còn dễ dãi. Sự nhắc nhở biến thành cảnh cáo. Job của chàng bắt đầu lung lay.

Nhưng với chàng, mọi việc đâu còn gì quan trọng. Những tờ lịch của tháng mười đã bóc gần hết mà những phong bì gởi nha xổ số Cali vẫn đi biền biệt, không một tín hiệu nào mang ý nghĩa của sự trở về. Hy vọng trúng số được gom lại trên những đồng dollar cuối cùng con sót lại trong túi áo được chàng... cạo thật cẩn thận.

Hành động thật tầm thường khi cầm đồng xu cạo lớp sơn, hồi hộp nhìn những con số được thay bằng cái nhìn thật mê say với hình ảnh cô bé. Và khi người xướng ngôn viên của buổi thu hình xổ số đọc đến tên người cuối cùng lên quay tuần tới vẫn không phải là chàng thì hình ảnh anh chàng kỹ sư trẻ tuổi, giàu có hiện lên với nỗi... hậm hực. Chàng luôn luôn tắt ti-vi bằng hành động cáu kỉnh và buông gọn lỏn một tiếng chửi thề. Làm sao không bực được? Làm sao không... rối trí? Cái hẹn tháng mười một đã thành nỗi ám ảnh trong cuộc sống.

Việc làm bắt đầu trễ nãi. Hai vợ chồng anh chủ báo đã tỏ thái độ... chủ nhân ra mặt. Thỉnh thoảng lại gọi chàng vào phòng dũa. Chàng — dĩ nhiên coi những lời nói của anh chủ báo như pha. Đã cùi thì còn gì mà sợ lở. Mẹ kiếp! Làm thì làm, không làm thì thôi. Vài trăm bạc một tháng ông đâu có màng. Ông còn lo chuyện *đại sự*. Và chàng thản nhiên đánh vật với những phong bì của nha xổ số, qua hình ảnh của cô bé và anh chàng kỹ sư hiện về mỗi đêm.

Bạn bè chung quanh đều ngạc nhiên về sự thay đổi này. Tất cả những nét hồn hậu, dễ thương cũ đều biến mất. Thay và đó là thú... mê xổ số. Gặp nhau, những câu chuyện về văn nghệ, báo chí mà chàng xưa nay vẫn thích được thay đổi bằng những con số, những lô trúng tuần này và những con người sẽ lên quay tuần sau. Một con bạc hiện lên rõ ràng qua thái độ. Đã có thằng bạn chửi thề khi ngồi tại một bàn nhậu:

— Mẹ mày, dạo này thay đổi thấy rõ.

Chàng im lặng. Thằng bạn tiếp, giọng mỉa mai.

— Hắn thơ của mày dạo này cũng toàn những con số của Lotto...

Chàng vẫn im lặng. Có thằng nào hiểu được nỗi khổ tâm của chàng? Ba mươi mấy năm thả lỏng cuộc sống, coi tiền bạc như trò đùa, coi tình yêu như pha vậy mà lần này vướng... đạn. Đau chứ sao không. Nào có xấu trai, ngu đần gì cho cam! Đẹp trai và thông minh nữa chứ. Vậy mà chỉ vì nghèo... Phải chi mình qua Mỹ sớm một tí. Hắn đã khác. Đâu cần phải đau khổ vì... xổ số thế này. Lần nào cũng thế. Chàng luôn luôn im lặng. cái im lặng lại càng im lặng hơn khi những tờ lịch cuối cùng của tháng mười vừa được bóc xong.

●

Đầu tháng mười một chàng "quit job". Mọi người trong tòa soạn chẳng ai hiểu được tại sao. Cô bé ngỡ ngàng khi nhận được tin chàng bỏ việc. Chiếc bàn lay out với hình ảnh quen thuộc của chàng vắng tênh. Đống dao, kéo, hồ nằm chỏng chơ trên mặt bàn. Phòng làm việc chỉ còn lại một mình cô bé lủi thủi với công việc.

Tiếng máy chữ vốn khô khan nghe càng buồn chán. Bây giờ những câu nói đùa của chàng đã thành cần thiết. Sự trống vắng bao quanh cô bé. Chẳng một lời giã từ. Anh chàng coi vậy mà tệ. Mới hôm qua đi làm còn tỉnh queo bàn về kỳ xổ số. Mới hôm qua còn hăm hở chạy xuống lầu mua lon nước ngọt cho cô bé. Mới hôm qua còn bối rối trước câu hỏi thăm quen thuộc... mới hôm qua... Mới hôm qua... Những cái *mới hôm qua* xoay tròn trong ý nghĩ. Bất giác cô bé đến cạnh chiếc bàn lay out, tựa vào thành bàn. Cái kéo, con dao, đống báo. *Tất cả là đồ nghề của anh.* Một lần cô bé nói đùa. Anh chàng bật cười. *Còn thiếu một thứ.* Cô bé nhún vai. *Gì nữa? A! hộp keo?* Chàng lắc đầu. *Vẫn thiếu. Gì cơ? Em?* Chàng nói thản nhiên. *Em là đồ nghề của anh. Không có em đến lấy gì anh lay out.* Những câu nói đùa chợt sống lại. Mới như hôm qua... Lại *mới hôm qua...* Cô bé buồn buồn quay lại chỗ làm. Chiếc máy typesetting trông thật xa lạ.

●

*Cuộc sống đầy rẫy những ngộ nhận và hiểu lầm. Có những điều ngộ nhận xảy ra làm con người mất hết. Bi thảm từ đó. Dù hờn hậu đến đâu chàng cũng... chết dở. Dù hờn nhiên đến mức nào cô bé cũng... ngất ngư vì buồn. Chẳng nên thế! Sao không thay khổ đau bằng một nụ cười.* Một người bạn già đã bảo thế nên câu chuyện đã ngưng đành phải thòng thêm một đoạn chót. Bằng một cú phone, na ná như một chuyện vui chúng ta thường nghe.

●

— Hello.
— Hello. Anh đó hả. Khoẻ không ?
— Em đó sao ?
— Phải !
— Đã... đã... đá, cưới chưa ?
— Chưa ! Còn chờ... anh trúng số.
Im lặng một lúc. Tiếng chàng thật nhỏ trong dây nói.
— Anh vẫn chưa trúng em ạ.
— Thật không ? Lâu quá...
— Thật... đã sắp Noel rồi...
Lại im lặng.
— Anh ...
— Sao em ?
— Anh ngu quá !
— ! ! !
Tiếng nói trong giây nói bỗng nhanh hơn.
— Anh trúng từ lâu rồi mà... sao không lãnh !

**Nguyễn Ý Thuần**

*Nguyễn Mạnh Trinh*

## *Rượu tiễn*

*Tên gà chết, cứ lừ đừ*
*run tay rượu tiễn chẳn chờ sao vui*
*hay men đã ngấm ngùi ngùi*
*đáy lòng lửa cuộn giục xui nỗi buồn*

*đáy ly núi mỏn trăng mòn*
*nhớ thiên thu dựng trên cồn ngực ai*
*sầu ta sóng bủa sông dài*
*chén nào để cạn cơn say gã cuồng*

*Gió ơi áo trận ẩm sương*
*dành ta riêng một nẻo đường lũng cao*
*mưa ơi sao mưa chạy vào*
*đỉnh hồn cổ độ thuở nào ghé đâu*

*Ta ơi lạc giữa trời mây*
*mỉa mai chơi, một mình bầy phù du*
*Súng ơi đâu biết hận thù*
*đạn đồng rủ một điệu ru giết người*

*Kẻ thù ta đứa lắm lời*
*trộn liều thuốc lú rao mời chiến chinh*
*vuốt nanh quỉ dữ rập rình*
*vết thương máu thấm mũi đinh ngỡ ngàng*

*Rừng ơi lá úa quan san*
*sầu riêng để sẵn tan hoang một đời*
*Khà môi lòng chợt dường vơi*
*thế thôi thôi thế đỉnh trời mênh mang*

*Ta ơi hồn phách lang thang*
*bạt vai gió cát bạt ngàn óc mê*
*Tỉnh say quên mất ngõ về*
*hình như đêm vẫn hẹn thề trăng suông*
*Tên gà chết, chuyện phi thường*
*vờ quên, nhớ giữa chiếu giường như say.*
***Nguyễn Mạnh Trinh***

# THẢO LUẬN

*Bắt đầu từ số báo này, Văn Học mở thêm phần Thảo Luận để đăng các ý kiến về những bài đã đăng trên Văn Học, cùng các đối thoại về những vấn đề văn chương nghệ thuật khác. Những ý kiến đăng trong phần này không nhất thiết phản ảnh chủ trương của Văn Học, có thể có những ý kiến đối nghịch nhau, nhưng chính tinh thần đối thoại tương kính sẽ tạo không khí tranh luận cởi mở hiện rất cần thiết cho sinh hoạt nghiên cứu và sáng tác tại hải ngoại.*

*Trong số Văn Học này, chúng tôi xin đăng bài góp ý của ông Phạm Hiếu với nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc về bài viết đăng trên Văn Học số 20, và bài góp ý của anh Trần Trúc Giang về tâm tình tuổi trẻ.*

*Phạm Hiếu*

# *Euclid, Lobachevsky, và Bùi Vĩnh Phúc.*

## *Toán Học Là Cái Cớ*

để viết. Lúc đầu tôi đã muốn đặt tựa bài viết này là *Euclid, Lobachevsky; Tiên Đề Song Song Là Cái Cớ.* Sau đó tôi đổi lại thành: *Hình Học Là Cái Cớ.* Và cuối cùng thì Hình Học vươn vai đứng dậy thành Toán Học. Vì bắt chước văn ông Bùi Vĩnh Phúc, nên tôi buộc lòng phải thành thực đặt tên ông vào tựa bài cho đủ bộ tam sên. Viết theo người khác bao giờ cũng dễ viết hơn, chả vậy mà văn hào Mỹ William Faulkner (1897-1962) đã bảo rằng cầm bút viết tức là đạo văn của người khác rồi. Trên đời này chỉ có Ông Anh Adam và Bà Em Eve nếu có viết thì sẽ không bị mang tiếng đạo văn, nhưng với điều kiện là hai Anh Em ấy cùng viết một lượt, còn nếu Anh viết trước Em hay Em viết trước Anh thì một trong hai vị sẽ bị con cháu gán tội đạo văn nhau. Đạo văn nhau là chuyện thường vì con người cùng một gốc mà ra. Có phải Anh là Adam và Em là Eve? Có phải tổ tiên của 'totem' là tổ-tiên? Có phải thần Thor mà người Ai-cập thờ là uyên nguyên chữ Thờ trong tiếng Việt, hay nói ngược lại. Và phải chăng chỉ là sự tình cờ, ngẫu nhĩ với độ ngờ xác suất một phần triệu gì đó mà người Anh, Mỹ gọi 'cắt' là 'out', người Pháp gọi là 'couper', người Nhật gọi 'cắt' là 'kari', người Phi-luật-tân gọi là 'u-Cá', v.v... Tại sao có sự trùng âm lạ lùng như vậy? Chưa chắc họ đã đạo văn nhau ở trường hợp này. Nếu ta đi lên cái máy thời gian của Herbert G. Wells (1866-1946) và lái cái xe thời gian của tiểu thuyết gia Anh đó ngược trở về những buổi chiều sơ cổ cách đây khoảng nửa triệu năm lúc mà loài người bắt đầu tiến hoá sang giai đoạn con người đứng thẳng, homo erectus, ta xuống xe thiên cổ và gài thắng lại, đoạn vào thăm những lỗ ở — lúc này vẫn còn là lỗ ở chứ chưa thành chỗ ở, vẫn còn là 'hole' chứ chưa là 'home' hay 'house' — của con người đứng thẳng. Họ ở lỗ nhưng chắc họ không còn ăn thịt lẫn lông vì vào giai đoạn tiến hoá này, con người với đôi tay rảnh rỗi, đã biết tạo đồ dùng; họ gõ, đẽo đá vào nhau để làm dao đá, để cắt thịt cạo lông con mồi săn được

trong ngày, và tiếng đá chạm vào đá như tiếng sắt tiếng vàng chen nhau, tiếng đá chạm vào xương 'cắc-cắc, cụp-cụp, cá-cá' đều nghe giống nhau ở mọi nơi trên quả địa cầu với môi trường không khí H2O. Tùy ở cường độ âm thanh khác nhau, con người nhại lại các tiếng đó để chỉ hành động cắt mà ta có cắt, cut, couper, kari, u-Cá...

Bạn đọc Văn Học chắc còn nhớ bài nhận định rất sâu sắc về *Vũ Khắc Khoan & Samuel Beckett: Nghệ Thuật Như Một Cái Cớ* do ông Bùi Vĩnh Phúc viết trong Văn Học số 20, tháng 9, 1987. Ở đây tôi sẽ không bàn thêm gì về khía cạnh văn chương, nghệ thuật của họ Vũ và Beckett, vì bài ấy đã trình bày khá đầy đủ rồi. Tôi chỉ xin bạn đọc để ý kỹ lý luận toán học trong bài ở trang 8 và chắc phải đồng ý với tôi là đem cái chính xác nhiều khi đáng ngờ của toán học để đọ với cái tưởng tượng lắm lúc rất thực của văn chương là việc làm bổ ích, rất hay. Lấy thước toán đo văn chương lại còn hay gấp bội. Các nhà nghiên cứu văn học Âu Mỹ không chịu thua các ông chuyên viên, kỹ sư điện toán, cũng biết sử dụng máy tính điện tử computer, viết chương trình văn chương máy dài dằng dặc, đặt những công thức toán, thống kê để kiểm chứng văn bản Shakespeare (1564-1616) như vừa mới đây học giả Mỹ Gary Taylor đã dùng máy đo đếm và so sánh động từ, tĩnh từ, trạng từ, từ hoa v.v... mà William Shakespeare đã viết trong các kịch bản và thơ để luận định quyền tác giả của một bài thơ còn nghi vấn. Giáo sư Bing C. Chan, một nhà Hồng Học hiện đại, đem phương pháp thống kê văn bút (stylostatistical approach) cùng với máy điện toán để khảo sát toàn bộ từ ngữ ba văn bản của các chương khác nhau trong bộ tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng, và dựa trên kết quả rút ra (output) do những dữ kiện, tài liệu đút vô (input) cái máy điện toán chạy vèo vèo vi vút để có thể kết luận là tác phẩm hoàn toàn do Tào Tuyết Cần sáng tác hay gồm có hai ba người viết. (The Authorship of the Dream of the Red Chamber, based on a Computerized Statistical Study of Its Vocabulary, Quyền Tác Giả của Hồng Lâu Mộng, Dựa Trên Nghiên Cứu Thống Kê Điện Toán Hoá Về Từ ngữ Trong Tác Phẩm, Hongkong, Joint Publishing Co., 1986). Trong cuốn sổ tay Stylists on Style (Nhà Văn Thể Bàn Về Văn Phong) do giáo sư đại học Cleveland State University, Louis T. Milic viết, ông đề nghị các nhà phê bình văn học dùng lý thuyết thông tin học (information theory) để tìm hiểu văn phong hay văn thể, bút pháp hay phong cách, hay cách viết thơ văn của các tác giả. Ông lại khuyên họ đo câu văn dài ngắn như đo lọ nước mắm, đếm củ dưa hành theo phương pháp thống kê toán học chọn mẫu bất kỳ (random sampling); nhưng hãy khoan khoan nào, chọn bất kỳ không phải là chộp đại một câu văn, câu thơ trong tác phẩm nào đó, rồi phanh thây mổ xẻ dòng chữ, mà thực ra phải chọn phân tầng (stratified sampling), chẳng hạn như cứ ở mỗi trang thứ 3 hay thứ 10 thì chọn câu văn đầu, hay câu văn thứ hai, hay câu cuối trang. Làm như vậy mới có tinh thần phê phán khách

quan trên phương diện thống kê toán học. Đó cũng là kiểu đếm đầu người, làm thống kê dân số tại các Viện Thống Kê trên thế giới. Ông Phan Ngọc trong Ủy Ban Khoa Học Xã Việt Nam của Viện Đông Nam Á, qua cuốn Tìm Hiểu Phong Cách Nguyễn Du Trong Truyện Kiều đã dùng phép toán cộng, trừ đếm vần truyện Kiều, "Truyện Kiều có 3.254 câu thơ lục bát, trong đó câu lục có một vần, câu bát có hai vần, không kể câu bát cuối chỉ có một vần. Vậy số lượng các vần là: (3254 : 2 x 3) - 1 : 4880 vần. "Tiếp theo đó ông lại đếm vần trong văn bản Chinh phụ ngâm diễn ca của Phan Huy Ích, "Bản này viết theo thể song thất lục bát, gồm chỉ có 496 câu với (496:4) x 7 - 2 tức là 866 vần. Tức là số vần trong Kiều nhiều gấp 5,63 lần trong Chinh phụ ngâm diễn ca." Phép cộng, trừ (nhân, chia chỉ là cộng nhiều lần hay trừ nhiều lần) chỉ có thể cho ta đếm các số ít như ông Phan Ngọc đếm vần thơ. Còn các số nhiều như sao trời thì đếm làm sao? "Đố ai biết lúa mấy câu, biết sông mấy khúc, biết mây mấy tầng?" Nhạc sĩ Phạm Duy không cần đến toán mà vẫn đo đếm được mấy thứ ấy. Làm sao tính toán, đo đếm đường bay, tốc độ phi thuyền không gian Apollo, Voyager...? Ta hãy nghe Vũ Hoàng Chương:

*Này lúc vèo qua hệ thái dương*
*Ném sau ngàn đốm lửa kim cương*
*Mạn phi thuyền cháy lên rừng rực*
*Ta gõ mà ca thiên nhất phương.*

Hệ thái dương mà chỉ bay vèo một cái là bay nhanh quá siêu thanh, siêu quang, siêu hình và cả vũ trụ này chẳng có gì bay nhanh kiểu Vũ Hoàng Chương. Vậy mà Bàng Bá Lân đã phê là nhịp bài thơ đó còn chậm lắm. Có chậm chắc là chậm chỗ nhà thơ nằm trong phi thuyền siêu tốc độ, tợp một ngụm rượu, thả một cánh khói, rồi thật nhàn rỗi và tỉ mỉ êm đềm đếm một ông sao sáng, hai ông sáng sao, đoạn cầm cán điếu gõ và mạn thuyền mà ca thiên nhất phương, 'vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương'.

Học trò làm toán bí thì chỉ có ngồi cắn bút; còn Samuel Beckett viết văn tới chỗ bí, đầu ngòi bút không một ngọn gió phe phẩy, thì xoay ra... làm toán như ở đoạn văn truyện *Molloy* dưới đây (xin lỗi bạn đọc trước vì đoạn văn không thơm tho gì cho lắm của Beckett, nhưng chắc bây giờ đã hết mùi rồi vì truyện đã viết cách đây 32 năm):

*Mùa Đông, tôi cuốn mình trong lớp giấy báo dưới chiếc áo tơi...Giấy tờ Phụ trương Văn Học Thời Báo để xài cẩn thận vào việc ấy vì giấy đó dai và không thấm nước. Dai đến nỗi đánh mấy cái rắm cũng không thủng. Tôi không kềm được, hơi rắm ở hậu môn cứ tuôn ra vô cớ, khó mà không thỉnh thoảng nhắc tới chuyện đó, kể lại chẳng thú vị gì cả. Một hôm tôi đếm mấy cái rắm. Ba trăm mười lăm cái rắm trong mười chín tiếng đồng hồ, hay tính trung bình trên mười sáu cái rắm trong một giờ.*

*Dẫu sao đó không phải là quá nhiều. Bốn cái rắm trong mười lăm phút. Chẳng được bao nhiêu. Còn ít hơn một cái rắm trong bốn phút. Chuyện khó tin. Đù oả nó, vậy đâu phải là đánh rắm, chẳng nên kể. Thế mới biết toán học giúp mình biết mình kỳ diệu thật*

Ở đây, Samuel Beckett đã tính trật mấy cái rắm thơm của ông. "Bốn cái rắm trong mười lăm phút" mà ông bảo là "Còn ít hơn một cái rắm trong bốn phút." Ý ông nói là "4 phần 15" nhỏ hơn "1 phần 4". Thực ra 4/15 phải lớn hơn 1/4 chứ, vì 4/15 : 0,266, còn 1/4 : 0,25. Hay đây chỉ là một khía cạnh phi lý trong văn chương Beckett mà nhà phê bình kịch nghệ Martin Esslin, cha đẻ chữ 'kịch phi lý', đã bỏ sót, không bàn đến khi ông viết cuốn *The Theatre of the Absurd?*

Viết biên khảo văn học thật xuất sắc thì có Vũ Ngọc Phan và Hồ Hữu Tường. Còn nhiều người khác viết hay, nhưng hãy tạm kể hai vị này vì họ có một điểm chung khác nữa, đó là toán học; Vũ Ngọc Phan có Tú Tài Toán và Hồ Hữu Tường cũng có căn bản toán vững. Hồi còn ở bên Pháp, khoảng những năm 1940-50. Họ Hồ sắp sửa trình luận án tiến sĩ toán tại Paris thì bị Tây đuổi về xứ, chỉ vì hoạt động chính trị chống Pháp. Vừa làm toán vừa làm thơ than thở 'đời vắng em rồi say với ai' thì chỉ có thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Họ Vũ có đâu những hai chứng chỉ cử nhân toán. (Thạc sĩ toán Hoàng Xuân Hãn thì xin được miễn kể vì ông đã có một chỗ ngồi rất vinh dự trên Khuê Văn Các, gác văn chương, ngoài Hà Nội). Hoàng biết toán vậy mà Tố của Hoàng hỏi Hoàng bài toán một cộng một, Hoàng lại lắc đầu:

*Bài toán khó, em hỏi,*
*Trêu cợt, anh lắc đầu :*
*"Em hỏi thầy giáo chứ;*
*Anh biết làm toán đâu !"*
(Ba chữ mê hoặc)

Hoàng chỉ giả vờ đấy thôi, vì sau đó Hoàng bắt đầu trổ tài:

*Chẳng bài toán nào khó*
*Hơn bài toán đôi ta :*
*Nhân lên hay cộng lại*
*Cho đêm dài mãi ra ?*

Bài toán mà Hoàng đã giải là như vầy (chỉ một đêm dài là ra rồi)

Âm : 0
Dương : 0
Âm + Âm : 0
Dương + Dương : 0
Âm + Dương : 3 (hay nhiều hơn 3)

Toán học kinh viện chứng minh bài toán một cộng một rắc rối

lắm. Nhà toán học Anh Bertrand Russell viết cuốn Principia Mathematica (Nguyên Lý Toán Học) dầy bốn năm trăm trang, đặc những ký hiệu toán luận lý hình thức, chỉ nhằm để chứng minh một cộng một bằng hai. Russell viết chung cuốn này với A.N. Whitehead mất những ba bốn năm gì đó. Thua xa Hoàng một bực. Ba năm của Russell và Whitehead đâu bằng một đêm của Tố và Hoàng. Bài toán làm một đêm để suốt đời còn thắc mắc: Cái đêm hôm ấy đêm gì? Bóng dương hồng bóng trà mi chập trùng. Thế nhưng toán học là gì? Russell (1872-1970) đã định nghĩa toán học là "môn học trong đó người ta không biết mình nói về cái gì và cũng không biết nốt điều mình nói có đúng hay không" (Recent Work on the Principles of Mathematics, Công trình mới về nguyên lý toán học, International Montly, Vol. 4, 1901).

Ngày xưa chưa xa lắm, nhà văn Á-căn-đình Jorge Luis Borges có nói là nếu ông chỉ thay đổi các tên nhân vật, địa danh trong cuốn tiểu thuyết Don Quixote của Cervantes thì ông sẽ có một cuốn tiểu thuyết mới toanh, khác với cuốn Don Quixote. Borges quan niệm một cuốn sách chỉ hoàn toàn khi có một cuốn sách khác phản lại cuốn sách đó, tức là sách phản (counterbook). Có Samuelson thì phải có Anti-Samuelson. Có Christ thì phải có Antichrist. Phản lại đoạn trường Tân Thanh của Nguyễn Du là Đoạn Trường Vô Thanh của Phạm Thiên Thư. Trong khi thiên hạ viết hồi ký thì André Malraux viết phản hồi ký, antimémoires. Trời tạo Adam thì phải tạo người phản Adam là Eve, trời sinh Chu Du thì cũng phải sinh Gia cát Lượng. Có Anh thì phải có Em, như vậy cuộc đời mới đủ ý nghĩa. Những người khác mải miết làm thơ lục bát thì Viên Linh gò gấm viết những vần thơ phản lục bát; ông cho câu 6 thòng xuống câu 7 như người thò bàn tay 6 ngón vào chạn lục bát, hay cậu Sáu thò cái lòng thòng xuống khều khều cô Tám như thể muốn đặt chàng Nguyễn vào động Thiên Thai của cô Tám (nói theo thể điệu của nhà toán học Charles Dodgson, biệt hiệu Lewis Carroll, là 'put Alice in Wonderland', đặt bé Alice vào xứ Thần Tiên). Nhưng cửa động đầu non đường lối cũ, ngàn năm thơ thẩn Nguyễn rong chơi. Viên Linh vẫn còn 'vọc nước giỡn trăng' ở mép rìa thọp thẹp tử sinh lún phún rêu, chứ Phạm Thiên Thư thì đã vô tuốt động hoa vàng đánh cả chục giấc mộng xuân tràn trề gối chăn giường chiếu từ đời thuở nào đó rồi. Viên Linh sáng tạo thơ phản lục bát như vậy tức là đã trở về nguồn thơ Nguyễn Du, rất gần với lối đặt câu của nhà thơ huyễn mộng này (Nguyễn Du, Những Phương Trời Huyễn Mộng của Vũ Thế Ngọc) mà học giả Nguyễn Hiến Lê cho là thơ lục bát của Nguyễn Du chỉ có vài câu hay thôi (?) Về điểm này, rất tiếc là nhà Kiều học Trần Ngọc Ninh đã không lên tiếng phản đối ông Lê. Theo nhà thơ Huy Cận kể lại lời người khác đã kể thì hồi xưa Nguyễn Du viết xong một câu Kiều là dán ngay câu thơ lên cánh cửa, rồi thủng thẳng, ung dung ngồi xuống phản khề khà nhẩm-xà Mạn Hảo, đoạn sửa giọng Hà-tĩnh cho

giống giọng Kẻ chợ, kinh đô Thăng Long của triều Lê mà ông vẫn hằng yêu mến, cất tiếng ngâm sang sảng câu Kiều vừa vẫy bút:

| | | |
|---|---|---|
| | Chữ | Trăm |
| | tài | năm |
| | chữ | trong |
| | mệnh | cõi |
| ghét | khéo | người |
| nhau | là | ta |

Vì Nguyễn Du làm thơ Nôm ông xếp câu như trên. Từ trên xuống dưới và từ phải sang trái. Mấy câu phản lục bát giấu kín trong túi quần Viên Linh có xếp đi xếp lại, xếp tới xếp lui, xếp lên xếp xuống, xếp ngược xếp xuôi, cũng không sao vượt ra ngoài lối xếp nguyên thủy của Nguyễn Du, hay của những nhà thơ Nôm trước Nguyễn Du, hay của ca dao trước khi có giấy bút ghi lại tâm tình mà mỗi xuống hàng, mỗi sang trang chỉ là chỗ nghỉ để uống một hớp chè tươi, rít một điếu thuốc lào, tán một chuyện gẫu, trước khi ngâm tiếp.

Sống là ăn bát phở 75 ở Arlington, Virginia, rồi thở phào ra một bài thơ phản lục bát rồi đi, nhưng đã đi thì phải đi thật xa, và đi xa tức là trở về khởi điểm để lại bắt đầu tô phở 75 (Lão Tử cũng nói giông giống như vậy, đại khái là 'Đạo viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản phục'). Những người Việt vượt biển Thái bình dương để đến những bờ bến ngoài vời Đại Tây Dương, nhưng đến bến bờ Âu Mỹ chưa phải là 'đáo bỉ ngạn'; họ sẽ phải đi nữa, đi đến khi nào một đêm mưa thấy mình đứng sững trước hè nhà xưa cũ thì mới dừng lại:

*Đêm qua mưa lũ ta về,*
*Đứng im như tượng bên hè nhà xưa.*
*Một hồn rũ rượi trong mưa,*
*Nhớ ôi ngọc trắng ngày chưa cát lầm.*
(Lục bát của một thiền sư đã tha phương tầm đạo trở về hay của Bùi Giáng?)

Viên Linh cũng thế, đã lôi thể lục bát đi sắp hết vòng, dường như gần về khởi điểm, mái nhà xưa mà Nguyễn Du đương ngồi đợi Viên Linh.

Theo chiều hướng phản hồi đó và để cho vở kịch Ga Xép của Vũ Khắc Khoan hoàn toàn đầy đủ, vở kịch phản Ga Xép đã được tưởng tượng như sau và dĩ nhiên phải tưởng tượng theo kiểu Boọc-hớt (Borges).

Không gian : Ga Xép ở Alexandria.

Thời gian : lộn xộn; lúc nãy, lúc này, và lát nữa chỉ là một lúc nhập một.

Nhân vật :

*Nhân vật có mặt trên sân ga :*

• EUCLID, còn có tên Hy-lạp là Eukleides, nhà toán học sống vào khoảng năm 300 trước T.L., tác giả 13 cuốn sách

toán hình học Những Phần Tử, cằm đeo râu dài.

- VUA PTOLEMY I, tại vị trong khoảng từ năm 306 đến năm 283 trước T.L., mặc long bào diêm dúa.
- NICOLAI IVANOVITCH LOBACHEVSKY (1793-1856), nhà toán học Nga, có tên Việt là Lục-bát-chén-kỹ.
- GEORGE FRIEDRICH BERNHARD RIEMANN (1826-66), toán học gia Đức, vóc dáng ốm yếu, bệnh hoạn.
- VŨ HOÀNG CHƯƠNG (1916-76), xếp ga và cũng là thi sĩ không uống rượu mà say, khoái nhảy đầm với nữ sĩ Bỉ Ysabel Baes.
- BÙI VĨNH PHÚC, người yêu sách vở da diết, theo đạo sách của thầy Tử Mẫn (giáo chủ nhà in sách đẹp trên giấy lụa Tứ Xuyên mà vẫn khiêm tốn gọi là giấy bồi lá bối.)
- KHÁCH LA, con người dửng dưng, rất là vong thân, bạt mạng, theo chủ nghĩa Camus (Camus-cognac chứ không phải Camus-nhà văn).

*Nhân vật không có mặt trên sân ga :*

- AGATHA CHRISTIE
- BÌNH NGUYÊN LỘC
- VŨ KHẮC KHOAN
- NGUYỄN TUÂN

## *MÀN GIÁO ĐẦU*
### *(cũng là Màn Vĩ Thanh)*

Hậu bán thế kỷ XX. Trên một ga xép ở Alexandria, thành phố mà vào thời Caliph Omar vừa chinh phục được, thành có 4 ngàn cung điện, 4 ngàn bể tắm, 12 ngàn con buôn dầu ép tươi, 12 ngàn thợ làm vườn, 40 ngàn dân Do-thái triều cống, 400 đại kịch trường hay du hí trường; thời đó Caliph Omar đã hạ lệnh thiêu rụi thư viện Alexandria lớn nhất thời cổ. Tất cả những kỷ niệm trí nhớ, tư tưởng, tình yêu của con người thời ấy bị xoá sạch. Cũng may. Cũng may như Tần Thủy Hoàng đã chôn sống hàng ngàn nho sĩ và đốt sạch sành sanh sách vở do đám nho sĩ ấy viết, và chỉ tiếc một điều là vua Tần đã không đốt luôn cuốn Kinh dịch. Và nếu sách vở thư viện Alexandria còn hay nếu đám nho gia đời Tần với sách vở, lý thuyết rườm rà còn tồn tại đến bây giờ, biết đâu ngày nay Mao trạch Đông chỉ là một nho sĩ hiệu đính sách vở của họ, biết đâu J.P. Sartre chỉ là một học giả Pháp biên khảo Nho hiện sinh, hay biết đâu Karl Marx chỉ là thầy ký lục ngồi trong thư viện ở Luân Đôn, British Museum, gom góp sách vở Đông Tây soạn thư mục về sách cổ thời Alexandria, sách Nho thời tiền Tần chứ đâu có viết lôi thôi Das Capital (Cái Vốn) chia đôi thiên hạ, hay như Sartre cũng đâu có viết L'Être et Néant (Có và Không) tối om, làm rối mù triết học, cũng may là đám nho ấy bị xoá tẩy sạch, chứ không thì giống nho đó lan tràn, lấn át hết nho Cabernet Sauvignon, nho Pinot đen, nho Chardonnay, nho Riesling; từ Bordeaux, Brugundy bên Tây

sang đến thung lũng Napa, Sonoma ở California, đâu đâu cũng chỉ thấy nho Tiên Tần tràn lan và nho này chẳng ích lợi gì cho đám đệ tử đạo Lưu Linh, Bacchus.

Ga xép là nơi khách bốn phương dừng chân sửa soạn những cuộc viễn hành và cũng là nơi tư tưởng nhỏ gặp tư tưởng lớn. Giữa sân ga là hai đường rầy xe lửa song song. Trên sân ga đồ đạc trang trí sơ sài: một vài chiếc ghế gỗ nằm dọc theo đường rầy.

*MÀN MỞ LÊN*

Một ngày chớm thu, tiết trời lành lạnh, rừng phong đã ngả màu trà mi. Xếp ga Vũ Hoàng Chương ngồi bó gối sau quầy, chẳng thiết tha gì việc bán vé, thả tầm mắt xa vắng về hướng rừng phong, ngâm khe khẽ, "Em ơi lửa tắt bình khô rượu, đời vắng Em rồi say với ai?", bỗng dưng bắt sang câu, "Một lưỡi dao bay ngàn thuở đẹp, dù sai hay trúng cũng là dư."

Tiếng gió rít thổi ngàn lá thu rơi sột soạt trên sân ga như ngàn cánh bướm Nguyễn Thị Hoàng vỗ lao xao, rộn rạo trong Vòng Tay Học Trò mới lớn. Không gian lại tĩnh mịch. Yên lặng kéo dài một lát, rồi...

*Bùi Vĩnh Phúc* (nhìn chằm chập đường rầy xe lửa song song, vươn vai): Hình học Euclid bắt nguồn từ 5 định đề mà một trong 5 định đề ấy là định đề về đường song song. Đó là từ một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta chỉ có thể vẽ một đường thẳng duy nhất song song với đường thẳng đã cho.

*Euclid* (vuốt râu, nói thật chầm rãi): Thực ra hình học của lão phu bắt đầu với những định nghĩa căn bản về điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, bề mặt, cực hạn của một bề mặt, mặt phẳng, góc phẳng, góc vuông, góc tù, sự thẳng góc, góc nhọn, giới hạn, hình vòng tròn, tâm vòng tròn, đường kính vòng tròn, nửa vòng tròn, những hình phẳng, hình tam phương, hình tứ phương, hình đa phương, tam giác đều, tam giác cân, tam giác lệch, tam giác vuông góc, tam giác có góc tù, tam giác có góc nhọn, hình vuông, hình thang có góc vuông, hình thoi, hình tà hành, hình thang, đường song song. Sau khi định nghĩa các khái niệm căn bản đó rồi, lão mới đặt ra 5 tiên đề hay định đề dựa trên khái niệm đã định nghĩa. Vạn sự đều có chỗ bắt đầu. Một điểm nữa là tiên đề thứ 5 của lão mà chú vừa nhắc sao nghe khác quá vậy. Lão đã viết tiên đề đó trong quyển I bộ Những Phần Tử như vầy: "Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng khác, tạo những góc trong nằm cùng bên nhỏ hơn hai góc vuông, thì hai đường thẳng ấy nếu kéo dài vô tận, sẽ gặp nhau bên phía có các góc trong nhỏ hơn hai góc vuông."

*Khách lạ* (gập lại cuốn L'Etranger của Camus đang đọc đó, con người dửng dưng, vong thân, bỗng nhiên nhập cuộc thân thiết): Ấy, ông (Euclid) viết vậy là không rõ ràng và không hiển nhiên chút nào. Đám hậu sinh như Proclus vào thế kỷ thứ 5 đã viết

chú thích và bình luận sách ông như ông Bùi Vĩnh Phúc đã nói. Rồi đến nhà toán học kiêm vật lý học Tô Cách Lan, John Playfair (1748-1819) cũng sửa tiên đề thứ 5 của ông lại như vậy cho rõ ràng hơn.

*Euclid :* Đám hậu sinh quả là khả úy.

*Ptolemy I* (nói với Euclid) : Chà ! Hình học coi vậy mà rắc rối. Ta tưởng hình học chỉ để xài vào việc phân chia ruộng đất của bá tính. Khanh có cách nào dạy Trẫm học môn toán đó theo con đường tắt không?

*Euclid* (lắc đầu) : Tâu Bệ Hạ, không có con đường cái quan nào để đưa xa giá Bệ Hạ qua cái cổng Hình Học cả. Thần bất tài không thể nào giúp Bệ Hạ được, nhưng Thần biết chắc một thiên tài ở Việt Nam có thể tìm cho Bệ Hạ con đường cái quan đó.

*Ptolemy I* (mặt lộ vẻ hớn hở) : Ai vậy ?

*Euclid* : Thưa Bệ Hạ, Phạm Duy.

*Khách lạ* (quay hỏi Euclid) : Học khó khăn thế thì học làm gì? Có lợi lộc gì kia chứ?

*Euclid* (giận dữ, râu dựng ngược): Xin Bệ Hạ ban cho thần một quan tiền.

*Ptolemy I* (tay lục bốn túi long bào): Ta không có quan tiền nào hết, chỉ còn một đồng tiền hoẻn này đây.

*Euclid* (tay cầm đồng tiền hoẻn, giơ lên quăng vào người khách lạ): Đây, ta cho nhà ngươi một đồng hoẻn... (miệng lẩm bẩm). Cái quân học chỉ nghĩ đến lợi trước.... (Quát to). Cút mau ra khỏi sân ga!

(Người khách lạ tiu nghỉu đứng sang một bên, giở đọc tiếp L'Etranger).

*Bùi Vĩnh Phúc :* Nếu định đề về đường song song của Euclid đã không hiển nhiên, tại sao các nhà toán học không suy diễn lại như ngài Lobachevsky đây mà đã kiện toàn một hệ thống toán trong đó (nhấn mạnh) *không có* đường thẳng nào song song với một đường thẳng khác cả.

*Lobachevsky* (nghe nhắc đến tên mình bèn nhổm dậy): Này ông Bùi Vĩnh Phúc, tại sao ông lại cướp hết những đường song song của tôi? (Tay chỉ đường rầy xe lửa) Đằng kia còn hai đường song song sao ông không lấy nốt. (ngồi bệt xuống sân ga cầm phấn vẽ). Tôi đã sửa tiên đề song song của Euclid lại là như sau đây:

> Nếu P là một điểm không ở trên đường AB (coi hình 1) và nếu Q là chân đường thẳng góc từ P trên AB, thì có hai tia PX, PY xuất phát từ P, không nằm cùng trên một đường thẳng và cũng không cắt AB, sao cho bất cứ tia PZ nào phát xuất từ P và nằm trong phạm vi góc XPY mà chứa PQ cũng đều cắt AB.

*(Hình 1)*

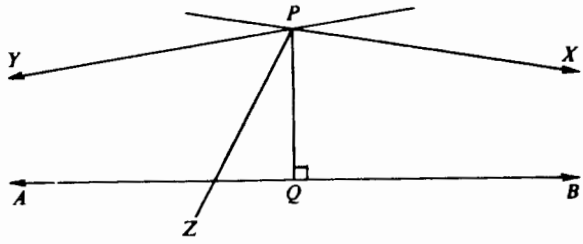


Có một nhà toán học Hung Gia Lợi, Janós Bolyai (1802-60) cũng tình cờ nghĩ ra định đề phi Euclid giống hệt như tôi.

*Khách Lạ* (nhắc lại câu triết lý trung học của giáo-sư-thi-sĩ Nguyên Sa Trần Bích Lan): Tình cờ chỉ xảy đến cho những người xứng đáng với tình cờ.

(Mọi người bu lại nhìn hình vẽ của Lobachevsky, trước Vũ Hoàng Chương đang bận pập-pập tẩu thuốc phiện hình thù cổ quái, đời Khang Hi.)

*Khách Lạ* (lại xía vô) : Này ông Lobachevsky, đây là ông lý luận toán học kiểu kinh viện, trường sở, chặt chẽ mà rườm rà, nhưng có phải nói nôm na là ngoài một đường thẳng, ông có thể vẽ được những hai đường thẳng song song với đường thẳng kia, phải vậy không?

*Lobachevsky* (gật đầu đáp 'phải phải' bằng tiếng Nga): Đa Đa.

*Bùi Vĩnh Phúc* (thao thao nói tiếp) : Và sau đó những hệ thống khác được thành hình — chẳng hạn như một hệ thống của Riemann — trong đó người ta có thể vẽ không những một mà (nhấn mạnh) *vô số* những đường thẳng song song với một đường thẳng đã cho sẵn.

*Riemann* (đang đau ngồi rên hừ hừ cũng ráng thều thào): Ông Bùi vĩnh Phúc ơi! Ông ngồi xuống đây tôi nói nhỏ cho nghe. Khi tôi lập ra hình học riêng của tôi, và sau khi tôi đã bàn kỹ với thầy học tôi, nhà toán học Karl F. Gauss (1777-1855) về cái tiên đề thứ 5 không hiển nhiên chút nào hết của Euclid, tôi đã quyết định là đã không hiển nhiên thì chỉ vứt nó vào sọt rác (quay sang xin lỗi cụ già Euclid, đoạn nói tiếp với Bùi Vĩnh Phúc). Vì vậy không gian hình học cầu của tôi không cần đến tiên đề song song và trong không gian cầu không có đường thẳng nào song song với đường thẳng nào hết. Đường thẳng trong hình học của tôi là đường vòng tròn lớn, geodesics, như đường xích đạo (ôm ngực ho sù sụ). Vì ông là nhà văn nên tôi cho ông biết luôn là những đường Tropics của văn sĩ Henry Miller chỉ là những đường cong như đường mông trên mình mấy Marilyn Monroe. Tôi đã muốn tạo không gian cầu của tôi theo mô thức Monroe, nhưng thấy cái không gian Monroe khó

mà công thức hoá hay toán học hoá được nên đành phải kính nhi viễn chi, chẳng dám gùn ghè đến gần. (Lại ho sù sụ một tràng dài). Tam giác trong không gian cầu của tôi có tổng số góc lớn hơn hai góc vuông, còn trong không gian cầu giả, pseudosphere, của Lobachevsky và Bolyai, tổng số góc của hình tam giác lại nhỏ hơn hai góc vuông. Dĩ nhiên tổng số góc của hình tam giác trong không gian Euclid thì bằng hai góc vuông, tức là bằng 180 độ.

(Riemann khòm lưng vẽ 3 hình sau, vẽ xong mỗi hình là một câu giảng):

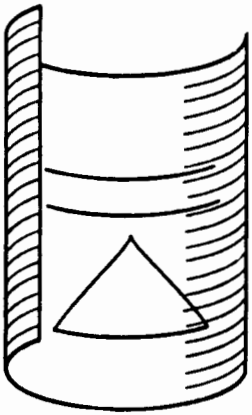

*(Hình 2. Hình vẽ tượng trưng không gian Euclid)*

Mỗi tiên đề của Euclid đều đúng cho hình vẽ trên bề mặt hình trụ, có độ cong bằng zêrô. Hình học Euclid còn gọi là hình học parabol.

*(Hình 3. Hình vẽ tượng trưng không gian phi Euclid, Lobachevsky và Bolyai)*

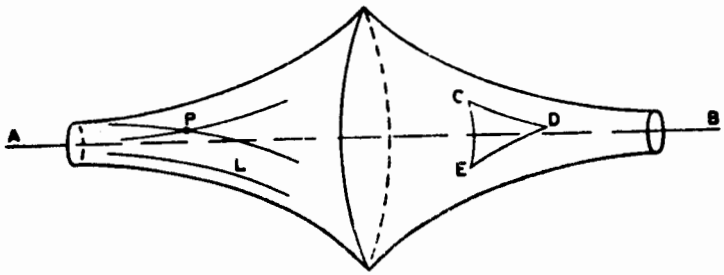

Bề mặt của không gian Lobachevsky & Bolyai (hình 3) được gọi là bề mặt quả cầu giả. Từ một điểm P ngoài đường L ta có thể vẽ vô số đường song song mà không cắt đường L. Tam giác CDE có tổng số góc nhỏ hơn 180 độ, nhưng càng bành tam giác cho lớn ra thì tổng số góc cũng gia tăng lớn hơn. Không gian Lobachevsky có độ cong âm, nhỏ hơn zêrô và hình học Lobachevsky & Bolyai còn được gọi là hình học hyperbol.

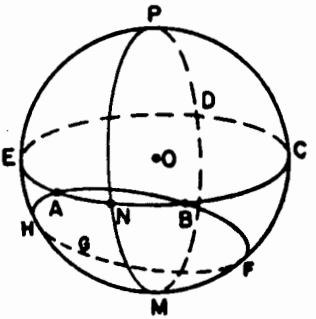


*(Hình 4. Hình vẽ tượng trưng cho hình học Riemann.)*

Đường thẳng trong không gian Riemann là đường vòng tròn lớn, chẳng hạn như hai vòng lớn ABCDE và MNPD gặp nhau tại N và D. Không gian Riemann có độ con dương, lớn hơn zêrô và hình học Riemann còn có tên là hình học ellip.

*Vũ Hoàng Chương* (nhìn các hình Riemann vẽ, mắt nhíu lại, giơ tay gỡ cái mũ dạ vẫn thường đội xuống): Những đường song song của quí vị sao đọ được hai đường song song của tôi. Quí vị hãy lắng tai nghe:

*Bốn mảnh quần hồng bay phất phới*
*Hai hàng chân ngọc duỗi song song.*

Hai đường song song của tôi giao nhau tại một điểm tam giác có bề dài, bề dọc, lẫn bề dầy, khác với điểm Euclid đã định nghĩa. Cái điểm tam giác này có mùi triết lý hố thẳm khấm lắm lạm. Ấy là tôi nói theo thể cách Phạm Công Thiện. Nó còn có đặc tính lạ là: bành ra ba góc nom còn thiếu, véo vẹo hai bên thấy vẫn thừa. Nó co dãn như vưu vật toán học topology, vo tròn bóp méo thế nào thì tam giác vẫn là tam giác. Mô hình song song đó đều đúng trong mọi không gian hình học, từ hình học Euclid, Bolyai-Lobachevsky, Riemann, cho chí hình học siêu hình của Hilbert, hay hình học phi Desargues, hay hình học mới cắt chỉ, mới toanh của Benoit Mendelbrot mà có tên là hình học phân tán (fractal geometry).

*Ptolemy I* (nhìn họ Vũ lộ vẻ thinh thích): Khanh phải truyền lại cho Trẫm cái hình học hố thẳm này.

*Vũ Hoàng Chương* : Với phong cách sang cả như Quân

Vương thì có cả ngàn vạn con đường cái quan đưa xe Đế Quân Vương vào thâm cung hình học hố thẳm ấy. Một con đường cái quan của Phạm Duy đâu có đủ thẳng để qua hết các điểm tam giác Thần vừa kể; chỉ cần qua một điểm là đủ thấy tàn hơi rồi.

(Vũ Hoàng Chương vừa dứt lời thì đằng xa tiếng còi tàu rú lên càng lúc càng to, như thúc giục các lữ khách đăng trình).

*Vũ Hoàng Chương :* Các ngài đi đâu ?

*Bùi Vĩnh Phúc:* Tôi đi tìm giao điểm của hai đường rầy xe lửa song song, dù phải đi tận bốn bể, chân trời.

*Euclid :* Tôi ra đây chỉ để đính chính cái tiên đề song song, rồi về.

*Lobachevsky :* Còn tôi đến đây để đòi lại những đường song song mà ông Bùi Vĩnh Phúc đã cầm nhầm.

*Riemann :* Tôi không đi đâu hết, chỉ ra ga xép để trả lại ông Bùi Vĩnh Phúc những đường song song mà tự dưng ông đã vứt trước hè nhà tôi.

*Khách Lạ :* Vừa nhận được điện tín mẹ mất, tôi phải về quê cư tang.

*Ptolemy I :* Trẫm đi tìm các điểm tam giác của Vũ Hoàng Chương, và cũng đồng thời đi thăm dân cho biết sự giầu để bắt đóng thuế.

Tàu vừa đỗ lại sân ga. Không hiểu sao xếp ga Vũ Hoàng Chương bỏ nhiệm sở, bước lên tàu. Vua Ptolemy I bụi hồng lẽo đẽo bước theo, rồi đến Bùi Vĩnh Phúc, sau cùng là người khách lạ. Những người ở lại đứng vẫy chào gút-bai dưới sân ga. Trên toa đầu thấy có Bình Nguyên Lộc, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Tuân. Hành khách trên tàu toàn là đàn ông, trừ bà đầm (Dame) Agatha Christie. Bà Christie ngồi ghé tai thì thầm rủ rỉ chuyện kín với thám tử Hercule Poirot. Bình Nguyên Lộc bận ngồi viết chú thích và soạn mục lục sách tham khảo cho cuốn "Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam", chỉ vì bị các học giả nặng kí ngoài Bắc chê là viết biên khảo không có dẫn chứng sách vở nên không thèm bàn luận, Bình Nguyên Lộc vẫn ấm ức chuyện đó và trông chờ một cuốn sách phản Nguồn Gốc Việt Nam Của Các Dân Tộc Mã Lai Á. Về chuyện này dường như các nhà bác học vật lý địa cầu Âu Mỹ dùng thuyết đại lục tách rời, di chuyển, để chứng minh rằng phần dưới của bán đảo Mã Lai xưa kia nằm ôm theo dãi đất hình chữ S hay hình con rồng lộn, nhưng sau triệu triệu, tỉ tỉ năm gì đó, nghĩa là từ khi trái đất ra đi, lệ chia ly đã xanh rì trùng dương như Vũ Hoàng Chương đã dẫn chứng, người anh em họ Mã rời đồng bằng sông Mã đi ngao du xuống phương Nam xa vời, ở mãi tận vùng biển Ấn Độ Dương. Biết đâu vài ngàn năm sau có một học giả giàu tưởng tượng ở một xó xỉnh khu Bàn Cờ sẽ viết một cuốn "Nguồn gốc Hoa Kỳ của dân tộc Việt" chỉ vì thấy ở Mỹ có một bộ lạc sống sầm uất tại Orange County, California mà vẫn còn giữ được giọng

Sàigòn nguyên thủy. Trong khi đó Nguyễn Tuân đang đọc sách, không biết cuốn gì, nhưng thấy ông vỗ đùi đánh đét một cái, thốt câu, "Chẳng có gì thú hơn ngồi tàu hỏa đất khách mà đọc truyện Kiều". Còn Vũ Khắc Khoan thì đang lúi húi sửa lại vở kịch phản "Ga Xép". Còi tàu rú lên ba hồi dài; tàu từ từ chuyển bánh rời ga xép. Sân ga chỉ còn cụ già râu bạc Euclid đứng nhìn con tàu xa dần.

*Euclid :* Tàu gì mà coi giống như chuyến tàu Orient Express.

*MÀN HẠ LẸ.*

Đó là vở kịch phản "Ga Xép" mà Vũ Khắc Khoan đã tưởng tượng trong giấc mộng mị của

**Phạm Hiếu**

---

*Người viết chân thành cám ơn hai cô Veronika K. Crane, Chun Yao Wang, và bạn Raymond G. Teodoro đã chỉ dẫn cho vài điều về mặt ngôn ngữ, và cũng đồng thời cám ơn luôn các tác giả đang ở cõi âm/dương đã soạn những sách dưới đây để cho người viết sao chép:*

*1. Abbott, David, PhD (Chủ biên tổng quát).* The Biographical Dictionary of Scientists, Mathematicians *(Từ điển về tiểu sử các nhà khoa học, toán học gia.) London: Blond Educational, 1985.*

*2. Alfano, Roberto phỏng vấn.* Twenty four conversations with Borges *(Hăm bốn cuộc nói chuyện với Borges). Bản tiếng Anh dịch từ tiếng Tây Ban Nha của các dịch giả N.S. Auraúz, W. Barnstone, và N. Escandell, Massachusetts: Lascaux Publishers, 1984.*

*3. Alvarez, A.* Samuel Beckett *(Modern Masters, Frank Kermode chủ biên). New York: The Viking Press, 1973.*

*4. Bourbaki, Nicolas (bút hiệu của một nhóm toán học gia Pháp.)* Elements d'Histoire des Mathématiques *(Khái luận về lịch sử toán học). Paris: Hermann, 1974.*

*5. Boyer, Carl B.* A History of Mathematics *(Lịch sử toán học). New Jersey: Princeton University Press, 1985.*

*6. Bùi Vĩnh Phúc* "Vũ Khắc Khoan & Samuel Beckett: Nghệ thuật như một cái cớ." *Tạp chí Văn Học (California), số 20, tháng 9, 1987.*

*7. Eisenhart, Luther Pfahler.* Riemannian Geometry *(Hình học Riemann). London: Oxford University Press, 1926.*

*8. Euclid.* The Thirteen Books of Euclid's Elements *(Mười ba quyển những phần tử của Euclid). Bản Anh ngữ của Thomas L. Heath (3 tập), tập 1. New York: Dover Publications, Inc., 1956.*

*9. Eves, Howard.* A survey of geometry *(Tổng luận hình học). Boston: Allyn and Bacon, Inc., 1972.*

*10. Hoàng Tuệ (Chủ biên).* Từ điển toán học Anh-Việt. *Hà nội: Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 1976 (Bản in chụp lại tại Mỹ (?) không đề xuất xứ và thiếu 2 trang Lời Nói Đầu.)*

*11. Janvier, LuDovic.* Samuel Beckett par lui-même *(Samuel Beckett theo chính tác giả). Paris: Edition du Seuil, 1969.*

*12. Kline, Morris,* Mathematics in western culture *(Toán học trong văn hoá Tây phương). New York: Oxford University Press, 1953.*

*13. Le Lionnais, F.* Les grands courants de la pensée mathématique *(Những trào lưu lớn trong tư tưởng toán học, 2 quyển). Paris: Librairie Scientifique et Technique, 1962).*

*14. Mach, Ernest.* Space & Geometry *(Không gian và hình học). Bản tiếng Anh dịch từ tiếng Đức của Thomas J. McCormack. Chicago: The Open Court Publishing Co., 1906.*

*15. Moritz, Robert E.* On Mathematics *(Về toán học). New York: Dover Publications Inc., 1958.*

*16. Nguyễn đăng Mạnh (Chủ biên).* Các nhà văn nói về văn *(Tập I). TP Hồ Chí Minh: NXB Tác Phẩm Mới, Hội nhà văn VN, 1985.*

*17. Nguyễn văn Hanh, Giáo sư.* Hồ xuân Hương. *Sàigòn: Khai Trí, (năm ?). (Đại Nam in lại tại Mỹ, năm ?).*

*18. Sommerville, D.M.Y.* The Elements of Non-Euclidean Geometry *(các phần tử trong hình học phi Euclid). New York: Dover Publications, Inc., 1958.*

*19. Trask, Georgianne và Burkhart, Charles (Chủ biên).* Storytellers and Their Art *(Người kể chuyện và nghệ thuật họ kể). New York: Doubleday & Co., Inc., 1963.*

*20. Vũ Hoàng Chương. Đời vắng em rồi say với ai. Chợ lớn: Lửa Thiêng, 1971 (Bản in chụp lại tại Đài Loan do Xuân Thu ở Mỹ tái bản, 1987).*

*21. Vũ Khắc Khoan.* Thành Cát Tư Hãn, kịch. *Sàigòn: Quan Điểm, 1962 (Gia đình tác giả tái bản tại Hoa kỳ, 1987).*

---

*Đón đọc trên số sau : Bài trả lời của anh Bùi Vĩnh Phúc về bài góp ý của ông Phạm Hiếu.*


# CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp của Anh Chị
PHẠM VĂN CHUNG và TRẦN THỊ MAI
báo tin lễ vu quy cho Trưởng Nữ là cháu :

## PHẠM LAN CHI

đẹp duyên cùng

## NGUYỄN ĐÌNH DŨNG

Hôn lễ cử hành vào ngày 5-12-1987
tại Chùa Hương Tích, Santa Ana, California 92703.
Trân trọng chia vui cùng Anh Chị và chúc mừng hai cháu CHI-DŨNG trăm năm hạnh phúc.

**Trịnh Thị Thu Cúc**
và gia đình

*Trần Trúc Giang*

## *Sức đồng hoá trong thế hệ văn chương lưu vong.*

*L*à một bình diện rất bao quát cho đề tài trên vì sức đồng hoá trong thế hệ văn chương lưu vong, tự nó, đã là một sự vô nghĩa khôn cùng, cũng như, tự chính nó, đã dấy lên những vấn đề liên quan đến mọi phương diện của đời sống, xã hội, con người... Có nghĩa hay vô nghĩa? Có phải là vấn đề hay chỉ là một cái gì đột ngột xảy đến, để rồi sẽ trở thành một chuyện bình thường, quá bình thường rơi êm ả xuống mặt đường, thảnh thơi đón nhận những gót giày thản nhiên dẫm lên, dẫm xuống thanh thản?

Tất cả những gì trừu tượng đều vô nghĩa. Ngôn ngữ lại càng vô nghĩa hơn. Và ngòi viết xử dụng ngôn ngữ đến tận cùng để hy vọng rằng giải thích được tất cả những gì trừu tượng một cách có nghĩa lý, hợp lý mà sự nhận thức của con người có thể chấp nhận được.

Không có điều gì vĩ đại hơn là đời sống mà đời sống, thật sự, hoàn toàn vô nghĩa, thì thử hỏi, những điều vớ vẩn lẳng nhẳng nằm trong quỹ đạo đời sống làm sao có nghĩa lý? Vô nghĩa hay có nghĩa đều thuộc vào sự suy tư của cá nhân. Triết gia, thi sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ, người cầm viết, người sáng tạo chỉ cưu mang một trách nhiệm duy nhất là làm sao giải thích được một cái gì đó có nghĩa lý. Vậy thôi. Mỹ nói là that is it! Xã hội Mỹ nói như vậy! Là cái chỗ lưu vong! Là cái chỗ còn được gọi là thủ đô văn hoá của người Việt Nam lưu vong! (Những nghệ sĩ sáng tạo Việt Nam lưu vong hiện đang tạm dung ở các quốc gia khác không thuộc trong phạm trù của bài viết này.)

Viết một điều gì xuống giấy, bất cứ cái gì, như câu văn ca tụng ý thức hệ, câu văn ca ngợi người tình, câu nhận định trí thức về sự biến động của xã hội, v.v... đều chứa đựng quá khứ, kinh nghiệm, kiến thức, và sự nhậy cảm của cá nhân người viết. Đó là những yếu

tố mà người viết thâu nhặt, hấp thụ, và nuôi dưỡng trong tiềm thức, mà được bắt nguồn từ cái nôi của xã hội, của gia đình, của bạn bè, người quen kẻ lạ. Vì vậy, những gì người viết sáng tạo đều liên quan mật thiết với bối cảnh xã hôi mà người viết đang sống. Vì vậy, mới có được những tác phẩm đánh dấu từng mốc, từng giai đoạn của lịch sử, của thời sự.

Thế hệ lưu vong, như bàn dân thiên hạ đã biết, là thế hệ mười mí và hai mươi mí, thế hệ nhi đồng, nhỏ con, con nít, nhận tuổi trẻ của người là của mình, không có cá tính, không có tiếng nói, không có sự hiện diện (không những trong giờ học mà ngay cả trong cộng đồng), vô hình vô tướng, không không mà không có sắc sắc, thiền sư thiền sư, viết tiếng Mỹ nhuyễn hơn là tiếng Việt. Nếu mọi chuyện đều như vậy thì không còn gì để bàn, thế nhưng, thế hệ lưu vong, tự nhiên, lại có những phần tử, tự nhiên, nhẹ nhàng cầm bút sáng tác, mà kinh khủng hơn nữa, là sáng tác theo tinh thần Nguyễn Du, "mua vui cũng được một vài trống canh", mà lại là sáng tác bằng tiếng Việt, xử dụng ngôn ngữ như triệu phú xài tiền. Ngay lập tức, thế hệ lưu vong trở thành thế hệ văn chương lưu vong. Như vậy là văn chương hay sao? Lương tâm đâu? Conscience đâu? O.K. No, không phải là văn chương. Nó không phải là văn chương. Nó chỉ là sự phản ứng đột xuất với đời sống cũng như sự sáng tạo đột ngột và nhất thời. Tuy nhiên, sản phẩm sáng tạo đột ngột cũng có giá trị của nó, là đưa ra một cái gì mới lạ trong đời sống lưu vong mà những ai không thuộc trong thế hệ lưu vong đều không hiểu được, không cảm nhận được, và không chấp nhận được. Cái gì mới lạ? Đời sống là đời sống, xã hội là xã hội, có cái khỉ gì lạ đâu? Thật sự chẳng có gì lạ cả. Cái lạ, chỉ là cái cũ, được mang lên giấy một cách trần truồng mà thôi. Đó là sự tự do. Tự do viết lách. Tự do viết lách về tình dục, về ý thức hệ, về tôn giáo, về sự suy niệm về quốc gia, cộng đồng. Đó là nói chung. Còn đối với thế hệ lưu vong nói riêng, thì hiện nay, cho đến ngày hôm nay, chỉ có hai đề tài được đề cập nhiều nhất là tình dục và quốc gia (quê mình và quê người). Ý thức hệ và tôn giáo, có lẽ, đòi hỏi sự cố gắng nhiều hơn về mọi phương diện, thay vì chỉ cần cái thiếu để viết thư viết về tình dục và quốc gia, nên... ít người thử. Hoặc đã có người thử, vì lý do này hay lý do khác, che giấu cái gì đó, chứng tỏ cái gì đó, nhưng vì vụng về nên đã thất bại.

Tình dục, hoặc là làm tình, giao hợp, giao cấu, mần ái tình, yêu nhau, loay hoay loáy hoáy, đã từ lâu không được xã hội thừa nhận một cách chính thức vì liên quan đến phương diện đạo đức của con người. Mà những gì liên quan đến đạo đức là chỉ có chết, là học ít nhất là 3 units về Kant về Kiết thì may ra mới thoát được. Còn về quốc gia thì có vẻ mơ hồ hơn, là nhớ quê hương, xa quê

hương nhớ mẹ già, là yêu quê hương, thù quê người v.v... và v.v... Những gì ngược lại, hoặc phóng túng hơn, lạ lùng hơn thì lập tức sẽ bị chống đối không nhiều thì ít.

Thế hệ lưu vong chưa có ai giải thích về vấn đề tình dục, chưa ai có đủ thẩm quyền và khả năng để giải thích. Sự chống đối chỉ có thể tồn tại khi có người giải thích về chuyện đó. Nhưng khi chuyện đó chỉ dùng làm trung gian để giải thích về đời sống, về nhiều gương mặt của đời sống, thì chuyện đó lại là một chuyện khác. Còn về quê hương thì lại là một vấn đề rất khó nghĩ. Thử hỏi, một đứa trẻ Việt Nam hai mươi mí tuổi tại quê người, rời Việt Nam lúc mười mí, hoặc chưa tới mười mí, sống tại quê người mười mấy cuốn lịch Tam Tông Miếu thì làm gì có ý niệm về quê hương? Ý niệm, nếu có, chỉ là sự tìm hiểu về nguồn gốc qua sự vay mượn từ những người lớn hơn hoặc qua sách vở. Ý niệm về quê hương như vậy thì làm sao biết nhớ, biết rung động về nơi chôn nhau, cắt rún để mà sáng tác, để mà sáng tạo? Nếu có viết cũng chỉ có thể viết bài nghiên cứu về quê hương, nhận định về những biến động lịch sử đã xảy đến cho quê hương, thương cảm cho những thảm kịch đã xảy đến cho quê hương. Không thể nào sáng tác qua nguồn cảm hứng từ quê hương từ thế hệ lưu vong. Nếu có, đó là sự giả tạo, là làm dáng, là vay mượn, là bắt chước. Đó là sự thật. Không đau đớn và không vui mừng.

Như vậy, đã có người cảm nhận và chấp nhận ngòi viết và sự suy tư từ thế hệ lưu vong chưa?

Lẽ dĩ nhiên, phương cách xử dụng ngôn ngữ, bút pháp hành văn của thế hệ lưu vong bị ảnh hưởng bởi tư tưởng và xã hội Tây phương. Vẫn không đau đớn và vẫn không vui mừng.

Nhìn lại văn chương Việt Nam trước 1975, đa số tác giả đã tiêm nhiễm văn chương Tây phương, dù rằng họ đang sống tại quê nhà. Và vẫn không đau đớn và vẫn không vui mừng.

Không ai đáng trách và không ai đáng khen. Đó là sự tiến hoá, sự thích nghi với biến chuyển đời sống để sinh tồn, không những trong phạm vi văn chương mà còn bao gồm tất cả những phương diện khác. Bánh xe nó quay, đời sống nó đi, trái đất nó tròn.

Văn chương của thế hệ lưu vong là văn chương không có định nghĩa. Nó lạ lắm, lạ vô cùng. Ngôn ngữ mẹ đẻ nhưng lại không mang hơi hướm của quê hương, mà lại chất chứa những tiếng động ầm ĩ của quê người. Nhưng có một điều chắc chắn là nó không chết được vì ngôn ngữ quê hương vẫn còn được xử dụng mà lại mãnh liệt hơn bao giờ hết, vì dùng ngôn ngữ của văn minh Đông phương để diễn dịch sự suy tư Tây phương. Như vậy, bản chất của văn chương không nằm trong hơi hướm của quê hương, không nằm trong nắm đất, món ăn mà nằm nơi yếu tính của ngôn

ngữ, là sự giải thích từ ngôn ngữ, nói gọn hơn, là tư tưởng.

Sự lưu vong của văn chương chỉ là tiếng gọi ngoại tại, như để phân biệt sự suy tư giữa văn chương tại quê hương và văn chương tại quê người. Vấn đề không nằm trong sự phóng túng hay là tù túng mà nằm nơi tư tưởng. Sự tự do khi bị lạm dụng sẽ trở thành lố bịch, tuy nhiên, vẫn có thể làm nẩy sinh nhân tài. Cứ để thế hệ lưu vong ở thế giới của nó. Không khen không chê.

Về đường hướng sáng tác của thế hệ lưu vong thì vẫn còn mông lung. Viết để làm phương tiện đấu tranh. Viết để làm phương tiện yêu nhau. Viết để làm phương tiện thù nhau. Tất cả chỉ là sự nông nổi và phản ứng nhất thời.

Văn chương là tác phẩm. Tự tác phẩm sẽ giải thích về văn chương. Và tác phẩm chỉ xuất hiện bởi phản ứng đột ngột, rất bất ngờ. Phản ứng về đời sống, về con người, và lẫn cả sự kích thích trí thức.

Nếu tôi có được cái gọi là lời nhắn nhủ với những người bạn cầm viết, với những người tôi không khen không chê nhưng quý trọng nơi sự suytư, với thế hệ trưởng thành tại quê người, là đừng nhận trách nhiệm gì cả. Chỉ sáng tác. Đừng bao giờ chỉ đọc và viết. Phải đọc và suy nghĩ và suy nghĩ và suy nghĩ. Chính nơi sự suy tư của trí tuệ là căn nguyên của mọi vấn đề. Đừng bao giờ viết với mục đích phô trương kiến thức vì đó là trò chơi đã lỗi thời, đã bị lỗi thời. Và độc lập. Đừng bao giờ đầu đường xó chợ. Thế giới của người sáng tạo là không gian và sự im lặng. Đừng bao giờ để lộ sự kiêu hãnh mà hãy để tự nó tỏa giá trị, vì sự kiêu hãnh sẽ mang đến kẻ thù với những ngón đòn thù rất tàn độc, vô cùng tàn độc. Sự khổ trí đối phó với những ngón đòn thù sẽ làm tiêu hủy đầu óc thơ mộng của người sáng tạo, và đó là điều kẻ thù muốn. Và đó là thế giới văn chương, thưa bạn.

**Trần Trúc Giang**

---

ĐÓN ĐỌC

**VĂN HỌC XUÂN MẬU THÌN 1988**

*một giai phẩm xứng đáng*
*làm đẹp Mùa Xuân Mới*

Phát hành vào hạ tuần tháng 1.1988

*Nguyễn Thị Ngọc Lan*

## *Được mùa yêu.*

Đoàn tù lặng lẽ rảo bước hàng hai đều đặn như đi diễn hành, nhưng không có những bộ đồng phục thẳng nếp, không có những khuôn mặt sáng rỡ, không có những bước chân mạnh mẽ ngang tàng như những người lính diễn hành ngày nào An vẫn thường đi coi trong những ngày lễ quốc khánh. Bây giờ họ đi qua, từng đoàn người ốm yếu, những bước chân, những khuôn mặt buồn bã; trên vai họ không có súng, thay vào đó là những khúc cây to oằn cả vai. Và những bộ đồ trận, những bộ đồ trận ngày nào, bây giờ tả tơi rách nát như treo trên những bộ xương biết đi, những bộ đồ trận được vá víu bằng đủ mọi thứ vải nhặt được ở đâu đó: một mảnh bao cát, một miếng ni lông. Có chàng mang luôn một bộ đồ bằng vải bằng bao cát, thứ bao cát của "đế quốc" viện trợ, để làm hầm tránh đạn; những bao cát lớn nhỏ, đủ màu sắc, ngày nào che đạn bom cho họ, bây giờ che thân, tấm thân còm của họ. Có chàng khâu áo quần bằng cả dây thép, dây điện thoại, dây chuối!

Họ lầm lũi bước đi. Hai bên đường, những người dân nhìn họ thương xót, thỉnh thoảng có người đem cho họ ít áo quần, ít thực phẩm, và liền bị những người vệ binh nạt nộ tịch thu. An đứng đó, như chôn chân tròn mắt nhìn từng khuôn mặt đang đi qua trước mặt, buồn bã, hốc hác, tả tơi. An xót xa quá thể, ngày xưa họ tươi trẻ bao nhiêu, bây giờ như thế đó... Con Bích, đứa em gái của An nói với An:

— Chị cứ suốt ngày ở trong bếp nên không biết đó, cả tuần nay, chiều nào cỡ giờ này em cũng thấy họ đi ngang qua đây. Hình như họ vừa từ ở đâu đó vừa chuyển về, mỗi sáng họ vào rừng lao động, buổi chiều họ trở về trại tập trung ngang qua nhà mình.

— Tội nghiệp họ quá nhỉ! Chắc họ vất vả lắm, và đói nữa, mới hốc hác gầy còm như thế! Hay mình làm bánh trái chi, chờ mỗi chiều họ đi qua đem biếu họ.

— Sợ bọn vệ binh không cho.

— Thì mình năn nỉ.

— Sợ không được rồi lại phí cả công lẫn của.

— Bích ạ ! chuyện gì cũng vậy, cứ làm bằng hết sức của mình, nếu thành công thì tốt, bằng không thì thôi!

— Ừ, thì làm.

Buổi tối hôm đó hai chị em hăng hái lục đục làm bánh trái tới khuya. Chiều hôm sau, sắp đến giờ đoàn tù đi qua An bỗng nhụt chí và nao núng ghê gớm. Không biết phải nói sao để họ nhận quà, còn mấy ông vệ binh nữa, không biết phải mở lời làm sao để xin phép họ... Rồi đoàn tù đã đến, An hốt hoảng đẩy con Bích ra và đứng lấp ló sau bụi cây. Con Bích vừa bước tới, người vệ binh nạt lên:

— Làm cái trò gì đó ?

Thấy con Bích tái mặt đứng trân không nói năng,An phải lấy hết can đảm bước tới, cố gắng cười tươi với tên vệ binh đang ôm súng đi đầu.

— Xin phép anh, được biếu các anh ấy ít bánh.

Người vệ binh dịu giọng ngay với An:

— Không được đâu, như thế thì tôi không thể nào ổn định được trật tự.

Sự giằng co giữa chị em An và tên vệ binh làm đoàn tù phải ngừng lại mất mấy phút. Mấy trăm con mắt đổ dồn về phía chị em An, làm An ngượng vô cùng, và bỗng quên hết những lời đã soạn sẵn để nói với họ. An đỏ mặt lên nhìn đoàn người tù và tên vệ binh, rồi quay lui:

— Tôi xin lỗi.

Người vệ binh bỗng gọi giật lại:

— Thôi được, một lần này thôi nghe.

— Cám ơn ông, tiệm tôi ở đằng kia, khi nào rảnh mời ông đến chơi.

Người vệ binh nhìn theo hướng tay An chỉ rồi gật đầu.

*
* *

Nhà An ở ngay con đường chính của tỉnh lỵ. Sau khi mất nước, không biết mẹ xoay xở sao đó mà mua được căn nhà này với hộ khẩu đàng hoàng. Mẹ nói với An:

— Ba bây giờ bệnh hoạn, mẹ phải lo săn sóc ba và các em nhỏ. Đây là số vàng cuối cùng của gia đình mình, mẹ giao hết cho con, với căn nhà này, hai chị em ở đây và rán tính toán làm ăn để giúp đỡ gia đình.

Căn nhà khá xinh với một vườn cây nho nhỏ, An trang trí khu vườn và nửa căn nhà phía trước thành một tiệm giải khát rất là

"tình", Mẹ vui vô cùng khi thấy chị em An làm ăn nên nổi ra phết.

Cuộc đời tạm phẳng lặng trôi qua từ một năm nay, từ ngày mất nước. An muốn nó là phẳng lặng trên một phương diện nào đó, như kinh tế chẳng hạn. Trong lúc đa số phải chạy đôn chạy đáo vì miếng cơm manh áo, mà gia đình An chưa đến nỗi nào là An mừng lắm rồi. Ra đường, thấy chuyện đau thương nào, chuyện oái oăm nọ, đầy dẫy khắp nơi khắp chốn, An đau lòng quá thể, riết rồi chỉ muốn điếc muốn đui, đừng nghe đừng thấy gì hết để khỏi đau lòng. Cho nên An chỉ muốn thui thủi trong bếp để mặc con Bích đi chợ búa, đi chuyện này chuyện nọ. An muốn trốn cái thực tại quá thê lương nhan nhản quanh mình. Mỗi lúc đứng một mình trong bếp nấu nướng hay trước khi ngủ trăn trở trên giường, An chạnh nhớ đến một vài hình ảnh đau thương nào đó mà An đã chứng kiến, tim An nhói lên, rồi An lại phải lái tư tưởng qua một chuyện khác. Những chuyện rất tầm thường như chiều nay không biết phải nấu ăn món gì, cây đào phía trước có vẻ hơi héo úa chắc phải vun lại gốc, chắc phải sai con Bích đi mua thêm ít muối ít đường... Đôi lúc An phải vặn nhạc lên, tìm những điệu nhạc giật gân — bùng bùng trong tai để cái đầu không thể nghĩ đến chuyện buồn được. Rồi có một lúc nào đó, An thấy ngạc nhiên thật về mình, là An có thể thản nhiên không một chút xúc động khi nhìn thấy, nghe kể về một câu chuyện đau lòng, hay nhìn một tên công an đánh đập tàn nhẫn một đứa bé bốn năm tuổi vì nó dám ăn cắp cả cục thịt trong dĩa cơm người công an trong quán cơm khi anh ta mắc nhìn đi hướng khác. Có phải An đã thành công khi huấn luyện cho đầu óc An đừng nghĩ về những chuyện đau lòng để làm mình phải khổ sở khi mình không thể giúp chi cho họ được, hay là dù có trốn tránh mỗi ngày An cũng phải chứng kiến bao nhiêu cảnh đời oái oăm, nhìn mãi, riết rồi chai lì trái tim.

An tưởng lòng mình đã chai lì, nhưng không, vì những đôi mắt thất thần của những người tù ban chiều đã ám ảnh An thật sự. Chỉ trong một thoáng nhìn rất nhanh nhưng An đã đọc được bao nhiêu tâm tư trong đó. Tất cả có vẻ mệt mỏi, nhưng những người trẻ tuổi thì có vẻ háo hức hơn. Họ nhìn như muốn thâu hết mọi sinh hoạt, mọi hình ảnh vào mắt trong một lúc. Các ông anh cũng có vẻ chiếu tướng An kỹ quá, là An ngượng chín người. Họ nhìn An như kiểu nhìn một cái gì lạ lùng hiếm có. Cho nên, những buổi chiều khác, khi đoàn tù đi qua, An không dám ra lộ đứng nhìn nữa mà chỉ ngồi trong nhà nhìn qua khung cửa sổ, hay vơ vẩn trong sân nhưng cũng len lén nhìn ra. Mỗi lần thấy đoàn tù, là con Bích dù đang làm công chuyện gì nó cũng bỏ hết, chạy ù ra lộ, rồi trở về khoe với An đủ điều.

— Em đưa tay vẫy, các ông ấy cười với em chị ạ! Có ông kia

xoa đầu em nữa, hay là:

— Em có vất đại vào các ông ấy nắm kẹo rồi bỏ chạy, mấy đứa kia kể lại với em, làm mấy ông vệ binh mắng các ông ấy "Các anh đầy tội ác với nhân dân, một đứa trẻ cũng ném đá vào mặt, có biết nhục không? Các anh hãy cảnh giác coi chừng nhân dân bỏ cả thuốc độc vào thức ăn đưa cho các anh để tiêu diệt các anh đấy."

Một buổi chiều khác nó hí hửng khoe với An:

— Có anh kia nháy mắt với em một cái rồi thả tờ giấy xuống đất, chị coi nè! Mảnh giấy chàng nào đó viết cho con Bích được xếp lại nhỏ như móng tay, chỉ có mấy chữ "Cô bé ơi! ngày mai khi tụi anh đi qua nói chị Hai đứng ở gốc cây bàng cho anh nhắn cái này tí nhé." An ngẫm nghĩ "Chắc là họ cần mình giúp họ cái gì đây." Hôm sau khi đoàn tù sắp đi qua, An đã sẵn sàng đứng ở "chỗ hẹn". Lần này An không ngượng nữa, An nhìn từng khuôn mặt của từng người để tìm một dấu hiệu trên khuôn mặt của người muốn nhắn tin. Hầu như anh nào cũng nhìn An, có những tia nhìn như kiểu nhìn một món đồ lạ lùng hiếm có, có những tia nhìn nghịch ngợm, có những tia nhìn trống rỗng vô hồn. A đây rồi, anh chàng này mắt sáng rỡ, chứa đầy cả một nụ cười trong ánh mắt, chắc là kẻ muốn nhắn tin đây. An cũng đang thắc mắc không hiểu các anh ấy sẽ nhắn tin bằng cách nào, trong lúc ở đầu một tên vệ binh, ở cuối mấy tên vệ binh với súng ống đầy người. Bỗng có miếng giấy tròn nho nhỏ từ người tù trẻ vất xuống chân An.

— Chị An, miếng giấy.

— Suỵt.

Đoàn tù đã đi qua, An mắng con Bích :

— Mầy ngu nhất thế giới, người ta bí mật mà mày la oang lên.

An và con Bích xúm lại đọc, trời ơi, tưởng là một lời nhắn tin quan trọng thì ra chỉ có thế: "Cô bé tên gì nhỉ? Không thấy cô bé mỗi ngày về trại buồn buồn đó nghe! Ngày mai, mang cái áo tím hôm đầu tiên cô bé đem bánh chiên cho tụi anh đó, cho anh ngắm tí nhe!" An suy nghĩ: "Ai lại mang áo tím ra đường đứng ngờ ngợ cho người ta ngắm, kỳ chết. Mà không, sợ e người ta nói mình khinh thường người ta. Thôi kệ, có ai biết đâu chỉ một mình ảnh biết thôi mà." Chiều hôm sau, An mặc áo tím, nhưng ngượng ngùng xấu hổ, chỉ dám đứng lấp ló bên hàng chè tàu thôi. Đoàn tù đi qua. Anh chàng kia rồi! An len lén nhìn cho rõ mặt kẻ liều mạng. Anh chàng đẹp trai ra phết, cũng đang sáng rỡ mắt cười với An. Đoàn tù đã đi qua, anh chàng vẫn còn ngoái đầu lại nhìn An. Con Bích đưa tay vẫy vẫy rồi cười toe với anh chàng. Buổi chiều hôm sau con Bích lại lượm cho An một mảnh giấy khác, chắc là cũng của anh chàng. Chỉ vỏn vẹn mấy câu thơ:

*Áo tím ai chờ trong ngõ quê*

*Chiều nao lồng lộng gió sang mùa*
*Hoa đăng hội ngộ tình thương nhớ*
*Anh ước nhìn em, em biết không ?*

An mỉm cười vu vơ. Con Bích cứ theo "gạ" cho nó đọc kẻ An nhất định không cho. Hai chị em giằng co đến gây lộn nhau, làm con Bích la lên:

— Bữa nào lượm được thơ ông ấy em không đưa cho chị nữa.

An xuống nước :

— Này đọc đi, nhưng mày đừng có xí xọn cái miệng, đừng nói với ai nhất là mẹ đó nghe mày!

Con Bích có vẻ khoái cái trò chơi "câm nín" này nên nó rất sốt sắng trong việc đứng đón đoàn tù về để đưa tay vẫy vẫy hoặc lượm thơ cho An. Lần sau thì mảnh giấy của ai đó gởi cho nó chứ không phải cho An: "Này em bé, phải chi chiều mai, khi chú đi ngang qua đây, em bé ném cho chú cục thuốc lào thì tuyệt biết mấy." Con Bích khoe với An, An bày cho nó. "Mày mua từng bánh thuốc lào về tách nhỏ ra từng miếng, vo chặt rồi gói giấy ở ngoài, mua một ít đường thẻ cũng gói thành từng gói nhỏ, rồi giao cho mấy đứa con nít hàng xóm, khi mấy anh ấy đi qua chúng mày ném ào ào vào như kiểu mày chọi đá họ vậy, bọn vệ binh sẽ tưởng "nhân dân" thù oán rồi ném đá 'giặc ngụy' thôi." Con Bích sung sướng khoe với An "Họ lượm sạch không còn sót cục nào hết chị ạ!"

Và cứ như thế, mỗi buổi chiều, con Bích sung sướng chờ đoàn tù đi qua để chơi trò "chọi đá", hoặc khi hết tiền nó cũng đứng vẫy tay cười cười để đón nhận những nụ cười, những ánh mắt biết ơn, đôi khi nó cũng nhân được những mảnh thư cám ơn rất là tha thiết. Có lần An đang đứng lấp ló trong sân, một anh chàng nhẹ đưa tay ra dấu rồi búng "tách". Một cục thư rớt xuống chân An, An mở ra xem, nét chữ không phải của "anh chàng" và viết dài dòng hơn "Chào cô... cô gì nhỉ! Chắc là cô Tím thì phải, tại thằng Tân bạn tui, suốt ngày nó cứ nhắc đến cô Tím, đêm nằm ngủ mơ, nó còn gọi Tím ơi Tím hỡi, nên tui mới hân hạnh biết tên cô Tím. Cách đây ít lâu tụi tôi được các em bé ủy lạo một ít thuốc lào, đường thẻ, sung sướng quá đi mất, và tụi tôi đoán trưởng ban ủy lạo chắc chắn phải là cô Tím, nên tụi tôi cảm động và cưng chiều thằng Tân bội phần, vì dù sao nó cũng ton Bích gói cả phê đường thẻ ném vào đoàn tù một lần nữa. Con Bích lại lượm được những mảnh thơ cám ơn, thỉnh thoảng có mảnh thơ của "anh chàng", là con Bích để riêng ra, làm khó dễ với An cả buổi rồi mới cho đọc. Nó có vẻ sốt sắng trong công tác ủy lạo quá cỡ, công việc nhà khoán hết cho chị An mệt tử hơi nhưng cũng vui với niềm vui của nó.

Buổi trưa chúa nhật, đang ngồi trong nhà nhìn ra thấy tên vệ binh lấp ló ngoài ngõ, An chạy vụt ra sau bếp tính biểu con Bích nói

chị An đi vắng, để khỏi mất thì giờ và bực mình khi tiếp chuyện. Nhưng sực nhớ ra tên này có vẻ rất có quyền hành trên đám tù cải tạo, biết đâu mình sẽ giúp đỡ được ít nhiều cho các anh ấy, nên An làm bộ đon đả, vui vẻ chuyện trò với hắn. Khi chia tay An còn làm bộ bịn rịn hẹn tái ngộ nữa, cho nên hắn cứ tới nhà hoài. Chừng thấy vừa đủ "thân tình" rồi, An tính đưa cho hắn đề nghị của An. Nhưng may mắn thay, hắn đã vô tình "vô đề" cho An. Hắn lả lơi nói đùa với An:

— Tiệm của An khách vô ra tấp nập thế này thì giàu phải biết. Nhưng coi bộ An vất vả quá, sao không lấy chồng đi để có người đếm tiền giùm.

An cũng làm bộ đỏng đảnh :

— Lấy chồng thì chắc phải nhờ anh giới thiệu, coi có ai đẹp giai như anh, chức tước như anh thì giới thiệu cho An đi. Còn chuyện buôn bán coi vậy chứ thuế má, rồi chi phí này kia, còn lại chả là bao. Không bao giờ giàu nổi đâu, trừ khi anh giúp An.

— Giời ơi, anh chỉ có tấm chân tình, chứ lương anh chỉ có mười lăm đồng làm sao giúp An được!

— Thế nếu An nghĩ ra cách để làm giàu, Anh có giúp An không?

— Giúp chứ, giúp chứ, miễn đừng biểu anh hái mặt trăng cho An thôi, chứ gì Anh cũng giúp An hết.

An lại làm bộ đỏng đảnh :

— Ngoéo tay đi nếu anh nuốt lời, An sẽ không bao giờ nói chuyện với anh nữa nghe!

— Anh hứa, anh hứa.

— Thế này nhá, anh cho An buôn bán với mấy ông tù cải tạo đi, giàu phải biết.

Tên vệ binh giật nẩy người :

— Chết, đâu có được, thế thì đâu còn tác phong lãnh đạo, với lại tụi nó làm loạn thì sao.

— Làm loạn thế nào được. Anh đi đâu, mấy ông khác súng ống kè kè đằng sau, ai mà dám làm loạn. Anh chỉ cho họ ghé tiệm An vài phút thôi mà.

— Thế thì lộn xộn lắm, không được đâu.

— Hay là thế này, anh biểu họ cử một vài người đại diện đến tiệm An đưa tiền và nhận hàng thôi, có vào hết đâu mà sợ lộn xộn. Anh biết không, An mua một, An sẽ bán cho họ gấp năm gấp mười, lời phải biết.

— Anh thấy ngài gnại.

An làm bộ giận dỗi :

— Anh không muốn An giàu sao? anh đã hứa rồi mà anh không giữ lời hứa. Có phải An nhờ anh chuyện gì khó khăn lắm đâu.

Giọng anh chàng đã có vẻ xìu xìu.

— Để anh tính lại xem !

Lúc tiễn hắn ra về, An đánh một đòn chót bằng cách tán tỉnh dỗ dành hắn:

— Lúc nãy anh lo cho An vất vả, với lo không ai giữ tiền giùm An. Nếu An giàu có mà anh chưa giới thiệu được ai, thì...

Hình như hắn cảm động thực sự, đôi mắt chớp chớp. Mắt nhìn An đam mê, tên vệ binh nhẹ nhàng gật đầu.

Mọi sự trôi qua tốt đẹp, chiều hôm sau hắn bố trí khá đẹp, dẫn anh em đại đền và lại nghe các anh ấy dặn dò nhờ mua thứ này thứ nọ, cuộn chỉ, cây kim, đường kẹo, muối, ớt... và lúc nào cũng thế, An không bao giờ quên một gói quà cho những anh không có tiền để gởi mua. Lần này anh chàng tiến đến bên An, vẫn với đôi mắt đầm thắm, và nụ cười nhẹ nhàng, anh cố làm thật chậm các động tác giao và nhận hàng để nói chuyện với An, An hỏi:

— Anh tên gì vậy.

— Tên Tân, tưởng Tím biết tên anh rồi chứ !

An nhìn anh Tân, cười mỉm trêu ghẹo :

— Làm sao em biết được, mà này, em tên An, không có đỏ tím gì hết nghe!

Anh Tân ngạc nhiên hỏi An :

— Thật không ?

— Sao lại không thật !

— Thế mà thằng Sinh nó khoe nó biết tên em rồi, bắt anh hối lộ, kể chuyện kiếm hiệp cho nó nghe suốt đêm rồi mới cho biết là em tên Tím.

— Anh ta còn xin hình em để tặng anh nữa.

— Em mà cho nó hình thì chắc là nó sẽ đày anh bằng thích để đổi lấy cái hình em. Thôi ngày mai cho thằng anh đi, đừng qua nó nữa, để nó dày anh tội nghiệp. Thôi, thằng vệ binh tới kìa, anh đi nghe.

— Anh, anh cần chi mai An gói cho anh.

Chàng ngoái đầu lui, nhìn một giây trong mắt An rồi nheo mắt cười nhẹ:

— Anh cần em.

An nhìn theo bóng chàng nhập vào đoàn tù nghe vui vui trong lòng lẫn xót xa vô tận.

*

Nhưng rồi không biết vì một lý do nào đó, tên vệ binh bị đổi đi xa, biền biệt. Thế vào đó là một tên vệ binh khác mặt mày đằng đằng sát khí, cho nên những buổi chiều sau này, An và con Bích chỉ còn ra đứng ở gốc băng chào hỏi các anh ấy bằng mắt, thỉnh thoảng thấy tên vệ binh không để ý, anh Tân ra dấu, và thả xuống

đất cho An cục thư, lá thư đầy ắp nhớ thương. Được đâu hai tháng sau thì đoàn tù không còn đi ngang nhà An mỗi ngày nữa, hình như các anh ấy bị đổi qua một trại khác. Không còn cách nào để liên lạc nữa, An buồn buồn và con Bích cũng thẫn thờ hẳn ra!

Bẵng đi một thời gian khá lâu, chừng đâu hơn một năm sau, An đang làm việc nhà, bỗng bủn rủn tay chân, sợ hãi khi thấy sáu anh cải tạo đang dìu nhau bước vào nhà An.

— Gì vậy, bộ mấy anh vượt ngục hả ?

— Không đâu cô bé, tụi anh được thả đàng hoàng mà.

— Được thả hả, trời ơi sung sướng !

— Ờ, tụi anh cũng không ngờ. Anh Sinh, anh Thuận đây bện tùm lum họ cho về, còn tụi anh mới ra trường chưa bắn được viên đạn nào hết thì mất nước, đối với họ thì cứ coi như là nhẹ tội nên về sớm.

— Các anh ở nhà An nghỉ ngơi đã, để An nói con Bích nấu cơm ăn mừng mấy anh đã chứ.

— Chí lý, chí lý ! Ở mà Bích là cô bé hay ném quả cho tụi anh đó hả, đâu đâu cho anh gặp chút nào.

— Nó chạy đi chơi rồi, chắc chốc nữa nó về tới!

— Ờ, để anh giới thiệu, anh là Huy, An biết rồi phải không? Còn đây là anh Thanh, anh Lộc, anh Sinh, anh Thuận, anh Hải.

— Mày cứ làm như mày được tụi tao cử mày vào gặp An một lần rồi mày trở thành bà con, còn tụi tao là ngươu dưng vậy!

— Ai cũng là bà con hết.

Tuy coi như là An và các anh ấy chỉ mới chuyện trò lần đầu, nhưng dường như có một thứ tình nào đó gắn bó từ lâu, nên bữa cơm đầu tiên rất vui vẻ chân tình. Thỉnh thoảng An lại buồn buồn khi nghĩ về anh Tân! Phải chi anh Tân cũng được thả về hôm nay thì An vui biết chừng nào. An hỏi về tin tức anh Tân, anh Huy nói:

— Nó ở ban tâm lý chiến, sợ tụi nó ngâm hơi lâu đó An!

An nghe nhói lên một tí trong tim.

Buổi chiều, các anh ấy dìu anh Sinh và anh Thuận ra tận bến xe để về với gia đình. Anh Hải cũng đón xe về nhà sau khi nói với An:

— Anh muốn ở lại chơi với An ghê, nhưng chắc phải về nhà đã, để ba má mừng rồi vài hôm sau anh ghé lại thăm An, An có tiếp anh không?

— Sao anh lại nói thế, lúc nào An cũng quý các anh hết. Tại anh phải về để hai bác mừng, chứ An cũng thích mời anh ở lại nhà An chơi vài hôm đó chứ!

— An nói thực chứ, anh sẽ trở lại, nhất định anh sẽ trở lại thăm An.

An vui vẻ gật đầu. Trở về nhà thấy anh Thuận đang ngồi dựa đầu vào tường buồn tênh, An hỏi:

— Sao buồn tênh vậy anh Thuận. Mới ra có mấy tiếng mà nhớ mấy ông vệ binh trong đó rồi hở?

Anh Huy đỡ lời :

— Nó đang rầu chí tử đó An. Từ nào tới giờ không liên lạc được với gia đình, bây giờ cũng không biết họ lưu lạc tới đâu để mà tìm nữa.

— Thì anh cứ ở đây nghỉ ngơi đi, chừng nào khoẻ rồi hãy đi tìm. Còn gia đình anh Huy ở mãi tận đâu?

— Ở gần đây thôi, nhưng anh cũng không thiết tha chi lắm, anh xuất thân từ viện mồ côi mà, rồi lăn lóc sống, rồi đi lính, rồi có vợ được chừng một năm thì mất nước. Nàng thăm nuôi anh được một lần rồi biệt luôn. Nghe đâu nàng lấy chồng rồi, lấy bộ đội!

— Nếu hai anh không nơi nào để về, thì thử xin phép mấy ông đây coi, rồi vào xin làm việc trong đồn điền cao su gần đây này.

— Thực hả An !

*
* *

Vài tuần sau, anh Hải đến chơi rồi buổi chiều anh Sinh lại đến chơi đem theo một cô em gái. Cô em gái ôm chầm lấy An:

— Chị biết không em chưa gặp chị bao giờ, nhưng nghe anh Sinh kể chuyện là em thấy khoái chị rồi.

Cô bé nói líu lo không ngừng.

— Trời ơi, vườn nhà chị xinh quá, tóc chị dài mà mượt quá hén! Em thích ghê. Anh Sinh nói chị có em bằng tuổi em. Sao không giới thiệu cho em làm quen với.

Anh Sinh phải mắng yêu cô bé :

— Này Thủy, nói vừa vừa chứ, có ai giành nói với em đâu. Còn cả ngày cho em nói chuyện mà.

Buổi tối hôm đó, vui ơi là vui, chỉ còn thiếu hai anh Lộc và anh Tân, còn thì đủ hết, trời bên ngoài khá lạnh An đốt một đống lửa giữa nhà rồi ngồi vây quanh ăn uống chuyện trò ca hát đến gần sáng. Các anh chỉ trong mấy tuần mà đổi sắc hẳn ra, mặt mày có da có thịt, tóc tai quần áo chỉnh tề. Ai cũng vui vẻ nói năng ồn ào, chỉ có anh Hải là ít nói, thỉnh thoảng gắp thức ăn cho An, đôi khi An bắt gặp anh đang nhìn An nhẹ nhàng, trìu mến. Mọi người bắt đầu hướng về anh Hải.

— Thằng này không quá trời, nãy giờ ngồi nghe không chịu nói năng gì hết, thôi bắt nó hát. Ở trong tù có cái đờn chế biến bằng ván ép, với dây điện thoại mà nó đờn tỉ tê cả đêm, ở đây có cái đờn của An "ngon" thế kia, bắt nó đờn hát đi chứ.

Anh Hải với tay lấy cái đờn và nói nhỏ trong tai An "Anh hát mấy bài này tặng riêng An." Mỗi người yên lặng thả hồn theo tiếng hát của Hải:

"Chưa gặp em tôi vẫn nghĩ rằng có nàng thiếu nữ đẹp như trăng"... rồi "yêu người như lá cuộn rừng sâu như con tàu say gió như con chim khóc trong lòng... như trăng sao vời vợi làm sao nói được tình tôi..." An thoáng giật mình: "bộ ảnh yêu mình như suối cuộn rừng sâu thật sao." Bỗng anh Lộc la lên :

— Trời ơi mày hát mấy bản Slow buồn nhức nhối, nhớ quá, nhớ quá...

An cười hỏi : "nhớ ai vậy anh?"

— Nhớ một thuở trẻ trung, đi học rồi yêu đương vớ vẩn ấy mà.

— Anh làm như bây giờ anh già lắm vậy.

— Chứ sao, bọn nó nhốt anh mấy năm trời, chôn vùi tuổi trẻ, tiên sư tụi nó.

— Ê, Lộc có Thủy, có Bích, có An đây đừng có chửi thề vớ vẩn chứ mày.

— Ở quên anh xin lỗi mấy cô nghe. Thôi mày đừng đờn ca cái điệu Slow nữa tao buồn quá thể, mày chơi nhạc gì giật giật cái coi.

— Này chê slow thì tao chơi slow rock nghe.

Anh dạo đờn rồi hát :

*Đêm thế giới đang dồn một lần*
*Trên đất nước tôi gọi Việt Nam*
*Đêm bát ngát những khu trại giam*
*Đời thênh thang thu hẹp dần dần.*

.....

*Đêm đấu tố và thủ tiêu*
*Đêm săn bắt cho đầy chỉ tiêu*
*Người chết nhanh người phát điên*
*Đêm cáo chung tự do nhân quyền*
*Đêm nhức buốt sang bằng chày vỡ*
*Vang tiếng thét sau cùng Tự Do*
*Đêm có tiếng súng sau trại giam*
*Người tù binh chết bên bìa rừng*
*Đêm thế giới đang dồn một lần*
*Trên đất nước đã thừa lầm than*
*Đêm trút xuống hố sâu diệt vong*
*Là Việt Nam nước tôi buồn tênh*
*Là Việt Nam nước tôi buồn tênh*

.....

— Trời ơi ! mày kiếm đâu ra được bản nhạc "độc" quá vậy!

— Thằng bạn tao ở trại khác, được về trước mình mấy tháng, nó cho tao. Ở trại nó có một ông văn sĩ kiêm nhạc sĩ, "lén" sáng tác rồi "lén" hát cho nhau nghe nhiều bài độc lắm.

Chương trình văn nghệ bỗng dừng lại đó, và mấy anh đổi đề

tài, mấy anh nói về bạn bè còn ở lại, về nỗi đớn đau của họ, của bạn bè, chuyện kháng chiến, chuyện vượt biên, rồi khi nhắc đến mấy tên vệ binh, quản giáo, mặt ai cũng đanh lại:

— Tao thề, tao mà vớ được nó ngoài này tao bầm nó ra từng khúc.

— Tao treo ngược nó lên trần nhà rồi dộng vào mặt nó như nó đã đánh tao.

— Có vậy thôi hả, tao thì bỏ nó vô conex trói ngược nó lại rồi bỏ đói cho đến chết, như thằng Hổ bạn tao đã chết.

Anh Lộc la lên :

— Thôi đừng có mơ mộng nữa, đi ngủ đi, con Thủy với Bích nằm ngủ co ro bên đống lửa rồi kìa.

Tất cả lục đục soạn chỗ ngủ, anh Hải lại nói nhỏ trong tai An:

— An buồn ngủ chưa, thức với anh chút nữa được không, anh muốn nói chuyện riêng với An tí.

An đã đoán chuyện gì nên gạt đi :

— Nói chuyện rì rào sợ cả nhà ngủ không được, thôi anh cũng nên đi ngủ đi, trông anh mệt lắm rồi đó.

Anh Hải buồn buồn :

— An không muốn thì thôi vậy, nhưng má cứ đòi lên thăm An cho biết, hôm nào anh với má lên thăm An được không?

— Vâng, lúc nào An cũng sung sướng để tiếp bạn bè và những người tốt cả.

— Cám ơn An, thôi An ngủ ngon nghe.

Hôm sau mọi người vui vẻ chia tay nhau ra về, còn lại anh Lộc và anh Thanh ở lại với Bích và An. Như vậy là hai anh đã xin được việc làm ở đồn điền cao su và tối về ở tạm nhà An, An cũng cảm thấy mừng, vì căn nhà đỡ cô quạnh.

Nhưng chỉ được chừng vài tháng thì An đã cảm thấy rất khó xử, vì cả hai anh đều ngỏ ý... yêu An, dĩ nhiên anh này không biết anh kia "có ý" nên mới thế... An không thể chọn một trong hai người để người kia phải buồn, vả lại, trong hồn An đã ít nhiều bị ám ảnh bởi đôi mắt buồn buồn và nụ cười đằm thắm của anh Tân, nên An đã phịa ra một chuyện tình, là An đã có vị hôn phu đi cải tạo tận ngoài Trung và An cảm thấy có bổn phận phải chờ đợi... Thế là tạm yên, không biết sóng gió trong lòng hai anh tới đâu, nhưng mọi người đều thỏa thuận coi nhau như anh em, tuy nhiên đôi khi An vẫn cảm thấy nhột nhạt vô cùng vì cái nhìn khác thường của một anh nào đó.

Chưa hết, một buổi sáng Chúa Nhật anh Hiển đến thăm An đi theo với anh là một người đàn bà phốp pháp phúc hậu mà anh Hiển giới thiệu là mẹ. Mẹ anh Hiển có vẻ chịu An lắm, bà hỏi thăm chuyện này chuyện kia, nói vòng nói vo, nói xa nói gần là Hiển

thương An và muốn cưới An. An phải hết sức khéo léo để đỡ làm buồn lòng anh Hiển và người mẹ, và dĩ nhiên anh không bài nào hay và chí lý bằng "An đã có vị hôn phu đi cải tạo và cảm thấy có bổn phận phải chờ đợi..."

Anh Hải buồn, anh Lộc buồn, anh Thanh buồn, và An cũng buồn vậy, nhưng đành thôi vì chính An, cũng không hiểu được lòng mình. Hình như An vẫn chờ đợi một cái gì đó rất mơ hồ, và hơn nữa An không thể chọn một trong những người mà An đều quý mến.

Hình như nỗi buồn tủi nhất của một người con gái là không có ai "tán" hết, An cũng vậy, đã có một thời An héo hon buồn, vì đi ra đi vào chỉ thấy ba mẹ và mấy đứa em, cả năm trời không đi đến đâu nên không có người bạn trai nào hết, đã thế thỉnh thoảng mẹ lại thở dài "ngày xưa bằng con bây giờ mẹ đã có chồng đã có được anh con."

Giờ thì nhiều quá, có đến ba chàng tỏ tình trong một tháng, không biết xử ra sao, An cũng đâm buồn.

Đột ngột mẹ lên thăm tụi An, con Bích đi vắng, ở nhà chỉ có hai mẹ con, sau khi dò hỏi chuyện này chuyện nọ, đại khái là mẹ muốn biết duyên nợ của An đã đến đâu. An trả lời ấm ớ qua loa "chả có gì đâu mẹ". Mẹ thở dài rồi thủ thỉ với An:

— Con ở đây buôn bán làm ăn thì cũng giúp đỡ được ba mẹ nhiều lắm, nhưng tương lai con vẫn hơn, ở phố, ở tỉnh còn có nhiều cơ hội lấy chồng, hơn nữa thời buổi này, ba con nói, loạn lạc đánh nhau chưa biết lúc nào, ở một chỗ, sống chết với nhau vẫn hơn. Ý chừng là ba con muốn con lên Sàigòn sống với ba mẹ và các em như dạo nào đó, con nghĩ sao?

— An yên lặng một lát rồi nói "tùy mẹ."

Con Bích đi chơi về gặp mẹ nó nhảy cỡn lên, ôm mẹ nhỏng nhẻo đủ điều rồi la oang:

— Chị An được mùa mẹ ạ !

Mẹ vừa têm trầu vừa nói :

— Mùa màng chi, tụi bây trồng được chục cây bắp, nấu lên không được một nồi, mà được mùa được màng cái chi không biết nữa.

— Không phải con nói là được mùa khác kia, được mùa yêu đấy mẹ ạ. Những ba anh chàng yêu chị An một lúc kia.

Trái cau mẹ vừa bổ ra rơi xuống đất, mẹ để cơi trầu qua một bên, xích tới bên An mắt sáng rỡ:

— Thật không con ? Em nó nói thật không con, trời ơi ngày xưa bằng con bây giờ mẹ đã có chồng hai con, bây giờ con đã hăm mốt tuổi lấy chồng đi cho mẹ nở mặt nở mày với thiên hạ...

An bực quá, nổi quạu :

— Thôi thôi mẹ đừng nói chuyện chồng con nữa, con mệt quá.

Giọng mẹ yếu xìu :

— Thì mẹ có ép uổng chi con đâu. Ngày đêm mẹ chỉ cầu nguyện cho gia đình mình bình yên cho con có được tấm chồng xứng đáng... con có thương mẹ thì thương...

Thế là sau một thời gian thảo luận An đành bỏ tỉnh lỵ nhỏ, bỏ hàng quán với những kỷ niệm dễ thương để lên ở với ba mẹ. An, Bích và các anh ngậm ngùi chia tay nhau.

Từ đó, An lại tiếp tục cuộc sống trầm buồn như thuở nào, đi ra đi vào chỉ thấy ba thấy mẹ, thấy lũ em ồn ào nghịch ngợm. Thỉnh thoảng các anh ghé lại thăm, nhưng rồi vì lý do này nọ, phương tiện đi lại khó khăn, vì bận sinh kế sự thăm viếng nhau thưa dần, nên rồi An lại vẫn trôi lênh đênh trên nỗi buồn đơn độc.

*

* *

*M*ột buổi sáng chúa nhật, vừa đi lễ ra, chợt nghe thoáng ai đó gọi dồn dập "Tím, Tím, An". An quay lại. "Trời ơi! anh Tân", An mừng rỡ hồi hộp, anh Tân sững người nhìn An ấp úng nói:

Anh không ngờ, không ngờ gặp lại em.

— Anh mừng kinh khủng, thôi đi vô quán nước với anh chứ đứng đây hoài sao.

— Hay thôi về nhà An đi. Về cho biết nhà An, biết ba mẹ An luôn.

Trên đường về, anh Tân hỏi An đủ thứ chuyện, An cũng hỏi anh Tân đủ thứ chuyện, rồi bỗng anh Tân giữ tay An lại:

— Khoan, đứng yên cho anh nhìn kỹ lần nữa xem nào.

An làm bộ đứng nghiêm quay mặt về phía anh Tân. Anh Tân nhìn An từ đầu đến chân rồi tròn mắt cười:

— An vẫn xinh, vẫn dễ thương như thuở nào.

— Anh cũng thế, mập ra, nhưng mắt anh vẫn buồn buồn, nụ cười anh vẫn...

Anh Tân và An cười rộn rã trên đường về.

Về tới nhà An giới thiệu anh Tân với ba mẹ, rồi gọi con Bích ra, anh Tân và con Bích cũng vừa nhận ra nhau. Con Bích nhảy cỡn lên mừng rỡ. Anh Tân xoa đầu con Bích "mau lớn quá, mau lớn quá", lại xinh ra phết". Ba mẹ An có vẻ vui khi thấy An có bạn trai, nhất là mẹ, mặt mẹ như tươi ra, mẹ đon đả chào mời, sai đứa này rót nước đứa kia đi chợ. Thấy con Bích cứ đeo lấy anh Tân hỏi han đủ thứ, mẹ phải mắng yêu nó:

— Gớm cái cô này, để cho anh thở với chứ, hỏi đủ thứ thế anh biết đằng nào mà trả lời, phụ với chị nấu cơm đi, mời anh ở lại dùng cơm rồi tha hồ mà nói chuyện.

An cũng rút lui ra sau để mặc ba mẹ và anh Tân nói chuyện. Anh Tân cũng ghê lắm chứ chẳng vừa, anh nói chuyện với ba mẹ ngọt ngào lễ phép nhưng cứ len lén nhìn An. An nguýt mắt nhìn lại như muốn nói "nói chuyện không lo nói mà cứ nhìn người ta", nhưng khi me nhìn qua hướng khác anh lại nheo mắt nhìn An nghịch ngợm.

Từ đó, anh Tân trở thành một người khách thường xuyên của gia đình An. Một buổi sáng chủ nhật anh đến nhà, An và Bích đang sửa soạn đi lễ, anh Tân hỏi:

— An với Bích sửa soạn đi lễ hở ?

— Dạ.

— Ở đâu ?

— Nhà thờ Ba Chuông.

Anh Tân rủ rê An :

— Đi lễ nhà thờ Bình Triệu đi, anh nói cái này hay lắm.

Con Bích reo lên :

— Cho em đi với.

Anh Tân dỗ dành nói :

— Lần nào đi chơi, anh với chị An cũng dẫn Bích đi hết đó, nhưng lần này có chuyện quan trọng, Bích ở nhà đi nghe.

Con Bích phụng phịu : Anh Tân ghé vào tai nó nói nhỏ, chắc hứa hẹn cái gì đó.

Con Bích cười toe thỏa thuận !

Đi dự lễ ra, anh Tân dìu An ra phía bên hông nhà thờ Bình Triệu, ở đó có một công viên nhỏ thật tình, có những ghế đá hướng ra phía bờ sông. Anh Tân dìu An ra đứng dựa vào lan can gần bờ sông:

— An có lạnh không ?

— Lạnh.

Anh Tân khoác áo lạnh cho An rồi để luôn vòng tay trên bờ vai An.

— Anh có cái này tặng An.

— Cái gì vậy ?

— Nhắm mắt lại đi.

An nhắm mắt lại. Anh Tân đeo vào ngón tay An chiếc nhẫn và cườm tay An chiếc vòng bằng mi-ca trong vắt. An reo lên.

— Đẹp quá, anh làm lấy phải không ?

— Ừ, anh mài cả ba chục buổi trưa ở trong tù đó.

Anh Tân nhìn An tình tứ hỏi :

— An thích không ?

— Thích.

— Thích anh hay thích cái nhẫn, cái vòng.

— . . .

— Nói đi chứ cười cái gì !

— . . .

— Cứ cười cười mà nụ cười dễ thương như thế này chết anh, An biết không. Hồi trong trại cải tạo, tụi nó cứ rảnh là ngồi mài vòng mài nhẫn mài kẹp cho đàn bà. Anh cứ rủa tụi nó vô công rồi nghề, rồi đến khi anh gặp An, anh lặn lội đi tìm mi-ca làm nhẫn vòng cho An thì tụi nó đã lượm sạch rồi, anh phải hối lộ kể chuyện kiếm hiệp cho tụi nó cả tuần mới đổi được miếng mi-ca để làm nhẫn vòng cho An. Vừa mài xong thì trại đổi quản giáo, làm anh không được gặp An nữa, anh buồn kinh khủng. Rồi tụi anh bị đổi qua trại khác, mất hẳn tin tức An. Cả hai năm sau, được thả về anh đến tìm An ngay, nhưng An không còn ở đó nữa, anh bủn rủn cả người, thất vọng hơn cả khi ngày đầu tụi nó bắt anh vào trại cải tạo nữa. Anh hỏi thăm không biết An ở đâu hết, chỉ nghe phong thanh An ở đường Trương Minh Giảng, rồi anh đoán An có đạo, vì anh nhớ hồi đó An có đeo tượng thánh giá nho nhỏ, mà trên đường Trương Minh Giảng có nhà thờ Ba Chuông, cho nên mỗi sáng chúa nhật anh cứ đứng ở cổng nhà thờ tìm An. Lễ buổi sáng không thấy anh hy vọng lễ buổi chiều, trong khoảng thời gian từ lễ sáng đến lễ chiều anh lang thang đến nhà thờ Bình Triệu cầu nguyện Đức Mẹ.

— Bộ nhà thờ Ba Chuông không có Đức Mẹ hở ?

— Không hiểu sao anh cứ nghĩ Đức Mẹ Bình Triệu linh hơn, hay ít ra đứng trước tượng Đức Mẹ ở Bình Triệu trong một khung cảnh nên thơ như thế này để nhớ An, để cầu nguyện cho chúng mình, anh tìm được một cái cảm giác lâng lâng, lạ lùng lắm, An có biết anh cầu nguyện gì không?

— An lắc đầu :

— Anh cầu nguyện cho anh gặp lại An, và khi gặp lại An vẫn chưa có chồng.

— . . .

— An biết để làm chi không ?

— Không.

Anh Tân đắm đuối nắm chặt tay An thì thầm :

— Để đeo nhẫn của anh, để suốt đời An là của anh.

An cúi đầu lặng thinh. Anh Tân nâng khuôn mặt An lên:

— Nói đi, An ở với anh suốt đời nghe. Anh xin ba mẹ cưới An liền nghe.

An cười nhẹ và một giọt nước mắt rơi xuống ngực anh Tân.

— Đừng lặng thinh như thế, nói cái gì cho anh mừng đi, anh xin ba mẹ để cưới An trước Noel này nghe.

An nhìn lên đôi mắt buồn muôn thuở của anh Tân, nhẹ gật đầu.

Anh Tân sung sướng ôm An quay vòng vòng. An cũng vui lâng lâng trong lòng, khi nghĩ đến sẽ được gần anh Tân suốt đời, và nhất là tối nay về An sẽ thủ thỉ với mẹ chuyện anh Tân muốn cưới hỏi. Chắc mẹ mừng lắm, mừng An có chồng để từ đây mẹ không bao giờ còn than thở "Con liệu đó, đừng để người ta chê cười, con gái hâm đi hâm lại hoài, mà vẫn chưa có chồng, ngày xưa hâm ba tuổi như con bây giờ mẹ đã có ba con."

**Nguyễn Thị Ngọc Lan**

**TUỲ BÚT I** *là suy tưởng;* **TUỲ BÚT II** *là cảm xúc.*

**TUỲ BÚT I** *là trí tuệ;* **TUỲ BÚT II** *là tình cảm, bản năng, tiềm thức. Là cái thế giới u uẩn, huyền nhiệm, phong phú, là cái bí mật vốn làm ra nguồn sáng tạo nhiệm mầu của thi ca muôn thuở.*

**TUỲ BÚT I** *là quê hương dân tộc, cao đẹp lớn lao.* **TUỲ BÚT II** *là cái tôi, là cá nhân nhỏ bé, là kiếp người mong manh trước sự sống, trước tình yêu, trước cái chết: những vấn đề của nghìn đời.*

*Có* **TUỲ BÚT I**, *bạn nắm giữ một nửa tâm hồn. Ở* **TUỲ BÚT II**, *một nửa tâm hồn khác đang chờ đợi bạn.*

*Tìm hiểu một người, hẳn bạn không bao giờ bằng lòng với nửa tâm hồn.*

# TÙY BÚT II

## của VÕ PHIẾN

Ngót 400 trang. Giá $ 15 US

Muốn có chữ ký của tác giả, xin mua sách thẳng tại nhà xuất bản:

*Chi phiếu đề:* VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 832-8445

*Hoàng Liên*

# *Ánh sáng và bóng tối.*

## CHƯƠNG BỐN
## TRẠI THANH LIỆT, HÀ ĐÔNG
### XIX
**Đọc sách báo Việt cọng và chuyển trại.**

*M*ùa Xuân ảm đạm với những cơn mưa nhẹ hạt nhưng dai dẳng đã nhường chỗ cho những ngày hè oi bức. Ánh nắng gay gắt từ ngoài sân hắt vào, từ mái ngói đổ xuống hun đốt không khí tù hãm làm cho xà lim chật hẹp nóng như một lò lửa. Một buổi chiều ngột ngạt, mồ hôi dầm dề, tôi đang ngồi nhìn những đám mây đen đùn lên từ một góc trời và cầu mong một cơn mưa giông ập đến, thì chợt thấy Hùng đưa một tờ báo qua chấn song cửa sổ. Đó là tờ Nông Nghiệp, tờ báo đầu tiên tôi được đọc từ khi bị bắt.

Tôi lật nhanh 8 trang giấy khổ vừa, liếc qua các hàng tít lớn, rồi đọc kỹ các bài viết, không bỏ sót một dòng nào. Nông Nghiệp xuất bản một tháng hai kỳ, và vì mang tính cách chuyên môn rõ rệt, nên đăng tải những thông cáo, chỉ thị của chính phủ liên hệ đến các ngành trồng trọt và chăn nuôi, những báo cáo về tình hình nông nghiệp của các tỉnh, và một vài bài bàn về kỹ thuật canh tác, cách sử dụng bèo hoa dâu làm phân bón... Bài xã luận hô hào nông dân tăng gia sản xuất để phục vụ "cuộc chiến đấu thần thánh" để "quân ta ăn no, đánh thắng". Theo những tin tức được phổ biến thì mức sản xuất nông phẩm và thành tích chăn nuôi đều rất khả quan, và các địa phương đều vượt mức chỉ tiêu do "trên" ấn định hoặc đã "hoàn thành kế hoạch về căn bản" trong quý vừa qua. Tờ báo không nêu lên những khó khăn, trở ngại, những vấn đề cần phải xét lại hay giải quyết, và rõ ràng người viết chỉ có mục đích khoa trương để tô hồng chế độ. Đọc những bản báo cáo lạc quan ấy, tôi không khỏi nhớ lại những bữa cơm độn sắn, những thân hình còm cõi đã gặp trên đường ra Bắc, và những cánh đồng khô cằn, xơ xác trên đó những phụ nữ gò lưng kéo cày thay trâu. Người độc giả vô

tư dễ dàng nhận thấy tờ báo không phản ảnh trung thực tình hình nông nghiệp miền Bắc, và đồng thời nghĩ rằng, dưới chế độ cộng sản, một tờ báo chuyên nghiệp có tính cách khoa học cũng phải là một công cụ tuyên truyền.

Mặt khác, Việt cộng chỉ cho tù nhân đọc Nông Nghiệp mà không, hoặc chưa cho đọc Nhân Dân, tiếng nói chính thức của đảng cộng sản Việt Nam, hay Quân đội Nhân dân, nhật báo của quân đội miền Bắc, là vì họ còn muốn bưng bít tin tức về chính trị và quân sự. Thật ra, sau đó độ một tháng, đôi khi bọn cán bộ của trại giam cũng có trình diễn một màn "học tập". Một buổi sáng, vào khoảng 9 giờ, một công an viên đứng dưới mái hiên, khoảng giữa ngôi nhà dài, lớn tiếng trịnh trọng tuyên bố :

— Để giúp các anh quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ, hôm nay tôi đọc báo Nhân Dân cho các anh nghe. Sau khi nghe xong, các anh có gì thắc mắc, tôi sẽ giải thích thêm.

Rồi người công an với bộ mặt non choẹt ấy — chắc anh ta chưa đến 20 tuổi — bắt đầu đọc bài xã luận và một vài mẩu tin quốc tế, chắc chắn đã được chọn lọc kỹ từ trước. Tôi cố ý lắng nghe nhưng không hiểu hết được bài xã luận bàn về tình đoàn kết chiến đấu giữa Trung Quốc và Việt Nam vì anh ta đọc ngập ngừng, thường dừng lại không đúng chỗ, làm cho người nghe nhận thấy rõ là anh ta không hiểu bài báo ấy. Có lẽ vì vậy mà khi anh ta ngừng hẳn lại, không ai nêu lên thắc mắc. Nhưng anh ta cũng lên mặt dạy đời, chạy đến một vài xà lim để hỏi xem tù nhân đã "thu hoạch" được những gì, nghĩa là "học tập" được những gì sau khi nghe những bài báo ấy. Điều quan trọng duy nhất mà tôi thu lượm được qua buổi đọc báo là Hội Nghị Ba Lê kéo dài đã khá lâu rồi mà chưa đạt được một sự thỏa hiệp nào cả. Cũng may, những buổi nghe đọc "báo Đảng" như thế chỉ tiếp diễn độ vài lần nữa rồi chấm dứt.

Khoảng dăm tuần sau đợt nghe báo nói trên, thỉnh thoảng cán bộ đem sách cho chúng tôi đọc. Cứ người nọ đọc xong, sách lại được chuyển qua cho người khác. Tôi biết thế vì một lần tôi hỏi mượn sách, Hùng quay qua một xà lim khác, rồi lấy sách đưa về cho tôi. Trước hết là một cuốn địa lý Việt Nam và một cuốn trình bày phương pháp ghép cây, những sách chuyên môn có tính cách giáo khoa không có gì đáng lưu ý. Mãi đến vài tuần sau, tôi mới nhận được một tập truyện ngắn mỏng trong đó có một truyện đề cao người công nhân xã hội chủ nghĩa. Nhờ kinh nghiệm thực tế, người công nhân già đã thành công trong việc thiết kế dòng điện để cho chạy một cái cần cẩu, sau khi người kỹ sư loay hoay mãi mà không tìm ra phương thức thích hợp. Câu chuyện nhạt nhẽo vô lý, không đem lại hứng thú cho người đọc, và chỉ có mục đích ca tụng người công nhân, mà ca tụng một cách máy móc, vụng về. Tôi chỉ mới đọc có một cuốn ấy, nên không thể có ý kiến chung về những sáng tác phẩm văn học miền Bắc, nhưng tôi có thể nhận thấy ngay

rằng nhà văn Việt cọng viết theo chỉ thị của đảng cọng sản, đã phải hy sinh nghệ thuật để làm nhiệm vụ tuyên truyền.

Bẵng đi một dạo, không thấy cán bộ cho mượn sách. Mãi đến cuối Hè sang Thu, tôi mới lần lượt nhận được mấy số báo Nhân Dân. Tôi rất ngạc nhiên khi đọc xong mấy số báo. Trước hết, Nhân Dân được trình bày khác hẳn những nhật báo trong Nam. Trang nhất dành cho tin tức trong nước và một bài xã luận đề cập đến một vấn đề thời sự. Đặc biệt, bên phải của trang nhất có một cột khá dài đăng những "điện mừng" nghĩa là những bức công điện của "Đảng và Chính Phủ" đánh cho các nước trong khối Cọng sản để chúc mừng nhân dịp lễ quốc khánh, lễ kỷ niệm một chiến công, lễ sinh nhật của các lãnh tụ cọng sản... làm cho tờ nhật trình mang tính cách của một công báo. Cũng trên trang nhất này, luôn luôn có in ảnh người công nhân đội mũ cát-két đứng cạnh một máy tiện hay máy dệt. Trang hai được dành cho những báo cáo về tình hình sản xuất nông và công nghiệp. Trang ba đăng sơ lược những tin tức quân sự, và nhất là những bút ký về những chiến thắng của quân đội "giải phóng" ở miền Nam. Trang tư đăng những tin tức quốc tế.

Khi xét đến nội dung, tôi lại càng ngạc nhiên hơn. Những bài ở trang nhất đề cập đến các hoạt động của đảng cọng sản và chính phủ miền Bắc, nhưng trình bày rất giản lược, ít chi tiết và có tính cách tổng quát, hình như người viết muốn che dấu những gì mà Việt cọng xét không nên phổ biến cho dân chúng biết, hoặc đối phương có thể khai thác. Bài xã luận cũng rất khác thường, vì không bình luận mà chỉ đưa ra một số chỉ thị. Các bức "điện mừng" thì dài dòng, lời lẽ chúc tụng rất khuôn sáo. Trên trang hai, những bài tường thuật về tình hình sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, trong thực tế, là những bản báo cáo do những chủ nhiệm hợp tác xã, giám đốc xí nghiệp hay chuyên viên thuộc các Bộ viết, và tất nhiên có nhiệm vụ khoe khoang thành tích và tán dương "đường lối chỉ đạo sáng suốt của Đảng ta". Đôi khi họ cũng thú nhận một vài khuyết điểm nhưng sau đó vội vàng thanh minh rằng những thiếu sót trong quá khứ ấy đã được "khắc phục" và hiện nay tình hình đã trở nên rất khả quan... Một điểm khác cũng đáng chú ý: trang hai này luôn luôn là một trang đặc biệt, vì mỗi ngày Nhân Dân dành trang này cho một ngành hoạt động, nhân một ngày lễ nào đó. Chẳng hạn, nhân "ngày trồng cây nhớ bác", thì nói về những hoạt động lâm nghiệp. Do đó các tin tức ít có tính cách thời sự, và những bài viết có mục đích tổng kết thành tích: đàn gà tăng bao nhiêu phần trăm, diện tích trồng trọt tăng bao nhiêu phần trăm, và tất nhiên chỉ có tăng, không có giảm, mặc dù ở trong tình trạng chiến tranh. Những tin tức chiến sự ở trong Nam và ngoài Bắc đăng trên trang ba toàn là những tin chiến thắng, mà chiến thắng quá dễ dàng, nên rất khó tin. Những bài bút ký chiến trường

được viết như những truyện ngắn giàu tưởng tượng và rập theo một khuôn mẫu đã định sẵn, nên đọc rất chán: người lính Mỹ luôn luôn mang giày đinh và người dân miền Nam gọi cảnh sát viên bằng "ngài".

Những tin tức quốc tế đăng ở trang tư cũng rất đặc biệt. Trước hết, Nhân dân ít nói đến các nước cộng sản, có lẽ vì Việt cộng không muốn nhân dân Việt Nam biết những gì xảy ra sau bức màn sắt, và cũng vì họ sợ các nước tự do khai thác. Nhân Dân chỉ đề cập đến các "nước bạn" nhiều hơn đôi chút trong dịp lễ quốc khánh của các nước ấy, hoặc khi có một biến cố thật quan trọng xảy ra tại các quốc gia nói trên. Chỉ trong những cơ hội ấy, mới có những bài giới thiệu lịch sử, địa lý, tình hình kinh tế với những thành tích đạt được: cũng diện tích canh tác tăng, đàn bò tăng, đàn lợn tăng... Có khi họ đăng tải hẳn một bài tường thuật do chính sứ quán của nước liên hệ viết ra. Trái lại, Nhân Dân đề cập tương đối nhiều đến các nước tự do, nhất là Mỹ. Nhưng tờ báo chỉ phổ biến toàn những tin xấu: bão lụt, động đất, hỏa tai, mỏ than bị sập, tai nạn giao thông, nạn thất nghiệp, và nhất là những vụ đình công của thợ thuyền, những cuộc biểu tình của dân chúng phản kháng chính phủ. Việt cộng cho đăng — và chắc là có phóng đại — những loại tin sau cùng này để "chứng minh" rằng ở những nước tư bản, giới chủ nhân bóc lột giới lao động, chính quyền đàn áp và kìm kẹp nhân dân, và nhân dân cùng với giới lao động đứng lên chống đối. Mặt khác, người đọc có cảm tưởng rằng những thiên tai chỉ muốnập xuống các nước tự do, còn các nước cộng sản thì được Thiên Nhiên ưu đãi. Nhưng có một lần Việt cộng không che dấu: sau khi loan báo một trận bão lớn đang thổi qua Phi Luật Tân và sẽ di chuyển theo hướng Tây Bắc, ngày hôm sau, Nhân Dân cho biết "hình như có bão tại Trung Quốc." Sao lại "hình như?" Phần nào, tôi hiểu được thái độ và tinh thần của các ký giả Bắc Việt — và có lẽ cả giới lãnh đạo chính trị miền Bắc nữa — đối với Trung Quốc, khi đọc trong một số báo tiếp theo: "nhân dân Trung quốc đã thắng cơn bão từ Phi Luật Tân tiến vào vùng duyên hải Hoa Nam."

Trên trang tư, một mục được gọi là "Cả thế giới ủng hộ nhân dân ta" thường xuyên đăng tải những điện văn ủng hộ Việt cộng trong "cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ", những bài tường thuật những vụ mít tinh, biểu tình tại các nước cộng sản để làm hậu thuẫn cho Việt cộng, những lời tuyên bố ít nhiều có lợi cho Việt cộng của các chính khách cộng sản hay thân cộng. Theo dõi mục này và một vài mục khác, người đọc nhận thấy Nhân Dân muốn chứng tỏ rằng có một sự nhất trí và hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước trong khối xã hội chủ nghĩa. Nếu ngày hôm nay ở Hà Nội dân chúng họp mít tinh ở quảng trường Ba Đình để kỷ niệm ngày thành lập "quân đội nhân dân", thì một vài hôm sau, trên Nhân Dân sẽ có tin tại Varsovie hay Budapest, nhân dân đã tổ chức mít

tinh "để tỏ lòng đoàn kết với quân đội và nhân dân Việt Nam", và nguyện sát cánh với quân đội và nhân dân Việt Nam trong "cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước". Do đó, trong nhiều trường hợp, xem báo ngày hôm nay, thì có thể đoán biết ngày mai, ngày kia sẽ có những bài gì, tin gì. Và như vậy, tờ báo không chứa đựng yếu tố bất ngờ và không gây hứng thú cho độc giả. Tin tức lại được chọn lọc quá kỹ, nên tờ báo không phản ảnh được cuộc sống phức tạp, và trở nên khô khan như một tờ công báo.

Tóm lại, Nhân Dân có mục đích phổ biến chỉ thị của đảng cộng sản và chính phủ miền Bắc, phô trương thành tích — thực hay giả — và đả kích các nước tự do bằng cách xuyên tạc thực trạng tại các nước này. Người miền Bắc đã quá quen thuộc với những từ ngữ, luận điệu và lối viết ấy, chắc đọc thấy nhàm chán lắm. Nếu Việt cọng thành thực chấp nhận rằng những trở ngại do chiến tranh gây ra, vì những điều kiện khó khăn của một quốc gia chưa phát triển, còn thiếu chuyên viên và phương tiện kỹ thuật, cho nên năng suất trong mọi ngành hoạt động kinh tế chưa cao, thì thiết tưởng người dân có thể thông cảm được. Đằng này, báo chí cứ ca tụng những cánh đồng 8 tấn thóc, những đàn gia súc tăng trưởng liên tục, mà người dân bị đói trường kỳ và mỗi năm chỉ mua được vài lạng thịt. "Báo Đảng" không ngớt đề cao người công nhân với tấm ảnh người thợ dệt đội cái két đứng trước một cỗ máy dệt "hiện đại" trong lúc người dân rách rưới không mua được hai mét vải mỗi năm. Trong những điều kiện ấy, tất nhiên, họ phải suy nghĩ và không tin tưởng vào những thành quả quá ư tốt đẹp do báo chí nêu lên. Mặt khác, có lẽ vì muốn cho dân chúng khỏi kêu ca, Nhân Dân thường mô tả những nỗi cơ cực của người dân các nước tư bản, nhất là miền Nam Việt Nam. Chẳng hạn Nhân Dân viết rằng vl Miền Nam thiếu chuối nên dân chúng phải dùng những nải chuối bằng nhựa để cúng tổ tiên trong những ngày kỵ giỗ, và vì mất mùa, nên phải ăn gạo bằng ny lông. Về sau này, khi biết rằng không thể che giấu và xuyên tạc mãi được, Việt cọng phải công nhận là miền Nam có phồn vinh, nhưng là phồn vinh giả tạo.

Những tờ báo mà tôi mong đợi gần hai năm nay chỉ có thế. Chúng chỉ cho tôi biết là chiến tranh đang tiếp diễn, và cuộc hoà đàm tại Ba Lê đang lâm vào một ngõ bí. Dù sao, thỉnh thoảng được đọc một vài số, cũng là một thú vị: cuộc sống bên ngoài, dù bị sàng lọc, xuyên tạc và được phản ảnh một chiều để minh họa cho lý thuyết, cũng đã lọt vào trong xà lim.

*
* *

*L*âm lũng thũng từ ngoài sân bước vào. Phụ trách những tù nhân Mỹ, anh ta thường đi đến trước xà lim tôi rồi rẽ qua phải. Nhưng không ngờ, anh ta ngừng lại trước cửa sổ. Tôi ngỡ rằng anh đưa sách cho tôi, như trước đây đã vài lần, anh có nhã ý cho tôi

mượn mặc dù anh không phải là cán bộ trực tiếp của tôi. Đã đứng tuổi, có thái độ chững chạc, anh cười rất tươi:

— Anh có khoẻ không ?

— Không được khoẻ lắm, như cán bộ thấy.

— Chắc anh cũng đoán biết, cuộc "chiến tranh phá hoại" đang lan rộng.

Tôi ngập ngừng :

— Nghĩa là...

— Nghĩa là quân nhân Mỹ có thể ném bom trại này, như đã ném trước đây. Anh có sợ chết không?

— Trên đường từ Nam ra Bắc, tôi đã chịu đựng những vụ ném bom khốc liệt, và tôi nhận ra rằng chết rất dễ mà cũng rất khó.

Lâm lại cười :

— Dù sao, Đảng và Chính phủ cũng lo bảo vệ tính mạng cho các anh.

Nói xong, Lâm đưa cho tôi một đôi dép cao su Trị Thiên đã cũ, rồi quay đi ngay sau tiếng cám ơn của tôi. Cử chỉ của Lâm thật bất thường. Anh ta không có nhiệm vụ gì đối với tôi, và trước đây, tôi chỉ tiếp xúc với anh ta một vài lần ngắn ngủi. Thế tại sao anh ta — mà không phải là Hùng — lại nói với tôi những lời như trên? Và đôi dép cao su là của trại phát hay là do anh ta biếu riêng tôi? Anh gián tiếp cho biết là tôi sẽ di chuyển đi nơi khác để tránh những vụ oanh tạc của phi cơ Mỹ, mà trại giam này có thể là một mục tiêu. Mà Việt cọng thường không báo trước những vụ chuyển trại; khi cần thiết, thì đến phút cuối cùng họ mới cho tù nhân hay. Như vậy, có thể là ngày mai tôi sẽ rời khỏi trại này. Nhưng tôi sẽ đi đâu? Lên vùng biên giới Hoa-Việt như Hậu đã cho biết? Cũng có thể như thế, để một khi chiến cuộc ở miền Bắc trở nên sôi động hơn, Việt cọng sẽ dễ dàng đưa chúng tôi qua Trung quốc. Mà có thật đây là một vụ tản cư để tránh bom đạn không? Tôi suy nghĩ nhiều về một biến chuyển chính trị hay quân sự, hơn là bận tâm đến sự thay đổi nơi giam giữ, vì tôi nghĩ rằng, ngoài những sự khác biệt trong đời sống vật chất liên quan đến hoàn cảnh riêng của trại, chính sách của Việt cọng đối với tù nhân chính trị vẫn đồng nhất. Vả chăng, tôi đã quen với mọi sự bất trắc, và sẵn sàng chờ đợi. Tôi chỉ ngại một điều: khí hậu khắc nghiệt của miền Thượng Du Bắc Việt sẽ ảnh hưởng xấu đến tình trạng sức khoẻ đã giảm sút của tôi. Từ gần một năm nay, những khớp xương ở bàn tay, cánh tay và đầu gối bị sưng lên, gây nhức nhối nhiều, nhất là trong mùa lạnh.

Nắng chiều đông tắt sớm hun hút lạnh đùn mãi những mảng mây xám dày đặc trên nền trời thấp đang chụp lấy khu trại giam. Rồi hoàng hôn đổ nhanh xuống một ngày tù sắp tàn. Ngọn đèn điện dưới mái hiên vừa được bật lên, hắt ánh sáng vàng vọt vào bên trong. Đã gần hai tháng nay, dòng điện được bắt vào khu vực này. Nhưng không hiểu vì lý do gì, cứ vài ba ngày, điện lại bị hỏng

hay bị cúp, làm cho những người công an vũ trang luôn luôn than phiền và yêu cầu cán bộ trực tiếp phải chuẩn bị sẵn đèn dầu. Cứ đến tối mà không có điện, anh thường phạm cao gầy lại phải gánh hai cái mẹt, đem đèn phân phát cho các xà lim. Nhẩm tính lại thời gian, và nhận ra rằng đã sống xà lim này được hơn một năm ba tháng, tôi bỗng giật mình: trong những điều kiện khốn khổ về vật chất và tinh thần, tôi đã tồn tại được trong thời gian qua, và còn phải kéo dài cuộc đời tù hãm trong bao nhiêu lâu nữa? Và rồi ngày mai đây, tôi sẽ rời căn phòng nhỏ hẹp này. Nói rằng tôi quyến luyến nó, có lẽ không đúng, nhưng dù sao, tôi không thể dửng dưng rời bỏ nó. Giường chiếu ẩm mốc và đầy rệp, cây đèn dầu lù mù, cái bô tróc men, cái gáo dừa đã ngả màu nâu đậm, và hàng song sắt han rỉ trên cửa sổ đã trở nên quá quen thuộc, đã gắn bó với những ngày tù vô tận cùng những suy tư miên man của tôi. Tôi cố thu nhận và ghi nhớ những hình ảnh đơn sơ và buồn tẻ ấy vào tâm thức, và rồi đây, chắc chúng sẽ trở thành những ấn tượng không thể xoá nhoà được của một quá khứ đau thương.

Không buông màn, tôi khoác chăn ngồi trên giường, có ý dò xem Hậu có gác đêm nay ở đây không. Tôi định hỏi anh một vài chi tiết về vụ chuyển trại và ngỏ lời từ biệt anh. Nhưng chờ mãi không thấy bóng dáng anh lướt qua, tôi đành phải đi ngủ để lấy sức cho chuyến đi có thể xảy ra vào ngày mai.

*
* *

Tôi tỉnh giấc vì nghe tiếng cửa sổ đóng hàng loạt. Ở ngoài, trời còn tối om. Chỉ một lát sau, có tiếng mở khoá cửa xà lim, và Hùng hiện ra dưới ánh đèn:

— Anh theo tôi ra ngoài làm vệ sinh cá nhân.

Nước trong bể lạnh buốt. Tôi rửa mặt nhanh chóng và trở lại xà lim, vừa bước đi vừa thầm cám ơn Lâm, hôm qua đã cho biết trước tin di chuyển. Hùng chiếu đèn pin khắp phòng xem xét một lúc, rồi ngẩng đầu lên:

— Anh chuẩn bị chuyển trại ngay. Chăn màn, phải để lại đây. Lên đến trại mới, sẽ được phát cái khác. À, anh để cái áo trấn thủ lại.

— Trời đang lạnh. Đề nghị cán bộ cho giữ cái áo trấn thủ trong lúc đi đường. Khi đến trại mới, tôi sẽ hoàn lại.

Hùng từ chối phắt ;

— Không, phải trả lại.

Tôi vừa cúi xuống cầm cái xách tay bằng nhựa lên, thì Hùng bảo tôi bỏ cặp kính cận thị ra:

— Đây là nội quy của trại, chắc anh đã biết.

Rồi Hùng rút từ túi áo một tấm vải đen, gấp đôi lại, buộc chặt vào đầu tôi để che kín đôi mắt, và nắm tay tôi dẫn đi. Tại sao anh ta lại cẩn thận quá như vậy, khi tôi sắp rời khỏi trại này? Hay là sau

một thời gian, tôi sẽ trở lại đây chăng?

Hùng dẫn tôi đi quanh co độ 10 phút, rồi đứng lại, tháo cái băng đen, cầm lấy cái xách tay, và ra hiệu cho tôi bước vào cửa sau của một chiếc xe hơi bịt kín. Tôi chỉ kịp nhìn thấy một mảnh sân và nhận ra cái cổng trại với mấy ngọn đèn điện chiếu sáng hai tấm cửa sắt vững chãi. Cửa xe được đóng lại ngay. Xe nhỏ như một chiếc Jeep nhưng cao hơn, phần nửa sau được đóng kín và chia ra làm hai chỗ ngồi riêng biệt, như hai xà lim lưu động. Tôi ngồi trên một vật cứng như một thùng sắt, và vì quá chật, phải co hai chân lại mà vẫn không xoay trở được. Dưới chân, hình như có một cái bao tải. Phía trước, một ô vuông nhỏ, mỗi bề độ 20 phân, để lọt ánh đèn ở ngoài chiếu vào. Tôi khom người, cúi đầu nhìn ra, và nhận thấy một góc của cái xách tay treo ở phía ngoài. Trong tư thế gò bó, tôi loay hoay cố tìm một thế ngồi ổn định, vì kinh nghiệm cho biết rằng những con đường trên miền Bắc bị hư hỏng nhiều, đầy những ổ gà, và xe sẽ xóc liên tục. Nhưng mò mẫm mãi, tôi vẫn không tìm ra chỗ vịn; hơn nữa, ngồi trên cái thùng sắt gập gềnh, thật không vững tí nào.

Chợt có tiếng động ở xà lim bên kia. Có người đang lên xe và nói mấy câu với một người cán bộ. Tôi nhận ra giọng nói của Lộc. Như vậy, có lẽ các anh Tứ và Weaver đã đi rồi, hoặc sẽ đi chuyến sau. Một lát sau, một người công an mặc đồng phục có vũ trang bước lên xe, ngồi cạnh tài xế, lấy một miếng vải đen vắt vào phía ngoài để che kín ô vuông, rồi nói lớn:

— Khi buồn nôn, thì nôn vào cái bao tải.

Xe nổ máy, từ từ lăn bánh ra khỏi cổng trại, rồi quay phải, rẽ trái như đang lòng vòng giữa những con đường phố quanh co và chật hẹp. Dù chạy với một tốc độ hạn chế, nó vẫn lắc mạnh vì đường quá xấu. Tôi cảm thấy khó thở, nhức đầu, chóng mặt và buồn nôn. Thêm vào đó, một cái răng cửa bị đau từ 4 tháng nay bỗng lên một cơn nhức nhối khủng khiếp. Từ ngày bị bắt giữ cho đến nay, tôi không có bàn chải và kem đánh răng. Răng bị nhiễm trùng, chân răng sưng tấy lên mà không có thuốc chữa và không có phương tiện để nhổ, nên đành phải chịu đau cho đến khi nó rụng. Năm ngoái, trong một bữa cơm, một cái răng cửa rơi vào bát lúc nào không hay... Tôi mệt lả, tựa đầu vào tấm kim loại đóng khung cái xà lim tối om này, và mơ màng nghe tiếng trẻ em nô đùa bên đường. Có lẽ đó là những học sinh đang đi đến trường. Khi một cơn gió thổi tung tấm vải che, tôi thoáng thấy một góc phố đông người qua lại. Chúng tôi đang đi xuyên qua Hà-nội chăng?

Chiếc xe gia tăng tốc độ. Trong tiếng gió rít, nó xóc mạnh hơn. Có lẽ chúng tôi đã ra khỏi thành phố. Đầu nhức liên tục, tôi choáng váng, lảo đảo trong cái hộp sắt đang lao nhanh, mồ hôi vả ra, mặc dầu đang ở vào mùa Đông lạnh giá. Không chịu được nữa, tôi cúi đầu, nôn tháo ra trên cái bao tải. Chiếc xe vẫn chồm lên, tụt

xuống, lắc lư. Có lẽ nắng đã lên, nhưng xà lim vẫn tối. Mãi đến khoảng một giờ sau, chiếc xe mới từ từ ngừng lại. Người công an rút tấm vải đen che ô cửa xuống. Tôi khom người nhìn ra ngoài: chúng tôi đang dừng lại bên một dòng sông. Những chiếc quân xa loang lổ bụi đường nối đuôi nhau đỗ thành một hàng dài từ con đường cái cho đến mép bờ sông thoai thoải. Bên đường, dưới bóng mấy cây bạch đàn, vài cái quán cóc xơ xác bán nước lá vối và mấy quả chuối lèo tèo. Dăm người đàn ông, có vẻ con buôn, dựng xe đạp vào gốc cây, xà vào quán uống nước.

Chúng tôi phải chờ đợi khá lâu mới đến lượt qua phà. Tôi loáng thoáng nghe nói đây là phà sông Đuống. Sau khi xe lên bờ và chạy được một quãng, tôi đọc được hai chữ Thái Nguyên trên một cột cây số. Chúng tôi lên Thái Nguyên chăng? Hay sẽ đi xa nữa để lên miền biên giới? Tôi cúi người xuống cho vừa tầm ô vuông, cố nhìn ra ngoài cho đỡ chóng mặt và để nhìn thấy vùng đất đang vượt qua. Nắng đã lên cao, trải dài trên những triền đồi thấp trồng dứa. Đến khoảng quá trưa, chiếc xe đỗ lại trên một bãi đất trống để mọi người ăn cơm. Nhưng vì mệt quá, tôi không ăn được, và cũng không thấy đói. Tôi đã dự định sẽ liên lạc với Lộc vào lúc nghỉ ngơi này, để trao đổi tin tức và kinh nghiệm, nhưng vì hai người công an và tài xế thay phiên nhau ngồi lì trên xe, nên chúng tôi chỉ hỏi thăm sức khoẻ của nhau mà thôi.

Nửa giờ sau, chúng tôi lại lên đường. Trên các cột cây số, vẫn còn hai chữ Thái Nguyên viết bằng sơn đen. Con đường nhựa nhấp nhô chạy xuyên qua một vùng đồi núi, hoang vu, thỉnh thoảng mới có nơi trồng dứa hay chè. Đến xế chiều, xe dừng lại dưới chân một ngọn đồi chè, và đợi cho đến gần tối mới lại ra đi. Nhớ lại lần ra Hà Đông, tôi biết rằng chúng tôi chỉ có thể nhập trại mới lúc trời tối sẩm. Rời đường nhựa, chiếc xe rẽ vào một con đường đất, rồi ngừng lại trước một cái cổng gạch cao, kiến trúc gần giống như một cái cổng tam quan. Sau khi nhanh chóng hoàn tất thủ tục giấy tờ, tôi được một cán bộ của trại hướng dẫn đi. Trong lúc đó, Lộc vẫn còn ngồi yên tại chỗ. Có lẽ người công an phải đợi cho đến khi tôi đi khuất trong bóng đêm rồi mới mở cửa cho Lộc xuống xe. Tôi đi băng qua một mảnh sân rộng, men theo một dãy nhà le lói ánh đèn điện, vượt qua một con đường đất, rồi đến trước một bức tường cao. Người cán bộ hướng dẫn lấy chìa khoá mở cổng, đưa tôi vào phía trong, và chúng tôi đi quanh co một lúc dưới những mái hiên dài. Sau khi vượt qua năm lớp cửa, tôi mới đến nơi ở mới, một cái xà lim tương đối rộng hơn các xà lim ở Thanh Liệt. Mệt mỏi tôi nằm vật xuống giường, không thấy đói, và không ăn được ổ bánh mì còn nguyên vẹn trong cái xách tay. Nhưng tôi thao thức chưa ngủ ngay được. Trong cô đơn im vắng và trong không khí giá buốt, những thắc mắc về lý do của vụ chuyển trại trở lại ám ảnh tôi. Tôi suy nghĩ mãi mà vẫn chưa tìm được những lời giải thích thỏa đáng.

**Hoàng Liên**

*(còn tiếp)*

*Mai Kim Ngọc*

# *Muon kiếp cô liêu.*

*(trích đoạn truyện dài)*

***Lời toà soạn** : Sau khi Văn Học giới thiệu 3 truyện ngắn xuất sắc của Mai Kim Ngọc và nhà Văn Nghệ xuất bản tập truyện ngắn đầu tay* "Một Chút Riêng Tư", *nhiều bạn đọc thắc mắc tại sao lâu nay không thấy nhà văn này gửi bài đăng trên Văn Học.*

*Câu trả lời là bộ trường thiên "Muôn Kiếp Cô Liêu" Mai Kim Ngọc khởi viết từ 15-5-1987 sắp hoàn tất, mà Văn Học xin phép tác giả trích đăng một số chương từ số này. "Muôn Kiếp Cô Liêu" lấy khung cảnh Việt Nam từ thời sau 1945, nên chắc chắn đem lại cho độc giả những kỷ niệm, những biến cố và tâm trạng của một giai đoạn lịch sử mà cho đến nay vẫn còn ít người cầm bút đề cập tới.*

***Văn Học***

## *Chương 1*

*H*uân bị ám ảnh bởi một sự việc nhỏ nhặt từ hồi thơ ấu. Câu chuyện tầm thường ngộ nghĩnh xảy ra một buổi sáng cuối xuân đầu hạ, khi Huân còn bé lắm, chưa đến mười tuổi, và đang sống tại nông trại với bố mẹ. Thời gian vào khoảng thập niên 40, khi gia đình Huân tránh cảnh giặc giã đã tản cư về quê cũ, một làng nhỏ vùng duyên hải Bắc Việt.

Buổi sáng hôm đó Huân dậy trễ. Huân không nghe có khó chịu hay đau đớn. Chỉ có chút vương vướng ở cổ khi nuốt nước bọt, và cái thú nằm lươn khươn trên giường êm ả hơn thường lệ. Huân ngần ngại nghĩ đến thời khoá biểu với môn văn phạm Pháp sắp phải trả bài cho cha. May mắn thay mẹ Huân đã bước vào buồng thăm con. Mới sờ trán Huân bà đã tìm ra chứng bệnh:

"Trời ơi, con tôi cảm đây mà. Trán nó nóng như than vậy. Siêng học như con tôi mà ngủ quên là chuyện không vừa. Con cứ nằm nghỉ thêm lát nữa đi."

Huân biết là bà có ý nhắc ông Thuần cho Huân nghỉ học sáng

nay Huân cười thầm vì thấy sự lười biếng của mình không những đã được đề tài hoá, mà nhờ bệnh hoạn Huân còn được đặc biệt nuông chiều. Huân làm bộ chăm học:

"Không được đâu. Con còn phải học văn phạm Pháp với bố."

"Nằm nghỉ đi con. Để mẹ xin với bố cho.

Có tiếng cha Huân từ nhà ngoài :

"Thôi hôm nay cho nó nghỉ học."

Thế là thoát nạn. Trong những môn học với cha, Huân sợ nhất là môn văn phạm Pháp. Chỉ nói đến quá khứ mà người Pháp dùng đến ba bảy cách khác nhau. Mà đám động tự bất thường lại còn biến hoá theo những thể thức riêng biệt nữa. Nhưng mà những khó khăn đó có thể gác qua một bên. Mẹ Huân đã mang điểm tâm vào phòng để Huân ăn sáng trong giường.

Lát sau Huân nghe thấy tiếng dép của ông Thuần đi về phía phòng học. Rồi ông đi trở ra ngoài sân. Ông vẫn đi dép. Chắc hôm nay ông không đi thăm ruộng mà chỉ ra sân ngồi sưởi nắng đọc sách. Huân bây giờ thì tỉnh ngủ hẳn, và không còn muốn đóng vai bệnh nhân nữa.

Huân tính tung chăn chạy ra ngoài chơi. Nhưng bát cháo trắng với nửa quả trứng vịt muối trên cái đĩa con đặt đầu giường nhắc Huân tới vai trò bệnh nhân của mình. Nhớ sự "miễn dịch" học văn phạm Pháp tùy thuộc vào thân thế bệnh nhân, Huân đành bỏ ý định chạy ra khỏi phòng. Huân ngoan ngoãn ăn hết bát cháo, rồi nhìn ra ngoài cửa sổ.

*

*B*uổi sáng khoảng độ mười giờ, và nắng đã lên cao. Huân nghĩ đến cái tổ chim quấn bằng mo cau mới gác trên chặng ba cây soan sau nhà hôm qua, không biết bây giờ đã có cặp sáo nào tới ở chưa. Lại còn bao nhiêu dự định vui thú khác mà không thi hành được. Quyền lợi bao giờ cũng đi đôi với bổn phận, và sự ưu đãi nhờ cơn ốm vặt này không phải không có cái phiền hà của nó. Thật là lôi thôi.

Nhưng sáng hôm ấy có cái gì khác lạ. Thứ nhất là bên ngoài trời đang nổi gió, và Huân nghe thấy tiếng mấy bụi tre bên hông nhà bị gió lay kẽo kẹt. Cả đến ánh nắng cũng có gì khang khác. Huân nhìn ra cửa sổ lần nữa. Có một thứ bụi rất nhỏ màu vàng nâu đang bay tơi tả trong gió. Kể từ ngày gia đình Huân dọn về đây mùa thu năm ngoái, chưa bao giờ Huân thấy bụi bay nhiều như vậy. Huân sực nhớ đêm trước gió to

Huân bước lại cửa sổ. Thềm cửa đã phủ một lớp bụi mỏng, cũng thứ bụi mịn màu vàng nâu thỉnh thoảng đang còn bay tơi tả ngoài trời. Tò mò Huân lấy ngón tay quẹt chút bụi lên coi. Cậu bé vo viên ít hạt bụi nhỏ. Có chút sáp nhờn dính tay, thoang thoảng

mùi nhựa thông. Bây giờ thì Huân hoàn toàn tỏ mờ, và không còn e dè mất quy chế bệnh nhân nữa. Huân tuột xuống giường chạy ra ngoài xem sự thể ra sao.

Bên ngoài trời vẫn nắng đẹp. Một ngọn gió nhẹ lại từ đâu thổi đến, mang theo một chút bụi vàng như khói nhạt trong không trung. Chị Cây người ở gái đang quét sân trước nhà. Chị chống chổi ngước lên nhìn trời, rồi quay lại nhìn Huân. Dưới chân chị, một mớ bụi vàng như cám mới đã được quét gọn lại thành đống nhỏ. Huân hỏi chị:

"Chị Cây. Ai đổ cám vậy kìa ?"

Chị cười tít, rồi cắt nghĩa :

"Cám đâu mà đổ, cậu Huân. Phấn thông đó. Tháng này, rừng thông bên đồi ra hoa, tha hồ mà quét phấn thông. May mà đêm qua khi trời nổi gió, tôi thức dậy kịp để che bể nước mưa..."

Huân thấy chị Cây có lý. Quả thật, thứ bụi này trông như phấn. Không ngờ thông lại có hoa, mà hoa thông lại còn có phấn nữa. Năm đầu tiên sống tại thôn quê thật có nhiều bất ngờ và thích thú cho cậu bé tỉnh thành. Huân thấy tiếng 'phấn thông' ngộ nghĩnh. Chàng nói đùa:

"Phấn thông ? Thông mà cũng đánh phấn nữa sao ?"

Huân làm chị Cây ngơ ngác. Không biết Huân đang chơi chữ, chị cãi:

"Tôi nói phấn thông là bụi thông, chớ ai mà nói thông đánh phấn bao giờ."

Cha Huân đang ngồi sưởi nắng đọc sách. Ông ngửng lên nhìn con. Ông ngần ngại giây lát rồi hỏi Huân:

"Con có biết phấn thông là gì không ?"

Hồn nhiên Huân nhắc lại lời chị Cây :

"Phấn thông là bụi thông. Mùa này bụi thông nhiều lắm, bắt tội chị Cây suốt ngày quét sân."

Phản ứng đầu tiên của ông là giảng cho Huân về văn học. Có một tập truyện gần đây của Xuân Diệu với nhan đề này. Ông rất thích tập truyện và muốn Huân đọc. Nhưng ông lại đổi ý. Huân còn bé quá để thích 'Phấn thông vàng' của Xuân Diệu. Tuy nhiên, có lẽ đây là dịp tốt để ông giảng cho Huân về vấn đề nam nữ, chủng tính. Những sách tâm lý nhi đồng ông đọc gần đây đã chẳng nhấn mạnh đến sự đả thông giữa cha con về chuyện này sao. Từ tốn ông mở đầu:

"Phấn thông không phải là một thứ bụi tầm thường như bụi đất. Nó là một thứ bụi đặc biệt, mang theo sự sống. Nó là nhị đực của loài thông."

Ngưng giây lát ông nói tiếp :

"Trời sinh phấn thông nhỏ và nhẹ, có thể bay theo gió như bụi mỏng. Phấn thông bay theo gió không phải là không có dụng ý. Vì

nhị đực tự nó không thể sống lâu được. Nó phải gặp nhị cái để phối hợp thành quả thông. Quả thông già sẽ cho hạt thông, và hạt thông sẽ nẩy mầm để cho cây thông mới. Và như vậy, loài thông sẽ trường tồn trên mặt đất..."

Ông Thuần vừa nói vừa nhìn con, như rán ước lượng sự lãnh hội của Huân. Ông đã vừa giảng cho Huân về sự sinh sản của thảo mộc. Dịp tới, ông sẽ giảng cho con về chủng tính động vật. Chả mấy chốc Huân sẽ sẵn sàng để lĩnh hội về chủng tính loài người...

Từ khi tản cư về làng cũ, ông kể như đã thất nghiệp, và dậy con học là bận tâm chính của ông. Làng không có trường, một mình ông phải bao tất cả mọi môn, từ toán pháp đến văn chương, vạn vật... Không có kinh nghiệm trong nghề giảng huấn, ông vừa dậy con học, vừa lần mò dọ dẫm. Câu hỏi tiếp theo của con làm ông lúng túng:

"Nhưng nếu không gặp được nhị cái, phấn thông không thể nào sống sót được sao. Bố vừa bảo phấn thông là phấn sống mà."

Suy nghĩ giây lâu, ông giảng nghĩa :

"Thật ra phấn thông là nhị đực, mà nhị đực chỉ là một nửa nhị cái. Bữa nào bố đưa con ra rừng thông chơi để xem hoa thông cho biết."

Ông Thuần đang định cúi xuống đọc tiếp trang sách đọc giở, thì Huân đã khám phá ra một câu hỏi nẩy lửa cho cha giải đáp:

"Thế người ta có phấn không, bố? Chắc đàn bà thì có nhị cái, còn đàn ông thì phấn đực để ở đâu..."

Bây giờ thì ông hoàn toàn lúng túng. Huân đi nhanh hơn ông nhiều quá. Ông nhìn Huân dò dẫm. Nhưng thấy đôi mắt ngây thơ của con, ông yên chí. Quả thật ông chưa kịp trả lời thì Huân đã từ giã loài người để trở lại với loài thông:

"Uổng quá bố nhỉ. Bao nhiêu là phấn thông sắp bị chị Cậy hốt lại thành rác để đổ đi rồi..."

Huân đang định nói nữa, nhưng có tiếng bà Thuần từ trong hiên nhà vọng ra:

"Huân, khoẻ rồi hả con. Vậy mà mẹ cứ tưởng con dậy không nổi nữa chứ. Nhưng có khoẻ cũng ở nhà lấy sách mà đọc, nghe con. Hôm nay trời trở gió. Thời tiết này, đang cảm đừng có chạy đi chơi. Đi dép vào con."

Huân sực nhớ đến nỗi nguy hiểm của bài văn phạm Pháp mà cha đã tạ cho miễn hôm nay. Bây giờ khoẻ rồi, còn đứng láng cháng trước mặt ông, nhỡ bị bắt trả bài thì rầy rà to. Chàng vâng dạ lui về phòng để khuất mắt bố.

Chàng kiếm cuốn truyện nhi đồng để đọc. Nhưng sao cuộc đời của Thạch Sanh lặn lội vào hang sâu để cứu công chúa, hôm nay không làm Huân thích thú chút nào. Không phải là Huân thắc mắc về phấn đực của đàn ông hay nhị cái của đàn bà. Thật ra Huân

cũng không bận tâm đến chủng tính của loài thảo mộc nữa.

*

*H*uân chỉ thấy tiếc rẻ. Huân mơ hồ tiếc mớ phấn thông mà chị Cậy đã quét thành đống nhỏ để hốt vào sọt rác đổ đi. Biết bao là 'nửa sự sống' này không bao giờ tìm được nửa sự sống kia để trở thành 'cả sự sống' được. Bây giờ Huân mới biết là những hạt phấn thông nhỏ bé lại có thể chứa đựng được bao nhiêu khả năng tiềm tàng của loài thông, nào thân cây xù xì người ôm không hết, nào nhựa thông thơm như dầu quang nón mới pha, nào những tàn lá tỏa bóng dâm mát trên bãi cát ven biển, nào tiếng reo vi vút khi gió thổi qua. Vậy mà không phải hạt phấn thông nào cũng tìm được nhị cái để thành quả thông, hạt thông, để nẩy mầm trở nên cây thông mới. Với những hạt phấn thông kẹt trên thềm cửa sổ hay nằm gọn trong đống rác của chị Cậy, cái tương lai huy hoàng của những cây thông đại thụ, chưa bắt đầu mà đã thui chột rồi.

Huân loay hoay suy nghĩ thêm nửa giờ nữa với đầu óc trẻ nhỏ. Cậu bé rán xắp xếp những cảm nghĩ mơ hồ của mình với ngôn ngữ giới hạn của tuổi thơ... Lát sau, Huân uể oải ngủ quên đi trong cái ê ẩm của trận cảm nhẹ, cuốn Thạch Sanh rơi xuống đất lúc nào không hay.

*

*N*gày hôm sau Huân khỏi cảm, và cuộc đời ở nông trại với cha mẹ lại nối tiếp như thường lệ. Câu chuyện phấn thông không thúc đẩy Huân tìm hiểu sớm hơn về vấn đề nam nữ chủng tính. Huân không quấy rầy cha về chuyện phấn đực của đàn ông hay nhị cái của đàn bà. Cả đến sự sinh sản của loài thông cũng không bận tâm Huân nữa.

Mãi nhiều năm sau đề tài chủng tính mới trở lại với Huân, khi con trâu cái trong nông trại đẻ ra con nghé con. Vậy mà hình ảnh phấn thông bay trong gió vẫn ở lại trong ký ức Huân.

Không phải Huân không được chứng kiến hay dự phần những đau thương tang tóc của cuộc chiến đang diễn ra xung quanh. Ít tháng sau, giặc Pháp núp sau chiêu bài của Cựu Hoàng, hay đúng hơn Cựu Hoàng với ước vọng hão huyền thu hồi độc lập tự do từ tay giặc Pháp bằng đường lối hoà bình, đã đem chiến trận về cái thôn xóm hiền hoà này. Không những Huân đã phải chứng kiến tận mắt cảnh binh đao khói lửa, mà còn được thấy cái đau thương nồi da xáo thịt, người làng tàn sát lẫn nhau, khi những liên hệ cũ giữa cha con vợ chồng chủ tớ bị xé vụn tả tơi, vì tham lam, căm thù, tráo trở, độc ác, mà cũng có khi còn vì "chính nghĩa" nữa. Cả cánh rừng thông bên đồi cũng cháy trụi tận gốc.

Nhưng sự việc nhỏ nhoi về phấn thông bay tả tơi trong gió

một buổi sáng cáo ốm trốn học vẫn không bao giờ bị gột bỏ khỏi ký ức Huân.

Hình ảnh vô vọng của những 'nửa cuộc sống này' đi tìm 'nửa cuộc sống kia', của những tương lai lẽ ra huy hoàng nhưng chưa bắt đầu đã thui chột rồi, của mớ rác phấn thông chị Cậy đã hốt đổ đi buổi sáng hôm ấy, về sau vẫn gợi cho Huân, và cho một người đàn bà lớn tuổi hơn, những rung cảm xâu xa, mà nhiều khi còn mãnh liệt nữa...

*

# CHƯƠNG II

*N*gười đàn bà lớn tuổi đó là cô giáo Trúc. Cô không xuất hiện từ đám hàng xóm láng giềng trong làng cũ của Huân. Mà cô cũng không đến ngay sau buổi sáng cuối xuân đầu hạ đó, khi lần đầu tiên Huân để ý loài thông không những có hoa, mà hoa thông còn có phấn nữa. Mãi gần mười năm sau cô mới xuất hiện, khi Huân đã trở thành một thanh niên trưởng thành, và đang theo học ban tú tài.

Cô tới từ một cảnh đời khác, mang theo những hương sắc xa lạ từ những năm du học ở Âu châu. Vậy mà cuộc đời run rủi đưa Huân đến chỗ thân mật gần gũi với cô. Ảnh hưởng của cô vô cùng quan trọng đến Huân, dù những đổi thay lớn lao của thời thế, hay những thăng trầm riêng tư của cuộc sống mỗi người.

Cô giáo Trúc đi vào đời Huân một buổi sáng đặc biệt. Hôm đó là 14 Juillet, một năm của thập niên 50. Địa điểm là cố đô Huế, trên vỉa hè đường Lê Thánh Tôn, khoảng trước mặt tiệm Morin.

Trường đã nghỉ hè gần hai tuần rồi, nhưng Huân vẫn chưa có chuyến bay để về Nha Trang với gia đình. Tất cả phi cơ dân sự đã bị trưng dụng để chuyển vận quân nhu từ Sài gòn về tiếp tế cho mặt trận mới trên chiến khu Bình Trị Thiên. Thất nghiệp, Huân lêu bêu đi chơi quanh quẩn trong thành phố, la cà mấy nhà bạn quen. Sáng hôm ấy, Huân định đạp xe lên phía cầu Bạch Hổ chơi. Nhưng Huân đã bị chận xe ngay sau khi qua khỏi đập Đá được một quãng. Chàng nhớ lời Hồng Thủy dọa khi Huân vừa dắt xe ra cổng:

"Anh Huân không bao giờ chịu nghe em. Thủy cuộc thế nào anh Huân cũng bị Tây cấm đường cho mà xem. Em cho là Huân không đi quá được cầu Tràng Tiền. Ở nhà tắm sông với em. Bắp bên cồn Hến đã già, tụi mình bơi sang bẻ đi. Hôm nay là 14 Juillet, Tây nó ăn tết này to lắm, anh không biết sao?"

Huân tiếc không nghe lời Hồng Thủy. Huân thầm nghĩ, mình lại thua cuộc cô bé rồi. Không còn cách khác, Huân đành gửi xe

đạp, rồi chen với đám đông để xem Pháp duyệt binh.

Huân ngạc nhiên. Sao mà lắm lính thế. Nhìn theo xuống cuối đường về phía Bạch Hổ, suốt khoảng từ trường Đồng khánh đến nhà ga, Huân thấy lính Pháp đứng đông nghẹt. Chắc họ đã tập hợp sẵn sàng từ lúc trời còn đêm. Mặc dù có cuộc hành quân vĩ đại đến nỗi phải trưng dụng cả phi cơ dân sự để tiếp vận, họ vẫn tổ chức cuộc duyệt binh hôm nay. Nhà nước bảo hộ bao giờ cũng giữ thể diện, Huân thầm nghĩ. Có tiếng ai gọi làm Huân chú ý:

"Huân. Chưa về Nha trang sao? Huân mà cũng thích xem Tây duyệt binh 14 Juillet hả?"

Huân ngửng lên thấy cô Trúc trong đám người hiếu kỳ, chỉ cách Huân chừng vài bước. Chàng lễ phép đáp lời:

"Dạ, em chưa kiếm được chuyến bay. Cả hàng không Cosara lẫn Air Việt Nam đều bị trưng dụng rồi. Khéo năm nay em phải ở đây cả vụ hè mất."

Huân hơi khó chịu vì câu hỏi. Cô Trúc là một cô giáo mới ở Pháp về với bằng cử nhân văn chương. Cô được bộ giáo dục Pháp bổ nhiệm tại trường trung học Pháp ở Huế. Cô cũng được biệt phái sang dạy ở Quốc học, phụ trách Việt văn và Pháp văn. Cô chuyên dạy mấy lớp ban 'C', và thực ra không phải là giáo sư của Huân

Huân biết cô khá thân. Cô là dì họ của Hồng Thủy, nên thường lui tới nhà bà Định, mẹ Hồng Thủy, nơi chàng trọ học mấy năm nay. Cô hay bàn bạc sách vở với Huân, nhân những dịp ghé lại thăm viếng hay chỉ bài vở cho Hồng Thủy. Nhiều khi cô còn mượn vở tập của Huân để xem, lấy cớ muốn tìm bài mẫu cho Hồng Thủy bắt chước.

Tuy nhiên, Huân không nghĩ cô thân với Huân đến mức hỏi những câu như vậy. Vả lại còn chính cô nữa, mỉa mai diễu cợt vụ coi Tây duyệt binh mà còn ra đây làm gì.

Có đám trẻ ngỗ nghịch từ sau lấn tới, làm cô Trúc lao đao muốn té. Nhưng người xem duyệt binh đông như nêm cối, nên cô không ngã được. Đúng tinh thần hướng đạo, Huân lấn lại phía cô như một hiệp sĩ, sẵn sàng che chở cho cô khỏi những nguy hiểm của đám đông ngày hội. Nhưng Huân lại thấy khó chịu vì nụ cười ranh mãnh của cô. Chắc cô coi hành vi anh hùng nam nhi của Huân như một chuyện ngộ nghĩnh của con trai mới lớn.

*

Cô Trúc hình như đã du học nhiều năm, nên rất tự nhiên. Cô khác hẳn với các giáo sư khác, phần đông lớn lên và tốt nghiệp trong nước. Cô có những thói quen, những ý nghĩ, những cách bình luận sự việc hoàn toàn mới lạ với Huân. Và tuy có khi Huân khó chịu vì cô không phù hợp với khuôn mẫu phụ nữ điển hình,

Huân vẫn thích lối cô bình luận về văn chương hay cuộc đời.

Nhất là về văn chương. Cô có tài nói về văn học ngay trong câu chuyện hàng ngày mà nghe vẫn không dởm hay sáo mép. Qua văn chương cô đưa Huân đi dạo những buổi sáng mùa thu trong vườn Luxembourg của Anatole France, khi lá vàng rơi lác đác trên những bờ vai cẩm thạch của mấy pho tượng trắng. Cô giới thiệu cho Huân cái nhẹ nhàng của Alphonse Daudet, khi thằng bé mục đồng ngồi yên lặng bên cô chủ nhỏ, để cô bé tựa vai ngủ gà ngủ gật, trên triền núi vắng, dưới ánh sao, mà lòng không bận tới chuyện trần tục nam nữ. Sung sướng trong mơ hồ và êm dịu, thằng bé tưởng như có vì sao lạc tới tạm nghỉ mệt trên vai. Cô rủ Huân đi tản bộ trong toà lâu đài của Chateaubriand, nơi cô gái Lucille, người chị ruột của văn nhân, đã gây cho ông nguồn cảm hứng sâu xa để sáng tạo những ánh văn tuyệt tác cho hậu thế. Và Huân nghĩ không ai giảng Madame Bovary của Gustave Flauberg hay bằng cô.

Qua lời bình văn của cô, Huân được thấy một cuộc đời rất thực mà cũng rất đẹp. Và Huân đã học được ở cô cách thưởng thức cái đẹp và cái thực của cuộc sống. Văn chương, nghệ thuật, và cả cuộc sống thực ngoài đời nữa, không cần đối trá mới đẹp để nên thơ.

Nhưng mà cũng có lúc cô làm cho Huân khó chịu. Người đàn bà này có cái gì khúc mắc, mà xa vời với Huân. Những năm ở ngoại quốc, cuộc đời ở Sorbonne, các bạn trai cũ, và nhất là các bạn trai ngoại quốc cũ, tất cả một mớ bòng bong quá khứ mà Huân thỉnh thoảng vẫn tò mò nghĩ đến, dù biết không có gì liên can tới mình...

Một mặt khác, cô lại rất gần Huân, trong những nét tâm hồn mà Huân chưa xác định được rõ ràng. Huân không nghĩ cô Trúc biết về Huân nhiều hơn các học trò khác. Và chắc cô cũng không ngờ Huân nhiều lần bận tâm thắc mắc về cô. Huân thấy thích thú được quan sát cô mà không bị cô quan sát lại... Thỉnh thoảng Huân mơ hồ nghĩ đến cô như nghĩ đến một người đàn bà đẹp. Nhưng sự lạc đề này rất yếu mệnh. Một cái nhìn tinh nghịch như của bà chị cả ghẹo em, một nụ cười ranh mãnh như của người mẹ ngắm con đang khôn lớn, nhắc nhở tức thì cho Huân thân thế của mỗi người...

*

Tiếng còi hụ của đoàn xe mô tô mở đường làm Huân trở về với quang cảnh ngày duyệt binh. Bây giờ thì đoàn quân viễn chinh Pháp sắp đi qua chỗ hai người đứng. Họ mở đầu bằng giàn nhạc danh dự, với hai loại nhạc khí độc nhất là kèn đồng và trống. Họ chơi bản Marseillaise. Họ cũng chơi những bản quân nhạc khác.

Tiếng trống trận đệm theo điệu hai bốn của những khúc quân hành, đúng nhịp với tiếng hàng ngàn bước chân trái đồng loạt tiến lên, làm mặt đường rung rinh. Huân giật mình khi thấy lời bản Marseillaise thật là quen thuộc. Chàng bị ảnh hưởng văn hoá Pháp nặng đến thế sao...

Nhưng rồi Huân nghĩ ra. Quen thuộc chẳng qua là bài Marseillaise đã nhắc đến bài Tiến Quân Ca của 'bên kia' chàng đã từng nghe khi còn ở ngoài hậu phương với cha mẹ. Cũng có máu thấm đỏ trên luống cầy đất mẹ, cũng có phơi xác quân thù trên nẻo đường vinh quang...

Đoàn thiết giáp đã đi qua. Có một khoảng trống độ trăm thước trên mặt đường, rồi đoàn không quân bước tới. Họ không khiêng theo được máy bay để phô trương, nên chỉ có đám phi công đeo võ khí nhẹ diễn hành. Không khí bớt ồn ào đôi chút. Có tiếng cô Trúc:

"Huân nghĩ gì thế ?"

Nét mặt cô thành thực như khi cô chỉ Huân cách sử dụng văn phạm không có diễu cợt hay ranh mãnh. Tin cẩn, Huân thành thật tâm sự:

"Cô. Em đang nghĩ sao bài quốc ca nào cũng phải nói đến căm hờn, đến quân thù, cô nhỉ. Bao giờ cũng phải có quân thù để giết, hay để bị giết. Yêu nước tất nhiên là cao quí... Nhưng chỉ có giết quân thù hay là bị quân thù giết mới đáng để cao muôn thủa sao. Khi đất nước thanh bình rồi, người ta có phải đổi quốc ca không. Hay là cứ để nguyên như vậy, rồi đi xâm lăng người khác, kiếm thêm quân thù mới để giết hay để bị giết."

Cô Trúc sững sờ giây lát trước câu hỏi của Huân. Rồi rất thành thật như cô Trúc chàng đã biết, cô trả lời :

"Cậu Huân hỏi rất hay. Nhưng cô chưa có trả lời. Huân cho cô nghĩ vài phút xem..."

Huân nhìn cô Trúc. Chàng sợ cô sẽ mỉa mai cái ủy mị của câu hỏi. Thanh niên thời loạn mà thấy chuyện giết quân thù hay bị quân thù giết là điều miễn cưỡng, cực chẳng đã, có thể bị coi là khiếp nhược yếu hèn. Quả là khác với ngôn từ đầy tinh thần căm thù và yêu nước nhiệt thành mà ai cũng dùng mùa thu năm xưa ở hậu phương bên kia, hay gần đây trong đại hội này mít tinh nọ của vùng chiếm đóng bên này.

Nhưng không, Huân không thấy dè bỉu trên nét mặt cô giáo. Chỉ có ngạc nhiên, với một chút quý mến. Hình như còn thoáng qua chút gì xót xa nữa. Huân không biết cô xót xa cái gì. Nhưng cô đã nói tiếp:

"Huân năm nay mười sáu phải không? Cô hy vọng bao giờ Huân mười tám thì hết giặc. Cô mong Huân không phải đi lính cho Pháp."

Huân muốn cải chính là mình đã già hơn mười sáu. Huân cũng muốn nhắc cho cô là Cựu Hoàng hồi loan đã lâu, và đã đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo với tư cách Quốc trưởng, và nếu có đi lính, Huân sẽ là lính của Cựu hoàng chớ không phải là lính của Pháp. Nhưng Huân chưa kịp trả lời thì từ ngoài mặt lộ tiếng quân nhạc đã trỗi lên át hẳn câu chuyện giữa hai người.

Bây giờ đến lượt đoàn Lê dương diễn hành qua. Tiếng giày đinh lại nện trên mặt đường nhựa. Huân nhận ra binh chủng này qua quân phục đặc biệt của họ: chiếc mũ kê-pi bọc vải trắng với vành mũ bằng nhựa đen, đôi ủng da đen đánh xi bóng, và đôi cầu vai đỏ chói.

Ngực áo mỗi người lính đều đầy huy chương. Quân công nào đây, chém giết nào đây, hãm hiếp nào đây, cướp bóc nào đây, để xứng đáng với những mảnh ru băng ngũ sắc, loè loẹt như bùa chú quỷ thần của bộ quân lực Pháp. Và nhất là khuôn mặt của họ thật đáng chú ý. Những khuôn mặt chai đá vì chiến trường, với những bắp thịt bằng thép, lạnh lùng nghiêm trang.

Họ thuộc đủ mọi chủng tộc trên thế giới. Có người gốc Bắc Âu, với mái tóc vàng như lúa chín và đôi mắt xanh như da trời. Có người quê quán từ những quốc gia nam Âu ven bờ Địa Trung Hải, tóc đen hoặc nâu, tầm thước tương đối nhỏ con. Có người giống Ả rập da ngăm đen, mắt to mũi lộ, từ mấy nước bắc Phi tới. Lại có người mọi, nước da nhọ nồi láng nhẫy dưới nắng, cao lớn sừng sững, phong tục bộ lạc man dại của vùng Sénégale hay trung Phi còn rành mạch với những vết sẹo rạch ngang dọc trên khuôn mặt thô lỗ. Và cũng có người da vàng cùng nòi giống với Huân nữa.

Tất cả cái dũng mãnh của thế giới như tập trung trong binh chủng này. Dưới lá cờ tam tài và quân kỳ Lê Dương phất phới, họ hiên ngang bước qua.

Trống trận thì thùng theo nhạc quân hành. Có lúc nhịp tim trong lồng ngực Huân như bị bắt theo nhịp trống, như một cưỡng bức ngột ngạt xâm phạm đến phủ tạng do đoàn lính ngoại bang gây ra trên thân thể Huân.

Nhưng Huân bỗng thấy cái dũng mãnh này có gì đáng khinh bỉ. Cái dũng mãnh không tim không óc của một công cụ chiến tranh. Huân đã nghe người ta khen nếp kỷ luật và tinh thần đồng đội của đoàn lính Lê Dương. Khi lâm trận, nghe nói họ muôn người như một. Chỉ cần một hiệu lệnh của cấp chỉ huy, là cả đoàn quân sẽ nhất tề xông lên, như một ngọn sóng đầy sức tàn phá của trận đại hồng thủy.

Nhưng những người lính nhà nghề này không còn là người nữa. Cá nhân họ chết đã lâu rồi. Chết trong những lỗi lầm cũ tại nguyên quán, tại tỉnh cũ, làng cũ, xóm cũ, và gia đình cũ. Đoàn Lê

Dương cho họ một danh tính mới, một cơ hội một chỗ dung thân thứ hai. Và để trả nợ, họ đã biến thành những bộ phận của bộ máy chiến tranh này. Nợ áo cơm, họ đã phải trả đến hình hài. Trả một cách tận tình, một cách tuyệt đối. Huân mơ hồ thầm nghĩ, hoàn cảnh nào đã làm nợ áo cơm của con người nặng nề đến thế này....

Huân nhìn ra mặt lộ. Trung đội đoạn hậu của đoàn Lê Dương đang bước qua. Vậy mà Huân tưởng như đang còn coi trung đội tiền đạo của họ mở đường. Chỉ nhờ khoảng trống trên mặt lộ phía sau, Huân mới biết là binh chủng này đã diễn hành xong. Sao mà họ giống nhau thế. Dù góp nhặt từ ngót trăm chủng tộc cá biệt, người nào cũng giống người nào, sát khí đằng đằng, oai phong lẫm liệt.

Thật là oai dũng. Cái oai cái dũng không hồn của người lính đánh thuê. Bất giác Huân nói với cô Trúc:

"Cô Trúc ơi. Sao mà họ giống nhau thế. Họ giống như con một mẹ..."

Cô Trúc nét mặt lạnh lùng, đôi mắt long lanh. Mím môi, cô trả lời Huân:

"Huân nói đúng, họ giống nhau như con một mẹ. Không những một mẹ mà còn một cha nữa. Cha kẻ cướp, mẹ gái điếm."

Ngôn từ phũ phàng của cô làm Huân ngạc nhiên. Chưa bao giờ cô ăn nói như vậy. Chưa bao giờ Huân thấy gái điếm hay kẻ cướp trong những lời bình văn của cô. Mà chắc trong giao thiệp hàng ngày, cô cũng chưa bao giờ dùng chữ thô bạo như vậy.

Nhưng Huân cũng chưa bao giờ thấy nét mặt cô có hồn như vậy. Sáu chữ 'cha kẻ cướp, mẹ gái điếm' cô dùng để tả đoàn quân xâm lăng đã tóm tắt trọn vẹn tất cả cảm nghĩ của người dân mất nước với bạo lực ngoại bang.

Rồi Huân thấy rất gần gũi với cô. Trong khoảng khắc tất cả sinh hoạt của cô trong mấy năm qua trở lại rõ rệt trước mắt Huân. Nghĩ lại, Huân thấy cô giảng bài cũng có hồn như cô sinh hoạt. Cô không phải là một công cụ của giáo dục, như những người lính kia là công cụ của chiến tranh.

Miên man suy nghĩ, Huân thấy hiểu ra sự khác biệt giữa cô và các giáo sư khác. Toàn ban giảng huấn trường này quá giống nhau, về cách dạy học cũng như về cách cư xử. Huân gần như đoán trước được họ sẽ nói gì, sẽ làm gì, trong một hoàn cảnh điển hình. Họ tuy không giống nhau như những người lính Lê Dương, nhưng họ không thể có hồn như cô.

Huân thấy mến cô một cách đặc biệt. Lát sau buổi duyệt binh chấm dứt. Đám người hiếu kỳ đã tản mác ra về. Chỉ còn tiếng quân thiều xa xa bên phía hữu ngạn, khoảng Phú Văn Lâu. Chàng mơ hồ chưa muốn về nhà. Bỗng cao hứng, Huân bạo dạn nói với cô Trúc:

"Cô. Trưa rồi, cô có đói không, em đãi cô ăn phở nhé. Em đề nghị là mình qua cầu rồi sang tiệm Lạc Thành ăn phở. Chắc cô biết tiệm Lạc Thành ở cửa Thượng Tứ."

Huân lúng túng vì nụ cười ranh mãnh lại hiện ra trên mặt cô Trúc. Cô trả lời Huân:

"Bộ mình Huân biết tiệm Lạc Thành ở cửa Thượng Tứ hay sao mà còn phải cắt nghĩa. Nhưng mà để cô đãi Huân đi. Bao giờ em lớn thì cô để em đãi cô."

Huân rán chống đỡ :

"Không hôm nay để em đãi cô. Chắc tuần sau em về Nha Trang rồi."

Thấy Huân khốn khổ vì bị coi là trẻ nít, cô Trúc thương hại:

"Thôi được, hôm nay cô ăn đồ Huân một lần..."

Rồi cô ra hiệu về phía vệ đường phía sau. Huân bấy giờ mới để ý là tài xế công xa của cha cô đang đợi sẵn ở đó từ lâu. Chiếc xe Citroen đen đệm trắng, mang biển số VN-265 của giám đốc canh nông từ từ tiến tới rồi đỗ lại gần chỗ hai người. Bác tài xế mặc đồng phục trắng lễ phép ra mở cửa sau cho cô. Cha cô vẫn cho đưa đón con gái như thể cô còn bé.

Huân thoáng nhận thấy sự mỉa mai của hoàn cảnh. Như các viên chức Việt hay Pháp khác, ông cụ thân sinh ra cô coi chuyện dùng công xa cho gia đình là điều hoàn toàn tự nhiên. Và cô Trúc, người phụ nữ giải phóng, đầy cảm tình với kháng chiến, cũng rất tự nhiên trong việc xử dụng những xa xỉ phẩm cung ứng bởi chính quyền Pháp.

Nhưng Huân không có dịp nghĩ nhiều về điểm này. Một vấn đề thực tiễn trước mắt làm Huân lúng túng không biết xử trí làm sao. Chiếc xe đạp của chàng khoá ven tường tiệm Morin bây giờ không còn người giữ nữa. Đạp xe theo xe hơi của cô thì cũng bất tiện mà chở cô trên yên sau xe đạp không nệm là chuyện Huân không dám nghĩ tới. Không ngờ mới một người đàn bà lớn tuổi hơn đi ăn lại rầy rà như vậy.

Nhưng cô Trúc đã có giải pháp. Cô sai bác tài xế lấy xe đạp của Huân đạp về nhà bà Định ngồi đợi. Và cô lấy xe hơi chở Huân đi ăn.

**Mai Kim Ngọc**

*(còn tiếp)*

*Bảo Lâm*

## *Đọc "Những Cơn Mưa Trở Về" của Bùi Vĩnh Phúc.*

"*N*hững Cơn Mưa Trở Về" là tập tùy bút của Bùi Vĩnh Phúc, xuất bản lần đầu năm 1981, và tái bản lần thứ nhất vào khoảng trung tuần tháng 6 năm 1987. Cuốn sách dẫn người đọc vào một thế giới quen thuộc của tuổi học trò, của những cuốn Lưu Bút nét chữ còn vụng dại, tình cảm còn chân thật, của cửa lớp, của sân trường, của màu phượng đỏ ối, của những con đường dẫn về ngôi trường xưa, của "những tiếng chim luýt chuýt trong trái tim tuổi trẻ", của "những chùm hoa vàng nắng quê nhà", và của "vài giọt nước mắt xót xa thấm loang vào lòng ta chút trời xanh cũ."

Cuốn sách mở ra với một bức thư của một cô học trò tuổi mười bảy mười tám gửi cho một ông thầy tuổi cũng còn rất trẻ vào cuối năm 1976, khi những cơn bão vừa đổ chụp xuống ngôi trường, xuống thành phố, xuống đất nước và tuổi trẻ Việt Nam. Khoảng thời gian của những đổi thay vẫn còn tương đối khá ngắn ngủi, chưa kịp đốt cháy, chưa kịp phá tan, chưa kịp làm thui chột đi những tình cảm chân thật của những lớp học, của những bài giảng, của những nét hồn nhiên tinh nghịch, và của những đôi mắt trong sáng nhìn lên trời xanh.

Người học trò sắp rời Việt Nam ra đi sống ở một nước khác. Cô bé muốn người thày giáo trẻ viết một đôi hàng ghi lại những kỷ niệm cũ trong đời dạy học của Thày, về những học sinh trong lớp, về cái nhìn của Thày trước đời sống, về những suy nghĩ và tâm tư của Thày..., để cô học trò vẫn giữ được cảm tưởng có Thày, có bạn ở một phương trời xa lạ.

Và từ đó, người thày giáo trẻ đưa người đọc vào cái thế giới trong sáng, mỏng manh như tơ, cảm động như những dòng trong cuốn *Grand Coeur* của De Amicis hay những ngày đầu tháng Mười trong vườn Lục Xâm Bảo mà những bài tập đọc của những ngày tuổi trẻ vẫn còn vang vọng mãi trong tâm trí chúng ta.

Cuốn Lưu Bút được trao lại cho người học trò vào một ngày đầu năm 1977, trong đó, người thày giáo trẻ tuổi đã viết lại những kỷ niệm ở ngôi trường nằm gần ngã sáu Sàigòn, một bên đường sắt, một bên là một giáo đường giữa hai đường Bùi thị Xuân và Võ Tánh. Những điều ông thày giáo viết xuống cuốn Lưu Bút có khác so với những dòng trong những cuốn lưu bút mà trong đời đi học ít ra đã một lần chúng ta được đọc. Điều đó cũng là một việc dễ hiểu. Cuốn sách được viết ngay giữa lòng quê hương khi mà màu đỏ bạo tàn của những lá cờ kia vừa chụp xuống và xiết chặt lấy đời sống của anh em, cha mẹ, bạn bè, những người thân yêu của ta. Người thày giáo trẻ đã phải mượn những trang lưu bút có vẻ là trong sáng và thơ ngây kia để nói về những ngọn lửa vẫn không nguôi bùng bốc trong lòng dân Việt, trong lòng tuổi trẻ. Trong không khí rình rập và đè nén của những ngày sau 75 kia, để nói lên những sự thật này, người thày giáo trẻ đã phải dùng những hình ảnh biểu tượng để mở trái tim ông. Nhưng người đọc tinh ý sẽ nhận ngay ra những biểu tượng sáng ngời đó. Ngoài ra, ở một góc độ khác, những tình cảm mà người thày giáo trẻ dành cho người học trò của mình, mặc dù thiết tha đẹp đẽ, chính là một thứ tình cảm mà chỉ đẩy nhẹ thêm một chút, chao đi sang bên cạnh, thì tình cảm đó đã trở thành một thứ tình yêu được ủ kín để giữ mãi mùi thơm trong lòng con người.

Cuối năm 1977, người giáo sư trẻ tuổi trong tập "Những Cơn Mưa Trở Về" rời Việt Nam, rời ngôi trường cũ, rời thế giới có bảng đen, phấn trắng, có những người học trò tinh nghịch nhưng lại có những cặp mắt trong sáng ngước nhìn trời xanh kia, để ra đi. Những ngày tháng đằng đẵng sống trên đảo tị nạn đã cho ông cơ hội nhìn lại những thời gian hạnh phúc cũ ở trong nước, trước khi bị cuộc sống hối hả ở miền đất định cư cuốn trôi. Ở đó, ông đọc lại những điều ông đã viết cho những người học trò trong những cuốn lưu bút, một thế giới đã chết, đã xa rời, không bao giờ còn thấy lại. Những trang giấy chuyền chở những hàng chữ nhạt mờ cũng giống như một chiếc lọ giữ những kỷ niệm, để mỗi lần người ta muốn sống lại quá khứ, chỉ cần mở chiếc nút, là kỷ niệm sẽ ùa ra. Đó là "những trang lưu bút cũ kỹ, nhàu nát (vì phải ngâm nước biển bao ngày)(...), những cuốn lưu bút thơm vương vấn mùi ngọc lan, được truyền từ bàn tay học trò này qua bàn tay học trò khác, gói ghém biết bao hương hoa và mộng ước của một thứ tuổi trẻ ngất ngây như chất rượu, dù chút tuổi trẻ ấy đang bị giam hãm giữa tù ngục giáo điều."

Những điều viết xuống những trang lưu bút đó, những điều ông kể cho những người học trò của ông về đời sống, về quê hương, về cuộc đời, ngôi trường nắng gội, những bước chân chim đó, đã giúp ông giữ được khá nguyên vẹn con người bên trong của

ông, như tác giả đã viết. Ông đã mất mình một lần khi bỏ quê hương ra đi, ông không muốn bị mất mình thêm một lần nữa. Và chính những điều ông viết xuống những trang giấy kẻ ô vuông của những cuốn vở phản ánh những đời sống trong sáng và thiết tha kia đã giúp người đọc sống lại cái không khí vừa mới mất đâu đây. Cái không khí nơi "con người đã được lớn lên trong sự dịu dàng và thắm sâu của những tâm tình quê hương, của học trò, của bè bạn và những người thân quý những ngày xưa."

Bởi thế, những dòng chữ mà người thày giáo trẻ viết xuống, tưởng như để giúp những người học trò giữ được một phần đời qua những kỷ niệm đó, lại giúp cho chính ông tìm thấy mình trong những ngày mà ông "không còn đủ những điều kiện để tạo lại cho mình những hạnh phúc cũ nữa."

Chính ở cái không gian xa lắc nghìn trùng, những giọt mưa làm gợi nhớ những mùa mưa nhiệt đới đã đem lại những chuỗi hình ảnh của một mùa mưa cũ trên thành phố mà chúng ta đã gửi lại những năm tháng của một thời tuổi trẻ. Những cơn mưa ở miền Tây nước Mỹ như còn vương mùi nước biển Thái Bình Dương làm người ta nhớ lại những cơn mưa của thời thanh niên, những giọt mưa rớt trên phố đêm, trên những tầng lá hai bên đường mà Bùi Vĩnh Phúc đã viết trong một đoạn tùy bút tựa đề "Sài Gòn, Bắt Đầu Những Cơn Mưa" để dìu người đọc trở lại những kỷ niệm mà ông viết ở phần đầu cuốn sách, để đi hết một vòng cung của trí nhớ.

Hãy đọc "Những Cơn Mưa Trở Về" như một tập thơ xuôi, chúng ta sẽ thấy cái kỳ diệu của ngôn ngữ Việt và những hình ảnh tuyệt vời mà tiếng Việt có thể chuyên chở.

Hãy đọc "Những Cơn Mưa Trở Về" bằng một tuổi 17, 18, chúng ta sẽ được đưa về một góc trường cũ, chiếc bàn học ngày xưa với những vết mực còn tươi trên những trang vở còn thơm mùi giấy.

Hãy đọc "Những Cơn Mưa Trở Về" với một tâm hồn của khu vườn sáng sớm, chúng ta sẽ thấy được những giọt mưa rơi nhẹ vỗ về những lá cây thân thiết.

Cuốn sách được viết cho những mái tóc ngắn, những mái tóc vừa buông xuống bờ vai, những chiếc áo dài đồng phục, những chiếc nón lá e thẹn, những tiếng nói ríu rít ở sân trường, nhưng khi đọc trong khung cảnh của những ngày đầu một niên học mới như hôm nay ở Bắc Mỹ, cuốn sách của Bùi Vĩnh Phúc vẫn làm cho người đọc ở cái tuổi gấp đôi, gấp ba những người học trò của ông thấy xao xuyến, bồi hồi, và cảm động.

**Bảo Lâm**

*Bài điểm sách này được phát thanh về Việt Nam qua đài VOA ngày 11.9.87.*

*Vũ Huy Quang*

## *Miền Nam mất một điệp viên...*

### *(đọc "Thép Đen" của Đặng Chí Bình)*

Con người chống với Thiên Nhiên vốn đã cực nhọc, nhưng con người chống với đồng loại còn nguy nan gấp mấy. Các sách vở viết ra, các địa ngục trần gian được vẽ lại, đều khai thác đề tài thứ hai này phần lớn. Địa ngục càng khủng khiếp hơn nữa khi khung cảnh giảm dần từ một nhóm chống với số đông, xuống tới một người chống lại một xã hội, xuống tới một người trong hoàn cảnh đơn độc chống lại một guồng máy tinh vi, trong một trận địa mà kẻ mạnh hoàn toàn lựa chọn "sân chơi".
*Thép Đen* là một truyện ký đã vẽ lại được cảnh ấy.

Từ xưa, thế giới nhà tù luôn luôn bi thảm với loài người.

Solzhenitsyn với *Một Ngày Trong Đời Ivan Denisovitch* một trong những tác phẩm đem lại cho ông giải Nobel văn chương, thực ra đã không cốt yếu là chỉ vẽ tận cùng cảnh bi thảm của ngục tù. Dĩ nhiên, tác phẩm đầu tay đó của ông, nếu chỉ để tả nỗi bi thảm ấy, chắc chắn không được chính quyền Nga cho xuất bản. Tài năng của ông, là khơi lên niềm u uất, lẩn khuất trong tâm tình một người dân Nga lao động, trong một xã hội riêng biệt u ám (khoảng một phần tư dân Nga đã từng nếm mùi trại tập trung khổ sai). Ông đã trò chuyện với bạn tù, để viết nên một ngôn ngữ bình dân giản dị, trong sáng, làm sung túc tiếng mẹ đẻ của ông.Chắc qua các bản dịch (Anh, Việt...) người dịch không tài nào lột được hết sự đẹp đẽ của văn tài Solzhenitsyn trong Nga ngữ. Cuốn *Một Ngày Trong Đời Ivan Denisovitch* thật ra không có cốt chuyện.

*Papillon* là tác phẩm của Henri Charrière lừng danh là một tác phẩm lớn nói về thân phận tù nhân, nhưng lại hiển lộ tính cách bất ngờ của loại tiểu thuyết phiêu lưu.

Văn chương Việt Nam tương ứng với văn chương Trung Hoa trong bối cảnh lịch sử, nhưng qua *Trung Quốc Văn Học Hiện Đại* của Nguyễn Hiến Lê chẳng hạn, chúng ta có thể gặp những tác phẩm lớn (như *A Q.* của Lỗ Tấn chẳng hạn), nhưng không hề thấy

*Trại Đầm Đùn*, hoặc *Đường Đi Không Đến* hay *Thằng Người Có Đuôi* bao giờ.

*Thép Đen* có đặc tính của ba tác phẩm vừa kể trên, vừa có những đặc tính mà ba tác phẩm trên không có.

Đấy là chuyện một thanh niên ham phiêu lưu, hoạt động gián điệp, bị tù, sống sót (và chắc chắn vượt thoát, vì rằng tác giả đã có thể viết ra và cho in tập hồi ký đến cuốn thứ hai ).

Đoạn đầu tả khung cảnh xã hội Miền Nam, tác giả không thêm thắt gì trong quãng thời gian này ( thi cử, vật giá, xã hội..) cũng đã đủ cho người đọc thấy tác giả có một trí nhớ phi thường và tài khéo mô tả một phần bức tranh xã hội Miền Nam những năm ấy (1956,1957); rồi khi được đi huấn luyện với những chi tiết chuyên môn, rồi được chuyển ra Bắc... Sự miêu tả đã đủ cho người đọc thấy một công tác ly kỳ không thua *007* của Ian Fleming. Độc giả còn thích thú cảm động hơn khi đọc *Thép Đen* hơn cả đọc *007* bởi khung cảnh quá thực, quá gần.

Rồi diễn tiến mỗi lúc mỗi dồn dập. Điệp viên Bình chưa làm trọn công tác thì bị phát giác. Trong thời gian ngắn ngủi chưa bị bắt này, tác giả cũng đã vẽ được những nét chấm phá sắc sảo khung cảnh xã hội Miền Bắc lúc bấy giờ, với óc quan sát bén nhậy. Điệp viên phải vào tù. Sự "chăm sóc" của cộng sản Bắc Việt đối với điệp viên này có lẽ còn thảm khốc gấp mấy trường hợp những tù binh phi công Mỹ bị bắt về sau (1). Lý do ? Khai thác một tù binh chắc chắn không kỹ lưỡng bằng khai thác một điệp viên. Một đàng muốn hành hạ vì muốn trừng phạt, vì muốn làm nhục. Một đàng vì thù, vì "sợ" đối thủ.

Điệp viên đã được nếm đủ thứ quà của một kỹ thuật khai thác tra tấn tinh vi nhất thế giới, bởi những bộ óc được tôi luyện kỹ nhất của chế độ Hà Nội, những chuyên viên được huấn luyện ở Đông Đức của cộng sản VN đều được chọn lọc kỹ càng, để nắm những hoạt động sinh tử cho chế độ như gián điệp, phản gián, công an, chấp pháp...

Bị cục hình , điệp viên đã toan tự tử nhưng không xong. Hoàn cảnh trong tù, với những chi tiết kinh khiếp Đặng Chí Bình thuật lại đủ cho ta khỏi phải bận tâm đọc những hồi ký về Hanoi's Hilton của những tù binh Mỹ bị giam đồng thời với ông.

Nếu chuyện chỉ có thế cũng chưa đủ nói hết văn tài và lòng trung thực của tác giả, sự lớn lao của tác phẩm dù rằng lúc tôi viết bài này, tác giả chưa xuất bản tập 3 của bộ *Thép Đen*.

Tôi không tin Đặng Chí Bình "cài" vào hồi ký của ông những tình tiết gây cấn để hạ tác phẩm của ông xuống thành loại truyện phiêu lưu như Papillon chẳng hạn. Ông đã viết rất linh động khi tả cảnh "chuyển buồng", các mánh khoé liên lạc với bạn tù, cách ăn

uống mà chỉ những tù nhân bị hành hạ đến tột cùng mới có, các chi tiết về liều chết vượt ngục, các chi tiết về sinh hoạt với các thiếu nhi phạm pháp...Và trên hết cả, một mối tình nở hoa một cách gây cấn, vừa thê thảm vừa lãng mạn lạ kỳ .

Thời đại bây giờ, theo M. Goodman, vũ trụ tuyến đã chuyển dưới ảnh hưởng khác, gọi là thời đại Aquarius. Nghĩa là phái yếu chủ động dần dần. Trong tình yêu, sự biến thái rõ ràng nhất. Đặc tính Aquarius chi phối lên toàn quả địa cầu. Ở Âu Mỹ, người ta thành đồng tính, mắc bệnh AIDS, đàn bà chủ động nhiều, tính dục không như xưa. Đàn bà lấn lướt và dẫn dắt đàn ông trong tình ái nhiều hơn. Tôi mỉm cười khi so sánh chuyện tình của tù nhân Đặng Chí Bình. Quả thật ở văn giới Việt Nam, từ *Bướm Trắng* đến các nhà văn nữ Miền Nam (sau 1954 tới nay), chưa có chuyện tình nào mà người nữ lại mãnh liệt, lãng mạn đến thế, trong một hoàn cảnh chưa bao giờ bi thảm đến thế trong bất cứ văn chương nào. "Người hùng" nằm trong xà lim tay chân bị còng rất "khoa học", nghiêng mông để đại tiện trên cái bô đã hoen rỉ, thế mà :

*..."Một buổi tối, tôi đang ngồi trên bô đi cầu, cửa sổ nhỏ khẽ mở tôi nhìn ra : cô Vân. Tôi hơi ngượng nên mất tự nhiên. Cô đứng nhìn một lúc, rồi đóng cửa sổ lại, không nói một lời".*

*Thép Đen, trang 257 tập 2, Đông Tiến xuất bản.*

Người đọc chỉ thương xót họ, và cảm thấy dâng trong lòng nỗi dào dạt lãng mạn trong sự đắm đuối đầy trái ngang...

*Một tiếng gọi khẽ như lẫn trong hơi thở của cô :*

*— Anh ơi !*

*Tiếng gọi khẽ, run rẩy, mơ hồ, như tiếng chim đêm gọi bạn*

*Thép Đen, tập 2, trang 258*

Thực là văn chương...thép đen! Câu văn ngắn, gọn, súc tích chừng ấy, mà vẫn đủ lãng mạn, ngây ngất. Chỉ ngắn thế thôi!

*..Rồi nó nhìn tôi, giọng tình cảm :*

*— Chúng em được gặp anh, chúng em quí anh lắm. Cho nên, đứa nào trêu chọc đến anh, đúng là tên đó tới số.*

*Thép Đen, trang 287*

Đấy là giọng của một du đãng: tên Phúc Thổ. Rồi những sự kín đáo chăm sóc giấu ngay cả nạn nhân đang bị tù đến cảnh người quản tù tên Dư về phép lúc trở ra còn mang quà cho tù nhân, chỗ nào cũng viết với sự xúc động sâu sắc.

Những nhận định, những tập trung suy nghĩ của điệp viên trẻ tuổi Đặng Chí Bình (thời điểm ấy) không phải không đáng cho người đọc suy nghĩ. Tai hoạ của đất nước làm cho ai cũng có quyền suy nghĩ. Có những suy nghĩ hời hợt, có những suy nghĩ sai lầm, những suy nghĩ phiến diện...Một tù nhân, lắm lúc chỉ biết chơi với chuột, dồn hết sự tập trung tinh thần vào suy tưởng về việc nước, ai dám bảo sự suy nghĩ ấy không phải là chân thành, thuần khiết,

giá trị và đáng cho bất cứ ai học hỏi?

*Thép Đen* có mô tả, có hấp dẫn, có tình người, có suy tưởng, có văn chương. *Thép Đen* đến với người đọc giống như bát cơm cho người đói, người ấy ngấu nghiến ăn ngay, và chỉ biết cảm ơn. Việc phê bình tác phẩm này là...thừa! Người ta chỉ phê bình nghệ thuật nấu ăn khi no. Cũng vậy, *Thép Đen* mang tầm vóc của một cuốn sách mà độc giả phải cảm ơn , không còn phê bình gì cả.

Có người ngờ ngợ về những chi tiết khi tác giả bắt đầu đổ bộ lên đất Bắc ( Tại sao không có trạm đón ? Tại sao để một điệp viên đi lang thang mãi đến đỗi bị bắt quá sớm? Tại sao sống dở chết dở mà vẫn giữ được "hộp tăm" ? ) Lại có người cho rằng văn chương trong *Thép Đen* không "văn chương" gì lắm !

Với băn khoăn đầu, tôi nghĩ Đặng Chí Bình là một điệp viên chuyên nghiệp, ông tin rằng màng lưới vẫn còn, các đường đi nước bước của ông, nếu ông đã không khai với cộng sản Bắc Việt, ông sẽ không bao giờ công bố trọn vẹn.

Về nhận định sau, tôi quan niệm "văn chương" tùy từng người. Đặng Chí Bình không hề muốn làm văn chương chút nào ! Cá tính Đặng Chí Bình đã lộ rõ rệt từ lúc còn học sinh, ra đời hoạt động, sống sót trong tù...hẳn ông không muốn viết ra loại văn chương óng ả có cảm tính dỗi dào. Bản chất này lộ rõ trong sách của ông.

Những điểm hé mở về nhân bản, tình người, thiên lương của *Thép Đen* qua các em du đãng (càn bạt, tiếng của Hà nội trước 1954), qua các giám thị hoặc y tá cộng sản, mới là điểm tuyệt diệu của *Thép Đen*. Đặng Chí Bình cho người đọc thấy trong mấy chục năm qua, cộng sản Việt Nam với chủ nghĩa, với kỹ thuật cai trị đã "đánh gục" được toàn diện cảm tính, nếp suy nghĩ của hầu hết người Việt, đến nỗi giới văn nghệ sĩ cũng phải vong thân một cách thê thảm, vậy mà qua lời Đặng Chí Bình, thiên lương vẫn còn nhen nhúm đâu đó.

*Thằng Người Có Đuôi* của Thế Giang đưa ra một không khí ảm đạm u uất, văn Thế Giang như tiếng uất nghẹn, sợ hãi, oán hờn của một người bị giam trong buồng tối quá lâu. *Thép Đen* cũng có không khí chết chóc, tối ám...nhưng le lói đâu đó, thỉnh thoảng thôi, vẫn còn tia sáng rất yếu ớt rọi lên, cho người ta, cho người Việt Nam hy vọng. Thiên lương vẫn còn có mặt để chống với bóng tối khổng lồ của chế độ phi nhân.

Văn chương, hay ngôn ngữ lọc lừa, luôn luôn là khí giới trong những lúc u ám nhất của một dân tộc.

*"Trại Đầm Đùn", "Thằng Người Có Đuôi","Thép Đen"*...và còn những tác phẩm khác nữa, thắp sáng lên ngọn lửa thiêng liêng đẩy lùi bóng tối bạo quyền.

*"Quân Vương"* của Machiavel đã được viết với cái giá đắt của tác

giả: ông sống cơ cực hàng 15 năm, mất việc thư ký, rồi mới có tác phẩm ấy. *Charles Benoist* đã nói: "Machiavel bị mất việc, nhưng chúng ta có được Machiavel" để tỏ lòng biết ơn cuốn "Quân Vương".

Tôi xin bắt chước, gửi đến tác giả Đặng Chí Bình: Miền Nam mất đi một điệp viên, nhưng cả nước đang sống dưới "tài nghệ cai trị" của Cộng Sản Việt Nam, chúng ta được "Thép Đen".

Tôi có mừng rỡ quá để nói câu đó không? Thực ra, đã lâu lắm, cá nhân người viết mới được đọc một tác phẩm như vậy. Tác giả đã thua trận, đã bị đọa đầy, đã bị hành hạ, đã sống sót, đã vượt thoát...Người đọc xin mừng ông. Sẽ có ngày nào, mọi người ai nấy, sau một giấc ngủ đầy ác mộng, tỉnh dậy, cùng vươn vai...bởi vì tình người vẫn còn. Trong lời tựa, ông viết: "muốn thắp lên ngọn nến nhỏ nhoi...trong mờ mịt u tối của chế độ phi nhân Việt Cộng..."ông, đã thành công rồi đó. Thực ra, đối với độc giả suy nghĩ, "Thép Đen",còn đem đến những ý tưởng lớn lao hơn nhiều.

*Vũ Huy Quang*

*11/87*

*Cước chú*

*(1)Playboy, một số khoảng năm 67(?) có viết một hồi ký của tù binh Mỹ tên Garret(?) từng bị truy tố tội hợp tác với địch. Anh cũng từng bị hành hạ một thời gian, sinh sống dưới hình thức giam lỏng rất lâu ( cho đến nỗi anh ta về tới quê hương mà thời gian đầu còn quen thói ngồi xổm). Nhưng dù sao trong bài phỏng vấn của Playboy hồi đó, ít ra anh ta còn được bồi dưỡng, và cả "nếm mùi vị ái tình" nữa.*

---

## THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Sau số này, Văn Học nghỉ một kỳ để chuẩn bị cho số đôi 24 & 25 sẽ phát hành vào hạ tuần tháng 1.1988.(khoảng 20.1.1988). Như vậy, độc giả dài hạn sẽ không nhận được báo thường lệ vào đầu tháng 1.88. Số Tết 1988 của Văn Học là một giai phẩm công phu và trang nhã cả về mặt nội dung lẫn hình thức. qui tụ bài vở của những cây bút uy tín nhất hiện nay tại hải ngoại. Quí bạn đọc muốn mua Văn Học Tết 1988 để biếu cho thân nhân ngoài Hoa kỳ như quà Tết, xin gửi tiền đặt trước ngay từ bây giờ theo giá biểu sau đây :

Giá một số Văn Học Tết : 5 MK

Giá bưu phí máy bay cho đến kịp trước Tết :

* Thêm 6 MK cho Âu châu và 7 MK cho Á, Úc châu.
* Thêm 2 MK nếu tiết kiệm gửi theo đường thủy, báo phải đến chậm, sau Tết.

---

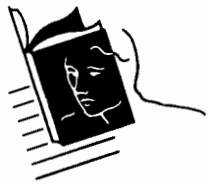

*Nguyễn Văn*

# *Thời Sự Văn Học Nghệ Thuật*

## • Lại cãi chầy cãi cối.

*H*ai tháng vừa qua Nguyễn Văn bị bạn hữu và bạn đọc viết thư hay gọi điện thoại về trách mắng khá tận tình, vì cái tội bỏ bê nhiệm vụ. Tưởng mỗi tháng nhờ Thời Sự Văn Học Nghệ Thuật biết được sinh hoạt văn nghệ khắp nơi, chia vui chia buồn với bạn hữu xa gần, ai ngờ liên tiếp hai số báo Nguyễn Văn kiểm cớ mất dạng. Số 21 lấy cớ nhiều bài viết về Phạm Duy, thôi tạm được đi. Số 22 thì nại cớ gì không thấy nói, cũng không giải thích.

Bị chất vấn, Nguyễn Văn cãi chầy cãi cối lấy được, bảo là sinh hoạt văn nghệ đó đây xôm tụ quá, ồn ào quá, tranh luận chửi bới nhau hăng quá, đến nỗi không biết phải loan thời sự nào bỏ thời sự nào. Kèn trống thổi đập rập rình ngay bên cạnh mà không nói, tất nhiên là có ác ý. Còn một tiếng thở dài tận bên Tây bên Úc mà loan thì tất nhiên là do tư túi gì đây! Thôi, im lặng là vàng.

Những lối biện hộ này không ổn. Nhiều bạn hữu chất vấn: "Ông phải biết phân biệt âm nhạc với tiếng ồn chứ. Không phân biệt nổi mà dám nhận mục thời sự này à?" Nguyễn Văn đỏ mặt mím môi vì bị chạm tự ái, gân cổ khoe mình có đôi tai thính. Thế là bị thêm một câu chất vấn hóc búa khác: "Phân biệt được, sao không nói ra! Sợ à?"

Nguyễn Văn cãi là mình rất can đảm không sợ gì cả, chỉ sợ... mất lòng anh em. Cả làng cười xoà, tha thứ. Xin bạn đọc cũng rộng lượng tha thứ cho Nguyễn Văn như bạn hữu ở đây đã rộng lượng, xem cái mục thời sự này là những ghi nhận không được tốt mấy của một cái máy thu băng cổ-lỗ-sĩ, trở chứng, có khi chạy ngon lành đến nỗi một tiếng thở nhẹ cũng ghi được, có khi kèn trống inh ỏi lại chẳng chịu ghi. Hiểu cho như vậy, thì mục thời sự này Nguyễn Văn mới dám "đảm trách".

## • Việt cộng đành hoãn xử Doãn Quốc Sĩ.

Cuối tháng 9, 1987, tin từ Úc và trung tâm văn bút Việt Nam từ Pháp tin qua cho hay chính quyền cộng sản VN lại đình đưa Doãn Quốc Sĩ ra tòa, sau một thời gian tìm cách bôi nhọ nhà văn này bằng một loạt các phóng sự đặc ký đăng nhiều kỳ trên báo, những bài viết pha rất nhiều chất trinh thám rẻ tiền. Tưởng đã chuẩn bị đủ, chính quyền cộng sản lần nữa định công khai xử Doãn Quốc Sĩ trước toà, nhằm dằn mặt những người cầm bút trung thực khác. Nhưng phản ứng mạnh mẽ và kịp thời của dư luận thế giới, trong đó có phản ứng của cộng đồng người Việt hải ngoại, đã khiến cộng sản lập tức ra lệnh đình hoãn vụ xử.

Tin từ Úc cho biết Bộ Ngoại Giao Úc đã trực tiếp can thiệp với Hà Nội để buộc chính quyền VN phóng thích và để cho Doãn Quốc SĨ được đoàn tụ với gia đình tại Úc.

## • Gia đình nhà văn Thế Uyên đã định cư tại Lacey, tiểu bang Washington State.

Một tin vui khác loan chậm, là cả gia đình nhà văn Thế Uyên, sau nhiều tháng lập thủ tục và học Anh ngữ tại trại Bataan Phi luật tân, cuối cùng đã về định cư tại thành phố Lacey, tiểu bang W.A. Hoa kỳ. Trong một chuyến đi Seattle hồi cuối tháng 10, nhà văn Phạm Quốc Bảo có đến thăm viếng gia đình anh Thế Uyên, và mang về cho bạn hữu quận Cam những tấm ảnh chụp toàn gia đình người bạn văn mới tới. Trông ảnh, nhà văn Thế Uyên tuy ốm và mệt mỏi, nhưng vẫn còn quắc thước lắm. Qua điện thoại, anh Thế Uyên cho biết sẽ tìm cách về quận Cam thăm bạn bè, và sẽ tiếp tục cầm bút viết lại những suy nghĩ và kinh nghiệm của mình trong 12 năm sống dưới chế độ cộng sản.

Nhà văn Thế Uyên cũng nhờ Văn Học nhắn lời với các nhà xuất bản đã tái bản sách của anh lâu nay, để họ nghĩ đến trách nhiệm thanh toán tiền bản quyền, trong giai đoạn khó khăn đầu tiên gia đình anh mới tới Hoa Kỳ. Bình luận về lời nhắn này, thi sĩ Nguyễn Bá Trạc ở San Jose có viết trên tờ Chuông Việt rằng đây là niềm lạc quan của người mới tới.

## • Ba mươi năm hội họa Võ Đình và Xứ Sấm Sét.

Võ Đình, một trong những cây bút chủ lực của Văn Học, vừa tổ chức buổi triển lãm tranh đánh dấu 30 năm hội họa của mình, đồng thời cũng giới thiệu với thân hữu và bạn đọc tác phẩm *"Xứ sấm sét"*, tuyển tập truyện ngắn và tùy bút do nhà Văn nghệ vừa xuất bản.

Buổi sinh hoạt tổ chức tại Viện Đại Học George Mason. Nét tranh của Võ Đình thì độc giả Văn Học và Văn Nghệ đã được dịp

biết qua nhờ các phụ bản và tranh bìa anh dành cho Văn Học lâu nay. Trong cuộc triển lãm hôm 20-9-87, Võ Đình cho bày 33 bức tranh đánh dấu 30 năm cầm cọ. Cuốn "Xứ sấm sét" vừa in xong còn thơm mùi mực là thành quả của một nghề tay trái khác của Võ Đình, nghề cầm bút. Tác phẩm gồm 7 truyện ngắn đã in trong Xứ Sấm Sét do Lá Bối in lần đầu năm 1980, lần này có thêm 3 truyện ngắn mới và 3 tùy bút đã từng được phổ biến trên Văn Học.

## • Làng Văn sang Úc mừng sinh nhật.

Trong các tờ báo văn chương ở hải ngoại, từ Văn, Văn Học, Nhân Văn, Tân Văn, chắc không có tờ nào qua mặt được Làng Văn ở các mục chơi sang. Ông bà chủ nhiệm chủ bút Nguyên Hương — Nguyễn Hữu Nghĩa quả đã thành công, khi từ một nơi tập trung ít người Việt và ít người viết như Toronto Canada đã dựng được một tạp chí văn chương giá trị và trình bày trang nhã — chưa hết — Tờ báo ấy lại sống vững. Vẫn chưa hết. Tờ báo ấy lại có tầm phổ biến rộng rãi. Gần như tiếng hát hưng ca vang đến đâu thì Làng Văn đến được đó. Nhờ vậy, năm ngoái Làng Văn mừng lên 2 tuổi ở thủ đô Pháp. Năm nay, lên ba, Làng Văn mở tiệc sinh nhật ở tận Sidney, Úc. Chương trình sinh hoạt trong dịp lễ sinh nhật này đã được báo chí khắp nơi tường thuật đầy đủ. Nguyễn Văn khỏi cần nhắc lại. Chỉ nhân tin vui này suy nghĩ lẩm cẩm về những điều kiện cần thiết cho một tạp chí văn chương tồn tại. Đã đành cách trình bày, giá trị bài vở là một điều kiện thiết yếu để Làng Văn thành công. Nhưng điều kiện còn quan trọng hơn nữa mà Văn Học đã thiếu, là khả năng tổ chức và quản trị. Không biết khả năng này là năng khiếu riêng của bà chủ nhiệm Nguyên Hương hay ông chủ bút Nguyễn Hữu Nghĩa. Nguyễn Văn xin bội phục, bội phục. Hy vọng vào dịp sinh nhật Làng Văn năm sau, quận Cam được chọn làm nơi để tiếp đón Làng Văn.

## • Nhà văn Huyền Châu ra mắt Gành Ráng.

Cũng trong thời gian bỏ bê nhiệm vụ, Nguyễn Văn mất dịp loan tin nóng về tác phẩm đầu tay *Gành Ráng* đã được nhà văn nữ Huyền Châu cho ra mắt tại Pháp. Đối với nhiều bạn đọc, Gành Ráng là một địa danh lạ hoắc. Nhưng đối với Nguyễn Văn, Gành Ráng là một cái tên quen thân đầy kỷ niệm khúc bờ biển Qui Nhơn đầy những tảng đá rêu bám nơi có ngôi mộ Hàn Mặc Tử này là một thắng cảnh của quê hương Nguyễn Văn. Nhưng Huyền Châu thuộc thế hệ lớn, nên qua ngòi bút linh hoạt của chị, Gành Ráng là khung cảnh của một quá khứ xa xưa đầy thơ mộng và hơi lạ lùng đối với lớp sau. Với một số nhân vật quen thuộc, Huyền Châu làm sống lại một quá khứ đã mất hút trong trí nhớ nhiều người. *Gành Ráng* do Phong Trào Thanh Niên Hành Động Xã Hội xuất bản để biếu cho độc giả chứ không bán, như cuốn "Nửa Chợ Nửa Quê"

trước đây của Hồ Trường An.

## • Giới văn nghệ Bắc Cali nam du.

Tiểu bang California Hoa Kỳ, nơi qui tụ đông đảo người Việt tị nạn nhất, do điều kiện địa lý tự nhiên chia làm hai khu vực Bắc và Nam. Trong sinh hoạt văn nghệ, miền Bắc qui tụ quanh San Jose, còn miền Nam qui tụ ở Orange County. Nếu Orange County có thể ví như Sài gòn, thì San Jose có thể ví như Huế, một thủ phủ văn nghệ bậc nhì của VN về nguồn gốc sáng tác và tiêu thụ văn nghệ phẩm. Trong hai tháng qua, giới văn nghệ Bắc Cali tổ chức Nam du khá nhiều lần.

Chủ nhật 18/10, nhà thơ Quốc Nam, nhà văn Hồ Linh và nhạc sĩ Trần Quảng Nam xuống Orange County giới thiệu thơ văn nhạc với bà con thủ đô tị nạn, thì không đầy 1 tháng sau 8-11 cả một phái đoàn Bắc Cali đã nam du lần nữa, giới thiệu tập thơ kịch "Tổ Ấm cuối cùng" của Đào văn Bình ở San Diego và Orange County. Tổ Ấm cuối cùng là tác phẩm thứ nhì của cây bút gốc quốc gia hành chánh này, sau cuốn hồi ký cải tạo "Những sự thực không thể chối bỏ" đã phát hành trước đây. Tập thơ đã được nhiều bạn đồng song của tác giả ngợi khen nhiệt liệt, cũng như được hội cựu sinh viên quốc gia hành chánh các nơi đứng ra tổ chức ra mắt.

## • Houston "bung mở" !

Nguyễn Văn cóp nhan đề "Seattle bung mở", một thiên du ký của nhà văn Phạm Quốc Bảo (đã đăng trên nhật báo Người Việt) viết về Seattle. Lâu nay Houston đối với đồng bào Việt tị nạn là chốn làm ăn, đất mầu mỡ cơ hội. Kỹ nghệ dầu xuống, cơ hội không còn thuận lợi, nhiều người dọn đi nơi khác. Nhưng coi bộ văn nghệ ở Houston vẫn kiên trì "bám trụ". Những tên tuổi văn nghệ quen thuộc ở Houston vẫn còn ở đó, nào Huy Lực (được người Mỹ địa phương xem là thi sĩ công huân của thành phố), nào Điệp Mỹ Linh, Hàn Song Tường, Như Chi, Hoàng Ngọc Ấn; kể như dân Houston kỳ cựu. Nguyễn văn Sâm, Đặng Phùng Quân đi đi về về, người lưu cư Houston, người lấy Houston làm nơi trở về cuối tuần. Thêm Cao Đông Khánh từ Cali qua làm việc với Hoàng Ngọc Ấn. Thêm Nguyên Vũ bỏ San Jose qua tạm đóng đô ở Houston. Kỹ nghệ dầu hỏa chưa lên, nhưng Houston đã bắt đầu lạc quan hơn trước.

Tháng qua, sinh hoạt văn nghệ Houston có vẻ rộn rịp. Đầu tháng 11, Đặng Phùng Quân và nhà thơ nữ Hàn Song Tường cho ra mắt chung tập truyện "Một dặm tương thân". Buổi ra mắt sách tổ chức đêm thứ bảy 31-10-87 tại vũ trường Mimosa, với đông đủ bằng hữu văn nghệ và giới thưởng ngoạn. Cali qua có Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Bá Trạc, Little Rock xuống có Ngu Yên. Bạn hữu gần có Huy Lực, Nguyên Vũ, Như Chi, Điệp Mỹ Linh,

Cao Đông Khánh và đại diện báo chí Houston. Lớp bạn trẻ có anh chị em nhóm Thế Hệ. Hai tác giả đương sự bận bịu tiếp đãi bạn gần bạn xa, mệt nhọc nhưng hân hoan như cô dâu chú rể mới.

Một tuần sau, chiều chủ nhật 8-11-87, nhà thơ Huy Lực lại mở tiếp tân ra mắt tuyển tập thơ ca Tình Thơ cũng tại Mimosa.

Nhà giáo Lã Huy Quý giới thiệu tác giả và tác phẩm, Huy Lực tâm sự về thi ca, giáo sư Vũ Trọng Thu nói về chữ tình trong thơ Huy Lực, các nhà thơ, nhà văn: Cao Đông Khánh, Nguyễn văn Sâm, Quỳ Hương, Điệp Mỹ Linh phát biểu cảm tưởng. Cô Phan Dụy, anh Sông Trà Huỳnh Hậu, cô Nguyên Hằng ngâm những bài thơ đắc ý của Huy Lực với tiếng sáo của Phạm Thường, ca sĩ Xuân Dung và ban nhạc The Vees góp phần giúp vui trong các bản nhạc dân tộc.

Đây là một buổi hội Thi Ca tổ chức tốt đẹp và thành công ngoài ước mơ của tác giả. Đài truyền hình Việt Nam tại Houston sẽ phát hình buổi sinh hoạt thi ca nầy vào chương trình ra mắt ngày 6-12-87. Trước Hội Tình Thơ 3 ngày, các đài truyền hình PBS (đài 8) và ABC (đài 13) địa phương đã thu hình Huy Lực đọc nhiều bài thơ Anh ngữ ưng ý của tác giả để phát hình trong những chương trình đặc biệt chào mừng năm 1988.

## • Ngàn Lời Ca của Phạm Duy.

Văn Học số 21 đặc biệt viết về sự nghiệp văn nghệ của Phạm Duy đã được bạn đọc nhiệt liệt hoan nghênh. Cũng qua số Văn Học này, người quen nghe các ca khúc Phạm Duy lần đầu nhớ lại một khía cạnh khác trong tài nghệ Phạm Duy, đó là tài viết lên được những lời ca thi vị tuyệt diệu. Phạm Duy nhạc sĩ, điều đó ai cũng đã rõ nhưng tập *Ngàn lời Ca* sưu tập đầy đủ các bài ca của Phạm Duy từ trước tới nay cho thấy một Phạm Duy khác, Phạm Duy thi sĩ.

Tháng 10, tháng sinh nhật của Phạm Duy, 66 tuổi, đã trở thành tháng sinh hoạt ghi ơn Phạm Duy. Sau khi San Jose tổ chức nói chuyện, phỏng vấn TV và trình diễn nhạc Phạm Duy, quận Cam đã tổ chức cuộc họp mặt hôm 24-10-87 tại toà báo Người Việt để mừng *Ngàn Lời Ca* và mừng Phạm Duy "lên" 66 tuổi. Gần như đầy đủ các khuôn mặt quan trọng trong hai giới âm nhạc và văn học có mặt trong buổi sinh hoạt đầm ấm và rất văn nghệ này. Gia đình Phạm Duy, gia đình ban Thăng Long có mặt để cùng gia đình văn nghệ tị nạn mừng tuổi nghệ sĩ lớn nhất của VN trong nửa thế kỷ qua. Nhân dịp này, Phạm Duy cũng giới thiệu dĩa compact disc đầu tiên của ngành âm nhạc Việt, do Phạm Duy Cường hoà âm phối trí, thu các nhạc bản tiêu biểu nhất của Phạm Duy.

## • Nguyễn Đức Lập và bộ Kiếm Đạo.

"... Dù là một nhà văn xã hội hay là một nhà văn viết truyện võ hiệp dựa trên những biến cố của lịch sử cận đại và hiện đại, bao giờ anh Nguyễn Đức Lập cũng cho người đọc thấy ở nơi anh một tâm hồn luôn luôn hoài vọng về quá khứ anh hùng của dân tộc, một trái tim gắn bó mật thiết với dòng sinh mệnh của lịch sử, và một ước muốn đem khả năng của mình đóng góp cho những vấn đề trọng đại của dân tộc trong lãnh vực văn chương." Nhà văn Nhật Tiến đã phát biểu như trên trong dịp Nguyễn Đức Lập ra mắt tác phẩm Kiếm Đạo của ông tại Club Rex hồi ba giờ chiều Chủ Nhật 8-11-87 vừa qua.

Rất đông bạn bè thân hữu, nhà văn nhà báo Cali đã đến với Nguyễn Đức Lập, ngồi chật trong một không gian khá lớn, để chia sẻ cùng ông nhân buổi ra mắt cuốn thứ hai trong bộ bốn cuốn Kiếm Đạo của ông.

Đúng như nhận xét của nhà văn Nhật Tiến, là nếu trong Cuộc Chiến Tàn Chưa, người ta thấy một Nguyễn Đức Lập "xông vào xã hội thực để nói lên những vấn đề sôi bỏng của xã hội, thì trong Kiếm Đạo, ông đã lùi lại quá khứ, bơi trong lịch sử dân tộc để truy tìm những mẩu chuyện, những tư tưởng, những cá tính, những mẫu người đã từng đóng góp, dù âm thầm vô danh hay đã từng ghi danh trong lịch sử để khôi phục lại truyền thống anh hùng, bất khuất trong hoàn cảnh đen tối của quê hương hiện nay."

Được biết Nguyễn Đức Lập ngoài công việc viết tiểu thuyết còn làm thơ, ngâm thơ và viết phiếm luận. Buổi ra mắt sách của ông được đặt dưới sự bảo trợ của Hội đồng Võ thuật Quốc gia. Hội đồng Huynh trưởng Hướng đạo Việt Nam châu Orange, Ủy ban Điều hợp Thể thao Nam Cali, Tổng hội Sinh viên miền Nam Cali, cùng các tuần báo Bách Khoa, Sàigòn Nhỏ, Chí Linh, Khoẻ đẹp, và nhật báo Người Việt.

## • 18 khuôn trăng mới lạ.

Đúng ra là 18 khuôn "trăng đất khách", nhan đề nhà xuất bản Làng Văn đã nghĩ ra một cách thi vị để đặt cho tuyển tập văn thơ của các cây bút nữ ở hải ngoại.

Ông chủ bút Làng Văn quả là một nghệ sĩ "nịnh đầm" số một, lại đáp ứng được lòng mong đợi của bạn đọc bốn phương khi cho in 18 dung nhan mới nhất của 18 cây bút nữ, gồm Thiếu Mai, Nguyễn Thị Vinh, Thanh Phương, Huyền Châu, Vi Khuê, Tuệ Nga, Tuý Hồng, Trần Mộng Tú, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Phan Thị Trọng Tuyến, Hoàng Dung, Cao Bình Minh, Trần Diệu Hằng, Lê Thị Huệ, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Đặng Thị Quế Phượng, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Ngọc Lan.

Sách dày 352 trang, đăng 39 truyện ngắn và thơ, là một tác phẩm giúp cho bạn đọc biết được khả năng chung và sự độc đáo

riêng của từng cây bút nữ lâu nay từng đọc trên báo. Chỉ tiếc một tuyển tập công phu như vậy lại thiếu một bài dẫn nhập công phu tương xứng.

## • Những tập hồi ký.

Năm nay, dường như phong trào xuất bản hồi ký đang lên, sau khi tập hồi ký của Đỗ Mậu gây nên một trận bão tranh luận gay go kéo dài rất có lợi cho việc tiêu thụ cuốn "Việt Nam máu lửa, quê hương tôi."

Sau cuốn hồi ký của Đỗ Mậu (nghe nói đã tái bản đến lần thứ 4 và bán tới con số 6000 bản), cuốn "Việt Nam một thời tâm sự" của Nguyễn Chánh Thi hình như không được ăn khách bằng. Một bộ hồi ký khác (nay đã ra được hai quyển) cuốn *Thép Đen* rất được nhiều bạn đọc tán thưởng vì nhiều lý do. Tác giả Đặng Chí Bình, một cựu điệp viên tình báo của VNCH hoạt động ngoài Bắc và bị VC bắt được, tra tấn giam giữ lâu ngày, đã viết tập hồi ký bằng tất cả kinh nghiệm máu lệ của đời mình, do đó hồi ký vừa hấp dẫn, vừa thật, vừa gợi ra được những suy nghĩ về chính trị, lịch sử, triết học. Thép Đen do cơ sở xuất bản Đông Tiến của MTQGTNGPVN phát hành và giá trị của tác phẩm đã khiến độc giả công nhận đây là một hồi ký quan trọng, một tác phẩm quan trọng (xin xem bài điểm sách trong số này của Vũ Huy Quang)

Cựu đại sứ Bùi Diễm thì vừa cho ra mắt tập hồi ký *In the Jaws of History* (Trong những thế kẹt của lịch sử), viết chung với David Chanoff, do Houghton Mifflin Company xuất bản. Cuốn sách được các học giả Mỹ về VN nhiệt liệt ngợi khen.

Nhưng hai tập hồi ký hiện đang làm điên đảo xáo trộn sinh hoạt báo chí và chính trị ở những nơi có đông người Việt, oái oăm thay, lại của hai tác giả ở hai chiến tuyến khác nhau.

Cuốn đầu, bản dịch Việt ngữ *"Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập"* của giáo sư Nguyễn Tiến Hưng (bản Anh ngữ đã in gần một năm trước) dày trên 900 trang in ấn công phu vừa được tung ra thị trường là sóng gió bắt đầu nổi. Từ lúc bản Anh ngữ ra đời, đã có nhiều lời xì xầm về ảnh hưởng của cựu Tổng thống Thiệu lên trên việc xuất bản cuốn sách của giáo sư Hưng. Nhưng bão chưa nổi. Nay nghe nói 20.000 ấn bản Việt ngữ được tung ra, khắp nơi tổ chức ra mắt sách, thì liền lập tức các phe phái chính trị lên tiếng. Phe bênh vực ông Thiệu nhân cơ hội cuốn sách ra mắt cũng lộ diện để mở màn cho một cuộc vận động mới. Phe chỉ trích ông Thiệu chỉ chờ có thế. Nhiều nơi như ở San Jose cuộc ra mắt sách trở thành một cuộc đấu khẩu gay gắt, truyền đơn thư nặc danh tung ra như bươm bướm. Không biết ai là người có lợi, chỉ biết giáo sư Nguyễn Tiến Hưng đứng giữa lãnh đạn tứ phía. Làm Lê Lai cứu chúa, kể cũng bạt bẽo!

Cuốn hồi ký khác làm điên đảo làng báo Việt hải ngoại, oái oăm thay, lại do một viên tướng cộng sản 72 phần dầu viết: Trần văn Trà. Cuốn *"Kết Thúc Cuộc Chiến Tranh 30 Năm"* của Trần văn Trà xuất bản tận hồi 1982 ở Sàigòn, nhưng sau đó bị thu hồi vì nội dung tranh công với một viên tướng khác (Văn Tiến Dũng) trong cuộc xâm lăng thôn tính Miền Nam. Nay nhà xuất bản Văn Hoá tại Houston lại đem in nguyên con phổ biến, kèm thêm vài trang chú giải phê phán, coi đó là tài liệu sử. Sách mới quảng cáo, làng báo tị nạn đã dậy sóng, vì đa số báo đều cho rằng việc tái bản hồi ký Trần văn Trà tại hải ngoại và phổ biến rộng rãi không có lợi, mà còn có hại. Một số báo bênh vực, cho rằng phải đọc địch mới biết địch, biết địch mới thắng địch. Cuộc tranh luận ngày một thêm nóng, đến độ nhiều từ ngữ nặng nề tệ hại nhất của đôi bên đều được phơi lên giấy. Kết cuộc 1: nhà xuất bản chịu thu hồi sách đã lỡ in. Kết cuộc 2: Trần văn Trà nghe tin cả cười, nụ cười rạng rỡ như là được cử làm chủ tịch ủy ban quân quản quận Cam Nam Cali.

## THƠ CHỮ NÔM CỦA NGUYỄN TRÃI

Học giả Paul Schneider, học giả Việt học uy tín ở Pháp (còn lấy tên Việt là Xuân Phúc), từ Paris báo cho Văn Học biết nhà xuất bản Éditions du C.N.R.S vừa xuất bản cuốn *"Nguyễn Trãi et son recueil de poèmes en langue national. Études et traductions par Paul Schneider et Al"*, trong đó có bản khắc năm 1868 đã nhuận chính lại, khác bản của Đào Duy Anh (1796) đến hơn 200 từ, dịch thơ ra Pháp văn có chú thích, ngữ vựng và khảo cứu về ngôn ngữ học lịch sử. Sách hiện có bán tại các hiệu sách ở Pháp, giá 150 F. Đây là một tin mừng cho giới khảo cứu văn chương Hán Nôm và những bạn đọc tha thiết với văn hoá Việt .

## Nhạc sĩ Vũ Thành từ trần

Nhạc sĩ Vũ Thành, tác giả của nhiều nhạc phẩm bất hủ, vừa qua đời hôm chủ nhật 15.11.87 sau một thời gian lâm bệnh.

Hưởng thọ 64 tuổi, nhạc sĩ Vũ Thành để lại gia đình gồm vợ và tám con. Ông cũng để lại cho dân tộc nhiều tác phẩm được yêu mến từ nhiều thập niên qua, như các ca khúc *Giấc Mơ Hồi Hương, Nhớ Bạn, Nhặt Cánh Sao Rơi*...và nhiều bản nhạc không lời dành cho các giàn nhạc đại hoà tấu cổ điển Tây phương.

Trước 1975, ông đã từng là trưởng ban quân nhạc của quân lực VNCH, trưởng ban nhạc đại hoà tấu đài phát thanh Sài gòn, trưởng ban văn nghệ đài phát thanh Sài gòn. Trong cương vị đó, nhạc sĩ Vũ Thành là người có công rất lớn trong việc xây dựng sự nghiệp của nhiều ban nhạc, ca sĩ tăm tiếng hiện nay.

Trong Văn Học số sau, ban chủ biên sẽ dành một số trang quan trọng để đăng những bài viết tưởng niệm nhạc sĩ của nhiều cây bút trong cả hai ngành âm nhạc và văn học Việt Nam.

## BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Jacquas Derrida và Thuyết phê bình cơ cấu của NQ; Tôi học tiếng Việt của TK; Bản tin Nhạc truyền thống VN của NTP; Ta Cứ Tin thơ của DQ; Đoàn Múa Lân Trên Đại Lộ Bolsa, Đàn Cá Voi Đi Ngang Qua California thơ TVN; Vietnam Culture Newsletter của Giáo sư NĐH; Đổi Thay,truyện ngắn của DT; Trái Đu Đủ thơ NMT; Mùa Xuân Xuôi Nam, Hoa, thơ truyện của NND; Ông già Noel truyện của YT; Bản thảo thi tập của DHK; Phân tích tiếng Hán Việt của VTN...

Xin trân trọng cảm tạ quí văn hữu. Trừ thơ, các bài khác nếu đăng được trong hai số kế tiếp Văn Học sẽ liên lạc riêng với quí vị bằng thư hoặc điện thoại, để quí vị khỏi gửi đăng trùng ở các báo khác.

## SÁCH BÁO MỚI NHẬN ĐƯỢC

### VÒNG ĐAI XANH

Tiểu thuyết của nhà văn Ngô Thế Vinh, xuất bản lần đầu năm 1971 tại Sài gòn, vừa do nhà Văn Nghệ tái bản tại Hoa Kỳ. Sách in đẹp trang nhã, dày 180 trang, giá tại Hoa kỳ 8 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

Địa chỉ liên lạc : Nhà xuất bản Văn Nghệ
PO Box 2301 Westminster, CA. 92683
Phone : (714) 832.8445

### MỘT DẶM TƯƠNG THÂN

tập truyện ngắn của Đặng Phùng Quân và Hàn Song Tường, do Thế Hệ Houston xuất bản, gồm 6 truyện ngắn của tác giả *Văn Chương và Lưu Đày* và 6 truyện ngắn của tác giả *Viên Sỏi Của Quê Hương*. Sách dày 200 trang, giá tại Hoa Kỳ 8 MK. Bạn đọc muốn mua sách xin liên lạc với :

Đặng Phùng Quân
P.O Box 721892 Houston, TX 77272

### TỔ ẤM CUỐI CÙNG

Tập thơ tuyển và kịch bản của Đào Văn Bình do tác giả tự xuất bản tại San Jose Hoa Kỳ. Sách dày 164 trang, giá 7 MK tại Hoa Kỳ, và 8 MK ngoài Hoa Kỳ.

Địa chỉ liên lạc : Đào văn Bình
1536 W. San Carlos St.
San Sose, CA. 95128

### HÀNH TRÌNH VỀ PHƯƠNG ĐÔNG

bản Việt ngữ do Nguyên Phong dịch từ nguyên tác của Spalding. Sách do Người Việt xuất bản, dày 224 trang, giá 10 MK tại Hoa Kỳ

và 11 MK tại các nước khác.
Địa chỉ nhà xuất bản Người Việt :
14841 Moran St. Westminster, CA. 92683
Phone : (714) 892.9414

Ngoài ra Văn Học cũng đã nhận được các báo bạn gửi tặng như Thi Ca, Quê Mẹ, Độc Lập, Làng Văn, Nhân Văn, Tân Văn, Diễn đàn Tự Do, Phụ Nữ Diễn Đàn, Văn, Việt Luận...Trân trọng cảm tạ các bạn đồng nghiệp.

KHAI TRƯƠNG THỨ BẢY 7.11.87
BÁC SĨ
**PATRICK TRẦN LƯƠNG HOA**
**CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ CHUYÊN TRỊ DỊ ỨNG**
**MAGNOLIA CLINIC**
14571 MAGNOLIA AVE. # 207 WESTMINSTER CA 92683
( Góc Magnolia và Hasard)

**TELEPHONE : (714) 895-7145**

* *Tốt nghiệp chuyên khoa nội thương tại St. Barnabas Medical Center, New Jersey.*
* *Tu nghiệp bệnh dị ứng và miễn nhiễm (Allergy and Immunology) tại Creighton University.*
* *Nguyên Bác sĩ Giám đốc Pennhurst Center, Pennsylvania*
* *Bác sĩ điều trị các bệnh viện Fountain Valley.*
*Doctor Hospital Santa Ana, Martin Luther Hospital, Anaheim.*

**CHUYÊN TRỊ**

* Bệnh dị ứng : Đau mũi kinh niên, sổ mũi, ngứa ngứa, nổi mề đay, hen suyễn, bệnh dị ứng với phấn hoa, cây cỏ , cát bụi..v.v và thử nghiệm dị ứng(Allergy Testing).
* Chuyên trị bệnh nội thương :
- Bệnh tim : đau ngực, hồi hộp, ngất xỉu, choáng váng
- Bệnh phổi : ho kinh niên, khó thở, sưng phổi, ho lao
- Bệnh áp huyết cao : thiếu máu, dư máu
- Bệnh tiêu hoá : đầy bụng, ăn không tiêu, táo bón, loét bao tử, đi cầu ra máu, bệnh sạn mật, bệnh gan, ói mửa
- Bệnh ngoài da : mụn, trứng cá, lang ben, rụng tóc, phong
- Bệnh tiểu đường , bệnh bướu cổ
- Bệnh nhiễm trùng, bệnh hoa liễu, bệnh phong thấp

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM**

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

# THƠ NGUYỄN TẤT NHIÊN

*Tập thơ tuyệt đẹp của tác giả "Em hiền như Ma soeur".*

**Bìa: Nguyễn Thị Hợp**

**Phụ bản: Nguyễn Đông, Nguyên Khai, Võ Đình, Tạ Tỵ.**

# Chuông Mõ

***Phát hành trước Giáng sinh***

## BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN

**M.D., F.A.C.S.**

* Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát ( American Board of Surgery).
* Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
* Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ ( Fellow, American College of Surgeons).
* Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

**CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU**

* *Các bệnh trĩ và mạch lương bằng tia laser ít đau, mau bình phục*
* *Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*
* *Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*
* *Tầm ung thư ở vú và ngực*
* *Các loại bướu ở đầu và cổ*
* *Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*
* *Tiểu giải phẫu : Cắt qui đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,*
* *Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*
* *Soi đường ruột.*

**MAGNOLIA CLINIC**

*14571 Magnolia St, Suite 207, Westminster CA 92683*
*By Appointment Only : **(714) 898.1177***



***Đã phát-hành khắp nơi :***

Tuyển-Tập
18 cây bút
nữ-giới hải-ngoại
*với hình-ảnh,*
*tiểu-sử, chữ ký*
*và thủ-bút.*

Giá 15 mỹ-kim

***HỎI TẠI***
***CÁC NHÀ SÁCH***
***HOẶC***
***GỬI CHI-PHIẾU :***

**LÀNG VĂN**
**1346 Bloor St. West**
**Toronto, Ont.**
**Canada M6H 1P2**

***ĐT. (416) 534-4857***

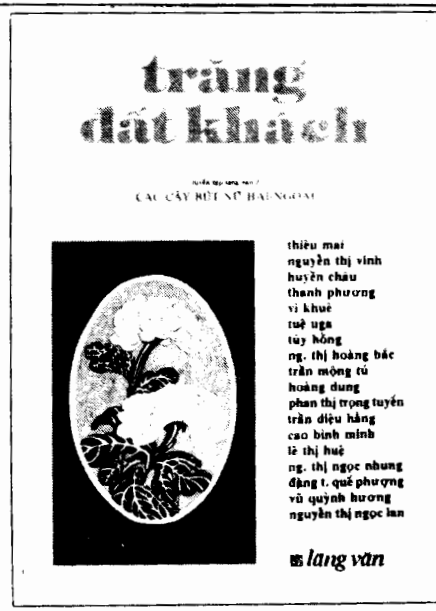

## MAGNOLIA MEDICAL CLINIC

* Personal Injuries (Tai nạn xe cộ và nghề nghiệp)
* Industrial Medicine
* Physical Occupational Therapy

**TRUNG THANH NGÔ MD**

PAIN RELIEF CENTER

Với sự cộng tác của các Bác sĩ chuyên môn điều trị đau nhức tại Đại học UCLA, PAIN MANAGEMENT CENTER

* **CỐN PHẠM GIA M.D.**
* **GEORGE E. KHOURY M.D.**
* **OANH TRẦN CA (Certified Acupuncturist).**

*14571 Magnolia Ave. Suite # 110*
*Westminster, CA 92683*
*Tel. (714) 895-1133*

## CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
**Tel. (818) 708-7227**

**B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.**
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)

**B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.**
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

***GIỜ LÀM VIỆC***

*Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM*
*Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM*

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM**
**BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ**

BÁC SĨ
**VŨ ĐÌNH MINH**
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL
MEDECINE AND PULMONARY DISEASES
**CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA**
**BỆNH PHỔI**

* *Bệnh nội khoa : Tiểu đường- Máu cao.v.v..*
* *Bệnh phổi : Ho- Suyễn- Đau ngực- Lao- Khó thở*

**NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM**

Giờ làm việc : ( Gọi giấy hẹn )
Ngày thường: 9- 12 AM & 1- 6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM *Tel : (714) 641. 0263*
***2720 S. Bristol St Suite 210 Santa Ana, CA. 92704***

**TAM**
**AUTO CENTER**

**1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706**
(Góc Westminster và Fairview)
**(714) 554-2314**
***LÀM ĐỒNG - SƠN***
***SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE***

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM
Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa.

# café Hải-Âu

* *Nơi gặp gỡ lý tưởng*
* *Cà phê tuyệt hảo*
* *Khung cảnh trang nhã ấm cúng*
* *Nhạc nhẹ dìu dặt*
* *Đến một lần quên về*
* *Về rồi nhớ mãi không khí Hải âu*
* *Nơi thuận lợi cho các buổi ra mắt sách triển lãm tranh và tổ chức ca nhạc thân hữu.*

10171 Westminster Ave.
Garden Grove,CA 92643
Tel: (714) 530-9945

VÕ ĐÌNH

# XỨ SẤM SÉT

TUYỂN TẬP

văn nghệ

**HAI TÁC PHẨM NHÀ VĂN NGHỆ VỪA PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 10.87**

NGU YÊN

# TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG

văn nghệ xuất bản

**Nhà xuất bản VĂN NGHỆ**

**P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA**

**Phone : (714) 832 8445**

*Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ*

*Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết*

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

**STUART BARASCH**

***Văn Phòng Los Angeles***
*767 North Hill Street, Suite 203, Los Angeles, CA 90012*
***(213) 621-7622***

***Văn phòng Garden Grove***
*9872 Chapman Ave, Suite 200*
*Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)*
***(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)***

***Văn phòng San Jose***
*586 N. First St, Suite 222, San Jose CA.*
***(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930***

**DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA**

*Xin vui lòng gọi Bà*

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

**(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771**

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

**CHUYÊN TRÁCH**

***Hình luật*** *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

***Hộ luật*** *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

***Tai nạn*** *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt tẻ...*

***Immigration*** *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoại LA County xin gọi Collect*

*Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.*

*Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.*

*Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.*

TRUNG TÂM
**TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC**
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

*Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.*
*California, 92683.*
***Phone : ( 714 ) 531. 8833.***

*Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.*

# Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

*Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)*

Sáu tháng..... 15 MK
Một năm..... 30 MK

*mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)*

Sáu tháng..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

*Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu*

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

*Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu*

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

*Đính kèm số tiền :* .....
*(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)*

## PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học.....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

**VĂN NGHỆ**
**VỪA PHÁT HÀNH**
**HAI TÁC PHẨM**
**QUAN TRỌNG**

VÕ PHIẾN

# TÙY BÚT

★★

văn nghệ

NGÔ THẾ VINH

# VÒNG ĐAI XANH

tiểu thuyết

*văn nghệ xuất bản*

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
**P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA**
**Phone : (714) 832 8445**
*Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ*
*Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết*

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
*in tại* NVPRINTING (714) 897-3628

**Nhà xuất bản VĂN NGHỆ**

**P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA**
**Phone : (714) 832 8445**
*Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ*
*Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết*

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

TÙY BÚT I
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ: 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC
MIỀN NAM 54 - 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 13 MK

KỶ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHƯ CHI
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN
VĂN CHƯƠNG
của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

HÓA RA NÉT CHỮ LÊN
ĐÀNG QUẤN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

HỢP LƯU
Truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ: 10 MK

TRUYỆN NGẮN I
tập truyện của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 13 MK

XUÔI DÒNG
Tập truyện của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
Truyện dài LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa Kỳ: 7 MK

THƠ CAO TẦN
thi tập CAO TẦN
Giá tại Hoa Kỳ: 6 MK

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
Tập truyện của
BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ: 9 MK

TẠP LUẬN
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ: 14 MK

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết của
NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ: 9 MK

TỤA ĐỀ Ở BÊN TRONG
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

XỨ SẤM SÉT
tuyển tập VÕ ĐÌNH
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

VÒNG ĐAI XANH
tiểu thuyết của
NGÔ THẾ VINH
Giá tại Hoa Kỳ: 8 MK

*Ngoài Hoa Kỳ, xin gửi thêm mỗi cuốn 1$ US cước phí.*

***Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim***